NĂM THỨ MƯỜI MỘT • #132 • APRIL 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI
TRẦN NGỌC NINH

GIỌNG LẠ
THẾ DŨNG

CHUYỆN Ở TỈNH LỴ
VŨ THƯ HIÊN

VNCR

Viet Nam California Radio

106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5 AM đến 7 AM • Buổi chiều: 12 PM đến 4 PM

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

Tin Tức Thời Sự Nhanh, Chính Xác & Phong Phú
Văn Nghệ Chọn Lọc • Giải Trí Thoải Mái, Thanh Lịch
Hội Thoại, Phỏng Vấn Đề Tài Thiết Thực.

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

Trong 2 năm qua sau hai cuốn VNCR Yearbook 98-99 và 99-2000 với hàng chục ngàn ấn bản phát hành rộng rãi khắp nơi, kính mời quý độc giả và thính giả tìm đọc:

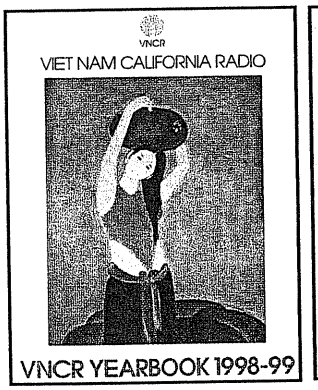

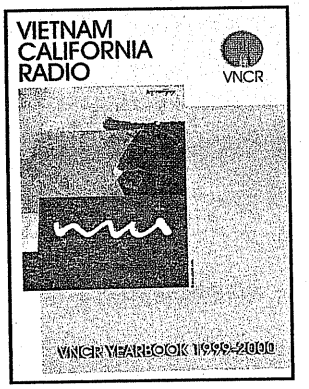

KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Nội dung súc tích:

* *Về đầy đủ hoạt động và hình ảnh của ngành phát thanh tiếng Việt trên toàn nước Mỹ.*
* *Địa chỉ Internet và chương trình chi tiết của các đài tiếng Việt.*
* *Đầy đủ danh sách cơ sở thương mại của người Việt hải ngoại...*

- Muốn sản phẩm được giới thiệu rộng rãi đến khách hàng khắp nơi.
- Muốn cơ sở kinh doanh được nhiều người biết đến
- Muốn ngành dịch vụ được nhiều thân chủ tín nhiệm

Quý Cơ sở Sản Xuất, Kinh Doanh, Mọi Ngành Dịch Vụ hãy đăng quảng cáo trên
KỶ YẾU VNCR MÙA HÈ 2000

Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY # A, GARDEN GROVE, CA 92840

Cả thế giới đều công nhận
Tháp Eiffel Paris đã chiếm ngôi vị nghệ thuật hàng đầu
trong đêm lịch sử đón chào năm 2000...

Trong chiều hướng thay đổi mới lạ
VIDEO PARIS BY NIGHT 53 đã trở lại Paris.
Sau 5 năm chuẩn bị, một VIDEO vĩ đại đầy nghệ thuật
với đoàn chuyên viên thượng thặng của
đài truyền hình Pháp TF6.

VIDEO PARIS by NIGHT 53

THIÊN ĐƯỜNG LÀ ĐÂY

Sẽ phát hành nay mai với sự góp mặt của các nghệ sĩ:

Khánh Ly - Ái Vân - Như Quỳnh - Lưu Bích - Thúy Anh - Thiên Kim
Loan Châu - Bảo Hân - Lynda Trang Đài - Ngọc Ánh - Ngọc Huệ
Trúc Lam - Trúc Linh
Tuấn Ngọc - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thế Sơn - Anh Dũng - Trần Đức
Mạnh Đình - Mạnh Quỳnh - Trường Vũ - Trang Thanh Lan - Hồng Đào
Quang Minh - Lay Minh - Tommy Ngo

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Xin liên lạc: thúynga

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Đầu thế Kỷ mới, hãy tìm đọc:

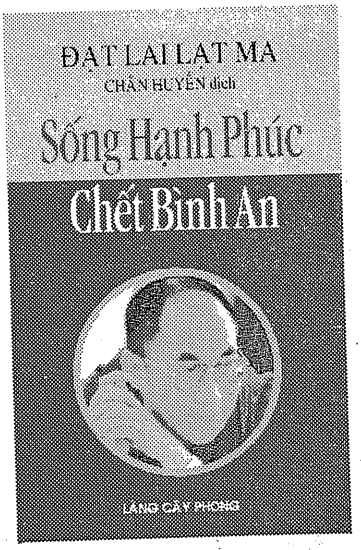

SỐNG HẠNH PHÚC CHẾT BÌNH AN

Nguyên tác: *The Joy of Living and Dying in Peace*

Sách "**Best Seller**" của Đạt Lai Lạt Ma thứ 14

Chân Huyền dịch.

Làng cây Phong xuất bản

(với giấy phép của nxb Tibetan Library)

Cuốn sách bán chạy nhất của Đạt Lai Lạt Ma
(Hóa thân của Bồ tát Quan Âm):

Cuốn sách thực tiễn nhất từ xưa tới nay của ngài,
chỉ dạy cho ta những phương pháp hành trì
Phật pháp giản dị và hiệu quả nhất
để Sống và để Chết cho đẹp.

Tìm mua tại các nhà sách hoặc gửi chi phiếu 16$ về :

Chân Huyền Đỗ Quyên

130 Laburnum Ln., Fountain Valley, Ca 92708

(Tất cả số tiền bán sách trừ chi phí sẽ được gửi về nuôi hơn một trăm trẻ em trong ba lớp bán trú của trường mẫu giáo Gia Môn (Gio Linh, Quảng trị).

Nguyệt San Phát Hành Mỗi Giữa Tháng, Khổ Lớn Nhiều Hình Ảnh Bài Vở Tài Liệu Giai Thoại Về Nhân Văn, Văn Học Nghệ Thuật VN & Thế Giới

Khởi Hành

NGUYỆT SAN NHẬN ĐỊNH SINH HOẠT VĂN HOÁ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

ĐANG CÓ BÁN SỐ 41, THÁNG 3.2000,
THẾ KỶ TÂM LINH/ HIỆN TƯỢNG TRÙNG HỢP
ĐỊNH MỆNH TRONG LỊCH SỬ

Một nghiên cứu đặc sắc về các hiện tượng tâm linh, mà các sự tái diễn trùng hợp của định mệnh trong Lịch Sử (giới lãnh tụ Nga, Mỹ); và giữa các Đức Phật khiến người đọc không thể không thấy sự kỳ bí của đời sống. Với bài vở của các tác giả trí thức, văn nghệ sỹ uy tín, tên tuổi trong và ngoài nước:

TRẦN NGỌC NINH ■ PHAN LẠC PHÚC ■ NGUYỄN HỮU HIỆU ■ NGUYỄN SỸ TẾ ■ NGUYỄN NGỌC BÍCH ■ TRẦN LONG HỒ ■ ĐÀO HỮU DƯƠNG ■ TRẦN LAM GIANG ■ TRẦN TUẤN KIỆT ■ VƯƠNG ĐỨC LỆ ■ VIÊN LINH

CÁC SỐ TRƯỚC (còn đủ bộ): KH 39-40 Giai Phẩm Xuân dầy gần 70 trang ■ KH 38: Rùa Vua Lê; 4 ấn bản Bài Hồ Trường KH 37: *AI LÃNH ĐẠO VATICAN THẾ KỶ XXI?* KH 36: *SẤM TRẠNG TRÌNH* , bài Lưu Văn Vịnh Trần Ngọc Ninh Lê Huy Oanh Ng Hữu Hiệu Ng Tà Cúc ■ KH 35: *chủ đề VŨ HOÀNG CHƯƠNG* bài bà VHC Viên Linh Đặng Tiến Trần Ngọc Ninh ■ KH 34: chủ đề *THẦM TÂM* ■ KH 33: *Nhân vật Nữ trong Tiểu thuyết Tiền chiến:* Lê Huy Oanh Lô Răng ■ KH 32: Đỗ Khánh Hoan Trần Quốc Vượng Ng Đình Hoà. Phạm Xuân Hy Trần Hồng Châu ■ KH 31: *Đặc Biệt TUỆ SỸ* bài Viên Linh thơ truyện Tuệ Sỹ ■ KH 30: *Chủ đề 30 THÁNG 4*: bài Nguyễn Tú Ng Thanh Giang Ng Sỹ Tế Vương Đức Lệ Ng Phương Tuấn ■ KH 29 *Chiêu niệm TRẦN VIỆT SƠN Nhớ NGUYỄN BÍNH* truyện ngắn Tuệ Sỹ ■ KH 28: Bùi Khánh Đản Trần Lam Giang Mặc Thu Đào Hữu Dương ■ KH 27 *HỒI KÝ NGUYỄN THỤY LONG* với Trần Tuấn Kiệt Phạm Ngọc Luỹ Hà Thúc Sinh Thuỵ Khuê ■ KH 26 *Chủ đề TÔ THUỲ YÊN* với Võ Phiến Văn Quang Đặng Tiến Nguyễn Tà Cúc Ký giả Lô Răng. *Nostradamus tiên tri* ■ KH 25: *Chủ đề BÙI GIÁNG* với Huyền Viêm HuyTưởng Bùi Luân. *Các bài về Trạng Trình Anh quốc* ■ KH 24 *Chiêu niệm TRẦN VĂN TUYÊN* bài Nguyễn Đình Hoà Thơ và Con người Hồ Dzếnh ■ KH 23 *Đặc biệt PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG* với Phan Lạc Phúc *Vĩnh Biệt TRẦN TRỌNG SAN* bài Phạm Ngọc Lũy Vương Đức Lệ Mặc Thu Đỗ Khánh Hoan ■ KH 22: *CHỦ ĐỀ ĐINH HÙNG* bài Mặc Thu Ng Ngọc Bích: *Tình sử Hồ Xuân Hương* Lưu V Vịnh: *Nhà Tiên Tri Cheiro* Trần Trọng San: dịch thơ Tiểu Thanh Truyện Viên Linh Thơ Ngân Giang Ng Sỹ Tế ■ KH 21: *Chiêu Niệm HỒ HỮU TƯỜNG* với Ng V Sâm Phạm Long Trần Trọng San Lê Trọng Nguyễn Hà Thúc Sinh ■ KH 20 *Chiêu Niệm Nguyễn Mạnh Côn* bài Đỗ Quí Toàn Thế Uyên Tạ Tỵ Phạm Long ■ KH 19: *Tưởng Niệm Nữ Sĩ HỒ ĐIỆP*/30.4.75: *Chi Tiết 5 Vị Tướng Anh Hùng Tuẫn Tiết*/ Đàm Trung Pháp ■ KH 18: *Đặc Biệt 30 Tháng 4* Nền Văn Học của những người Vắng Mặt *Nhớ HIẾU CHÂN* / Tường Vũ AnhThy KH 17: Nền Văn Minh Ông Đồ *Victor Hugo 2 Năm Với Thần Linh* ■ K H 16: *Đặc Biệt BÙI GIÁNG* & bài Phạm Cao Dương ■ KH 15: Ngồi Thiền Ở Hà Nội Với Phùng Quán Ng Hữu Hiệu Phan Nhật Nam ■ KH 13-14: *VŨ ĐÌNH LIÊN* & bài Huy Trâm Lâm Lễ Trinh KH 12: *Hai Giờ với TT NHẤT HẠNH bài Viên Linh / Nhớ BẰNG BÁ LÂN* ■ KH 11: *HỮU LOAN* & bài Màu Tím Hoa Sim. Và bài LM Vũ Đình Trác Đỗ Khánh Hoan KH 10: *SINH NIỆM MAI THẢO*: Mặc Thu Viên Linh Phan Lạc Tiếp Phạm Duy Nguyễn Tà Cúc ■ KH 9: *VĂN CAO Giấc Mơ Một Đời Người* bài Ký giả Lô Răng Trần Trọng San Hoàng Hải Thủy KH 8: *Cuộc đời THANH NAM* bài Mặc Thu Vũ Đức Vinh Thơ W. Szymborska Lê Trọng Phương ■ KH 7: *Vụ Thủ Tiêu KHÁI HƯNG* bài Phạm Ngọc Lũy Tạ Tỵ Vương Đức Lệ Phòng Tuyên Truyền Địa Ngục: *Di cảo của Phùng Cung* Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan KH 6: *Tưởng Niệm CHU TỬ* với Mặc Thu Viên Linh *Ba Cái Chết Sau 30 Tháng Tư*: Lô Răng Phan Lạc Phúc KH 5: *Kỷ Niệm Với BÌNH NGUYÊN LỘC/Kỷ Niệm Với ĐINH HÙNG* Thái Văn Kiểm Mặc Thu Trọng Minh Đào Mộng Nam ■ KH 4: *Gặp TRẦN DẦN* bài NgHữu Hiệu *Chiêu niệm NHƯỢNG TỐNG*: Phan Lạc Phúc Phùng Cung Bùi Bích Hà Luân Hoán ■ KH 3: *Di Cảo PHÙNG QUÁN* với Trần Trọng San Cao Tiêu ■ KH 2: *Chiêu Niệm sử gia PHẠM V SƠN* Hoàng Ngọc Liên Vũ Đình Trác ■ KH 1 (11.1996) số ra mắt: *Dạ Ký PHÙNG CUNG* từ Hà Nội ■ ***Khởi Hành còn đủ bộ từ số 1*** ■ ***Gửi $84 mỹ kim, bạn đọc sẽ nhận được báo từ số 1 (tháng 11.96 tới số 36, tháng 10.99).***

Mỗi số một chủ đề, còn đủ bộ 3 năm đầu (từ 1 đến 36, giá 84 mk ợ kể cả bưu phí ở Mỹ). Canada thêm 1 mk, Âu châu thêm 2 mk 1 số cho bưu phí.

Chủ nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

Báo đề giá $4.00 mk 1 số ■ Giá dài hạn: 30 mk một năm 12 số ($2.50 m k 1 số kể cả bưu phí) ■ [Canada 42 mk, Âu châu 54 mk một năm] ■ Thư từ , chi phiếu đề Khởi Hành *và gửi về :*

Khởi Hành
P.O.BOX 670 MIDWAY CITY, CA 92655
TEL: (714) 554-1886 ■ FAX: (714) 554-7086

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG
(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

* Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.
* Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

PHỐ VĂN

TẠP CHÍ SINH HOẠT VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT. RA HÀNG THÁNG

Số ra mắt phát hành trung tuần tháng 5.2000

"Sài Gòn,
đóa quỳ vàng trong trí nhớ".

Bài vở của:
TÔ THÙY YÊN, TRIỀU HOA ĐẠI, BÙI BÍCH HÀ, NGUYỄN XUÂN THIỆP, NHƯ NGỌC, NGUYỄN THANH CHÂU, THẢO TRƯỜNG, TRÚC CHI, LÊ MINH HÀ, ĐINH CƯỜNG, ĐỒNG VỌNG, HÀ THÚC SINH, TRẦN MỘNG TÚ, MAI NINH, NGUYÊN NHI, NGUYỄN TRUNG DŨNG, TÂM THANH, MIÊNG, CHINH, LÂM CHƯƠNG, TRẦN LONG HỒ, HỒ MINH DŨNG, HOÀNG NGA, ĐẠN THANH, TRĂNG BẮC PHƯƠNG, HẢI PHƯƠNG, PHAN NI TẤN, NGUYỄN THỊ THANH BÌNH, HOÀNG XUÂN SƠN...

Liên lạc: NGUYỄN XUÂN THIỆP
tạp chí PHỐ VĂN
P.O. Box 451568
Garland, TX 75045-1568
Điện thoại: (214) 563-5662
E-mail: tapchiphovan@aol.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

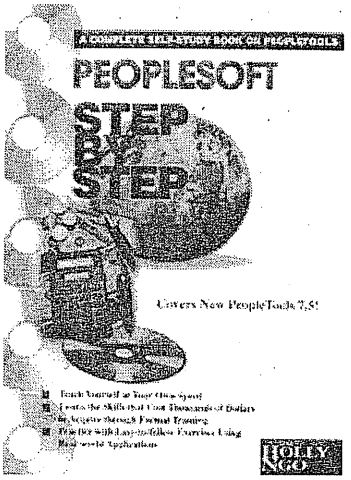

PEOPLESOFT Step by Step

Cuốn sách giúp nhiều người kiếm được việc làm với số lương từ $50,000/năm
Các hãng đang dùng Peoplesoft: DISNEY, TOSHIBA, WARNER BROTHERS, SPRINT, TOYOTA, HONDA, FOX, ARTHUR ANDERSEN, ect. Rất nhiều cơ quan chính phủ như Federal Government và các trường Đại học lớn như trong hệ thống California State University và University of California cũng đang sử dụng Peoplesoft applications. **Giá: $34.95**

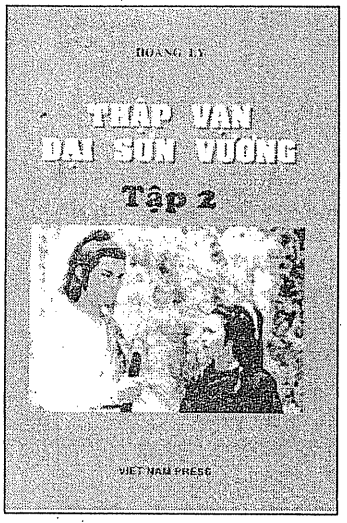

THẬP VẠN ĐẠI SƠN VƯƠNG

của **HOÀNG LY**

Chính sử chép: Tôn Thất Thuyết trước khi chết đã đem cả kho tàng của nhà Nguyễn chôn dấu tại vùng Tây Bắc... Cho đến nay vẫn chưa có cuộc thám hiểm nào tìm ra kho tàng ấy...

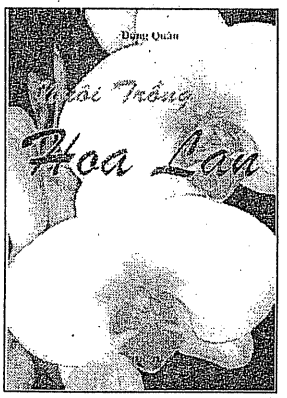

Sách Mới:

* **Bí Mật Hậu Trường Chính Trị tập III** *Đặng Văn Nhâm,* $18.00
* **Kim Cương Thừa** - *Hoàng Hà và Hoàng Văn Nguyên* dịch, $8.00
* **Đôi Mắt Người Tù Binh** *Lê Đình Châu*, $15.00
* **Cảm Nhận** - *Võ Phiến*, $10.00
* **Loanh Quanh Những Nẻo Đường** - *Trần Doãn Nho*, $10.00
* **Bay Đi Cánh Chim Biển** - *Hoàng Nga*, $10.00
* **Tuyển Truyện Kinh Dị và Kỳ Dị** - *Nguyễn Đình Khánh,* $12.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Bìa: tranh **Nguyễn Gia Trí**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu.

MỤC LỤC

Số 132 . Tháng Tư 2000

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

15 Quê hương đất nước tôi sau 25 năm chiến tranh - **Đoàn Thanh Liêm**
20 Đổi mới mà không đổi màu - **Ngô Nhân Dụng**
35 Nước Mỹ chọn ứng cử viên Tổng thống - **Vương Hữu Bột**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

26 Vấn đề trọng đại nhất của nghìn năm tới - **Trần Ngọc Ninh**
40 Ba mươi năm chiến tranh (1945-1975) - **Thụy Khuê**
47 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ (1975-2000) - **Trần Anh Tuấn**
65 Đất Việt ba thiên niên kỷ trước - **Nguyễn Quang Trọng**

VĂN

72 Chuyện ở tỉnh lỵ - **Vũ Thư Hiên**
78 Địa đàng lại đánh mất - **Ngô Thế Vinh**
89 Tiếng vỗ một bàn tay - **Phan Thị Đỗ Quyên**
92 Giọng lạ - **Thế Dũng**
100 Bùi Ngọc Tấn, Chuyện kể năm 2000 - **Thụy Khuê**
103 Thăm nuôi - **Bùi Ngọc Tấn**

THƠ

74. Dịch thơ - **Dư Bao Đồng. 81.** Thương con - **Hà Nguyên Du. 91.** 100 năm - **Chu Vương Miện. 95.** Lá thư không gửi - **Nguyễn Thị Minh Thủy. 102.** Lời từ biệt với bản thảo - **Thế Dũng. 106.** Bài rao hạnh phúc - **Hoàng Xuân Sơn**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
9 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
54 Sổ tay
59 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
110 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Phạm Định**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

BẠN ĐỌC VIỆT

Về vở kịch Caligula của Camus

Thật là bàng hoàng khi đọc bài của Thiện Hỷ trên *Thế Kỷ 21* số 129, trang 77, khi ông chia sẻ với chúng ta khám phá của ông về sự chuyển dịch sai lạc vở kịch của Camus, phản bội tư tưởng của tác giả.

Thật ra, Camus có sửa đổi vở Caligula rất nhiều lần, từ 1941 đến 1958. Tôi đọc bài của ông Thiện Hỷ xong, vội lên lưới mua ngay bản của Gallimard năm 1958, mới in lại vào tháng 11 năm 1999 (tốn 37 tiền...) Trong quyển sách mới toanh này có tất cả các sửa đổi trong phần phụ biên, nhưng tìm mãi không thấy có chuyện Scipion tham dự vào việc giết Caligula (thật ra cái chết của Caligula gần với một sự tự sát). Tức là ông Thiện Hỷ hoàn toàn có lý, và thái độ của dịch giả Gustave Gilbert thật là khó hiểu. Phải chăng "đại học" giả của Tây Phương cũng lắm người "học đại"? Tôi liên tưởng đến nhiều ông Tây, Mỹ viết sử cận đại nước ta, hoàn toàn thiên lệch và thiếu sót, nhưng vẫn trở thành chuẩn mực cho các nhà "nghiên cứu" trích dẫn, kể cả những người Việt Nam...

Dù sao, xin cảm ơn ông Thiện Hỷ đã cho tôi được dịp đọc lại vở Caligula. Trong (gần như) cùng một chiều hướng, tôi cũng xin giới thiệu quyển "Le Diable et le Bon Dieu" của Sartre. Trong đó, nhân vật chính đi từ trạng thái cùng hung cực ác, đến cực kỳ thánh thiện, trước khi khám phá ra... quan điểm tự do và hành động trong thuyết hiện sinh của Sartre! Caligula và Scipion tuy cùng một bản chất, nhưng qua hành động thì rất khác biệt. Trong *Le Diable et le Bon Dieu* thì chỉ có một nhân vật duy nhất nhưng thể hiện qua hành động một cách hoàn toàn dị biệt. Hiện hữu, đối với Sartre, được quy định bởi hành vi trong cuộc sống. Sự tương đồng giữa Caligula và Scipion (cũng như giữa Caligula và mỗi người chúng ta), theo tư tưởng này, không quan trọng bằng sự khác biệt giữa hành vi của bạo chúa và của chàng thi sĩ hiền hòa.

Nguyễn Hoài Vân
(Vitré, Pháp Quốc)

Bí quyết thành công của Cộng sản

(...) Điểm qua các yếu tố đã khiến Cộng sản thành công, nổi bật nhất có lẽ là "sự đồng bộ, có mạch lạc" (cohérence) trong mọi hành xử. Nhất cử, nhất động, CS đều hướng về mục đích tối hậu là nắm chặt chính quyền. Từ Hồ Chí Minh đến nhóm lãnh đạo hiện nay, CS luôn đặt ra *mục tiêu duy nhất là cướp và nắm chắc chính quyền, dứt khoát không chia sẻ với ai, không tha thứ bất cứ kẻ nào đụng đến quyền thống trị này*. Để nhằm phục vụ mục tiêu này, chứ không phải vì lợi ích dân tộc, tất cả mọi hoạt động của CS đều rất "ăn khớp," "hợp lý" (logique), không bao giờ mâu thuẫn! Ta tố cáo CS bất nhân, phản dân tộc, nhưng ta phải công nhận CS làm việc rất có hệ thống, có mạch lạc, ăn khớp, trong mọi tình huống, để đạt mục tiêu cuối cùng.

Hãy tự hỏi, chúng ta, phe quốc gia, phe đối kháng với CS, chúng ta có đạt được cách hành xử đồng bộ, "hợp lý" như CS không? Tôi nghĩ rằng chưa. Đôi khi cách suy diễn của chúng ta có phần "thiếu mạch lạc" (incohérence). Đôi khi chúng ta lẫn lộn (confusion) giữa vị trí của CS và ta. Tỷ dụ có lúc trên báo chí VN hải ngoại, một vài chính trị gia, kinh tế gia thượng thặng, lên tiếng "cố vấn" cho Hà Nội về phương cách tốt nhất để phát triển kinh tế, thực thi dân chủ, cho dân giàu, nước mạnh. Cố vấn như vậy là thiếu "hợp lý," lẫn lộn cách nhìn của CS với ta. Mục tiêu của CS không phải là dân giàu nước mạnh. CS "mở cửa" thu hút vốn đầu tư ngoại quốc, không phải để phát triển đất nước, mà trước hết để có tiền nuôi bộ máy Công an, Quân đội làm công cụ đàn áp, hầu giữ vững đảng của họ trong bối cảnh một thế giới Cộng sản tan rã.

Dân càng nghèo lại càng dễ cai trị. Hành động của CS như vậy là rất ăn khớp, hợp lý... để đạt mục tiêu tối hậu.

Mới đây, trên một tập san khác ở hải ngoại, một kiến trúc sư lỗi lạc được đào tạo tại Mỹ, chuyên về thiết kế đô thị, đã viết bài nhận xét về Saigon hiện nay, và phác họa một kế hoạch xây dựng Saigon, đồng thời đề nghị cải tổ một số điều. Những hiểu biết quí báu của ông về kiến trúc thật là hữu ích cho sự phát triển Saigon dưới một chế độ dân chủ, vì dân vì nước. Các kế hoạch ông đề ra thực sáng giá, nhưng thật đáng tiếc, vì có lẽ đó không

phải là mục tiêu mà CS lưu tâm. Sau khi "khen" một vài điểm của Saigon, ông chỉ dẫn cách sửa chữa sao cho hoàn hảo hơn, vài điều mà ông than phiền là chính quyền CS làm "chưa tốt "..., như Công an ăn tiền, hống hách với Việt kiều. Ông "thắc mắc" vì sao CS không chấp nhận quốc tịch Hoa kỳ của các Việt kiều. Ông tự hỏi sao đã "mở cửa" mà CS còn tiếp tục chống Mỹ, nói xấu tư bản. Vì sao CS đàn áp chính trị mạnh mẽ, mà lại không hữu hiệu diệt trừ được tham nhũng, tệ đoan xã hội v.v.

Tôi không nghĩ như vị kiến trúc sư kể trên, khi ông cho đó là những điều "chưa tốt" mà CS cần sửa. Trái lại, tôi thấy tất cả những điều này, CS làm một cách rất có hệ thống, có mạch lạc, ăn khớp, hữu hiệu cho chánh sách cai trị của họ. Không công nhận quốc tịch để dễ dàng "làm thịt" Việt Kiều khi cần, rất khôn! Công An moi tiền Việt Kiều là "thượng sách" để "bồi dưỡng" bộ máy kìm kẹp! Đàn áp chính trị, nhưng thả lỏng tham nhũng cho cán bộ: còn gì "hợp lý" hơn để duy trì sự thống trị!

Thành ra ta có thể khen kẻ cướp "ăn cướp rất có phương pháp" (!), nhưng chắc ta không thể chê kẻ cướp... thiếu lương thiện!

Trong cuộc đấu tranh lâu dài cho dân chủ ở VN, chống lại một chế độ độc tài nhưng luôn luôn hành xử một cách nhất quán, có hệ thống, đôi khi ta cần điều chỉnh một số nhận thức, quan niệm, để đối phó lại bằng những phương thức có mạch lạc, hữu hiệu hơn.

Nguyễn Gia Tiến
(Switzerland)

Chuyện Ông Trời

... Xưa nay, khoa học và tôn giáo luôn luôn có nhiều mâu thuẫn, nhưng cả hai đều phục vụ đắc lực cho những nhu cầu của con người, kể cả nhu cầu lý trí (rational) lẫn những đòi hỏi phi lý (irrational). Đa số con người cần đến khoa học không phải để được hiểu biết hơn, nhưng là để có cuộc sống tiện nghi hơn và an toàn hơn. Và đại đa số quần chúng tìm đến tôn giáo không phải để đi theo những con đường cực kỳ khó khăn của Phật Thích Ca và Chúa Jesus. Tôn giáo của họ là truyền thống gia đình và xã hội, và họ cần tôn giáo để thỏa mãn những nhu cầu chính trị, xã hội, và tâm lý. Chẳng có nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo quan tâm đến một số mâu thuẫn trong bốn cuốn Phúc Âm, và cũng ít tín đồ Phật giáo quan tâm đến những khác biệt của Phật giáo nguyên thủy với hàng mấy chục chi nhánh Phật giáo trên thế giới hiện nay.

Đối với một số khoa học gia thích dùng ngụy biện để bác bỏ sự có thể hiện hữu của một Hóa Công, tôi thấy thông cảm cho cái thế kẹt của họ. Nếu họ tin vào ông Trời hay Thượng Đế, họ sẽ trở nên an phận hơn - đôi khi họ cũng cần... cuồng tín một chút, coi khoa học như một tôn giáo, thì họ mới có quyết tâm và dũng cảm tìm tòi khám phá những cái mới. Nhưng sau khi đã làm hết sức của họ rồi, họ vẫn phải đối diện với rất nhiều điều vượt quá sự hiểu biết của họ. Bây giờ phải làm sao? Thú nhận mình dốt, hay thú nhận có thể có một ông Trời, họ không làm được vì trái với niềm tin họ duy trì bấy lâu nay... Do đó họ chỉ có thể hoặc là giữ im lặng, hoặc dùng ngụy biện để che dấu hoặc hù dọa những người không chuyên môn.

Khi Charles Darwin viết cuốn Nguồn Gốc Các Loài, ông đã căn cứ vào *hình dáng bên ngoài* để biện luận cho thuyết tiến hóa. Vào thế kỷ 19, con người hoàn toàn chưa biết gì về genes, cho nên chúng ta không thể trách Darwin được. Nhưng bây giờ, khi kiến thức về genes đã tạm đủ để biết rằng loài khỉ đột chẳng có cách gì tiến hóa thành loài người (nếu có thì là phép lạ, không thể giải thích bằng khoa học được), thế mà không ít khoa học gia chấp nhận khơi khơi rằng sự sống trên trái đất này tạo thành do ngẫu nhiên, rằng sinh vật đơn bào từ từ tiến hóa thành các sinh vật thượng đẳng... Lâu lâu, tìm được một mẩu xương hóa thạch có hình dáng ở giữa hai loài, lại tuyên bố rằng tìm được một *mắt xích thiếu* trong quá trình tiến hóa! Tôi thì chịu, không thể nào nghĩ rằng các hóa chất C, H, O, N, P... vô tri vô giác mà lại biết tự kết hợp với nhau một cách cực kỳ thông minh và có tổ chức hoàn hảo tuyệt vời để tạo nên sự sống. Nhìn qua kính hiển vi và quan sát cơ cấu tế bào, chỉ một chiếc cánh ruồi cũng là một sự sáng tạo kỳ diệu, huống chi là bộ óc và trái tim con người!

Giả sử rằng một ngày nào đó, nhân loại bị tận diệt vì một loại vũ khí có khả năng tàn phá mọi hợp chất hữu cơ. Trên trái đất hoàn toàn không còn sự sống, không còn dấu vết gì của các sinh vật - chỉ còn xác những chiếc xe hơi nằm rải rác đó đây. Và

một hôm, có một nhóm chuyên gia khoa học từ hành tinh khác đến. Sau khi khảo cứu xác những chiếc xe hơi, họ gửi một phúc trình về, báo cáo là hóa chất trên hành tinh Dead Blue này đã đạt mức tiến hóa khá cao, tự tạo thành những vật di chuyển được nhưng chưa có trí thông minh.

Khi đọc một phúc trình khoa học kiểu này, chắc ai cũng tức cười - làm sao mà sắt thép, plastic, cao su... biết tự kết hợp với nhau để tạo thành chiếc Toyota Camry? Phải có người làm ra chúng chứ! Nhưng bây giờ chúng ta thử nhìn lại chính mình, và sẽ thấy cơ thể con người còn kỳ diệu gấp một tỷ lần chiếc Toyota. Tại sao lại dám nói là các hóa chất vô tri vô giác biết tiến hóa thành chúng ta! Phải có AI ĐÓ hay CÁI GÌ ĐÓ đã tạo nên chúng ta chứ! Dù không phải là ông Trời hay Thượng Đế, thì cũng là những cái gì đó rất kỳ diệu mà con người hoàn toàn chưa biết đến.

Trong lãnh vực sinh hóa, còn một bí ẩn rất lớn mà con người chưa thể giải thích: các phản ứng sinh hóa trong thiên nhiên có thể thực hiện dễ dàng cả hai chiều tăng và giảm entropy của một hệ thống kín, bất chấp nguyên lý thứ hai của nhiệt động lực học - một điều con người không tài nào làm được. Lấy một thí dụ đơn giản: gỗ cây có thể đốt thành hơi nước và carbon dioxide, sau đó lá cây hấp thu carbon dioxide và nước để tạo nên gỗ - từ đó mới có chu trình carbon để duy trì sự sống. Nhưng con người thì chỉ có khả năng... đốt củi nấu bành chưng, không có phòng thí nghiệm nào trên thế giới có khả năng làm ngược lại - tổng hợp gỗ từ nước và carbon dioxide trong điều kiện nhiệt độ và áp suất bình thường, như các lá cây vẫn làm.

Khi muốn thực hiện các phản ứng sinh hóa phức tạp, con người vẫn phải dựa *phần lớn vào các tế bào còn sống*, chứ không thể dùng hoàn toàn chất vô cơ hoặc hóa chất hữu cơ của các tế bào đã chết. Lấy thí dụ việc tạo thành phiên bản cừu Dolly: xét theo khả năng giới hạn của loài người, thì đây là thành tựu rất đáng khâm phục. Nhưng nói cho cùng, đó chỉ là một sự thao tác các phản ứng sinh hóa dựa vào phương pháp thử và lầm lẫn (a manipulation of biochemical reactions based on the method of trials and errors). Nếu so sánh với những gì mà thiên nhiên đã thực hiện được để sáng tạo và duy trì sự sống, thì việc cloning chú cừu chỉ là một thành công hết sức rẻ tiền mà thôi.

Phạm Ngọc Khôi
(Montreal, Canada)

Lẽ công bằng đối với người thiểu số

Thư gửi ông Đoàn Thanh Liêm, tác giả bài Lẽ công bằng đối với người thiểu số ở Việt Nam *đăng trên Thế Kỷ 21 số Xuân vừa qua.*

24.01.00

Kính anh Liêm,

... Bài của anh nêu lên những nét đại cương nhưng khơi dậy một vết thương khá nhức nhối trong bối cảnh nước Việt Nam. Được một người quan tâm với một tầm nhìn bao rộng như anh, các dân tộc thiểu số có thêm một người bạn chí tình để xây dựng một cách nhìn thích hợp đối với vấn đề gai góc này. Thực sự, ngay trong giới trí thức Việt Nam hiện tại, ít có người chịu khó suy nghĩ và đặt vấn đề như anh, vì người thiểu số quá xa lạ đối với họ. Nói đến người thiểu số, họ chỉ thường hình dung đến những người Thượng đóng khố trên cao nguyên, phải được ghép vào gia đình đại dân tộc Việt Nam theo truyền thống con rồng cháu tiên đã được phổ biến rầm rộ dưới thời Việt Nam Cộng hòa. Trong khi đó, thực tế đối với người thiểu số là vấn đề đất đai sinh sống, vấn đề bảo tồn nền văn hóa cổ truyền của họ. Kế hoạch di dân lên cao nguyên của chánh phủ Việt Nam đã không cứu xét đến khu vực sinh tồn theo kỹ thuật canh tác lưu canh lưu cư của người Thượng chỉ càng ngày càng dồn họ lên trên các vùng hẻo lánh mà thôi. Có giờ rảnh, anh thử mở Internet đọc các Web page của người Thượng tại Hoa Kỳ, anh sẽ thấy các nguyện vọng được tỏ bày của họ.

Về những bất công gây bởi các cuộc phát triển kinh tế, anh ghi nhận phớt qua như vậy tôi chắc đa số độc giả không thấu hiểu được đâu. Nếu được anh khai triển rõ ràng cụ thể hơn thì bài viết sẽ mang tính thuyết phục hơn.

Đỗ Hải Minh (Dohamide)

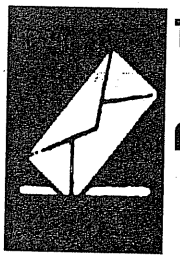

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận

được bài vở của các tác giả sau:

Nguyễn Đăng Ngọc, Thái Tuế, Nguyễn Ngọc Bích, Vũ Ký, Thi Cầm, Thái Chinh Lưu Kim Loan, Đoàn Văn Khanh, Vũ Thư Hiên, Trần Mộng Tú, Lê N. Khái, Trương Nghĩa Kỳ, Trần Vấn Lệ, Phụng Ngi, Ngô Thế Vinh, Lê Đình Thông, Nguyễn Xuân Quang, Thu Tứ, Trần Huy Sao, Chu Vương Miện, Nguyễn Văn Cường, Cổ Ngư, Đỗ Bình, Nguyễn Đức Tường, Thanh Tâm, Minh Đạo, Nguyễn Hữu Lê, Hồng Khắc Kim Mai, Bửu Sao, Nguyễn Hữu Viện, Lâm Xương Yên, Lưu Nguyễn, Trần Mạnh Lý, Lê Đức Minh, Trần Huy Sao, Lô.

HỘP THƯ TRỊ SỰ

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Việt Dương (Chicago IL), Nguyen Kim Hung (Orange CA), Le Van Duc (Van Nuys CA), Ton Nu Thu Nga (San Dimas CA), Le Thi Lan (Austin TX), Duong Quy Khanh (BELGIUM), Nguyen Cao Tuan (CANADA), Quynh Kieu (Santa Ana CA), Do Van Khanh (San Gabriel CA), Nguyen Van Ngoc (Bridgeport CT), Tham Le (Highland CA), Le D Chanh (San Jose CA), Mai Anh Viet (Aloha OR), Nguyen Tri Thuc (Burnsville MN), Mai Viet Thuy (AUSTRALIA), Nghiem Xuan Hy (Fountan Valley CA), Nguyen Tan Si (Westminster CA),UCI (Irvine CA), Tran Nhu (San Jose CA), Phan Lac Tiep (San Diego CA), Bui Ngoc To (San Jose CA), Tuong Nang Tien (San Jose CA), Huong Duong (Garden Grove CA), Thuy Armstrong (Geneva Switzerland), Nguyen Thi Lai (AUSTRALIA), Vuong Huu Lang (Canada), Nguyen Huu Nam (Canada), Vuong Trong Tai (Canada), Le Thi Thu Nga (Canada), Do Van Thu (Chicago IL), Nguyen Xuan Hoang (Metuchen NJ), Duong Dinh Nghiep (Northridge CA), Ngoc Tu H. Vu (Everett MA), Dan Duffy (Chapel Hill NC), Vo Van Dieu (Garden City KS), Nguyen Ngoc Anh (Panorama City CA), Nguyen Ngoc Bao (San Francisco CA), Tieu Nhu My (Rosemead CA), Dang Chu (Midway CA), Phan Manh Luong (Lake Forest CA), Nguyen Thanh Van (San Francisco CA), Lai Huu Loi (Glendale CA), Huyen B. Nguyen (Portland OR), Joseph Nguyen Duc Minh (Camarillo CA), Lib:City of Charles Sturt (AUSTRALIA), Nguyen Van Trung (Annadale VA), Hoang Ngoc Huu (San Jose CA), Ha Thanh Binh (Alameda CA), Nguyen Van Dien (Sacramento CA), Le Duc Minh (France), Bui K. Hau (Harvey LA), Dieu Q. Thieu (Lafayette IN), Ta Xuan Tac (Eden Prairie MN), Nguyen Nhu Hung (Santa Clara CA), Bui Manh Duc (San Francisco CA), Dam The Lu (San Jose CA), Vo Dinh Tan (El Monte CA), Pham De (Dayton OH), Ton That Thien (CANADA), Hoa Tran (San Diego CA), Phan C.Linh (Hartford CT), Pham Thi Hoan (Paris FRANCE), Ta Nguyen My Linh (GERMANY), Nghi Van Nguyen,M.D. (Tarentum PA), Tich Ngoc Truong,M.D. (Dallas TX), Do Nguyen Thai (Tulsa OK), Phan Thi Tam (Shoreview MN), Nguyen Lien Huong (Stafford TX), Vo Hung Hai (SWITZERLAND), Tran Bich Van (CANADA), Tra Lu (CANADA), Ngo Phuong Dung (CANADA), Lim Yan (CANADA),Phan Hong Tu (Chicago IL), Son Nguyen Dan (Huntsville AL), Thuy Kim Pham Le (Phoenix AZ), Pham Van Dong (Santa Clarita CA), Huynh Huu Uy (Gaden Grove CA), Bonnyrigg High School (AUSTRALIA), Hoang Mai Dat (Westminster CA), Nguyen Huu Dien (Bauou La Batre AL), Nguyen Tam Tu (Pennsauken NJ), Ta Xuan Tac (Eden Prairie MN), Nguyen Thi Chan Quynh (FRANCE), Nguyen Tien (Union City CA), Dau Thi Le (Virginia Beach VA), Kinh Hieu Dang (Herndon VA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Thai Vinh Khiem (San Francisco CA), Ha Thuc Sinh (Glendale CA), Pham Thao (Houston TX), Micheal Bui (Pearl City HI), Le Dung Dan (Los Angeles), Nguyen Van Dien (Sacramento CA), DR. Tuan Van Nguyen (Australia), Rev.Joseph Vu, SVD (Indianapolid IN), Pham Van Dong (Santa Clarita CA), Luu Nguyen (CANADA), Le Dai Lang (AUSTRALIA), Le Minh Giang (Houston TX).

TIN VIỆT NAM

Xây hai trục quốc lộ mới ở đồng bằng sông Cửu Long

Nguồn tin từ Việt Nam cho hay bộ Giao thông vận tải của chính quyền VN hiện đang phối hợp với các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long để đầu tư vào việc xây dựng hai trục quốc lộ ở khu vực này có tên là đường N1 và đường N2 nhằm thu ngắn khoảng cách giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với các tỉnh miền Đông và vùng Tây Nguyên.

Hai trục đường này chính ra là các đường quốc lộ, tỉnh lộ hiện đang có và được tu sửa, nâng cấp cùng làm thêm một số đoạn đường mới để nối các đường hiện hữu. Theo dự định thì hai trục quốc lộ này sẽ được nối thông trong vòng từ ba đến năm năm tới.

Trục đường N1 dài 235 cây số, khởi điểm tại giao điểm quốc lộ 14 ở Chơn Thành (Bình Phước) đi qua Trảng Bàng (Tây Ninh), Củ Chi (Sài Gòn), Đức Huệ, Mộc Hóa (Long An), Tân Thành, Lò Gạch, Hồng Ngự, Tân Hồng (Đồng Tháp), Tân Châu, Nhà Bàng, Tịnh Biên (An Giang), Vĩnh Phú, Hà Giang, Hà Tiên (Kiên Giang).

Trục đường N2 dài 507 cây số, khởi điểm từ Chơn Thành (Bình Phước) qua các tỉnh Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và Cà Mau.

Loạn vì đào cổ vật ở Hải Phòng

Sau khi các cơ quan truyền thông trong nước loan tải tin tức về một khu mộ cổ có nhiều đồ quý ở đồi Chà Vàng, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, dân chúng đã ùn ùn kéo đến nơi này để đào bới tìm cổ vật.

Nhà nước CSVN tại xã Kỳ Sơn và công an huyện Thủy Nguyên đã có biện pháp ngăn chặn, kêu gọi người dân đừng đào bới nhưng cũng vô hiệu vì lòng tham khiến cho họ bất kể sự đe dọa của chính quyền.

Được biết, lúc đầu dân địa phương đã được một số người ở Quảng Ninh thuê đào "mả Sở" trên đồi Chà Vàng với tiền công là 50 ngàn đồng mỗi ngày. Bí quyết tìm mộ là cứ có gò đất nổi cao, chung quanh cây cỏ bị chết là bên dưới có hầm mộ.

Sau khi thấy có quá nhiều cổ vật, dân chúng địa phương tự khai quật để kiếm lợi cho mình. Theo tin đồn thì có người đã thấy voi bằng ngọc thạch, kiếm và giáp sắt, chuông đồng nhà bằng đất nung. Thậm chí có một cơ quan nhà nước trong khi khai thác vật liệu xây cất đã tìm thấy một con rùa bằng đồng rất lớn...

Tất cả cổ vật tìm thấy đều chạy vào túi các tay buôn đồ cổ chuyên nghiệp với giá rất hời so với trị giá bán ở ngoại quốc. Hiện nay việc đào sới ở đồi Chà Vàng vẫn còn tiếp tục.

Phẩm chất công an Việt Nam

Giám đốc công an CSVN tại Hà Nội mới đây đã lên tiếng kêu gọi dân chúng trong thành phố hãy tố các các hành vi lạm quyền của nhân viên dưới quyền mình, đồng thời cũng thiết lập một đường dây điện thoại "nóng" trực 24 tiếng một ngày để người dân có chỗ than phiền.

Giám đốc công an Hà Nội, tướng Phạm Chuyên, trong thời gian gần đây đã nghe than vãn nhiều về thành phần công an ở Hà Nội, nhưng chỉ sau khi nếm mùi về hành vi của thuộc cấp mình ông mới đã phải có hành động cấp thời.

Theo một bài báo đăng trên tờ "Quân Đội Nhân Dân" thì một hôm trong lúc mặc thường phục ra phố, ông Phạm Chuyên đã chặn một công an lại để hỏi thăm đường. Tay công an này thay vì chỉ dẫn thì lại có hành vi khinh miệt và xấc láo.

Công an là một thành phần trong guồng máy chính quyền CSVN bị dân chúng chán ghét và căm phẫn nhất. Sự kiện một số vụ ném đá công an xảy ra thời gian gần đây cho thấy mức độ bất mãn đã lên cao.

Một bà bán hàng rong trên đường phố Hà Nội gọi công an là "bọn mafia" và cho biết cá nhân bà từng nhiều lần là nạn nhân của các vụ bố ráp tịch thu hàng hóa kiếm sống.

Công an CSVN cũng thường tỏ ra hống hách và sách nhiễu dân chúng. Một chủ tiệm ăn cho hay công an thường vào tiệm của ông ăn không trả tiền và trên đường phố tình trạng cảnh sát giao thông chặn người lái xe lại để đòi tiền hối lộ là chuyện xảy ra thường xuyên.

Gần đây lại có thêm các tin tức khác, do chính báo chí nhà nước CSVN loan tải, về sự hung bạo của công an. Một

bài báo mới đây loan tin chi tiết về vụ một thanh niên bị đánh đến chết trong khi bị công an giam giữ cũng như là vụ một toán công an đặc biệt chuyên về bài trừ ma túy của một tỉnh đã bị giải tán và bảy công an trong toán này bị giải nhiệm vì nghiện ma túy.

Cả nước có trên 40,000 gái điếm. Bảy mươi phần trăm khách làng chơi tại VN là cán bộ, đảng viên

Một tờ báo phụ nữ tại Việt Nam hôm 8 tháng Ba cho hay có đến 70 phần trăm những người bị bắt trong lúc đến các ổ mãi dâm là các cán bộ, đảng viên kể cả cảnh sát công an.

Tờ Phụ Nữ, trích thuật bản báo cáo do bộ Lao Động, Thương Binh và Xã Hội CSVN đưa ra, cho hay tình trạng mãi dâm nay đang phát triển mạnh trong vùng ngoại ô và thôn quê dù rằng nhà nước cố ra sức diệt trừ.

Bản báo cáo tiết lộ rằng một số cơ sở nhà nước CSVN đã biến thành ổ mãi dâm trong khi một số viên chức, với quyền lực của mình, đã bao che cho các nơi này hoặc thậm chí còn bỏ vốn ra để làm động chứa.

Theo bản báo cáo thì hiện có hơn 40,000 gái mãi dâm hoạt động trên toàn quốc và đường dây mãi dâm nay đã trở nên tinh vi và chuyên nghiệp khiến các biện pháp ngăn ngừa của nhà nước đều vô hiệu quả.

Năm ngoái đã có 1,732 vụ án mãi dâm ra tòa với 2,484 can phạm, tăng 114.9 phần trăm so với năm trước. Số người bị tù từ 7 đến 20 năm đã tăng gấp ba lần so với năm 1998.

Bản báo cáo cho biết tại nhiều địa phương, chính quyền sở tại đã nhắm mắt làm lơ và tình trạng vô trách nhiệm này đã dẫn đến sự phát triển của nạn mãi dâm.

Nhà cầm quyền CSVN mới đây đã đề ra một chương trình chống tệ nạn mãi dâm theo đó đưa chỉ tiêu chấm dứt việc viên chức nhà nước có bất kỳ liên hệ gì đến mãi dâm vào năm 2005 và ngăn chặn việc sử dụng cơ sở nhà nước vào việc mãi dâm vào năm 2002.

Việt Nam dự trù xây nhà máy điện nguyên tử vào năm 2020

Một nguồn tin từ Việt Nam hôm Thứ Tư 8 tháng Ba cho hay một đề nghị xây nhà máy điện nguyên tử của Việt Nam vào năm 2020 sẽ được trình lên chính phủ vào tháng Năm này hầu có thể đáp ứng được nhu cầu điện của Việt Nam trong tương lai.

Theo tin của tờ *Vietnam News* thì nhà máy trị giá khoảng 3 tỉ mỹ kim này sẽ được xây tại tỉnh Phú Yên, miền Trung Việt Nam và đã được đề nghị sau một cuộc nghiên cứu kéo dài sáu năm về việc phát triển năng lượng nguyên tử của Viện Nguyên Tử Lực Việt Nam.

Tờ báo trích thuật lời phát biểu của viện phó Nguyễn Tiến Nguyên cho rằng Việt Nam có đủ nhân lực, kỹ thuật và điều kiện hợp tác quốc tế cần thiết để thiết lập nhà máy này.

Kỹ nghệ điện lực Việt Nam dự trù sẽ gia tăng mức tiêu thụ điện bình quân lên khoảng 1700 kilowatt giờ vào năm 2020 so với con số 260 killowatt giờ hiện nay.

Tờ báo cho hay phát triển kỹ nghệ năng lượng nguyên tử được xem là phương thức hữu hiệu nhất để đáp ứng nhu cầu này.

Một phần của số vốn cần thiết để xây nhà máy sẽ từ các nhà đầu tư ngoại quốc, phần còn lại sẽ từ việc bán quota carbon dioxide của Việt Nam cho các quốc gia đang phát triển khác. Các chuyên gia cho rằng điều này khả thi vì nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay bị buộc phải giảm lượng carbon dioxide theo như các thỏa ước quốc tế đã ký kết về việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Ngành cà phê VN lâm vào thế bí phải ngưng xuất cảng 150,000 tấn.

Các giới chức nhà nước vừa yêu cầu các công ty xuất cảng tạm đình chỉ việc bán 150,000 tấn cà phê ra ngoại quốc vì bị bán lỗ quá đáng bên dưới giá thành sản xuất của nông dân.

Đây là một nan đề trong khi giá cà phê trên thị trường cứ tiếp tục xuống, bán thì lỗ vốn mà giữ khối lượng lớn cà phê như thế lại cũng kẹt. Nông dân thì bị chết kẹp ở giữa, các tin tức nói rằng rất có thể họ sẽ phải đốn phá hàng loạt các vườn trồng cà phê, trồng thứ khác để sống. Họ không thể tiếp tục ôm các gốc cây cà phê để chết đói.

Mới tháng trước, giá cà phê Việt Nam là 1,083MK/tấn nay xuống bên dưới 1,000MK/tấn, chênh lệch với thị trường Luân Đôn tới hơn 350MK/tấn.

Trên nguyên tắc, nhà cầm quyền phải thu mua hết số lượng cà phê của nông dân vì họ được khuyến khích trồng, được cho vay tiền làm mùa, hầu nhà nước có sản phẩm xuất cảng thu ngoại tệ. Bây giờ, nông dân không bán

được sản phẩm, không có tiền trả nợ ngân hàng, và hơn thế nữa, không có tiền mua gạo.

Việc các hãng xuất cảng nhà nước ngưng không thu mua cà phê nữa đã như tiếng sét đánh trên đầu những người phơi nắng ngày ngày trên rẫy chăm sóc từng chút cho cây trĩu trái. Vì các nhà xuất cảng của đảng nếu mua vào theo giá qui định của nhà nước trong khi giá thị trường tiếp tục giảm, họ sẽ lỗ chắc chắn.

Các nguồn tin từ Hiệp hội Cà Phê-Ca Cao VN cho hay, nếu giá mua của dân không được cải thiện thì "việc nông dân chặt phá cà phê hàng loạt để trồng loại cây khác sẽ xảy ra." Giá thu mua cà phê do nhà nước qui định là 6,000 đồng/kí hột trong khi mọi chi phí từ phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, tiền nhân công, tiền trả lãi cho ngân hàng đổ đồng khoảng 7,500 đồng/kí.

Nhà cầm quyền Hà Nội đổ lỗi cho việc sụt giá cà phê trên thế giới là vì "cung đã vượt quá cầu." Phần khác đưa đến tình trạng giá cà phê đổ dốc quá nhanh vì chính các nhà xuất cảng quốc doanh trong nước đã tự tụt giá để dành giựt khách hàng của nhau hầu khoe thành tích nhưng không ngờ đã tự hại mình, theo như nguồn tin đầu tư trong nước.

Pleiku: Hầu hết lò bánh phở, miến có pha phóc-môn

Theo các tin tức từ Pleiku, cuộc kiểm tra mới đây cho thấy hầu hết các nhà làm bánh phở cũng như miến dong tại thành phố này đều pha chế thêm phóc-môn vào món hàng của họ.

Theo nguồn tin trên, ngành y tế tỉnh Gia Lai đã mở cuộc thanh tra 11 cơ sở sản xuất bánh phở và miến dong ở thành phố Pleiku, huyện K Bang, gửi mẫu đến Viện Y Tế công cộng Sài Gòn để xét nghiệm.

Kết quả cho thấy có 10 cơ sở đã sử dụng phóc-môn với liều lượng rất cao, trên 0.2mg cho mỗi kí lô sản phẩm bánh phở hay miến. Liều lượng này cao gấp 10 lần liều lượng thấp nhất được khám phá thấy ở Hà Nội. Có mẫu cho thấy hàm lượng đến 0.4mg cho một ký lô bánh phở.

Khi bị điều tra, những nhà sản xuất này thú nhận họ đã pha chế thêm phóc-môn vào bột làm bánh phở hay miến từ mấy năm qua. Từ kết quả này, nguồn tin trên nói tỉnh Gia Lai sẽ cho kiểm tra toàn bộ các nhà làm bánh phở, bún, miến trên toàn tỉnh.

Những ngày cuối năm 99 sang đầu năm 2000, cả nước đã lên cơn hoảng sợ vì người ta biết được rằng bánh phở, bún, mì v.v... đã bị trộn thêm hóa chất phóc-môn (formoldehyde) để giữ cho lâu hư và khi ăn lại dai, dòn khoái khẩu. Các lò sản xuất đã phải làm giấy cam kết không trộn thêm các loại hóa chất vào bánh phở, bún hay mì.

Phóc-môn được biết đến như một hóa chất có thể đưa đến bịnh ung thư, được dùng trong việc ngâm giữ xác chết cho sinh viên y khoa thực tập.

Giá gạo thế giới giảm, nông dân kẹt

Các kho hàng chứa gạo trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long đầy ắp vì các nhà xuất cảng quốc doanh không tìm ra được các đầu mối ngoại quốc để bán.

Giới nông dân Việt Nam đang âu lo vì giá thóc gạo xuống bên dưới giá thành sản xuất.

Theo các tin tức từ trong nước được tờ Thời Báo Kinh Tế Việt Nam tường thuật, hầu hết các nhà máy xay xát gạo thuộc khu vực Cần Thơ đã ngưng hoạt động. Theo dự trù, đại mùa thu hoạch vụ lúa đông xuân diễn ra trong tháng ba và sẽ kết thúc trong tháng tư. Các tính toán theo tờ báo trên nêu ra, nông dân phải bán với giá 1,780 đồng/kí thóc đến 1,800 đồng/kí thóc thì mới có lời. Tuy nhiên, tuy "giá sàn" tức giá mua tối thiểu được nhà nước qui định là là 1,650 đồng/kí lúa nông dân nhiều nơi không bán nổi theo giá này.

Giới cán bộ thu mua lúa gạo cho các hãng xuất cảng quốc doanh của nhà nước hiển nhiên sẽ không thu mua theo giá đòi hỏi của nông dân vì giá gạo mỗi ngày mỗi xuống trên thị trường quốc tế.

Giá chào hàng gạo 5% tấm của Việt Nam trong tuần lễ từ 17 đến 23/2/2000 chỉ là 200 mỹ kim đến 203 mỹ kim một tấn. So với đầu tháng trước đó, giá gạo đã giảm từ 22 MK đến 25MK/tấn. Đối với gạo 25%, chỉ còn 175MK/tấn đến 180MK/tấn, giảm mất 15MK đến 20MK/tấn so với đầu tháng giêng.

Thái Lan là nước xuất cảng nhiều gạo nhất thế giới dự trù xuất cảng 6 triệu tấn năm nay, ít hơn năm ngoái 700,000 tấn. Việt Nam năm ngoái xuất cảng 4.5 triệu tấn, năm nay dự trù xuất cảng 4.3 triệu tấn, có thể khó lòng đạt được chỉ tiêu này vì phải cạnh tranh dữ dội vừa về phẩm chất vừa về giá cả với các nước Á Châu xuất cảng gạo khác.

Trên triệu người từ khắp nơi đổ về Sài Gòn kiếm sống

Trên một triệu người từ khắp nơi trên đất nước Việt Nam đã đổ về thành phố Sài Gòn để mưu sinh. Đây là dữ kiện được Sở Lao Động-Thương Binh-Xã Hội Sài Gòn đưa ra.

Theo cơ quan trên, số người đổ về Sài Gòn kiếm ăn cả tạm trú dài hạn và ngắn hạn là 1 triệu 96,385 người, trong số này có 831,000 người tạm trú có thời hạn từ sáu tháng trở lên và phần đông tập trung tại 17 quận nội thành (87.9%).

Các thăm dò sơ bộ của sở trên nói rằng 50.68% dân nhập cư có việc làm, bao gồm khoảng 40% làm việc tại các xí nghiệp và 60% làm việc tại các cơ sở tư nhân. Chỉ khoảng 70% trong số này có nhà ở ổn định. Như vậy còn nhiều trăm ngàn người "không có chỗ ở ổn định" tức tạm bợ chỗ nào đó, kể cả việc ngủ đường, ngủ trọ qua đêm.

Sau các cơn hạn hán và lũ lụt khủng khiếp năm ngoái, rất đông đảo nạn nhân các khu vực này từ miền Trung chạy vào Sài Gòn để tìm cách sống qua ngày.

CSVN nói có 70,000 tù nhân

Nhà cầm quyền Hà Nội nói rằng họ đang giam giữ hơn 70,000 tù nhân trong hệ thống các trại giam trên cả nước, theo như một viên chức cao cấp Bộ Công An nói với phóng viên Hãng Thông Tấn Đức Deutsche Presse-Agentur. Cho tới nay không ai được biết tổng số thật sự về tù nhân đang bị giam giữ vì điều này được coi là một bí mật quốc gia trong chế độ Cộng Sản.

Một phiên họp mới đây tại Hà Nội đã đi tới quyết định ân xá cho khoảng 20,000 tù nhân, tức hơn 28% trong tổng số tù kể trên, vào những tháng sắp tới, trong những dịp lễ quan trọng của họ.

Một tờ báo trong nước thuật theo lời của Đỗ Năm, Giám đốc hệ thống các trại tù, nói rằng: "Nỗi ưu tư lớn sau khi thả 20,000 người ra, chúng tôi vẫn còn có 50,000 người trong các nhà giam." Thật ra, những kẻ ở tù trong chế độ CSVN đều bị buộc phải vắt sức lao động ra làm mỗi ngày để đổi lấy một khẩu phần chết đói và không được săn sóc y tế, chứ chẳng phải là nỗi ưu tư.

Con số hơn 70,000 tù nhân trong hệ thống nhà giam Việt Nam không bao gồm những người bị quản thúc tại gia mà nhiều giới cho rằng con số này thật đáng kể. Có thể liệt kê tên một số người như hòa thượng Quảng Độ, nữ sĩ Dương Thu Hương, các nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, hòa thượng Thích Huyền Quang, bác sĩ Nguyễn Đan Quế v.v...

Bắc Ninh: tìm thấy lò gốm cổ cách đây 1000 năm

Các nhà khảo cổ mới tìm thấy một lò gốm cổ của thời đại khoảng 1000 năm trước đây thuộc khu vực tỉnh Bắc Ninh.

Theo báo *Giáo Dục và Thời Đại* tại Hà Nội số ra vào cuối tháng Hai 2000, các nhà khảo cổ học đã khám phá di chỉ khu lò gốm cổ nằm dọc theo tả ngạn sông Ngũ, huyện Khê, thuộc địa phận làng quan họ cổ Đương Xá (xã Vạn An, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh).

Sau nhiều tháng khai quật, các nhà khảo cổ đã phát hiện sáu lò nung gốm liền nhau từ đông sang tây. Các lò được đánh số 1,2,3,4,5 theo nguồn tin trên được ghi nhận là còn nguyên vẹn, có hình thù giống thân con cóc (lò cóc). Giữa cửa lò và thân lò có các bức ngăn, trong chứa nhiều mảnh gốm vỡ.

Người ta đã xác định ban đầu sản phẩm của các lò nung này là đồ sành và gốm men, đã thu lượm được khá nhiều số lượng như nồi, hũ, vò, bát âu.

Theo nhận định ban đầu, gốm Đương Xá có thể có trước cả gốm được tìm thấy ở Đền Lê hay Văn Miếu, khoảng từ thế kỷ thứ chín, thứ 10.

Huế: Trình diễn nhã nhạc và âm sắc Cung đình tại Festival 2000

Các đơn vị nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên - Huế đang chuẩn bị chương trình Nhã nhạc và Âm sắc Cung đình phục vụ khách tham dự Festival tại sân Điện Cần Chánh (Đại nội Huế) vào tháng 4-2000.

Chương trình Nhã nhạc có khoảng 40 nhạc công tham gia với nhiều loại nhạc cụ và bộ gõ truyền thống Huế do Câu lạc bộ Nhã nhạc của Nhà văn hóa thành phố Huế, Đội nhạc của Đoàn nghệ thuật Cung đình và lớp Nhã nhạc - Trường Đại học nghệ thuật Huế thực hiện.

Chương trình Nhã nhạc của đoàn sẽ trình diễn các phần đại nhạc và tiểu nhạc, do các diễn viên, nghệ sĩ, nhạc công Đoàn nghệ thuật Cung đình Huế; Đoàn Ba Vũ, Trường Văn hóa nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên-Huế thực hiện.●

QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC TÔI 25 NĂM SAU CHIẾN TRANH

(Việt Nam: 1975 - 2000)

ĐOÀN THANH LIÊM

Mùa Xuân năm Ất Mão 1975, cuộc chiến đã chấm dứt trên quê hương đất nước ta. Chiến tranh kéo dài liên tục suốt 30 năm trên đất nước Việt Nam, ngay sau khi thế chiến thứ hai vừa kết thúc. Cuộc chiến đã tàn sát hàng triệu sinh linh, gây thương tật cho hàng mấy triệu con người, binh sĩ cũng như thường dân, làm hủy hoại bao nhiêu tài sản: nhà cửa, ruộng vườn, đường xá cầu cống, trường học, bệnh viện, nhà thờ, chùa chiền, thánh thất, miếu đình v.v... Sự thiệt hại to lớn không thể nào tổng kiểm kê hết được. Có thể nói mức độ tàn phá do bởi cuộc chiến 30 năm này, về nhân mạng cũng như về tài sản, đã khủng khiếp gấp mấy lần cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh đầu kéo dài trên hai thế kỷ cho tới khi vua Gia Long thống nhất được sơn hà vào năm 1802, ngang thời với Hoàng đế Napoléon ở Pháp.

30 tháng Tư 1975: Tạ ơn Trời Đất, tiếng bom đạn đã ngừng nổ, hết rồi cảnh chém giết hãi hùng, hết rồi chuyện tàn phá điêu linh, hết rồi cảnh chia lìa tang tóc.

Hòa bình trở lại! Trai trẻ ra đường không còn e sợ bị bắt lính nữa. Hết rồi nạn quân dịch ở miền Nam. Mà cũng chấm dứt nạn cưỡng bức thi hành nghĩa vụ quân sự ở miền Bắc.

Người dân bình thường nhất là nông dân ở miệt ruộng vườn, ai nấy đều khấp khởi mừng vui, mở rộng vòng tay đón nhận Hòa bình như là một phúc lộc từ Trời ban xuống.

Nhưng khốn nỗi, oái oăm thay! Sau chưa đầy tuần trăng mật 100 ngày, thực tế phũ phàng của Bạo lực Cách Mạng, của nền chuyên chính vô sản đã làm cho bà con hết thảy ở miền Nam cũng như ở miền Bắc tá hỏa tam tinh, với cơn chấn động kinh khiếp rồi lại hàng loạt những hậu chấn tiếp theo liền liền sau đó làm cho mọi người rụng rời khắp châu thân, như bị quẳng ném vào chỗ đọa ngục a tỳ.

Vì lẽ đơn giản là: *Nhà nước Cách Mạng nói vậy mà thực tế lại chẳng phải là vậy!!*

*

Ta sẽ lần lượt ghi ra những chuyện trái khuấy tầy trời như sau đây:

* Thứ nhất: Thống nhất sơn hà mà nhân tâm ly tán.

* Thứ hai: Nạn xuất cư nội địa.

* Thứ ba: Văn hóa của sự chui rúc luồn lách.

1. Thống nhất sơn hà mà nhân tâm ly tán (Unification Territioriale - Nation démembrée)

Kẻ chiến thắng là Đảng Cộng Sản đã vội vã *thống nhất sơn hà*, áp đặt lên toàn thể quốc gia một chế độ độc tài khắc nghiệt nhất trong Lịch sử 1000 năm độc lập tự chủ của Việt Nam, kể từ ngày thoát khỏi ách đô hộ của Trung Quốc: đó là chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Trong vòng hơn một năm sau ngày Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam bị sụp đổ, nhân dân ta không còn Tổ Quốc Việt Nam như ngàn xưa vẫn gọi nữa. Mà là *"Tổ Quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa."* Không còn tước hiệu "Quốc Gia Việt Nam," cũng không còn "Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa" đâu nữa cả. Mà danh hiệu mới của nước Việt chúng ta, từ 1976 cho đến tận ngày hôm nay lúc này là Mùa Xuân năm 2000, lại vẫn là: *"Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam."* Xã Hội Chủ Nghĩa viết tắt là XHCN được người dân đọc thành rất nhiều từ ngữ ngộ nghĩnh như: Xếp Hàng Cả Ngày, Xiết Họng Công Nông, Xuống Hàng Chó Ngựa, Xạo Hết Chỗ Nói v.v...

Trên trường quốc tế, tên của nước ta được viết bằng tiếng Anh là Socialist Republic of Việt Nam - SVR. Cái tĩnh từ Socialist này Đảng Cộng Sản VN đã đơn phương áp đặt lên đầu lên cổ toàn thể Dân tộc chúng ta, mà không hề thông qua một cuộc trưng cầu Dân

ý, như thường thấy áp dụng tại các nước Dân Chủ ngày nay trên thế giới.

Về mặt nguyên tắc này, tính chất cơ bản của chế độ XHCN đã được giới lãnh đạo Đảng xác định như sau trong ba mệnh đề:

a) Đảng lãnh đạo (The Party leads)

b) Nhà nước quản lý (The Government administers)

c) Nhân dân làm chủ (The People are the Masters)

Nhưng trong thực tế sinh hoạt hàng ngày, thì là: *Đảng lãnh đạo Nhà Nước*. Cụ thể nhất là trong Quốc Hội, cơ quan quyền lực cao nhất về mặt chính quyền, thì Đảng viên Cộng Sản đã chiếm hết 80% số ghế, còn lại thì cũng lại phải do Mặt Trận Tổ Quốc, tức là tổ chức ngoại vi của Đảng, đứng ra tuyển lựa, rồi mới giới thiệu cho ai được phép ra tranh cử. Cho nên chuyện bầu cử Quốc Hội chỉ là chuyện *"Đảng cử"* để cho *"Dân bầu"* ra các Đại Biểu mà thôi.

Rồi đến lượt Nhân dân, thì lại được ngành An ninh Công an của Đảng chiếu cố, quản lý rất chặt chẽ, tận tình bằng chế độ *"Sổ Hộ Khẩu,"* bằng đủ các loại Công An như An ninh nội chính, Công an tôn giáo, Công an văn hóa, Công an kinh tế, Công an quản lý Trật tự Xã hội, Công an đường phố, Công an khu vực v.v...

Cho nên ba mệnh đề a, b, c ghi trên đã được giới am hiểu tình hình chính trị xã hội trong nước viết lại thành một câu văn gọn ghẽ chính xác sau đây:

Đảng lãnh đạo Nhà nước, quản lý Nhân dân, (và) *làm chủ* (trên cả đất nước và dân tộc.)

Tức là chỉ có Đảng làm chủ từ cho các động từ "lãnh đạo, quản lý, làm chủ."

(Dịch ra tiếng Anh thì là: The Party *leads* the Government, *administers* the People (and) *is the Supreme Master.*)

Về phương diện sinh hoạt của quần chúng nhân dân, do bởi sự áp chế khắc nghiệt của nền vô sản chuyên chính và của nền Dân chủ tập trung, thông qua những chính sách *"Cải tạo XHCN," "Cải tạo Công Thương Nghiệp," "Tập trung cải tạo ngụy quân, ngụy quyền và các đảng phái phản động," "chánh sách Giá Lương Tiền," "chánh sách lương thực"* và các chiến dịch *"Truy quét tàn tích văn hóa nô dịch," "Xây dựng nếp sống mới XHCN,"* v.v..., thì nhân tâm đã ly tán chán nản hoang mang, xã hội đã phân hóa băng hoại đến cực độ. Hàng triệu người đã tuyệt vọng, không còn làm sao bấu víu tá túc được ở nơi Quê hương Đất Mẹ nữa, mà đã phải tìm cách "Tẩu vi thượng sách," phải liều mình đưa cả bầu đoàn thê tử ra biển Đông, vào rừng sâu để mong tìm lẽ sống trong cái chết, cầu xin làm sao thoát ra được với thế giới bên ngoài ba nước Đông Dương dưới ách Cộng Sản. Hàng bao nhiêu vạn người đã bỏ thây ngoài biển khơi, đem thân xác làm mồi cho cá mập.. Hàng bao nhiêu ngàn người bị chết mất xác ở rừng thẳm bên Lào, bên Cambodia. Hàng bao nhiêu ngàn phụ nữ, thiếu nữ đã bị hải tặc cưỡng hiếp làm nhục, hay bắt đi mất dạng.

Boat People - Thuyền nhân Việt Nam đã là nỗi kinh hoàng của thế kỷ XX, làm chấn động lương tâm toàn thế giới loài người!

Hỡi ôi! Cái thiên đường bao mơ ước của Chủ Nghĩa Xã Hội, của thế giới đại đồng, sao mà nó lại đan tâm hành hạ ác độc, tàn nhẫn đối với cả Dân tộc Việt Nam chúng ta đến thế!?

Tầng lớp sĩ phu ưu tú của ta ở đâu, mà lại để cho Dân tộc ta bị đọa đày đến mức thế này? Có phải vì chính các ngài đã đào nhiệm, đã lẩn tránh, đã "đầu hàng giai cấp," đã ham sống sợ chết như Nguyễn Tuân đã thú nhận *"Tôi còn sống được, là vì tôi đã biết sợ."* Tiền nhân cha ông ta vẫn thường dạy là kẻ sĩ thì phải "uy vũ bất năng khuất." Thế nhưng từ trên nửa thế kỷ nay, hàng ngũ intelligensia của nước Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến chúng ta đã khiếp nhược, khuất phục trước bạo lực cách mạng của cái nền *"vô học chuyên chính,"* của cái sự *"chuyên chính đè đầu cưỡi cổ trên giới vô sản"* (Dictature *sur* le prolétariat như Milovan Djilas đã viết). Rõ rệt là có tình trạng *"Sĩ khí rụt rè gà phải cáo"* như cụ Tú Xương đã nói từ đầu thế kỷ XX này.

Ta có thể thông cảm phần nào cho hàng ngũ trí thức sĩ phu ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc đều đã bị Đảng Cộng Sản với bàn tay sắt thép, bóp nghẹt hết mọi sự chống đối phản kháng, nên đành chịu khoanh tay bỏ cuộc để mặc cho mấy ông kẹ đó tung hoành "dọc ngang nào biết trên đầu có ai" thôi. Con người vốn yếu đuối và hèn nhát mà. Nhưng hình như quý vị đã hơi quá khiếp đảm đấy ạ!

2. Nạn xuất cư nội địa (Emigration de l'Intérieur)

Vào năm 1975, tổng dân số nước ta cả Nam lẫn Bắc cộng lại là vào khoảng 50 triệu. Ngày hôm nay vào năm 2000, thì dân số của ta đã xấp xỉ 80 triệu, trong đó gần 78 là ở nội địa và

trên hai triệu là ở hải ngoại, xin ghi rõ là số người VN di tản tị nạn ở trên 60 quốc gia trên thế giới là có hai triệu người, số hai triệu này chỉ bằng 10 phần trăm số người *"xuất cư tại chỗ,"* vì số lớn những người đó ra khỏi nước được, nhưng lại không thể hội nhập được vào cái "xã hội chủ nghĩa" do Đảng Cộng Sản áp đặt trên đất nước ta. Đây là số lượng rất lớn ở Nam cũng như ở ngoài Bắc, gồm những người bị Nhà Nước khống chế, không cho phép được hành nghề chuyên môn, vì lý do "lý lịch không tốt," cũng như vì hệ thống quốc doanh độc tôn không bao giờ dành chỗ làm cho họ. Mà họ cũng không được phép thi thố sáng kiến và tài năng để kinh doanh làm ăn riêng ở trong lãnh vực tư nhân (secteur privé) như ở các nước láng giềng Mã Lai, Thái Lan, cho nên họ là loại người bị bỏ rơi (outcast) bị gạt ra ngoài lề xã hội (marginalised).

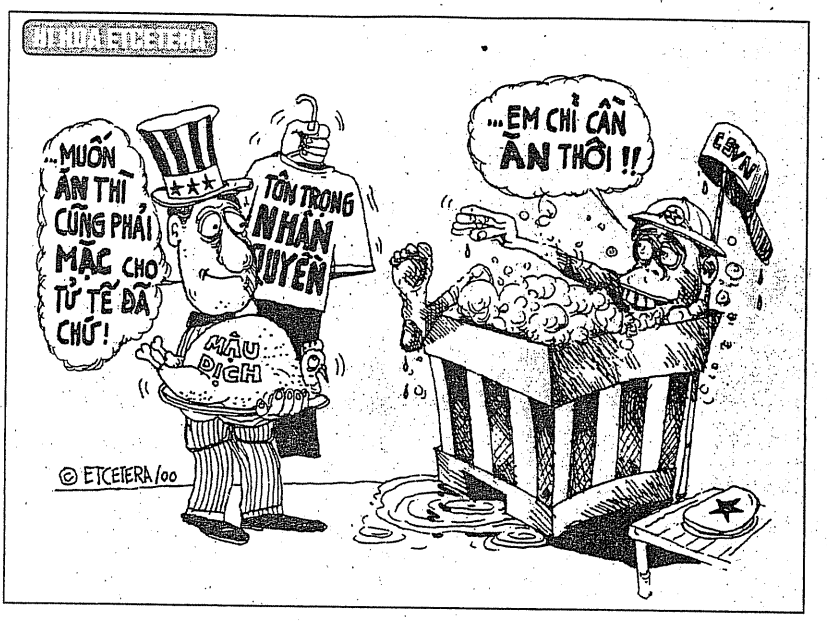

Người "xuất cư tại chỗ" không hội nhập được với xã hội Cộng Sản, không phải vì do gàn bướng ngang ngược hay quá khích, không biết chịu thích nghi theo kiểu "nín thở để bơi qua sông." Mà chính là do bởi cái bệnh giáo điều cực kỳ hủ lậu của Đảng Cộng Sản đã kỳ thị, phân biệt đối xử đối với đại đa số thành phần dân chúng vốn sống lâu năm trong "vùng ngụy" ở miền Nam hay cả đối với các thành phần tiểu tư sản, địa chủ, gia đình các chức sắc của tổ chức tôn giáo ở miền Bắc. Vì thế, rất là phổ biến các chuyện thầy giáo đi đạp xích lô, cô giáo đi bỏ mối bánh kẹo, kỹ sư đi bán chợ trời, bác sĩ bán thuốc dạo, luật sư đi giao nước mắm, giao sữa bò v.v...

Học sinh thi vào Đại Học thì được xếp thành 12 bậc lý lịch, bậc dưới chót hết là con em của gia đình ngụy quân, ngụy quyền còn đang ở trong trại tù cải tại. Học tài, thi lý lịch là vậy!

Cái nạn "xuất cư nội địa" này phổ biến từ miền Bắc sau 1955 qua các chiến dịch chỉnh phong, chỉnh đảng, cải cách ruộng đất, loại trừ văn nghệ phản động trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm, cải tạo XHCN theo mô hình của Cộng Sản Liên Xô, Trung Quốc.

Cho đến nay, ta thường nghe nói nhiều về *boat people,* về người tỵ nạn nhập cư ở nước ngoài, nhưng ít có ai đã để tâm nghiên cứu tìm hiểu sâu xa về cái hiện tượng xuất cư nội địa này. Nó đã làm tê liệt, ngưng đọng một nguồn năng lực sáng tạo cực kỳ lớn lao của dân tộc chúng ta. Chính nó đã kềm hãm sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta, làm cho đến ngày hôm nay lợi tức bình quân của mỗi người trong một năm chưa tới 300 đô la, tức là mỗi ngày chỉ kiếm được có 90 xu. Còn các người thiểu số ở miền núi, vùng cao nguyên thì GDP chỉ cỡ 50 đô la một năm, và mỗi ngày chỉ kiếm được cỡ 15 xu thôi! Sự bần cùng này là một điều sỉ nhục bôi bác nhất do chính quyền Cộng sản đã gây ra cho dân tộc ta, vì đã rắp tâm gạt ra lề xã hội trên 20 triệu người biến họ thành dân xuất cư nội địa, để họ chỉ có thể hoạt động có chừng 10 - 15 phần trăm công xuất lao động của mình.

Thay vào đó, nạn độc quyền tuyệt đối về chính trị, về kinh tế, về văn hóa xã hội của đảng Cộng sản VN lại đã tạo ra một guồng máy thư lại cồng kềnh, vô hiệu năng, ăn hại đái nát, nuốt chửng biết bao nhiêu công quỹ do toàn dân è cổ ra đóng thuế (dùng chữ *budgétivore* của nguyên Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh vào cuối thập niên 80). Và còn cả một *"cỗ máy nghiền"* của công an, mật vụ như Bùi Tín, Bùi Minh Quốc đã viết. Chính Trần

Văn Giàu đã phải thốt ra: Số nhân viên công quyền riêng cho một tỉnh Thanh Hóa với hai triệu dân thì đã *nhiều hơn cả tổng số công chức của toàn cõi Đông Dương* dưới thời Pháp thuộc vào hồi 1935 - 40 với hơn 20 triệu dân.

Cái nạn *"cha chung không ai khóc,"* cái tệ nạn *"Ăn cơm chúa múa tối ngày"* mà dân gian thường nói đến để coi khinh các phường thư lại (bureaucrats) do Đảng nuôi dưỡng, với đầu óc hẹp hòi bôn sệt (bolshevik), không hề có tính sáng tạo năng động trong công việc, không hề có lương tâm chức nghiệp, không hề có một chút lễ nghĩa liêm sĩ tối thiểu của bậc quân tử trượng phu. Rõ ràng là đối với giới lãnh đạo Cộng Sản, thì *"Đảng trước, Nước sau"*: đặc quyền đặc lợi cho các đảng viên, địa vị độc tôn của Đảng là trên hết, trước hết. Còn quần chúng nhân dân, thì cứ việc *"Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi."*

Thành ra kết cục lại, hiện tượng *"Mất chất xám"* (brain drain) không phải chỉ do hai triệu người đã di tản ra nước ngoài, mà chủ yếu lại là do trên 20 triệu số người "xuất cư nội địa" đã không được quyền đóng góp tài năng trí tuệ của mình vào công cuộc xây dựng và phát triển quốc gia từ ngày ngưng tiếng súng. Vì thế quốc gia đã suy kiệt cùng cực sau 30 năm chiến tranh tàn khốc, nay lại càng bần cùng khốn khổ hơn nữa.

3. Văn hóa của sự chui rúc luồn lách
(Culture de la clandestinité)

Tự gán cho mình cái sứ mệnh giải phóng dân tộc, người Cộng Sản luôn luôn ở thế tiến công chủ động trong chiến tranh. Nhưng trong hòa bình, thì họ lại rất là vụng dại lúng túng, *hoàn toàn bị động,* không làm chủ được tình thế phức tạp của đời sống bình thường trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Vì ở vào cái tầng văn hóa thấp như Hà Sĩ Phu nói, nên giới lãnh đạo Cộng sản mới dương dương tự đắc, vỗ ngực xưng mình là *Đỉnh cao trí tuệ loài người,"* lại còn tự hào cho mình là đại anh hùng trong thiên hạ, đã đánh thắng cả một loạt đế quốc sừng sỏ nhất là Pháp, Nhật và cả Mỹ. Cái nạn *"say men chiến thắng đó"* (triumphalism) đã dẫn đến nhiều cuộc phiêu lưu về quân sự chính trị, cũng như về kinh tế văn hóa khác. Cụ thể là đã xua quân sang đánh Khmer Đỏ ở Cam Bốt, gây nên cuộc chiến với Trung Quốc ở phía Bắc. Rồi hàng loạt việc dẹp tiệm xóa sổ đối với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, Đảng Dân Chủ, Đảng Xã Hội, thiết lập các loại Tôn Giáo Quốc Doanh, ồ ạt xua dân đi kinh tế mới, để thu nhà cửa, ruộng đất của dân, làm bừa bãi các công trường thủy lợi, đánh hàng loạt các tiểu thương sau khi tiêu diệt tư sản v.v... Kết cục là cái khẩu hiệu dựng trên nóc nhà cao tầng ở thành phố như *"Chủ nghĩa Mác Lênin bách chiến bách thắng," "Đảng Cộng Sản, người tổ chức mọi thắng lợi muôn năm," "Không có gì quý hơn Độc lập Tự do"* v.v... đã trở thành một thứ trò cười cho bàn dân thiên hạ tha hồ mà đàm tiếu chế giễu.

Dù có thủ đoạn, có bá đạo tới đâu, thì người Cộng Sản cũng không thể vượt thoát khỏi cái quy luật xã hội học rất phổ biến, mà từ lâu nhà khoa học Max Weber đã đặt tên cho nó là *Trở về với cuộc sống bình thường"* (Retour à la vie normale). Đây là qui luật của số đông quần chúng đã tự khẳng định rằng mình phải được quyền sống một cuộc đời bình thường của con người, của một công dân lương thiện, sau thời gian đã phải chịu đựng bao nhiêu khổ cực nhọc nhằn với bạo động cách mạng, vì chiến tranh khủng khiếp. Từ đó mà phát sinh ra hàng loạt những hiện tượng tiêu cực mà đặc biệt ở xứ ta thì là *chui lén, luồn lách, đóng kịch giả dối, cuộc sống hai mặt* của mọi giai tầng xã hội kể cả các cấp cán bộ, đảng viên, và cả trong mọi lãnh vực sinh hoạt từ làm ăn sản xuất, buôn bán, đến giáo dục, y tế cho tới cả sinh hoạt văn học nghệ thuật và sinh hoạt tôn giáo nữa. Như Boris Pasternak đã ghi: Tất cả chỉ là đóng kịch giả hình như là bọn biệt phái: All is Pharisianism!

Người người đi buôn, nhà nhà đi buôn, cả nước đi buôn! Kể cả những sắc tộc thiểu số ở Quảng Trị, Nghệ An, ở Lai Châu, Cao Bằng cho đến vùng cao nguyên Gia Lai, Komtum... cũng biến thành "đạo quân cứu vạn" đi khuân vác chuyên chở "hàng lậu" cho giới con buôn. Buôn thuốc lá, buôn vải, buôn hàng điện tử, buôn phụ tùng xe đạp, xe honda v.v... Bằng tầu viễn dương, máy bay, ghe đánh cá, bằng xe công an, xe quân đội, bằng xe máy thồ, xe đạp thồ, xe bò, kể cả bằng cách bó hàng hóa vào trong thân thể v.v... Ôi! chỉ vì cái miếng ăn độ nhật cho bản thân, chỉ vì cái nồi cơm manh áo cho vợ con, cho cha mẹ, cho anh chị em, mà người dân nghèo hèn chúng ta đã phải hạ mình đi làm ăn buôn bán, *khuất tất như đi ăn trộm.* Cái sự nhục nhã ê chề đau đớn của bao nhiêu người buôn chui bán lén; lúc bị bắt thì phải hạ mình xuống nước năn nỉ ỉ ôi với Công

an, với Thuế vụ, với Quản lý Thị trường. Nhiều khi còn phải đem cả cái trinh tiết ra để mà đổi lấy sự chiếu cố thông cảm cho cái tội buôn những món hàng nhu yếu phẩm thường ngày để cung ứng cho bà con trong ấp xã, nơi các thị trấn.

Nỗi ấm ức uất nghẹn vì bị lăng nhục, bị áp chế bóc lột suốt bao nhiêu năm tháng bị dồn nén đó, đã đưa đến lời phát biểu rất phổ biến thế này đây:

Công an, Thuế vụ, Kiểm lâm
Trong ba thứ ấy, phải đâm tên nào?
Kính thưa quý vị đồng bào
Cả ba loại ấy, thằng nào cũng đâm!

Có thể tóm lược cái bức tranh xã hội Việt Nam trong hai câu sau:

Đảng ta độc quyền bao biện hết
Dân lành xơ xác kiệt tài nguyên!

Cán bộ, đảng viên có quyền, có thế tha hồ mà vơ vét, làm giàu, mặc tình đòi ăn chia chác với dân làm chui, buôn chui, ở chui, thậm chí cả tu hành chui... Nhưng mà ăn mãi của dân, thì sẽ *"há miệng mắc quai,"* hết còn lý tưởng linh thiêng thần thánh "Cách mạng cải tạo xã hội," hết còn xây dựng kiểu mẫu "Con người mới XHCN"; xin ghi lại câu đối của nhà thơ Hữu Loan:

Mày ăn Dân hết nước
Dân ăn mày!
để đối lại vế:
Bác bôi tôi không bằng
Tôi bôi bác!

Chính cái nền *"văn hóa chui lách"* này đang từ từ mà chắc nịch tạo thành gọng kềm bẻ gẫy cái gông cùm xiềng xích của bạo lực cách mạng, của chuyên chính vô sản, của dân chủ tập trung do Bắc bộ phủ lập ra để khống chế dân tộc ta phải riu ríu tuân lệnh của họ. Rồi nhất định phải có một ngày toàn thể dân tộc ta phá vỡ được cái xiềng xích gông cùm oan nghiệt ấy, để mà được giải phóng khỏi cái mối ô nhục cay đắng đó.

*

Nếu phải đánh giá ngắn gọn về phẩm chất của cuộc sống (quality of life) ở Việt Nam vào năm 2000 lúc này, thì phải nói thẳng thắn là nó rất bết bát, rất kém cỏi, vào loại chót bét trên thế giới. Kém cả về vật chất kinh tế, cả về uy tín đức độ của giới cầm quyền, cả về văn học nghệ thuật, cả về phương diện tôn trọng phẩm giá và quyền con người và cả về triển vọng tương lai của xứ sở.

Hai mươi lăm năm qua, chế độ Cộng sản đã *làm tha hóa* (aliénation) con người Việt Nam chúng ta, *làm mất nhân tính* (déhumanisation) của chính người Cộng sản và bao nhiêu kẻ đồng lõa a tòng với họ. Cái tội tày đình của đảng Cộng sản là *đã phá nát hết cái truyền thống văn hóa và đạo đức nhân ái lễ giáo* của dân tộc Việt Nam chúng ta. Họ đã khích động lòng hận thù giữa người Việt với nhau qua chủ trương căm thù giai cấp và hô hào tiêu diệt kẻ thù của giai cấp.

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua, kể từ khi chiến tranh chấm dứt. Những vết thương sâu hằn trong lòng Dân tộc vẫn chưa khép miệng, vẫn chưa hàn gắn xong. Thì người Cộng sản lại còn tạo thêm ra nhiều vết thương mới, gây thêm khổ đau nhức buốt trên cơ thể vốn đã hao mòn kiệt quệ của bà mẹ Việt Nam chúng ta. Nỗi nhục nhằn uất ức này không thể kéo dài liên tu bất tận mãi mãi được.

Sĩ phu Việt Nam, người ở đâu? Truyền thống bất khuất của cha ông ta từ ngàn xưa, nay ai là người kế thừa tiếp nối?

Còn các bậc tu hành đạo cao đức trọng, sao các Ngài vẫn còn bất động? Sao các Ngài chưa chịu đồng loạt lên tiếng bênh đỡ, cứu hộ cho hàng bao nhiêu triệu con dân Việt Nam từng bị đọa đày bởi các chủ thuyết bạo lực vô luân, phi nhân thất đức Mácxít Lêninít Maoít mà đảng Cộng sản đã áp đặt lên Dân tộc chúng ta như là một thứ giáo điều thần thánh linh thiêng, bất khả xâm phạm?

Tuổi trẻ kiên cường Việt Nam ở đâu?

* Hãy đồng loạt đứng lên để tự cứu lấy chính mình, để xây dựng cho tương lai của mình.

* Hãy dứt khoát cởi bỏ ngay cái áo khoác chủ nghĩa vay mượn học đòi của người ngoài. Cái áo đó nay đã quá chật chội làm ta nghẹt thở sặc sụa rồi. Còn nuối tiếc cái của nợ ấy mà làm gì?

* Hãy mau chóng cắt bỏ cái khối ung nhọt đã tàn phá cơ thể đất nước chúng ta!

* Hãy làm theo lời kêu gọi của Voltaire 250 năm trước là: Phải đập cho tan tành cái sự ô nhục đốn mạt ấy đi! (Ecrasez cet infâme!)

Ta phải tự cứu lấy mình trước đã, thì Trời mới giúp ta được.

Đó là một trách nhiệm lịch sử của cả thế hệ chúng ta. Không một con người nào có lương tri, có lẽ nghĩa liêm sĩ, còn giữ được lòng tự trọng mà lại có thể lãng tránh trách nhiệm cao quí ấy được.●

California, Mùa Xuân Canh Thìn 2000

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 70 TUỔI

ĐỔI MỚI MÀ KHÔNG ĐỔI MÀU

NGÔ NHÂN DỤNG

Kỷ niệm 70 năm thành lập đảng Cộng Sản Việt Nam ông Lê Khả Phiêu đọc diễn văn nói: "Chúng ta đổi mới nhưng quyết không đổi màu, khó khăn thách thức không làm chúng ta đi chệch con đường tiến lên Chủ nghĩa Xã hội." Nghe câu đó xong phải tự hỏi đảng Cộng Sản Việt Nam có còn cho kinh tế tư nhân hóa mở mang như các ông Phan Văn Khải và Nguyễn Tấn Dũng hứa hay không. Những người muốn đầu tư ở Việt Nam, cả người Việt lẫn người ngoại quốc sẽ phải dè dặt hơn. Nội dung bài nói chuyện kỷ niệm ngày 3 tháng Hai nhắc nhở các đảng viên học tập lý thuyết Lênin về chủ nghĩa đế quốc, lập lại chủ trương lấy kinh tế quốc doanh làm chủ đạo, và hô lại những khẩu hiệu chống đế quốc, chống tư bản, nhưng không cho biết chống như thế nào, trong khi vẫn xin viện trợ, lại sửa luật đầu tư lần nữa và xin vào Tổ chức Mậu dịch Thế giới, một câu lạc bộ tư bản.

Vẫn chống con ma "Chủ nghĩa Đế quốc"

Đặc điểm bài diễn văn của ông Lê Khả Phiêu là không có một biện pháp cụ thể nào để nước Việt Nam thoát hỏi cảnh nghèo đói. Không có những chính sách cụ thể, chỉ có những khẩu hiệu, và những khẩu hiệu rất cũ đọc lại như niệm thần chú. Ông Tổng Bí thư lại đem lý thuyết Lênin ra dậy: "... từ cuối thế kỷ 19, chủ nghĩa tư bản đã phát triển thành chủ nghĩa đế quốc." Và ông lại hô hào: "Chủ nghĩa đế quốc vẫn tồn tại. Sau khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, nó tiếp tục tìm cách xóa bỏ hoàn toàn các nước xã hội chủ nghĩa còn lại..."

Nói như vậy là giả thiết rằng ai cũng quý báu muốn bảo vệ "các nước xã hội chủ nghĩa còn lại" như mấy con thú hiếm đang lo bị diệt chủng trong rừng Cúc Phương. Và cũng ám chỉ tất cả các nước anh em xã hội chủ nghĩa cũ đã ngu dại để cho đế quốc nó xóa tan chứ không phải chính họ khôn ngoan tự ý thấy cần thay đổi thì đổi - thật oan cho mấy trăm triệu dân Nga, Đông Âu, Trung Á, v.v.. Ông Lê Khả Phiêu dùng đại danh từ "nó" để chỉ "Chủ nghĩa đế quốc" chứ không nói về một đế quốc cụ thể nào, như Mỹ, Pháp hay Trung Hoa. Chủ nghĩa là một thứ trừu tượng, còn cái gì gọi là "nó" mà lại múa may hành động được, như "tìm cách xóa bỏ..." thì "nó" rất cụ thể. Vẽ ra, cụ thể hóa một thứ trừu tượng, lại mô tả nó có khả năng hành động như đi xóa bỏ hoàn toàn một loài cầm thú hiếm, đó là phương pháp kể chuyện ma để dọa trẻ con.

Lý thuyết Lênin vốn là một luận điệu để phủ chính cho lý thuyết của Karl Marx. Từ giữa thế kỷ 19, Marx tiên đoán là kinh tế tư bản đang dẫy chết, sắp sụp đổ tới nơi. Chờ mãi không thấy tư bản chết thật, sợ đảng viên hết tin, Lênin nói rằng kinh tế tư bản chưa tiêu vì còn đang chạy nốt "giai đoạn cuối cùng" của nó, là chủ nghĩa đế quốc.

Trong thế kỷ 18, 19, các nước tư bản đi chiếm thuộc địa, khai thác tài nguyên, nhân lực và bán hàng, do sự bành trướng tự nhiên trong một thế giới mạnh được yếu thua của thời "tư bản hoang dã." Nhưng ở các nước tư bản, họ thay đổi liên tục, chính họ không muốn cũng phải đổi. Kinh tế thị trường dựa trên quyền tự do kinh doanh và tự do trao đổi, cho nên cũng phát triển song song với tư tưởng tự do, thể chế, tập tục dân chủ. Vì muốn làm ăn nên họ đòi tự do, dân chủ; rồi chính cái "thượng tầng kiến trúc" đó bắt con

thú kinh tế hoang dã phải thuần hóa: các luật lệ ra đời để dùng kỷ luật kiềm chế tự do, bảo vệ công bằng, tôn trọng quyền lao động, cải thiện mạng lưới an sinh xã hội, v.v... Ngay lúc Karl Marx viết về Công xã Paris, ở Đức đã bắt đầu mở mạng lưới an toàn cho người lao động.

Mục đích của kinh tế tư bản là kiếm lợi, họ không thể nào bành trướng mãi nếu người chung quanh tiếp tục nghèo đói. Người đói thì ai mua hàng hóa của mình? Và các nước nghèo cũng không ai chịu sống nghèo đói mãi, vì họ cũng nhiễm những lý tưởng Dân chủ, Tự do. Tất cả các yếu tố đó đưa tới nền kinh tế toàn cầu hiện nay: các dân tộc cộng tác, cạnh tranh, chia sẻ với nhau những tiến bộ chung, tìm cách đặt ra những luật lệ công bằng, nhân đạo. Không phải các nhà tư bản muốn đưa thế giới tới hoàn cảnh mới này, nhưng nhờ cơ chế Dân chủ và tổ chức thị trường tự do, linh động nên cả loài người cùng tiến, và còn tiếp tục tiến tới, trừ những bộ lạc muốn tiếp tục sống thời đồ đá. Trung Quốc mở cửa từ năm 1979, 80 nên kinh tế tiến bộ, bây giờ đang vận động xin vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tức câu lạc bộ kinh tế do các nước tư bản lập ra. Tổ chức này nhằm bảo vệ nguyên tắc tự do thương mại, một tín điều của kinh tế tư bản.

Lý thuyết của Lênin đã già cỗi cả trăm năm, nay không còn dính dáng gì đến thực tế trên trái đất này nữa. Chuyện nước lớn đi ăn hiếp, chiếm đóng và khai thác tài nguyên nước nhỏ thì từ thời thượng cổ đã xảy ra, lịch sử không thiếu gì, không phải chờ khi kinh tế tư bản phát triển mới có hiện tượng đó. Ông Lênin gắn nhãn hiệu chủ nghĩa đế quốc cho kinh tế tư bản là theo lối muốn xúi người ta đánh chó thì bảo nó là chó dại. Ngay từ thập niên 1920 Cộng Sản Đệ Tam quốc tế đã dùng chiêu bài "chủ nghĩa đế quốc" để lôi kéo các nước nghèo đi theo họ, nhãn hiệu "chủ nghĩa đế quốc" cốt để biến cuộc tranh chấp giữa đế quốc Nga với các đế quốc Tây phương thành cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu. Anh nào dại thì đem thân mình đi hy sinh cho một chủ nghĩa trừu tượng đó.

Ông Lê Khả Phiêu đã dùng một phần ba bài diễn văn để suy tôn Hồ Chí Minh trong sự nghiệp khám phá "Luận cương dân tộc và thuộc địa" của Lênin như "mặt trời chân lý." Ông ca tụng với các lời như sau: "Người đã rút ra kết luận (sau khi đọc Lênin): ... chỉ có Chủ nghĩa Xã hội và Chủ nghĩa Cộng Sản mới giải phóng các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới ra khỏi ách nô lệ." Bây giờ thử hỏi người dân Nam Hàn so với Bắc Hàn thì ai nô lệ? Ai đã được giải phóng? Sau thế chiến Thứ Hai, Ấn Độ, Mã Lai, Indonesia tự giành độc lập có phải nhờ đến luận cương Lê nin hay không? Giới lao động ở Thụy Điển, ở Đức có nhờ Lênin mà có địa vị xã hội ngay nay không? Các dân tộc Ba Lan, Hungary được giải phóng từ năm 1989 đến nay là nhờ chủ nghĩa nào? Năm 1930 ông Hồ Chí Minh không biết trước những chuyện đó, nhưng ngày nay còn tự bịt mắt coi như không thấy sao được?

Vẫn lấy quốc doanh làm chủ đạo

Lớn tiếng hô hào "chống chủ nghĩa đế quốc" là tiếp tục sống trong giấc mộng 80 năm xưa. Ông Lê Khả Phiêu nhắc lại: "Chúng ta kiên định con đường đã lựa chọn ... xây dựng đất nước quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội." Đọc những lời khẳng định "tiến lên Chủ nghĩa Xã hội," người có lòng lo cho tương lai dân tộc Việt Nam phải thấy kinh hoàng. Nghe những lời lẽ đó rồi, người có tâm không thể nhắm mắt bịt tai không nói gì cả. Im lặng là đồng lõa với tội ác.

Tướng Trần Độ đã hỏi cả đảng Cộng Sản Việt Nam, từ trên xuống dưới, "Có ai biết 'lên Chủ nghĩa Xã hội' là tiến tới cái gì không?" "Tiến lên Chủ nghĩa Xã hội" chỉ là một ước vọng mơ hồ, viển vông của Karl Marx, đã hiện thực qua những chế độ của Stalin và Mao Trạch Đông với hàng chục triệu người chết oan vì đói. Người ta đã thí nghiệm "tiến lên Chủ nghĩa Xã hội" suốt 70 năm ở Liên Xô, 40 năm ở Đông Âu và Trung Quốc, ở đâu cũng chỉ thấy cảnh nhân dân bị nô lệ hóa trong guồng máy công an, mà kinh tế thì trì trệ, tài nguyên bị phí phạm, cho nên chính các nước đó đã tự quyết định phải thay đổi. Tấm gương trước mắt như vậy mà không thấy, mà vẫn còn nắm đầu 78 triệu dân bắt tiến lên Chủ nghĩa Xã hội. Đó là một tội lớn, có tội với tổ tiên, có tội với con cháu.

Ông Lê Khả Phiêu giải thích về con đường xã hội chủ nghĩa: "Đảng ta nhấn mạnh vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và tập trung củng cố nó là hoàn toàn đứng đắn." Đây là sai lầm cốt tủy của hệ thống kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa. Một nước dân chủ như Ấn Độ, nhưng tổ chức kinh tế theo lối xã hội chủ nghĩa, cũng quốc hữu hóa các xí nghiệp và ngân hàng, cũng lấy kinh tế quốc doanh làm

chủ đạo, nay họ đã thấy sai lầm, từ 1992 đã thay đổi. Năm nay, chính phủ mới của Ấn Độ còn đổi mới nhanh hơn, sẽ tư hữu hóa rất nhiều doanh nghiệp nhà nước, từ hãng hàng không đến chế tạo xe hơi. Vì tấm gương các nhà kinh doanh trong ngành công nghiệp điện tử, tin học ở Ấn Độ đã thành công khi được tự do hoạt động: năm 1991 Ấn Độ chỉ xuất khẩu được 50 triệu Mỹ kim về loại hàng này, năm 1999 đã lên 4 tỷ và ước tính năm 2008 sẽ bán ra ngoài 50 tỷ.

Ấn Độ nghèo tài nguyên, nghèo năng lượng, nhưng bắt đầu biết sử dụng một nguồn năng lượng mới: trí não con người. Những thay đổi gần đây đạt được cũng là nhờ thể chế dân chủ cho phép dân Ấn Độ thay đổi chính phủ và chính sách quốc gia một cách hòa bình. Mỗi năm họ sản xuất 120 ngàn kỹ sư. Nếu tính cả các trường kỹ thuật công và tư thì con số lên một triệu. Cứ mỗi tháng có 100 trường huấn luyện điện toán ra đời. Viện kỹ thuật NIIT đã xuất cảng: mở lớp dậy ở Trung Quốc và Indonesia. Trong một bảng xếp hạng 21 công ty được Carnegie Mellon Software Institute sản xuất nhu liệu được coi là có phẩm chất cao nhất thế giới, có 12 công ty ở Ấn Độ. Trong số đó có chi nhánh của Motorola, chi nhánh I-Flex Solution của Citigroup. Nếu người Ấn Độ coi đó là một hình thức của "chủ nghĩa đế quốc" thì chắc "năng lượng trí não" của họ vẫn chưa được khai thác.

Cả thế giới đều biết kinh tế tư doanh mới giúp xã hội phát triển, kinh tế nhà nước là đầu mối của tham nhũng và bất lực, đã thất bại rõ ràng. Có những nước chưa hoàn toàn dân chủ về chính trị, như Singapore, nhưng phát triển nhanh là nhờ hệ thống kinh tế tự do nhất thế

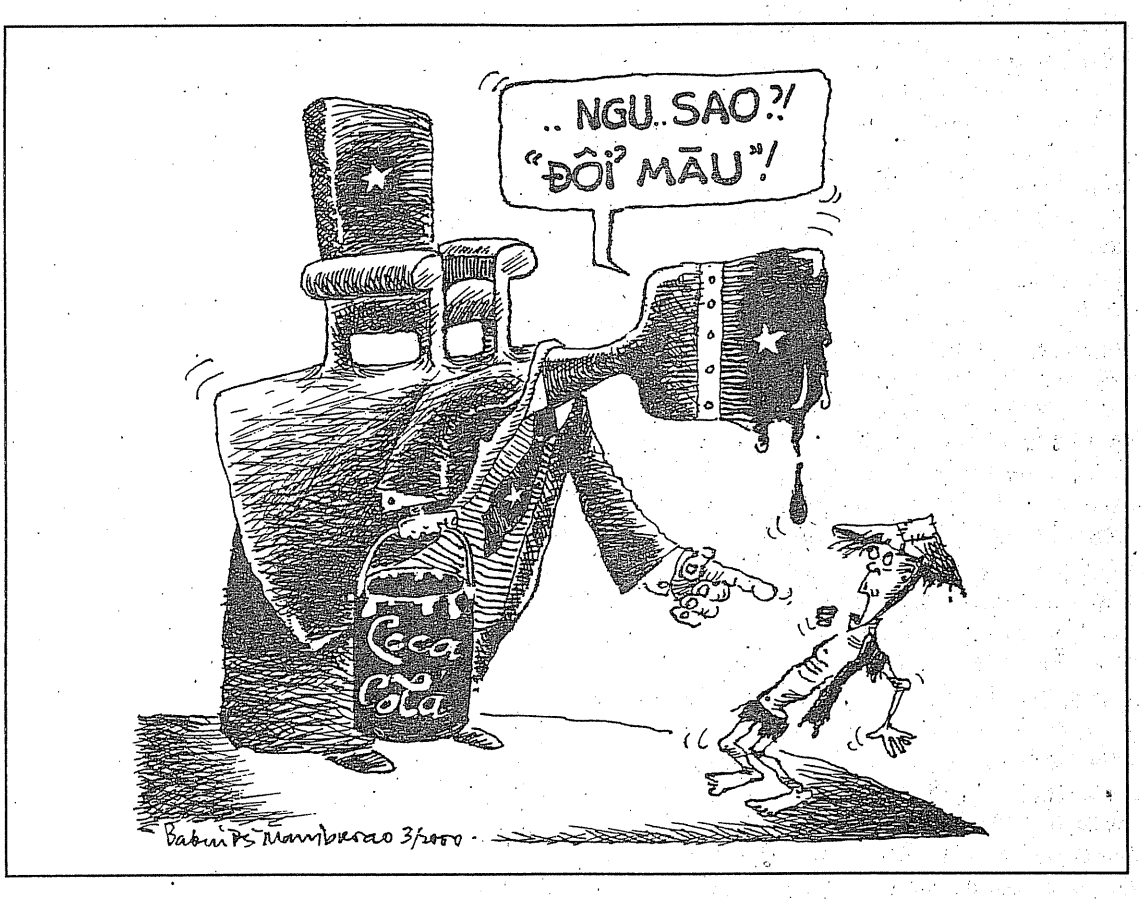

giới. Từ khi Đài Loan dân chủ hóa, kinh tế xứ này tăng nhanh vọt. Ở Việt Nam, Tướng Trần Độ cũng nhìn thấy sai lầm của Đảng. Ông đặt những câu hỏi rất giản dị: Kinh tế quốc doanh trì trệ nhất, bất lực nhất, tạo ra tham ô, lãng phí nhiều nhất, tại sao vẫn cứ giữ kinh tế quốc doanh làm chủ đạo?

Ông Lê Khả Phiêu và các lãnh tụ khác trong Trung ương Đảng không bao giờ trả lời những câu hỏi đó. Ông Lê Khả Phiêu còn lớn tiếng nói: "Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội biểu hiện rõ nét trong sự nghiệp chăm sóc và

bồi dưỡng sức khỏe cho con người Việt Nam." Nếu biết tình trạng y tế thiếu thốn, số người đang bị đói hàng triệu, và số trẻ em thiếu dinh dưỡng khắp nước thì chắc ông cũng ngượng miệng khi khoe khoang cái "tính ưu việt" này.

Vẫn chê nho tư bản chua

Khi đọc diễn văn của ông Phiêu, chúng ta cảm thấy một nỗi buồn, một niềm xót xa cho đồng bào trong nước. Cả thế giới đang hướng về thế kỷ 21, cả thế giới đang học hỏi, tranh đua, cộng tác, đang phát triển kinh tế, mở mang giáo dục, xây dựng những xã hội dân chủ sống trong pháp luật. Thế mà dân tộc Việt Nam vẫn còn phải nghe những khẩu hiệu cũ rích và trống rỗng để bảo vệ guồng máy công an và kinh tế quốc doanh.

Ông Lê Khả Phiêu khẳng định những câu như: "Các nhà học giả chân chính đã chỉ ra rằng: chiến tranh và khủng hoảng kinh tế có nguồn gốc từ chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc."

Chiến tranh đã có từ khi có xã hội loài người, kinh tế tư bản mới xuất hiện từ vài ba thế kỷ. Nói chiến tranh do chủ nghĩa tư bản gây ra cũng giống như nói các thiếu nữ bị mụn trứng cá là do kinh tế tư bản vậy. Các đế quốc La Mã, đế quốc nhà Hán, nhà Đường, đế quốc Mông Cổ có từ hàng ngàn năm trước, có chủ nghĩa tư bản nào xúi họ đi gây chiến đâu. Những xung đột Nga xô-Trung Quốc năm 1969, chiến tranh ở biên giới Họa-Việt năm 1979, việc đem quân sang đánh chiếm Cam Bốt, sau mười năm chết 50 ngàn thanh niên Việt Nam, là do chủ nghĩa tư bản nào gây ra?

Nói khủng hoảng kinh tế là cái tội của kinh tế tư bản thì cũng giống như bảo trái nho chua là lỗi của nghề trồng nho. Giống nho có cây sinh trái ngọt, có cây trái chua. Kinh tế tư bản có lúc lên, lúc xuống. Nếu cứ bình thản sống theo lối nông nghiệp cổ truyền thì không bao giờ phải lo đến chu kỳ kinh tế lên xuống, chỉ lo lâu lâu có nạn đói hay bệnh dịch chết cả triệu người mà thôi. Kinh tế xã hội chủ nghĩa cũng không có chu kỳ lên xuống, chỉ khi nào cả hệ thống kẹt cứng như ở Liên Xô, là nó xuống, và xuống luôn.

Vấn đề là cuối cùng vẫn phải lựa chọn: Trở về thời kinh tế nông nghiệp cổ truyền, hay trở lại sống với kinh tế Stalin hay chăng? Còn nếu chọn sống với kinh tế thị trường thì phải chấp nhận có chu kỳ kinh tế. Cũng giống như muốn ăn nho thì phải nhận có trái ngọt trái chua. Nhưng loài người vẫn trồng nho, vì ăn nho thấy nó ngon, bổ, mà nói chung thì trái ngọt nhiều, trái chua ít. Chỉ những ai không có nho ăn mới chê nho chua, giống như trong truyện ngụ ngôn!

Trong mỗi chu kỳ kinh tế tư bản, thời gian phát triển thì dài, thời gian suy thoái thì ngắn. Nhưng vì nền kinh tế tư bản không đóng khuôn trong một thứ chủ nghĩa giáo điều nào như kinh tế Mác xít, nên người ta cởi mở, suy nghĩ học hỏi tự do, linh động sửa đổi. Chế độ Dân chủ giúp cho việc sửa đổi thuận theo ý muốn của đa số người dân, vì dân được bỏ phiếu thay đổi người cầm quyền. Càng ngày giai đoạn suy thoái càng ngắn, thời gian phát triển càng dài. Năm 1982 kinh tế Mỹ bước vào một thời kỳ phát triển, kéo dài cho đến tháng Bảy năm 1990, tiếp theo là cuộc suy thoái chỉ dài bảy tháng, rồi từ tháng Ba năm 1991 lại phát triển, và tiếp tục như thế cho đến bây giờ đã được 108 tháng - và chưa thấy dấu hiệu suy thoái. Năm ngoái kinh tế Việt Nam chỉ lên 4 hay 5% mà kinh tế Mỹ tăng trưởng thêm 6%. Chẳng khác gì một cô bé bẩy tuổi chỉ cao thêm 5% mà một bà trung niên lại mập thêm 6% vậy.

Cuối năm 1997 các nước Á Đông bị khủng hoảng, nhưng nước nào có chế độ dân chủ, có chính phủ mới thay đổi chính sách thì kinh tế phục hồi lại ngay. Ông Viện trưởng Kinh tế Trung ương Lê Đăng Doanh cũng nhận xét rằng nước Á Đông nào chịu cải tổ, dù cải tổ đau đớn, thì phục hồi nhanh. Chế độ tư bản hoang dã ở Nga khủng hoảng, nhưng thế giới bên ngoài không hề hấn gì. Những người bịt mắt bịt tai mới không nhìn thấy những điều đó! Khủng hoảng kinh tế là hiện tượng của thế kỷ 19, lần sau chót là cuộc khủng hoảng 1930. Bây giờ mà còn nói"kinh tế khủng hoảng do chủ nghĩa tư bản gây ra" thì cũng giống như tố cáo bệnh đậu mùa là do khách du lịch truyền đi, trong khi bệnh đó đã biến mất từ lâu rồi.

"Vẫn đầu Ngô mình Sở"

Khi chúng tôi bình luận về bài diễn văn của ông Lê Khả Phiêu, nhật báo Người Việt đã nhận được ý kiến của một độc giả ở trong nước gửi ra, lấy nhan đề là "Vẫn đầu Ngô, mình Sở." Vị này ký tên Người Hy Vọng, viết: "... cũng xin góp một tiếng nói, để khỏi cảm thấy xấu hổ. Trong nước, chúng tôi chia sẻ với các ông nhưng hoàn cảnh bó buộc quá, ...

chúng tôi chưa có điều kiện làm nhiều hơn..."

Đọc lại bài diễn văn của ông Lê Khả Phiêu thấy nó "đầu Ngô mình Sở" thật. Ngay trong phần đầu, ông Lê Khả Phiêu ca tụng Hồ Chí Minh tìm ra "mặt trời chân lý" Lênin và khoe rằng cụ Hồ đã sáng suốt phê phán phong trào xã hội ở Pháp bằng những tiên đoán kỳ diệu như: "Người (viết hoa) chỉ ra: cách mạng ở các nước thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc và tạo điều kiện cho cách mạng ở chính quốc phát triển." Rồi suốt bài diễn văn không thấy ông Phiêu bàn gì đến những lời tiên tri mà "Người chỉ ra" nữa. Giản dị, vì những lời tiên tri đó sai hết: đảng Cộng Sản Việt Nam giành được chính quyền không phải nhờ chủ nghĩa Cộng Sản mà vì biết sử dụng lòng yêu nước, chống Pháp của người Việt Nam; còn đảng Cộng Sản Pháp không thấy phát triển chút nào chỉ thấy yếu đi. Dân Pháp không dại dột làm cách mạng theo ông Stalin hay ông Mao. Còn cái chủ nghĩa mà cụ Hồ đã chọn như mặt trời chân lý thì đang tàn lụi. Chính ông Phiêu công nhận điều đó khi ông kêu gào hãy coi chừng, chủ nghĩa đế quốc đang âm mưu "tìm cách xóa bỏ hoàn toàn các nước xã hội chủ nghĩa còn lại." Vậy cái "mặt trời chân lý" của "Người" nó tắt từ bao giờ rồi, sao không nhận ra?

Lý thuyết phát triển kinh tế của ông Lê Khả Phiêu luẩn quẩn loanh quanh nên càng có vẻ đầu Ngô mình Sở. Ông nói về kinh tế của "các nước nghèo và lạc hậu": "Họ cần đến vốn, mà số vốn còn lớn hơn tổng số tài sản của họ." Nếu cần đến vốn thì làm sao để có vốn, ông Phiêu không nói ra biện pháp nào cụ thể. Kinh nghiệm các nước Đài Loan, Nam Hàn cho biết phải nhờ vốn từ nước khác mang vào, phải mở cửa, tự do trao đổi thương mại, dịch vụ, kỹ thuật, tiền vốn. Nhưng ông Lê Khả Phiêu lại không thích tự do mậu dịch, tự do đầu tư vì ông chỉ nêu ra khía cạnh tiêu cực nhất. Ông vẫn giải thích rằng nạn đói, nạn nghèo trên thế giới đều do chủ nghĩa đế quốc gây ra. Nói như vậy cốt dùng con ma đế quốc dọa đồng bào ở Quảng Trị, Quảng Nam, đổ hết tội cho "đế quốc." Nói vậy để phủ nhận nạn đói không phải do chính sách sai lầm của các chế độ độc tài, độc quyền kinh tế gây ra! Hàng triệu dân Bắc Hàn đang đói cũng là vì các đế quốc Mỹ, Nhật mỗi nước viện trợ cho chính phủ cộng sản 500 ngàn tấn thực phẩm!

Ông Phiêu chống tự do thương mại, chống đầu tư ngoại quốc vì đó là âm mưu đế quốc: "đế quốc thúc đẩy tự do hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư toàn cầu," mà hậu quả là "nước giàu giàu thêm, khoảng cách giữa nước giàu và nước nghèo... càng xa hơn." Nói vậy là dọa cả nước rằng nếu cho ngoại quốc đầu tư thì dù có đủ ăn đủ mặc hơn, mình vẫn cứ "nghèo hơn Mỹ," chẳng dại. Trong khi đó thì vẫn sửa lại luật đầu tư, lần thứ ba, để thu hút vốn ngoại quốc, và vẫn mong được vào khối Tự do mậu dịch Á châu, câu lạc bộ các nước tư bản hạng nhì, hạng ba.

Nếu vì sợ đế quốc giầu hơn mình, không mở cửa ra thì làm sao các nước nghèo phát triển được? Hãy coi Đại Hàn, Thái Lan, Đài Loan, họ mở cửa giao thương với thế giới "tư bản," nếu đúng là họ vẫn tiếp tục nghèo hơn Mỹ, nghèo hơn Nhật, thì cũng phải mở mắt ra mà thấy rằng đời sống dân họ đã khá giả gấp trăm lần chứ? Hãy so sánh các nền kinh tế Thái Lan (mở cửa) và Miến Điện (đóng), từ 1968 đến 1998, lợi tức đầu người ở Thái Lan tăng hơn 10 lần, còn ở Miến Điện thì thấp hơn 30 năm trước.

Tính chất mâu thuẫn hiện ra ngay trong từng câu mà ông Lê Khả Phiêu đọc. Như thường lệ, những câu các lãnh tụ cộng sản đọc dài lê thê, liệt kê một thực đơn đủ các món ngon lành, nghe xong ù cả tai không nhớ họ nói gì nữa. Xin lỗi quý vị nếu chúng tôi trích đầy đủ, với các chú thích và nhấn mạnh, như sau: "Với một nền kinh tế phát triển cao (?) dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại (?) và *chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu* (đúng Mác Lênin), phát huy mọi nguồn lực (khẩu hiệu rỗng), mọi thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước, hợp tác xã, hộ gia đình, trang trại, tư nhân (trên đã nói đến hộ gia đình, chắc không phải tư nhân?), liên doanh với nước ngoài, *kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo* , cùng với kinh tế hợp tác xã làm nền tảng, *mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng* và kết hợp chặt chẽ với nhau thành một thể thống nhất, hỗ trợ và thúc đẩy nhau, làm cho sức sản xuất được giải phóng luôn năng động (?), nền kinh tế phát triển nhanh, cân đối và bền vững (?)."

Đọc câu trên, làm sao người ta có thể hiểu được khi *chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu* và *kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo* , nhưng đồng thời lại nói *"mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng"*?? Có mấy ông nhà nước chủ yếu, chủ đạo, đối xử bình đẳng với mấy thành phần khác như thế nào? Các ngân hàng

nhà nước có cho các hộ tư nhân vay tiền mua thóc không hay là chỉ ứng trước bạc tỷ cho các công ty quốc doanh đi thu mua thóc, vì quốc doanh là "chủ yếu"?

Ngay trong một câu nói đã thấy đầu Ngô mình Sở rồi. Chẳng khác gì người ta nói: "Chúng ta lấy khoai lang làm chủ đạo, nhưng cũng ăn cháo, ăn ngô, ăn rau sam, ăn xương rồng, ăn cơm, ăn gạo, các món ăn bình đẳng như nhau, và khoai lang là chủ yếu."

Trong đoạn sau, ông Lê Khả Phiêu nói đến "xây dựng dân chủ," "dân được biết, được nói, được bàn..." với các thí dụ "Dân xã, phường ta bàn việc xã, phường ta. Dân cả nước bàn việc cả nước." Chúng ta ở nước ngoài biết Hòa thượng Thích Quảng Độ mới gửi lá thư Tết cho Bộ Chính trị, ông Hòa thượng này cũng là một người trong số những người dân cả nước, muốn bàn việc cả nước đấy. Nhưng có ai được phép phổ biến các lời bàn đó không? Các ông Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang có thuộc thành phần dân cả nước hay không?

Bàn về những chuyện đầu Ngô mình Sở trong bài diễn văn của ông Lê Khả Phiêu thì nói mãi không hết. Người ta phải thắc mắc rằng: Tại sao ông Lê Khả Phiêu lại nói năng như vậy?

Chỉ có thể giải thích rằng ông ta không có gì để nói cả, nhưng cứ bắt buộc phải nói vì không lẽ ngày sinh nhật đảng mà lại ngồi hút thuốc lá vặt với nhau thôi. Không nói gì thì ông Tổng Bí thư thành "Tổng Bí." Phải nói, nhưng không biết cái nói cái gì, thì theo thói quen cứ đứng dậy hô to các khẩu hiệu. Chắc ông không tự mình viết bài diễn văn này, tính chất đầu Ngô mình Sở là do Ban Văn hóa Tư tưởng thể hiện tình trạng tư tưởng của Đảng: không còn lý luận, không còn niềm tin, chỉ còn lo bảo vệ quyền lợi của mình.

Trong số các khẩu hiệu, nổi bật lên là "Chúng ta đổi mới nhưng quyết không đổi màu." "Không đổi màu," vậy nó là màu gì? Tất nhiên, đối với các đảng viên Cộng Sản Việt Nam thì phải giữ lấy màu đỏ. Nhưng đối với hàng ngàn đồng bào ở xã Bình Dương, tỉnh Quảng Nam trước Tết phải ăn xương rồng cho đỡ đói thì đó là màu đen, đen như đêm tối không biết bao giờ mới thấy ánh sáng.●

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

KIẾN TRÚC SƯ

NGÔ - VIẾT - THỤ

Khôi-nguyên Giải La-Mã

đã qua đời ngày 9 tháng 3 năm 2000
tại thành phố HCM - SAIGON - VIỆT NAM

Hưởng thọ 75 tuổi.

Trước đau buồn này chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng
Châu Tỷ, Châu Bảo, Nam, Anh Đào, Nam Sơn, Vân, Lan và Châu.
Nguyện cầu hương hồn KTS sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

Dương Phước Luyến - Dương Phước Quyến - USA

VẤN ĐỀ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA NGHÌN NĂM TỚI

NGUY CƠ VÀ HỨA HẸN

TRẦN NGỌC NINH

Lời Mở

Nhiều người trong thế giới chắc cũng có những tin tưởng như tôi. Với những lo sợ của tôi. Và chắc rằng cũng có nhiều người cùng chia xẻ những ý nghĩ của tôi. Dưới khía cạnh này và khía cạnh khác. Với sự trông mong ấy, tôi vào thẳng vấn đề. Vào giữa vấn đề. Nếu bài này có một tiếng vang thì sẽ có bàn cãi, thảo luận. Có phản ứng, chống đối. Có nhạo báng, chê cười. Có hưởng ứng, giảng rộng. Có nghị luận, phê bình. Và tôi cầu mong nhất là có một ý thức chung, mỗi ngày một lớn, về trách nhiệm thứ nhất của giới trí thức trong loài người, sau là của giới quyền lực trên địa cầu và ở từng khu vực dầu là nước, hay vùng, hay cộng đồng liên-minh, và cuối cùng là của mỗi người và toàn thể nhân loại. Đứng trong hiện tại, ta thấy trách nhiệm của ta lớn lắm: vô cùng, vô biên, vô tận. Lòng muốn của ta lớn đến đâu, trách nhiệm của ta lớn đến đó. Sự hiểu biết và quyền lực của ta cao đến đâu, rộng đến đâu, trách nhiệm của ta cao và rộng đến đó. Tôi không giảng đạo đức, tôi không nói triết lí. Tôi đứng trên thực tại, tôi nhìn vào thực tế. Đối với tôi, vấn đề quá lớn để được phép dài lời, và lại càng không phải là văn chương dông dài và phù phiếm. Không ai biết mà có quyền từ nhiệm.

Ngoảnh mắt nhìn lại con đường đã đi qua, không phải để làm văn, mà là để học hỏi. Con đường dài hơn hai triệu năm, tôi sẽ thu ngắn lại ít trang giấy. Vì quá khứ vẫn tồn tại trong mỗi người chúng ta ngày nay, ta cần biết nó.

PHẦN MỘT

Cuộc Cách Mệnh Thứ Nhất Của Loài Người

Nhiều người hiểu lầm rằng cách mệnh hoàn thành trong một đêm. Đó là những Cách mệnh chính trị. Lớn rộng bằng một tòa nhà hay một khu đất. Nông cạn không hơn một lớp người. Nhà Chu thay nhà Thương. Lenin rồi Stalin vào ngồi cái ghế của Nga Hoàng. Dầu có chết oan đến ba mươi triệu người cũng không ví được với những cuộc đổi đời toàn diện, toàn cầu, thay đổi hết trừ có mồ hôi, máu và nước mắt của con người.

Cuộc cách mệnh đổi đời thứ nhất bắt đầu khi con người bỏ đời sống trên cây xuống đi trên mặt đất, nhặt cành cây để đập, nhặt hòn đá để ném rồi ghè, và cuối cùng, phát ra được những tiếng kêu để hét, để hô, với một vài ý nghĩa nhỏ nhoi thực dụng. Sự săn bắt để có ăn cũng như sự bị săn bắt càng ngày càng khác, càng xa sự săn bắt của các loài động vật khác trong thiên nhiên. Chiến đấu giữa người và người chưa được tổ chức và có lẽ chưa có. Các đàn người tranh sống với các loài vật rừng và xoay sở để thích nghi với thủy thổ; loài người lan rộng ra gần khắp đất liền, rồi sau một thời gian bị đại dương ngăn trở, đã thực dân ở cả những đảo rời rạc trên mặt biển. Khi tình thế đã ổn định thì nhân loại sống gần như đồng đều trong một nền văn minh chung, văn minh nhặt vặt với ít nhiều săn bắt, kéo dài cả triệu năm. Đó là thời đại sách xưa nói rằng "thấy vàng rơi dưới đất nhưng không ai nhặt." Ở Châu Mĩ, thời đại hoàng kim này tồn tại trên cái khía cạnh đó cho đến khi người Âu Châu sang: thổ dân sống cạnh những núi vàng vô dụng, không có giá trị gì trong đời sống. Khoa khảo cổ gọi thời kì này là thời cựu thạch, nói nôm na là thời đá cũ hay đá đập. Ở Việt Nam, văn hóa Sơn Vi (Vĩnh Phú) rải ra từ Lạng Sơn đến Thanh Hóa, là thuộc hậu kì cựu thạch. Trong thời gian này, ngoài sự hái cây, đào củ để ăn, người ta còn theo đuôi gấu, hùm, beo cọp để ăn mót những mảng thịt thừa xót lại trên xác những con trâu, bò, lợn rừng và hươu nai đã bị giết. Sau khi đã nhúm được lửa của những phún thạch bay vào, thì sức mạnh của con người tăng lên gấp bội vì lửa cho phép

nướng thịt rừng trước khi ăn, và trao vào tay người ta một khí giới dũng mãnh, vừa để tự vệ vừa để tấn công. Sự nuôi lửa, rồi sự bật ra lửa là những bước tiến bộ kinh khủng mà loài người ở vĩ tuyến nào cũng coi là kì diệu, như được chứng minh bởi các huyền thoại liên hệ đến mặt trời lửa, chuyện Prometheut ở văn minh Mycena và Helen, chuyện Thái dương Thần nữ của Nhật Bản, chuyện Thánh Gióng được gọi là Vua Trời Phù Đổng ở Việt Nam. Những kĩ thuật cựu thạch này đã dần dần giúp cho đời sống an ninh hơn, tuổi thọ lớn hơn, bàn tay và trí óc tinh xảo hơn và sự sống bầy đàn chặt chẽ hơn. Con người sơ khai của thời đá đập, trong sự sáng tạo và sử dụng một vài dụng cụ vật chất, trong sự thí nghiệm và tập tành để sai khiến năng lượng của lửa, đã từ từ thoát ra khỏi hàng súc vật và bắt đầu đi vào con đường thành người. Ngay từ buổi bình minh, sự làm người đã gắn bó với kĩ thuật không thể rời ra, không thể không có. Kĩ thuật là những sáng tác tiên khởi của con người, ngay từ lúc đầu tiên ấy, kĩ thuật đã là yếu tố chính yếu định đoạt cách sống của con người và là sức mạnh lớn nhào nặn ý thức của các cộng đồng người.

Kĩ thuật là nền móng của văn hóa và là một tính cách hay khía cạnh tất nhiên của văn minh, ngay từ khởi thủy. Vào cuối thời đá cũ, nghệ thuật nảy nở ra trên mặt đất và trên vách động: một bước tiến nữa của kĩ thuật và ý thức truyền đạt với sự chớm sinh của biểu tượng.

Cuộc Cách Mệnh Thứ Hai: Trồng Chăn, Nung Nấu, Nói Viết Và Xây Dựng Cơ Cấu

Con người, sinh ra do một ngẫu nhiên của sự đột biến trong một dòng tiến hóa động vật ở một vài khu rừng nay đã thành hoang địa của Châu Africa, đã tản mác ra từ đó và tự trồng trên gần khắp mặt đất. Lúc đầu nó là *người khéo;* trong sự tranh đấu để sống còn, *người khôn* trong giống người khéo đã có nhiều cơ thoát hiểm và sống lâu hơn. Khoa khảo cổ nói rằng *Homo habilis* dần dần bị thay thế bởi *Homo sapiens,* rồi thành *Homo sapiens sapiens,* tức là chúng ta ngày nay, nhưng lúc biến đổi, được cho là vào khoảng 100,000 +- 2,000 năm trước đây, còn là một điểm chưa được xác quyết.

Mặc dầu còn và sẽ mãi mãi còn sự mù mờ bất định về niên biểu, ta cũng có thể khẳng định vững vàng rằng người khôn, *Homo sapiens* rồi *sapiens sapiens* là giống người đã làm cuộc đại cách mệnh thứ hai trong tiến trình sống trên mặt địa cầu. Cuộc cách mệnh thứ hai này biến đổi sự sinh hoạt của con người, tạo ra một tâm lí mới, phát động sự xây dựng những văn hóa là ý hệ của các đời sống cộng đồng và làm ra lịch sử trong loài người.

Trước cuộc cách mệnh thứ hai mặc dầu đã đặt ra kĩ thuật rồi sáng tạo ra nghệ thuật, nhưng sự sống của con người vẫn còn gần như hoàn toàn sinh học, nhặt vặt và săn bắt những gì có sẵn trong thiên nhiên ở quanh để ăn uống rồi bài tiết, trú ẩn và trai gái theo thiên tính ở ngoài trời tại chỗ nào và vào lúc nào thuận tiện theo địa thế và thời tiết tự nhiên. Tích những hòn đá đã được đập đẽo thành những hình thù hữu dụng và lợi ích nhất vào một nơi cố định nào đó, nuôi dưỡng và bảo vệ ngọn lửa mà một bậc anh hùng trong bầy đàn đã lấy cắp đem về rồi thử thách để làm chủ được cái lưỡi lửa ghê gớm và tàn ác ấy, là những hành động thông minh và dũng cảm phi phàm, sửa soạn cho cuộc cách mệnh thành người, không có đường quay lại. Sự sửa soạn ấy mất bao nhiêu đời người? Vào thời ấy, cuộc sống của con người không khác giống vật bao nhiêu, mà sức của cơ thể con người cũng đại khái chỉ bằng một con hầu linh trưởng, một đời người trung bình có lẽ không quá hai mươi năm nếu bỏ đi không kể những đứa con chết non trước khi tròn năm tuổi. Bốn đến năm nghìn đời người là một con số lạc quan nếu chúng ta biết rằng cho đến ngày hôm nay vẫn còn rớt lại những bộ lạc người sapiens sống bằng sự nhặt vặt ở châu Africa và Australia. Một điều trớ trêu là sự nướng đồ ăn trên lửa đã làm chậm sự phát khởi nông nghiệp không ít, vì người ta bớt ăn sống nuốt tươi. Và một chút hiểu biết về môi sinh dẫn đến những tín ngưỡng sơ khai cũng ngăn trở việc trồng trọt khi Đức Thánh Mẫu Cả cũng là Đất Mẹ.

Cách mệnh nhóm lên theo thời gian vũ trụ thì cũng chóng vánh thành tựu, nhưng tính theo sự tuần du của trái đất quanh mặt trời thì cũng phải mấy nghìn năm mới gọi là ổn định. Về phương diện vật chất, có ba thực hiện lớn: thứ nhất là sự thuần hóa một số cây cỏ và súc vật cho phép có sự trồng trọt và chăn nuôi; thứ hai là sự xuất hiện của những dụng cụ đá mài, khác những đồ đá đập của thời đại trước; thứ ba là những tiến bộ trong sự dùng lửa cho phép giữ sức nhiệt để nung đất thành gạch ngói, và đất sét thành đồ sành, đồ sứ, mở đường cho những bước tiến kế tiếp khi bên cạnh cái ấm, cái nồi đất, cái phẫu, cái chum bằng gốm sẽ có những dụng cụ và mĩ vật bằng gang, bằng đồng, bằng thau, bằng sắt, bằng

thép... Quang cảnh của đời sống thay đổi gần như toàn diện. Núi đá có thể tương đối bền vững trong thời gian đầu, nhưng rừng bị phá và phải lùi dần trừ những rừng thiêng khí độc. Bên bờ các khúc uốn của những dòng sông có thể rất lớn nhưng hiền hòa, hiện ra những khóm hai phần, một phần để người ta ở với những túp lều có mái và vách và cái sân để chứa hay phơi, và một phần là ruộng nương vườn tược với giếng nước hay cái ao trồng rau nước và thả cá, với những khu có rào để nuôi những "con của," gà, vịt, lợn, cừu, trâu bò, ngựa, chó tùy nơi. Và bao giờ cũng có một chỗ nho nhỏ, cách biệt, nhưng không thể không

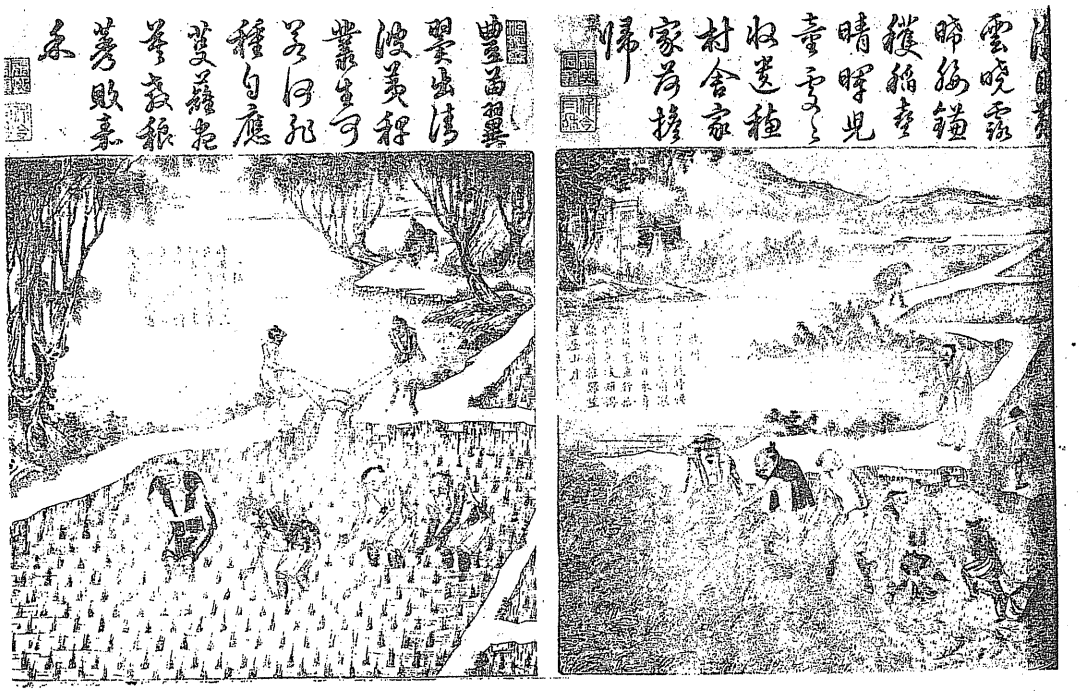

Công việc đồng áng ở Trung Hoa

phân định ra rõ ràng trong nhà, là cái bếp trong đó một đốm lửa hồng luôn luôn được giữ, được nuôi, được dấu, tuy là của riêng mỗi nhà đều có, nhưng vẫn đòi hỏi một sự canh phòng, bảo vệ, trông nom, đôi khi lên đến sự tôn kính, thờ phụng như một lãnh vực đặc biệt của tín ngưỡng nguyên thủy, khi người ta mới chiếm đoạt được lửa của mặt trời.

Ba thực hiện vật chất lớn của cuộc cách mệnh nông nghiệp gọi là tân thạch (cũng có thể gọi là hỏa công) không những tạo ra một mô hình phong cảnh mới trên mặt đất với những phức bộ gồm cái nhà có bếp và kho (bộ phận tiêu thụ) và ao, sân, ruộng vườn (bộ phận sản xuất), với những đường mòn để nối hai bộ phận của cảnh giới đời sống vào với nhau. Lại có những biến đổi cũng thu lại là ba, trong cách sống chung của những người trước kia lang thang trong trời đất vô bờ để nhặt vặt, săn bắt, rình rập, trốn lủi chung với nhau, và nay hợp sức với nhau để trồng trọt, chăn nuôi và tự vệ trong một cuộc mưu sinh mới, cũng vô cùng cực nhọc nhưng có một phần nào an toàn hơn, yên ổn hơn. Ba biến đổi đã thành hình trong cuộc sống sau cách mệnh tân thạch nông nghiệp, ba biến đổi lớn bao trùm những đổi thay và sáng tạo chi tiết: một là sự định cư, hai là ý niệm tương ứng, ba là ý thức biến đổi.

Biến đổi thứ nhất từ đời nhặt vặt sang đời gặt hái là sự định cư, hoặc cố thổ nếu điều kiện địa lí cho phép tạo ra được một cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ, hoặc chỉ bán thời, tùy mùa theo phép du canh hay du mục như ta còn thấy ở những vùng đồi núi hay những ven sông lụt lội. Sự định cư đòi hỏi những qui ước, dẫn đến, một mặt là những lệ, những phép ("đất lề quê thói"), một mặt là sự tổ chức tức là phân công và chuyên nghiệp đàn ông, đàn bà chia phận sự, việc công việc tư rõ ràng, sự sở hữu và những điều lệ của sự sống chung trong cộng đồng tự nhiên được đặt ra và dựng lên, dần dần thành những điều bắt buộc gọi là thói phép hay "luân thường đạo lí." Những khóm người định cư cố thổ như vậy, tự gọi là hàng, là xóm ở Việt Nam, là buôn là bản ở miền cao nguyên, là thôn, xã, hương ở Trung-quốc; tuy không còn như các bộ lạc, *tribu,* và các bầy đàn sơ thủy, *band* vì hi sinh sự

bình đẳng và tự quyết, đều đã đi vào sự phân công và tổ chức, nhưng các làng, xóm vẫn còn là những cộng đồng đóng, biệt lập, muốn giữ riêng các sắc thái của mình: điển hình của làng ở Việt Nam là lũy tre xanh, những bức tường kiên cố di sản của thời thái cổ; sau này sẽ cản trở sự phát triển kinh tế, giam hãm con người trong những vòng đai chật hẹp và ngăn chận đất nước thực hiện được sự thống nhất pháp lí và chính trị. Một điểm then chốt trong vấn đề sống còn của quốc dân Việt Nam. Sự thành lập xóm làng là một bước tiến lớn của dân ta hơn một vạn năm trước đây, trước khi có thời Hồng Bàng. Sự tồn tại của làng mạc, trong đời sống, trong tổ chức, trong tinh thần, đã thành một sự kiện quái đản với nước Việt Nam đang bước vào Thiên kỉ thứ Ba với khoa học kĩ thuật hiện đại, với trào lưu dân chủ tự do, với những chương trình phát triển toàn cầu và với thiên la địa võng của các Internet. Tôi sẽ trở lại vấn đề.

Sự biến đổi lớn tôi kể là thứ hai trong cuộc cách mệnh nông nghiệp tân thạch và hỏa công là một biến đổi trong trí thức. Người ta đột nhiên thấy rằng mọi sự xảy ra trước mắt không rời rạc lẻ tẻ như khi xưa đang còn kiếm ăn và săn mồi trong rừng hay ở những đồng cỏ hoang bát ngát: đang yên lặng, một khúc cây khô nằm cứng ở bờ sông bỗng chuyển động thành một con cá sấu bơi rất nhanh và có đôi hàm răng ngoạm mạnh nhất thế gian; một bụi cây hiền lành bỗng lay động và ngay đó hiện ra đôi mắt sáng quắc ánh điện quang của một con hổ vàng vằn đen trước khi hơi thở và mùi hôi của nó trào đến mặt mũi mình. Nhưng từ khi biết gieo mấy hạt bí vào một đống phân chó hay phân chồn, hoặc chọc một cái lỗ xuống đất rồi thả vào một hạt thóc với vài giọt nước, thì biết trước rằng sẽ có một thứ cây hay cỏ gì mọc ra ở đúng chỗ đó, không sai chạy. Dần dà biết được cả rằng khi nào chim non ra đầy trời thì các cây sắp nảy lá, cỏ mọc khắp đồng và người ta có thể đi hái được nhiều rau về ăn. Rồi biết nhìn trời để tính ngày trồng một loại cây thích hợp.

Sự ghi nhận những liên hệ giữa hai vật có trước rồi mới đến sự nhận thấy có cả những liên hệ giữa hai sự, mà ta gọi là hiện tượng. Đây là khởi điểm của *ý niệm tương ứng,* dẫn dắt đến sự sáng tạo ra những *biểu tượng,* rồi những *dấu hiệu,* căn bản của huyền thoại rồi của ngôn ngữ. Về lí thuyết, con đường không ngắn và không dễ. Trong thực tế, không ai biết đã phải bao nhiêu trăm năm để xây dựng nên một hệ huyền thoại và bao nhiêu lần như thế để chắp nối những hệ ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa vào với nhau một cách êm thắm mà làm thành một ngôn ngữ khả dụng cho một cộng đồng. Có những khả năng thiên phú mới mà homo sapiens được hưởng: một cái xương hyo-dạng được nâng cao cho các cơ lưỡi uốn éo múa may thực dẻo, những cơ hầu và khẩu cái mềm mại để biến cái hộp miệng-mũi thành những hình mà sự nhai, sự nuốt không cần đến, và nhất là một khối óc phức tạp, phong phú, tinh vi, có thể tự biến để làm những việc mới, như chưa bao giờ được thấy trong các dòng tiến hóa sinh vật trên mặt đất. Đời sống tạo ra những khó khăn thách đố. Sự sống chung cho những cơ hội và những vấn đề. Những đụng chạm lân cận cho phép sự khuếch tán hiểu biết, với sự bắt chước và vay mượn. Trong sự làm, sự chơi, ngay cả lúc nhàn rỗi nghỉ ngơi, có chung đụng, có trao đổi, có chia xẻ, có vui đùa và cả cãi cọ, bất hòa, là có sáng tạo. Cùng với ngôn ngữ, văn hóa được hình thành, tô điểm và nhuộm màu tất cả cuộc sống từ lúc sinh ra cho đến lúc chết và ra ngoài sự chết nữa: biểu tượng và nghĩa lí thấm nhuần toàn thể đời sống: sự sống không còn hoàn toàn sinh học hay sinh lí, sự sống sinh học chỉ còn là một sự cần thiết không-thể-không-có, nhưng đáng khinh, đôi khi phải kiềm chế, phải dấu diếm. Ở trên, còn có đời sống văn hóa, mà cuộc cách mệnh nông nghiệp tạo dựng lên, như những cái vườn Eden của người, có đường đi trải đá, có những mũi tên chỉ lối, có hoa lá cành khắp nơi và đâu đâu cũng có những cây táo cấm.

Một sự biến đổi thứ ba nữa mà cuộc cách mệnh nông nghiệp làm ra với những thành quả sâu xa trong đời sống là sự phát khởi của *ý thức biến đổi.* Một nhà hiền triết Helen trước Socrate đã chính thức tuyên bố rằng mọi sự, mọi vật biến đổi. Người ta chỉ biết có đăm ba câu mà ông đã nói ra, và không một ai dám nhận là hiểu được rõ ông muốn nói gì. Nhưng có một câu không bí hiểm lắm, khẳng định rằng *"Người ta không bao giờ rửa chân được hai lần trên cùng một dòng nước."*

Trong thời đá cũ, người ta không có dịp để thấy được vạn vật luôn luôn đổi thay. Sống bằng sự nhặt vặt, thấy một trái cây ăn được dầu ở dưới đất hay trên cành, cũng cầm lên hay hái xuống ăn liền, không ai đứng dưới gốc cây chờ xem cái quả nó chín rồi rụng như thế nào. *Ôm cây đợi thỏ* là một việc làm ngu xuẩn, nhưng đó là cái ngu tiến bộ của người nhà quê, trong thời nông nghiệp. Người mọi rợ không biết gì về ruộng vườn, không bao giờ

biết chờ đợi là gì cả: thấy con thỏ chạy qua, gần thì chộp, xa thì văng ra một hòn đá đang nắm trong tay. Còn người nhà nông thì suốt đời chờ và đợi. Cái đức lớn của nhà nông là sự kiên nhẫn. Một câu ca dao của người thợ cấy Việt Nam hát rằng: *Trông cho chân cứng đá mềm.* Quí vị có hiểu không? Chân cứng đá mềm. Lâu hơn là vĩnh cửu. Về phương diện triết lí, ý thức biến đổi có hai mặt. Mặt chủ quan là sự hi vọng, dẫn đến đức kiên nhẫn của người nông dân. Mặt siêu hình là giáo lí của Đức Phật: tất cả các pháp (*dhamma*), với nghĩa là "niệm," đều vô thường (*anicca*), biến hoại (*dukkha*) và trống rỗng hay vô ngã (*anatta*).

Ý thức biến đổi là kết quả của những nhận xét so sánh trên dòng thời gian và đòi hỏi một tư duy biết trừu hóa, nên phải phân biệt thứ bực từng lớp. Ở hạ từng nó dạy người ta tính toán ước lượng và biết lo lắng cũng như nuôi hi vọng, nhưng chớ quá đà quá lố mà thành ra những chuyện vui cười "ôm cây đợi thỏ" và những ngụ ngôn "con gà đẻ trứng vàng" hay "cô Pierrette đội bình sữa lên tỉnh với giấc mộng sẽ mua được một con bò và nhảy cỡn theo bò, làm đổ vỡ cả bình sữa và giấc mộng vàng." Lên trên một bực nữa, ý thức biến đổi vào trong cấu tạo ngôn ngữ và tạo ra sự uyển biến cơ cấu theo những mô hình cơ năng phức tạp làm cho tư tưởng của con người càng thêm phong phú và lắt léo. Cuối cùng, sự phát khởi của tôn giáo, triết lí, khoa học, nghệ thuật cũng do những vận dụng kì diệu sáng tạo của ý thức biến đổi này, cặp với tư tưởng biểu tượng và trí tưởng tượng tự do của con người trong cuộc cách mệnh nông nghiệp. Vấn đề lớn quá để tôi có thể nói ra được, dầu chỉ là phác họa sơ sơ một vài nét chính yếu. Chỉ xin ghi lại ở đây rằng sự nhận định về tính cách tất yếu tất nhiên của sự biến đổi trong thiên nhiên — như hạt giống nảy mầm thành cái cây rồi lại ra hoa ra trái với những hạt giống nằm trong, như quả trứng nở thành con gà rồi con gà lại đẻ ra trứng, như thời tiết và vạn vật cùng với mặt trời xoay vần hết một vòng xuân-hạ-thu-đông rồi lại tái sinh với một mùa xuân mới, — đã được bổ túc bằng nhận định về những vòng biến đổi và khám phá rằng vòng biến đổi thì không biến đổi; và bằng sự thấy rằng trong sự biến đổi sắc hình, vẫn có một cái gì tồn tại mà người ta có thể nhận ra. Platon tưởng tượng ra những Ý ở một cõi lí tưởng, Kant đặt ra cái Noumen Chân-tướng bất biến trên các phenomen hiện tượng, các nhà tư tưởng Mĩ, Pháp, Thụy Sĩ mới đây đặt ra cái cấu trúc hay cơ cấu, Drawin dựng nên Thuyết Tiến hóa để giải thích sự xuất hiện của một chi tiết mới trong một dòng dõi, Lavoisier nhận định rằng các hóa chất thay đổi, nhưng "không có cái gì được tạo ra và không có cái gì mất đi hết," các nhà vật lí học cũng đi đến kết luận rằng trừ có nhiệt năng, các năng lượng biến cải vòng quanh mà luôn luôn được bảo tồn không xuống trật...

Về phương diện tâm lí, sự thay đổi của con người từ đời sống nhặt vặt vô định luôn luôn bất an sang đời sống trồng nuôi cố thổ chỉ có thể được mường tượng ra là rất sâu rộng, nhưng không thể nào có thể định rõ được vì những người còn sống tự nhiên dưới trời, với những hòn đá đẽo và vài cái que để bới đất đào củ không còn bao nhiêu nữa; họ cũng không còn là những người cựu thạch thuần túy, vì những bố thí vật chất và những xâm lược truyền đạo đã làm cho họ suy đồi và mất tính nhiều lắm. Còn với các người tân thạch sống bằng nông nghiệp thì lại có những khó khăn khác, vì họ quá biệt tạp trong những văn hóa khác nhau mà họ đã tạo ra để đáp ứng với cảnh giới nơi định cư và những thách thức của cuộc sống mới bởi việc trồng trọt và chăn nuôi. Chắc chắn rằng phần đông không còn phải luôn luôn cảnh giác để tự vệ trước những xuất hiện đột ngột có thể cực kì nguy hiểm không những của thú dữ mà còn của thiên nhiên được gọi một cách kính cẩn là tứ đại, đất, nước, gió, lửa, lúc nào cũng có thể trở nên hung dữ điên cuồng và có thể bất cứ chỗ nào, dấu những bất trắc lừa dối, làm mất mạng và tuyệt tích cả một bầy đàn. Những hung hiểm và thiên tai vẫn còn trong việc canh nông và chăn nuôi, nhưng sự định cư cho phép tích tụ và truyền dạy một số kinh nghiệm để tiên đoán, đề phòng, chống trả và trốn tránh với ít nhiều hiệu quả, và đôi chút lòng tin, tăng dần với thời gian. Sự sợ hãi và căng thẳng bớt đi, cùng với tính hung dữ tàn bạo; dần dần, người ta có thể trở nên hiền lành, chín chắn và tìm thấy cả sự vui trong cảnh thanh bình, phẳng lặng. Tất nhiên rằng lòng can đảm, chí xông pha nhụt đi dần, sự nhanh nhẹn và sức mạnh của thân thể cũng giảm bớt khi đời sống phóng khoáng ngoài trời, giữa đồi núi hoang vu đã mất đi, thịt rừng đổi thành những bữa cơm rau điểm vài miếng thịt gà không phải hằng ngày đều đều có. Sự dũng cảm cũng còn được trọng đãi, nhưng sự khôn ngoan làm tiết giảm nhiệt huyết của người ta đi nhiều và sự kiên trì, bền chí dần dần được coi là hình thức rất cao của lòng can đảm. Trên phương diện

đạo đức, sự tự chiến thắng là tối thượng và phi thường. Đó là sự dũng mãnh của bậc thánh vượt lên trên cái dũng khí của kẻ thất phu. Trong những xã hội nông nghiệp đã tổ chức một cách tinh vi có thể nói là tột đỉnh như Trung Hoa và Việt Nam, sự biến thiên biện chứng đã dẫn đến một sự kiện tưởng như nghịch lí nhưng bắt buộc tất phải là sức khỏe của người nông phu gọi là "vai u thịt bắp" bị khinh rẻ khi từ giai cấp nông dân đã thoát thai ra một giới sĩ phu coi thường thể xác và chỉ trọng sức mạnh tinh thần để lãnh đạo toàn thể nhân quần tiến tới đại đạo thiên hạ thái bình dưới sự thịnh trị của ý hệ nông nghiệp tuyệt đối. Người nhà nông buộc mình vào với ruộng vườn, tự nhiên nảy ra tình yêu quê hương, nở rộng ra là lòng yêu nước. Sống nhờ đất, chết lại gửi thân vào lòng đất, nằm trong nấm mồ như nằm lại trong dạ mẹ chờ ngày tái sinh, hoặc không thì da thịt cũng sẽ cùng với da thịt cha mẹ tổ tiên hòa vào trong đất rồi đi vào ngọn lúa củ khoai mà trở về trời đất. Những tín ngưỡng sơ khai của đời nông nghiệp có sự thờ đất, có sự thờ cúng tổ tiên và hiếu đạo, có sự tin tưởng vào dòng giống của người cũng như thóc lúa, có sự hiểu biết trực giác về lẽ tuần hoàn tự nhiên của trời đất từ việc nắng mưa đến mầu xanh tươi của cỏ cây, mùi thơm ngát của bông lúa và những làn sóng lượn trên đồng ruộng như ca hát, nhảy múa mỗi khi có một làn gió mát thổi qua.

Cảnh cấy mạ ở Nhật Bản

Nhưng cái giá phải trả để có sự yên ổn thanh bình ở đồng ruộng thôn quê không phải là rẻ. Tôi mới chỉ nói đến những gì con người sơ khai mất đi, phải hi sinh để thoát khỏi sự bất an vô định, đói rét bơ vơ trong những khung cảnh vô tình. Những cái mất đi tuy đáng tiếc, nhưng có cái được để bù đắp lại, bỏ cái này lấy cái kia cũng không đến nỗi thiệt thòi. Nhưng trong nông nghiệp lại còn có những không ngờ, và những không ngờ đã là những đau khổ và đe dọa triền miên không ngớt của những nghìn năm sau cuộc cách mệnh đổi đời.

Trước hết phải nói rằng sự trồng trọt chăn nuôi không phải là nhàn hạ, "ngồi mát ăn bát vàng." Đời săn bắt nhặt vặt cựu thạch chuyển sang nông nghiệp chăn nuôi chỉ đổi sự bấp bênh và nguy hiểm bất thường lấy sự khó nhọc lo lắng liên tu vô tận; và trong nhiều đời, nhất là lúc đầu, vẫn là đói khó. Vì vậy nên tín ngưỡng đã là một cần thiết trong đời nông nghiệp. Không phải vì luân lí đạo đức, hay vì những khát vọng cao xa này kia: chưa có bóng hình của những ước mơ ấy. Mà vì sợ. Sợ cái mù mịt tối tăm mình đang đứng trước. Bỏ hòn đá mẻ trong tay xuống. Cầm lên một cành cây khô, đào một cái lỗ dưới đất rồi bỏ vào đó một trái cây hay một cái hạt. Rồi sao nữa? Không có một con nai, con thỏ nào ngã xuống giãy đành đạch trước mắt. Hoàn toàn im lặng. Ghê quá! Tối nay, tối mai ăn gì? Nướng gì trên ngọn lửa? Bảo rằng từ dưới đất nó sẽ mọc lên một cọng cỏ hay một cái cây. Nó là ai hay cái gì? Nó ở trong cái trái, cái hạt, sao không thấy? Sao đốt cái trái và cái hạt trên lửa, nó không kêu, không rên? Mà rồi lỡ nó không mọc thì sao? Có cái gì cấm được nó mọc chăng? Không cho nó trồi lên, như con hươu què không chạy được? Hoặc làm nó mọc, rồi nó bay vèo đi như con chim? Cái gì sẽ đến, cái gì sẽ xảy ra? Bao giờ? Từ đây đến đó, có làm gì được không? Mà "đây" với "đó" là gì? Có xa bằng từ đây về nhà không? "đó" là đâu?

Đến khi biết một chút đỉnh rồi, thì lại có những mối lo khác, và vì đã có tín ngưỡng thì

xin hay cầu. *Lạy Trời mưa xuống/lấy nước tôi uống/lấy ruộng tôi cầy...* "Trời" có thương người không? Có mưa cho không?

Hoặc là ghi nhớ được trong trí. Đời này sang đời khác, truyền lại cho nhau. *Quầng cạn, tán mưa. Chuồn chuồn vỡ tổ thì bão. Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy...* Một khoa học kinh nghiệm hiện sinh đang bập bẹ, sắp lững chững. Biết bao giờ nó mới đứng được và nói lên lời? Hai đứa con của nông nghiệp, tín ngưỡng và khoa học, đứa nào sẽ lớn lên, đứa nào sẽ chết yểu, và ngày mai đây, dẫn dắt mọi người trên con đường vô định là ai? Chắc chắn không phải là những người đi bước đầu vào cách mệnh. Họ không biết gì cả. Vả lại họ đã chết từ lâu. Họ là các Tổ Tiên được hương hoa thờ cúng. Sau năm đời thì phải mai thần chủ: chôn bài vị đi, không nói đến nữa, để cho con cháu sống.

Trong thời đá cũ, rải ra cả triệu hay hai triệu năm hơn, con người lan rộng ra gần khắp mặt địa cầu từ Bắc cực đến Nam cực, chỉ trừ những chỗ nào mênh mông toàn nước mặn hay bát ngát không có lấy một giọt nước lỏng lung linh; nhưng cùng khắp và trong tinh yếu văn minh cựu thạch là một, và những khác biệt chỉ là những chi tiết nhỏ nhặt mà người ta phải chấp nhận vì địa lí hay địa chất bắt phải làm theo nếu không muốn phao phí sức người không lí do, không lợi ích.

Nhưng vào thời đá mới thì hết sự đồng phục, chỉ còn những khác nhau, thuần những khác nhau. Các khu vực địa lí khác nhau. Các nền văn minh, các hạt văn hóa khác nhau, các nước các làng khác nhau. Các nghề nghiệp, các tầng lớp khác nhau. Tôi và bác, ta khác nhau. Chỉ trong vòng hơn mười nghìn năm gần đây, sự như nhất của loài người đã nứt cạn dần rồi vỡ nát. Trong vòng hơn một nghìn năm cuối cùng, cá nhân hiện ra trong loài người với những tiếng nói càng ngày càng lớn, nhiều khi như vỡ chợ, một hiện tượng không được thấy trong một loài nào cả, trừ loài người.

Một nguyên nhân gây dị biệt là sự khởi phát nông nghiệp đã xảy ra ở những vùng khác nhau vào những thời gian khác nhau trong những điều kiện khác nhau, một cách độc lập ở mỗi vùng.

Những khám phá mới nhất của khoa khảo cổ nói rằng trong văn minh Hòa Bình, tại gò Non Nok Tha và Ban Chiang, Bắc Thái Lan, một loại lúa gạo giống như lúa
ysa sativa ta ăn ngày nay đã được thuần hóa và thóc được đựng trong những thạp sành bằng đất nung. Cách mệnh nông nghiệp đã manh nha. Như huyền thoại của dân sơn cước Việt Nam kể, cây lúa nước gọi là lúa ma đã theo chân người về nhà. Và người ta đã biết đắp lò nuôi lửa để nung đất. Tại Non Nok Tha, không có dụng cụ đá mài, nhưng ở Hòa Bình, cái lưỡi rìu đá mài đã xuất hiện. Người Non Nok Tha có phải là người Hòa Bình không? Không biết, vì không tìm thấy xương hóa đá; nhưng dạng vị/*non*/trong tên gò *Non Nok Tha* có thể là một cùng gốc *cognate* với *phnom*/trong *PnomPenh* ở Campuchia, và với/*non*/núi trong *non nước, non bộ, núi non* của Việt ngữ. *Còn non còn nước còn dài...*, thơ của Tản Đà. Những khám phá này của ban Khảo cổ Hawaii đã được một vài nhà khảo cổ Russia (Sô Viết) và Australia (Úc) ủng hộ, nhưng chưa được thế giới khảo cổ công nhận. Nếu đúng thì nông nghiệp đã phát khởi đầu tiên ở Đông Nam Á Châu, trong nền văn minh Hòa Bình vào khoảng 12,000 năm trước đây. Không có chi tiết cụ thể nào thêm nữa trong hiện tại. Sự trồng lúa lan rộng ra khắp Đông Á và Nam Á sang đến các đảo thuộc Indonesia như thế nào, chưa có một sự hiểu biết rõ ràng với những chứng tích đích xác. Lúa gạo được truyền lên đất Trung Quốc từ miền Nam theo những lộ trình và thời biểu đã được khảo định, nhưng xuất xứ chưa rõ vì giữa sự thuần hóa giống lúa nước ở khu vực văn minh Hòa Bình và sự xuất hiện của lúa gạo ở miền Nam Trung Hoa, còn có một thời tối tăm đòi hỏi nhiều khai quật thám sát nữa.

Những khu vực khai sinh khác của văn minh nông nghiệp đã được khảo sát một cách tinh vi bằng những phương pháp khoa học tân kì nhất, trên rất nhiều di chỉ được khai quật cẩn thận, kĩ lưỡng, như những đất thánh. Người ta hiểu rằng đây là lúc văn minh cất cánh. Các nước có những di chỉ ấy tự hào rằng với họ, tuổi khai sinh của lịch sử không còn đầy đặc bóng tối và họ đã đóng góp vào một bước tiến bộ quyết định của nhân loại. Khu vực gọi là Bán nguyệt Phì nhiêu ở Tiểu Asia với vùng Lưỡng Hà trong một vị trí then chốt là khu nông nghiệp cổ điển đầu tiên: chuyển bánh vào khoảng 11,000 T.K, thực sự và hoàn toàn tân thạch, nông nghiệp trên hai mặt trồng trọt (lúa mì), chăn nuôi (dê, cừu) và có hỏa công tiến bộ vào khoảng 8500 TK, rồi bước vào văn minh với chữ viết, toán học, thiên văn sau đó. Egypta (* Ai Cập) là khu vực thứ hai, lân cận. Văn minh Mohenjo Daro ở lưu vực sông Indus nối tiếp liền nhưng đã tàn lụi sớm, chưa rõ hẳn là vì lụt lội, thiên tai, hay vì sự xâm lăng tàn sát của những dân du

mục Aryan. Văn minh Hoàng Hà ở miền Bắc Trung Quốc cũng sàn sàn vào tuổi ấy (mì, kê) nhưng sau khi được phát hiện và đang khảo sát thì bị cuộc Chiến tranh Nhật Hoa làm thất tán hết những di vật quan trọng nhất, kể cả các sọ người nay không còn tang tích. Ở Châu America (Mĩ), văn minh nông nghiệp nổi lên sau Á Châu, và đã có những đóng góp lớn: ngô, khoai, bí dưa và một số cây sơ (bông gòn) và cây thuốc. Cuối cùng là đảo Tân Guinea, với khoai lang và mía. Nông nghiệp Âuropa (Âu Châu) tiếp nhận từ Tiểu Asia qua sự khuếch tán bằng đường bộ nên tương đối chậm: thiên kỉ 6900-6000 TK thì đến bán đảo Helen; thiên kỉ 5900-5000 TK thì có mặt ở đất Đức và Italia, thiên kỉ 4900-4000 TK thì đến đất Pháp. Vì nông nghiệp được tiếp thu chậm, nên ở Âuropa, các cuộc du thực lớn lao hoang loạn của người ta liên tục xảy ra trong tiền sử và được nối tiếp cho đến đầu Thời Trung Cổ, làm tan hoang ít là hai nền văn minh lớn. Văn minh Indus ở Bán đảo India và văn minh Roma ở Itali và châu Âuropa. Nhưng dần dần, đời sống cũng ổn định nhờ chế độ nông nô (*serf*).

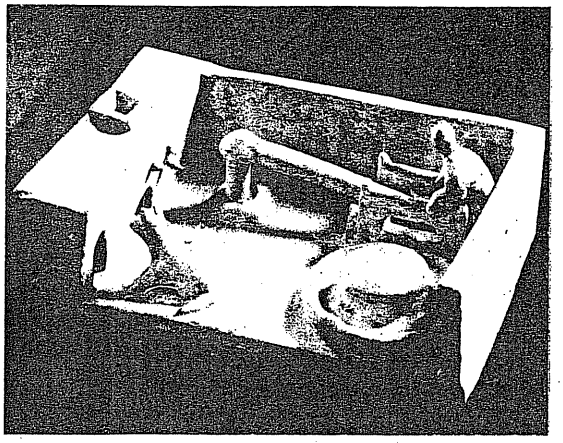

Mô hình cối xay gió của Trung Hoa

Sự xây dựng văn hóa là một sự kiện chỉ mới thực sự bắt đầu khi nông nghiệp cột chân con người vào với đồng ruộng và tạo ra những cộng đồng tương đối cố thổ. Một nguồn gốc nữa của sự dị biệt và chia rẽ giữa các khối người đã bắt đầu từ đây trong sự xây dựng văn hóa, một mặt có sự học hỏi và bắt chước nhau trong các giao thiệp và đổi chác, — quan trọng nhất là sự đổi chác người qua chế độ ngoại hôn (exogamia), — mặt khác có sự cố gắng xây dựng và giữ gìn sự đặc thù của mình, mà các làng Việt Nam gọi là "lệ" làng, các thôn ở Trung Hoa gọi là "phong tục" và "phong thái" của thôn, nhân chủng và dân tộc học ngày nay gọi là "văn hóa" *(culture)*, là yếu tố biểu lộ nhất của "căn cước tính" của một cộng đồng *(identité de la comminauté)*. Sự phân biệt *ta* và */khác/không ta (người)* được xác định bởi danh từ */kẻ/* dùng để chỉ những bọn người *kia*, xa và khác ta vì một vài đặc cách trong sự sống. Đó là gốc của sự bất hòa dẫn đến những xung kích, đấu tranh và chiến trận của lịch sử.

Lịch sử là một phó sản của cách mệnh nông nghiệp. Tự nó, nông nghiệp đã là lí do và nguồn gốc của chiến tranh giữa loài người vì nó tạo ra những đảo, rồi quần đảo khác thường trong cái biển lớn không bờ của văn minh cựu thạch. Trước hết, môi trường tự nhiên bị biến động, nhiều loài vật phải đổi chỗ ở khi rừng rú và đồng cỏ bị thay thế bởi ruộng vườn. Sự sở hữu đất đai đưa đến sự xây dựng những hàng rào, những hào lũy, những tường vách; không phải như Jean Jacques Rousseau viết, rằng người đầu tiên cắm cọc để quây mảnh đất của mình lại, không cho người khác vào bứt trái đào củ, đã tạo ra sự sở hữu. Lòng sở hữu đến trước: muốn giảng nó là một biến thể của lòng tham, một sự nở rộng của cái ngã nhỏ bé của mỗi sinh vật ra ngoài cái bao da của thân thể, hay một tính tự nhiên truyền lại từ cuộc đời săn bắt tiền kiếp như con sư tử vồ được và quật ngã một con hươu thì đặt hai chân trước lên cái xác con hươu, nhìn ra chung quanh cho đến chân trời rồi gầm lên để tuyên bố "Cái này là *của* ta." Trong ngôn ngữ của người Việt, */của/*là hình thức *thụ* của động từ */có/*, */có/*là hình thức *động* của thụ từ */của/*, chẳng mấy khi ở trong một ngôn ngữ nào mà có một liên hệ hình thức và ý nghĩa rõ ràng, minh bạch, giản dị và thâm sâu như thế. Cho nên tôi lật lại cái thuyết vô phí vô căn của đại văn hào Jean Jacques: câu văn tráng lệ của ông đã gieo vào quyền sở hữu một ý niệm xấu xa bỉ ổi không thực, mở đường cho những cuộc cách mệnh đẫm máu trong hai thế kỉ qua. Nay là lúc phải nói lại: sở hữu là một quyền tự nhiên và tất nhiên khi cái *có* là kết quả của một công việc phải đổ mồ hôi, đòi lo nghĩ và có khi ném cả cái sinh mệnh vào để cố và mong được có. Sự rào giậu để xác định một sở hữu và ngăn cản những xâm phạm chỉ là một hành động phòng ngừa sự mất mát: không phải là mất đất, mà là mất *của*, mất cái ta *có* nhờ công lao khó nhọc, mồ hôi nước mắt, lo lắng tính toán và có khi cả sức khỏe và sự sống của ta. Đó là ý nghĩa thâm trầm của câu tục ngữ *Mất của mới rào giậu*. Người ta

được khuyên nên hay phải rào giậu trước, để khỏi bị mất *của*. *Của* có một ý nghĩa phủ tạng sâu hơn *sở hữu* nhiều. Để giảm hay phá bỏ cái tính cách phủ tạng ấy đi, phải chờ đến khi Đạo Phật nhập tâm rồi, mọi người hiểu rằng sự giữ *của* chỉ là một cái chấp mà cỗi rễ là sự chấp *ngã* thì sự *cho* mới được coi là một rứt bỏ, một giải thoát. Hoặc để nói cho đúng xã hội và tâm lí học hơn, *cho* mất cái nghĩa *chác* (đổi) và có nghĩa ngày nay là "bố thí."

Khi có những hàng rào được dựng lên để ngăn chận chồn sói và giữ gìn của cải, thì sự săn bắt tất nhiên gặp những chướng ngại và cản trở. Khi những hàng rào của một thửa ruộng, một nương dâu hay một khu vườn được mở rộng ra thành một cái lũy hay một vòng đai cho cả một xóm làng với tính cách chiến lược, thì khu vực săn bắt tự do tất phải bị đẩy lui và thu hẹp mà sự lùng đuổi cũng như sự thu nhặt bị khó khăn phiền phức không ít. Thêm vào đó là những đụng chạm cọ xát khó tránh mà người ta hiểu lầm là những khiêu khích gây sự. Ẩu đả là chuyện nhỏ, nhưng có thể đi đến giết nhau, rồi đến những sự báo thù lớn, chiến cuộc, chiến sự, chiến tranh, để tàn phá, cướp bóc, xâm chiếm tiêu diệt.

Lịch sử của thời đại nông nghiệp, trên mặt nổi của các sự cố, trước hết là lịch sử đấu tranh giữa các nhóm săn bắt, nối tiếp bởi các khối dân du mục với các xã hội nông nghiệp cố định. Ở châu Âuropa, những chiến tranh và cướp bóc này kết hợp với sự nổi lên của các khối dân du mục Moslem ở Bể Địa Trung, đã tàn phá Đế Quốc Roma (La Mã) và khai sinh ra Thời Trung Cổ. Ở Asia, các xâm lăng du mục vào văn minh nông nghiệp bắt đầu với những đợt người Arian chăn bò, có ngựa, có xe, vào Tiểu Asia, Lưỡng Hà địa và India; rồi tiếp theo là các dân du mục Khuyển Nhung, Hung Nô, Nhục Chi, Khất Đan, Mông Cổ, Mãn Châu lần lượt xâm lăng Trung thổ và ít nhất là hai nếu không là ba lần lập đế hiệu trên Trung Quốc. Sự du mục du canh ngày nay không còn dũng mãnh và bớt nhuệ khí đi nhiều so với ngày xưa; nhưng khối du mục Moslem vẫn còn giữ tinh thần tranh đấu mạnh mẽ; sự phú cường của họ không còn dựa nhiều vào việc chăn nuôi nữa và đã chuyển sang dầu hỏa. Với sự cuồng tín của một tôn giáo tương đối trẻ nhất trong loài người, chưa biết lúc nào đại khối Moslem lại tổng động viên để lao vào một cuộc chiến khốc liệt ở một mặt trận lớn có thể bằng một phần tư mặt đất.

Chiến tranh giữa các quốc gia là một hình thức quan trọng khác của đời sống nông nghiệp. Sự tụ hội của các bộ lạc thành những nhân quần lớn hơn là sự kiện biện chứng tự nhiên của việc canh tác có tổ chức. Trong lịch sử, ta gọi là "văn hiến." Sau khi đã định cư cố thổ để trồng trọt ruộng vườn, chăn nuôi gia súc xây dựng gia đình, thì dân số tăng lên nhanh hơn, đất đai cũng phải nở rộng; một mặt để tránh những tranh chấp giữa các khóm người cùng sống bằng sự canh tác, một mặt để tự vệ trước những kẻ lạ có thể đánh phá, xâm nhập, người ta đi tới những thỏa thuận đối nội, đối ngoại để lập quốc.

Sự thành lập những quốc gia đi song song với sự nảy nở của những khối quốc dân. Vì những điều kiện lịch sử, có nơi lập quốc sớm, có nơi lập quốc muộn. Có khi tự nhiên mà thành, nhẹ nhàng, hòa bình, có khi là do bàn tay thép của một nhóm người lãnh đạo, có nơi có sự sát nhập ức chế, bằng võ lực. Sự thống nhất lòng người ít khi không có vấn đề, do đó cho đến ngày nay, nhiều nơi còn có sự đánh dẹp, còn có sự phủ dụ vỗ về và còn có cả sự huyết tẩy. Để mưu đồ sự thống nhất, nhà Hán xưa bày ra thuyết Hán tộc trên căn bản văn hóa trong đó hán tự và phong tục đóng vai trò then chốt. Ở Âu Châu, lí thuyết quốc dân tính (Nationalitat) được triết gia Fichte đặt ra trong những bài diễn giảng hướng về "Quốc dân Đức." Đó là những ý hệ đế quốc chủ nghĩa dẫm lên quyền tự quyết tự do của con người. Từ những căn bản lí thuyết ấy, người ta đặt ra những lí do để xâm lăng, chinh phục, nói mách quế rất thẳng là cướp đất, cướp nước. Các chủ nghĩa quốc gia bắt nguồn từ đó. Trong thực chất lịch sử, chủ nghĩa quốc gia là những bệnh hoạn của lòng yêu nước và là nguyên nhân tân thời của chiến tranh trong ít là hai thế kỉ ở Âu Châu, bắt đầu từ Bismarck ở Đức, và đưa tới chủ nghĩa Fát-xít của Mussolini ở Ý, chủ nghĩa Nazi (Quốc xã) của Hitler ở Đức, chủ nghĩa Cộng Sản Đệ Tam của Stalin ở Liên Sô và chủ nghĩa Đại Đông Á của Nhật Bản. Nhưng ở Việt Nam, ta đã khổ vì nó từ khi Tô Định rồi Mã Viện theo lệnh của Hán Quang Vũ, dẹp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng để hán hóa dân ta; và nay ta đang khổ vì nó trong một sự đồng hóa khác do kế hoạch của Stalin. Tuy rằng nay loài người đã sang những thời khác, nhưng chủ nghĩa quốc gia, một phó sản bệnh tật của cuộc cách mệnh nông nghiệp, cái ung nhọt của lòng yêu nước cao cả, chính đáng, vẫn còn đe dọa hòa bình trên thế giới và ngăn cản sự tiến bộ của loài người.

(Còn tiếp)

NƯỚC MỸ CHỌN ỨNG CỬ VIÊN TỔNG THỐNG

VƯƠNG HỮU BỘT

Nước Mỹ có hai đảng lớn, một đảng nhỏ và hàng chục đảng chính trị li ti khác. Nhiều đảng sẽ có người đại diện ra tranh cử Tổng thống năm nay. Có những nhân vật rất được kính trọng, như ông Ralph Nader sẽ đại diện Đảng Xanh tranh cử. Nhưng mục đích chỉ để cổ động cho những chủ trương bảo vệ sinh môi và bảo vệ giới tiêu thụ, chứ không có chút hy vọng nào. Chỉ có cuộc chạy đua trong hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa là được chú ý.

Từ năm ngoái, giới lãnh đạo hai đảng đã dồn sự ủng hộ cho Thống đốc George W. Bush, bang Texas, và Phó Tổng thống Al Gore. Mùa tranh cử năm 2000 chỉ hào hứng từ đầu tháng Hai, sau khi Nghị sĩ John McCain, bang Arizona thắng ông Bush bất ngờ với mức chênh lệch 18 điểm trong cuộc tuyển chọn của đảng Cộng Hòa ở New Hampshire. Cuộc đua tiếp tục gay cấn cho đến ngày quyết định 7 tháng Ba, bầu sơ bộ ở 15 tiểu bang, trong đó có những tiểu bang lớn với nhiều đại biểu dự Đại hội đảng, như California, New York. Sau ngày "Thứ Ba Siêu đẳng" đó, ông John McCain đã chịu thua và Nghị sĩ Bill Bradley cũng phải nhường Phó Tổng thống Al Gore trong đảng Dân Chủ.

Bầu cử sơ bộ là một định chế đặc biệt của nước Mỹ. Ở các nước Dân chủ, các đảng chính trị đóng vai gạn lọc, tổ chức những cuộc thi vòng loại trước khi dân chúng bỏ phiếu. Trong lịch sử Mỹ người ta đã thử nhiều phương pháp khác để các đảng chính trị chọn ứng cử viên Tổng thống.

Các "thủ lãnh đảng" hay các cử tri tuyển chọn?

Vị Tổng thống đầu tiên, ông Washington không đảng phái, được đồng thanh suy cử. Vị Tổng thống thứ hai, John Adams là đại diện đảng Liên Bang, và người thứ ba, Thomas Jeffercon do đảng Dân chủ-Cộng hòa đưa ra. Các đảng chọn lựa như thế nào? Lúc đầu, các người được coi là "lãnh tụ đảng" họp với nhau để chọn, đến năm 1800 thì chính thức để các đại biểu mỗi đảng trong Quốc hội họp nhau tuyển chọn. Thủ tục này được dùng suốt một phần tư thế kỷ, cho đến lúc số người muốn ứng cử đông, họ không tin tưởng ở sự lựa chọn của một nhóm "thủ lãnh" họp riêng với nhau như vậy.

Trong thập niên 1830, một đảng tổ chức "Đại hội" để chọn người ứng cử Tổng thống. Đó là một đảng nhỏ và không sống lâu, với chủ trương "chống Hội Tam điểm" (Anti-Masonic Party.) Sau đó, Đại Hội Đảng được nhiều đảng áp dụng, một thí dụ cho thấy nhiều ý kiến quan trọng lại do các nhóm nhỏ đưa ra. Trong ngày đại hội các ứng cử viên gây ra những cuộc biểu tình ồn ào để lôi kéo người ủng hộ và uy hiếp tinh thần các đối thủ. Khi cuộc bỏ phiếu quá gay go, không ai hy vọng chiếm đa số, thì các "lãnh tụ" mới họp kín với nhau, tìm một ứng cử viên "dung hòa."

Hậu quả của thể thức mới này là các tranh chấp chính trị trong nội bộ đảng được phơi bày cho công chúng biết, cho báo chí theo dõi và tường thuật. Có thể nói hiện tượng này bất lợi cho mỗi đảng, nhưng đúng ra là chỉ bất lợi cho các nhà lãnh tụ, nhưng dân chúng được lợi hơn vì được biết nhiều hơn. Phải nói đây là một tiến bộ trong quá trình Dân chủ hóa: các chủ trương chính trị, chương trình lập pháp của các ứng cử viên, sự khác biệt giữa các ứng viên được tường thuật cho dân chúng biết và phê phán. Vai trò của các "thủ lãnh" giảm bớt, các đảng viên hạ tầng được tham dự

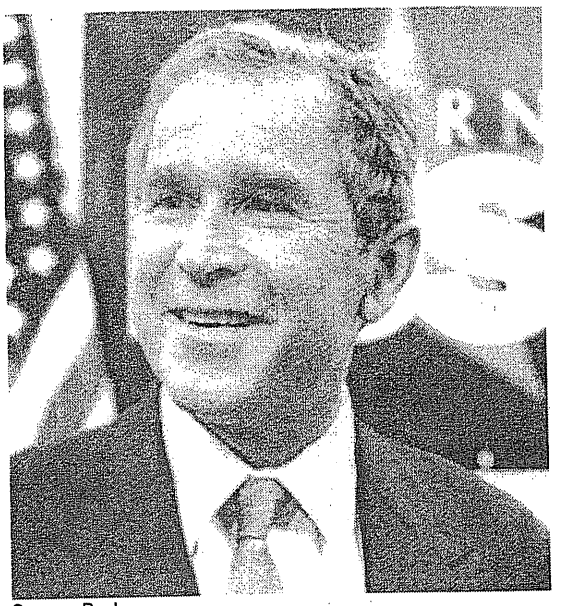

George Bush

nhiều hơn.

"Bầu Sơ bộ" là thể thức thứ ba. Đây là một thủ tục mới, mỗi đảng ở cấp tiểu bang bầu các đại biểu đi dự đại hội đảng. Các ứng viên muốn làm Tổng thống sẽ đến vận động tại chỗ, tranh chấp nội bộ được phô bày cho công chúng từng địa phương coi. Cách tuyển chọn ứng cử viên Tổng thống mới này khiến cho sinh hoạt chính trị càng có vẻ công khai, đại chúng hóa, và càng giảm bớt ảnh hưởng của các thủ lãnh. Các ứng viên thấy rõ hơn nhu cầu, khát vọng của mỗi bang, mỗi vùng khác nhau ra sao.

Thể thức "Bầu Sơ bộ" được đem thử lần đầu từ 1843, đến năm 1903 mới chính thức hóa ở tiểu bang Wisconsin. Theo truyền thống Anh quốc, sinh hoạt chính trị ở Mỹ dựa trên tập tục, thử nghiệm, nhiều hơn là theo những qui luật từ trên ban xuống cho toàn quốc áp dụng. Lúc đầu có ít tiểu bang tổ chức bầu sơ bộ, đến đầu thế kỷ 20 thì hầu hết các tiểu bang áp dụng. Nhưng các ứng cử viên vẫn tự do tham dự hay không, nhiều người không đi vận động cử tri ở hạ tầng cơ sở như vậy, họ chờ đến Đại hội Đảng mới tranh thủ với nhau. Năm 1960 có 5 ứng viên quan trọng nhất của đảng Dân chủ, và họ chỉ tham dự đầy đủ tại bẩy cuộc bầu cử sơ bộ.

Bầu sơ bộ "mở" và "khép"

Đến năm 1980 thì thủ tục Bầu Sơ bộ mới phổ biến, ứng viên nào không tham dự ở tất cả các tiểu bang thì khó được đề cử. Có hai hình thức, chính thức bỏ phiếu gọi là Primary, và chỉ họp và bàn gọi là Caucus. Các cuộc bầu sơ bộ cốt để chọn đại biểu tham dự Đại hội đảng, cộng các kết quả sẽ biết ứng viên nào được đa số đại biểu ủng hộ, người đó hy vọng sẽ được đảng mình đưa ra tranh cử. Các bang không tổ chức bầu sơ bộ cùng một lúc, sau vài chục tiểu bang, ai thấy ít hy vọng thì rút lui, số tay đua giảm đi. Có ứng viên đến Đại hội mới rút lui và kêu gọi các đại biểu ủng hộ mình chuyển qua cho ứng viên khác.

Người tham dự bầu sơ bộ không phải là "đảng viên" (party member) theo nghĩa thông thường. Mỗi lần lập danh sách cử tri, các công dân được hỏi mình chọn đảng nào hay giữ tư cách độc lập. Khi đi bầu, người ta căn cứ vào danh sách đó để coi cử tri là đã "ghi tên" (registered) trong đảng nào. Cuộc Bầu cử Sơ bộ năm nay hào hứng vì tiểu bang New Hampshire theo lối "mở cửa": nhiều cử tri độc lập hoặc bên đảng Dân Chủ cũng được bỏ phiếu trong cuộc tuyển chọn của đảng Cộng Hòa, và họ dồn phiếu cho ông John McCain.

Lối bầu cử "mở cửa" được đảng Dân Chủ bày ra từ thập niên 1970, sau đó đảng Cộng Hòa cũng áp dụng. Tại sao người ta để cho cổng ngõ mở toang ra như vậy? Vì muốn thu hút người ngoài, dù không ghi danh cũng được vào sinh hoạt với đảng mình. Một lý do khác là các đảng viên muốn giảm bớt ảnh hưởng, quyền lực của "giới lãnh đạo" mỗi đảng.

Nhưng để cửa ngỏ có những kết quả bất ngờ, như nhà không khóa cửa dễ "bị trộm"! Năm 1972, Đảng Dân Chủ ở Tiểu bang Michigan lần đầu tiên tổ chức bầu Sơ bộ mở, có hai ứng viên nổi bật là George McGovern có khuynh hướng cấp tiến, và George Wallace rất bảo thủ. Cửa để ngỏ, các cử tri độc lập và theo đảng Cộng Hòa đã tới bỏ phiếu cho ông Wallace, ông ta thắng với tỉ số 2 trên 1! Sau cùng thì ông McGovern vẫn đại diện đảng Dân Chủ, nhưng ông đã bị "thương tích." Sau đó ông đã thất cử.

Trong thập niên 1970, đảng Cộng hòa cần thu hút đảng viên ở các tiểu bang miền Nam nên áp dụng chính sách bầu "Sơ Bộ Mở" ở nhiều nơi. Thời Nội Chiến ở Mỹ (1861-65), phe miền Bắc do Tổng thống Lincoln, đảng Cộng Hòa lãnh đạo, cho nên đảng Dân Chủ vẫn chiếm ảnh hưởng ở miền Nam. Hàng thế kỷ sau đó, dù đa số cử tri miền Nam có khuynh hướng bảo thủ, gần với chủ trương của đảng Cộng Hòa nhưng họ vẫn nghiêng về đảng Dân Chủ. Đảng Cộng Hòa bầu sơ bộ mở để

lôi kéo thêm cử tri.

Trong thập niên 80 đảng Dân Chủ sợ mất phiếu ở miền Nam, họ thay đổi lịch bầu cử Sơ Bộ để giành lại. Trước đó, các tiểu bang miền Bắc (cử tri có khuynh hướng cấp tiến) thường tổ chức bầu cử sơ bộ sớm nhất. Mỗi khi có kết quả, các ứng viên dẫn đầu sẽ được chú ý và có thế mạnh. Vì vậy, các ứng viên khuynh hướng cấp tiến dễ nổi lên từ đầu, các ứng viên bảo thủ bị thất bại quá sớm sẽ rút lui. Cứ như vậy, đến ngày bầu sơ bộ ở phía Nam, các cử tri không còn thấy ai thích hợp với khuynh hướng bảo thủ của họ nữa. Vì vậy, đảng Dân Chủ đã cho tổ chức bầu cử sơ bộ cùng một ngày ở nhiều tiểu bang Bắc và Nam, gọi là "Ngày Thứ Ba Siêu đẳng" (Super Tuesday). Dụng ý là để trong một ngày nhiều tiểu bang cùng bầu sơ bộ, các ứng viên có khuynh hướng bảo thủ cũng có cơ hội nổi lên, và đảng viên miền Nam không cảm thấy họ bị gạt ra ngoài quá trình lựa chọn.

Năm 1988, ông Haley Babour trong đảng Cộng Hòa đề nghị "Dự án Bầu Sơ bộ Miền Nam" với thể thức mở cửa, cố thu hút các cử tri khuynh hướng bảo thủ. Nghiên cứu tập quán cử tri, họ thấy rằng nếu ai đi bỏ phiếu sơ bộ với một đảng thì đến ngày bầu cử toàn quốc thường cũng bỏ phiếu cho đảng đó.

Kế hoạch của ông Barbour (hiện là chủ tịch Ủy ban Toàn quốc của Đảng Cộng Hòa) nhằm chia ranh giới tâm lý: ai bảo thủ thì sang đảng Cộng Hòa, chỉ những người "cấp tiến" ở lại đảng Dân Chủ mà thôi. Kế hoạch này có vẻ đã thành công. Khi đảng Cộng hòa để cửa ngỏ, nhiều người có khuynh hướng bảo thủ ở miền Nam qua bỏ phiếu bầu Sơ bộ với họ. Vắng mặt những người đó, còn lại bên đảng Dân Chủ phần lớn là giới cấp tiến, họ đưa ra những ứng cử viên rất cấp tiến, như Thống đốc Michael Dukakis năm 1988. Đến ngày bầu cử chính thức, ông Dukakis đã thua ông Bush (thân phụ Thống đốc Texas) tại tất cả các tiểu bang miền Nam.

Những ai là giới lãnh đạo?

Khi dùng danh từ "giới lãnh đạo" của các đảng Cộng hòa hoặc Dân chủ, từ ngữ đó có thể gây hiểu lầm. Các đảng chính trị ở Mỹ không có "giới lãnh đạo" theo kiểu Bộ Chính trị hay là Trung ương Đảng đầy quyền lực. Chúng tôi tạm dùng từ ngữ "giới lãnh đạo" dịch chữ "establishment" trong tiếng Anh, tức là thành phần có ảnh hưởng chủ chốt, vì chưa tìm ra tiếng nào tiện hơn.

Al Gore

"Establishment" của mỗi đảng chính trị ở Mỹ gồm những người và những tổ chức có ảnh hưởng lớn trên đảng, tạo được sự ủng hộ quỹ tranh cử hay thu hút lá phiếu của cử tri cho đảng đó. Một tổ chức tôn giáo chống phá thai, hay Hội Súng NRA có thể lôi kéo rất nhiều người bỏ phiếu cho đảng Cộng hòa. Những tổ chức công đoàn lớn có thể kiếm thêm phiếu cho đảng Dân chủ. Luật lệ ở Mỹ không cho phép các công ty hay nghiệp đoàn góp tiền cho các ứng cử viên. Nhưng thành viên của họ được phép góp tiền cho các quỹ tranh cử, tối đa mỗi người 1000 Mỹ kim, và có cách "dánh dấu" để người nhận tiền hiểu số tiền đó từ đâu tới.

Nhưng cả hai loại người trên, góp phiếu và góp tiền, chưa phải là "giới lãnh đạo" thật sự. Giới lãnh đạo đảng là các chính trị gia chuyên nghiệp, nhất là các người giữ chức vụ dân cử, kể cả sau khi họ đã về hưu. Trong mỗi đảng không tổ chức bầu họ lên lãnh đạo, họ trở thành "giới lãnh đạo" sau khi được dân bầu. Muốn thắng cử, họ phải gây được ảnh hưởng tại địa phương mình, tạo ra những tổ chức vận động thân cận với mình, tất cả trở nên "guồng máy vận động" cho đảng ở địa phương. Guồng máy đó rất có ảnh hưởng trong ngày bầu cử sơ bộ ở các nơi.

Trong cuộc tranh cử năm 2000, Thống Đốc George W. Bush được giới lãnh đạo và guồng máy đảng Cộng Hòa ủng hộ, còn Nghị sĩ John McCain thì không. Có 45 Nghị sĩ và 175 Dân biểu liên bang, và 31 vị thống đốc tiểu bang trong đảng Cộng hòa tuyên bố ủng hộ ông

Bush. Mỗi người đó đều nắm trong tay guồng máy vận động địa phương của họ, nhưng cũng có lúc họ chịu thua đảng viên hạ tầng. Thí dụ các thống đốc ở Michigan, Arizona ủng hộ Bush nhưng McCain đã thắng ở các tiểu bang đó. Với sự ủng hộ của các nhân vật lãnh đạo, đầu năm nay tiền gây quỹ tranh cử của ông Bush lên tới gần 70 triệu mỹ kim trong khi ông McCain chỉ thu được 16 triệu.

Chính vì vậy, khi ông McCain thắng lớn ở New Hampshire vào tháng Hai, tất cả mọi người coi là sự thắng thế của các đảng viên hạ tầng - grass root - đối với giới lãnh đạo - establishment - của đảng. Giới lãnh đạo đảng Cộng hòa đã chọn ông Thống đốc tiểu bang Texas vì ông đã thu hút được các cử tri thiểu số gốc Latino, đã thành công trong việc cải tổ giáo dục là một đề tài được dân chúng quan tâm, thân phụ ông đã là một thổng thống. Họ cũng tin rằng khẩu hiệu "chủ trương bảo thủ với lòng từ bi" (compassionate conservatism) của ông có thể thu hút các cử tri trung dung và độc lập. "Giới lãnh đạo" đảng Cộng hòa trông cậy vào ba Thống đốc tiểu bang bầu sơ bộ sớm và ủng hộ ông Bush, đó là South Carolina, Michigan, Virginia, chưa kể Arizona nơi bà thống đốc ủng hộ ông Bush. Nếu ông Bush thắng tại các nơi đó rồi thì không ai hy vọng lật lại thế cờ nữa. Ông John McCain đã lật ngược tình thế, thắng ở Michigan và Arizona, đến đầu tháng Ba mới chịu thua.

Cách bầu và cách tính phiếu khác nhau

Cách tổ chức bầu cử sơ bộ mỗi nơi một khác, cho thấy một đặc điểm của sinh hoạt chính trị nước Mỹ, là phân tản quyền lực, theo chiều dọc và theo chiều ngang. Đặc biệt, tổ chức đảng ở mỗi tiểu bang có nhiều quyền tự trị, không có "Trung ương Đảng" ra lệnh cho cấp dưới một cách độc đoán. Nhiều tiểu bang áp dụng chính sách bầu "Sơ bộ mở," nhưng các đảng đề cử đại biểu đi dự đại hội đảng theo cách khác nhau.

Khác biệt thứ nhất là tính số phiếu để chọn đại biểu cho các ứng viên. Có hai **cách tính phiếu** để chọn đại biểu: Một là cách "Mở": tính phiếu của tất cả các người tham dự, dù họ có ghi tên vào đảng hay không. Một số tiểu bang theo lối "Khép", chỉ những phiếu của người ghi tên thuộc đảng mới quyết định việc chọn đại biểu; người ngoài đến bỏ phiếu chỉ để bày tỏ ý kiến nhưng không được kể trong việc chọn đại biểu đi dự đại hội đảng. Dân California đã chọn bầu sơ bộ theo lối "trải rộng" (blanket primary) sau khi dân chúng chấp thuận một "đề án" từ năm 1996: ghi tên tất cả các ứng viên mọi đảng trên cùng một tờ phiếu. Nhưng các đảng được quyền chọn ứng cử viên của mình dựa trên danh sách cử tri thuộc đảng nào. Cho nên có hơn 11 triệu dân Cali đi bỏ phiếu, mà đảng Dân chủ chỉ tính số phiếu của 2.4 triệu cử tri, đảng Cộng hòa 2.5 triệu. Còn hơn 6 triệu cử tri không có ảnh hưởng. (Nhưng các cử tri này cũng không tốn công vô ích, vì ngày bầu cử sơ bộ cũng là ngày cử tri chọn các ứng cử viên cấp thấp hơn, và bỏ phiếu chọn các "đề án" (proposition) và "biện pháp" (measure) sẽ biến thành luật. Thí dụ Đề án số 22 được đa số chấp thuận, theo đó California sẽ không công nhận hôn thú giữa những người cùng phái tính, hay Biện pháp F của Quận Cam bắt buộc từ nay muốn xây phi trường, mở rộng nhà tù, v.v. phải được hai phần ba dân chúng chấp thuận. Việc bỏ phiếu về các đề án và biện pháp là một hình thức "dân chủ trực tiếp" bắt đầu từ California và đang được các địa phương khác bắt chước.)

Khác biệt thứ hai là cách **chia số đại biểu của tiểu bang cho mỗi ứng viên.** Có nơi chia số đại biểu cho các ứng viên "theo tỷ lệ" số phiếu họ đạt được, ứng viên chiếm nhiều phiếu thì được chọn số đại biểu cao. Có nơi lại theo lối "được ăn cả, ngã về không" (winer takes all): ứng viên nào thắng phiếu sẽ có quyền cử tất cả các đại biểu của tiểu bang đi dự đại hội đảng, người về thứ nhì không được ai hết. Tất nhiên, những tiểu bang "được ăn cả" là nơi tranh thủ quan trọng nhất, chiếm đa số phiếu ở đó, dù chỉ hơn mấy phần trăm cũng được hưởng tất cả các đại biểu.

Virginia mở và California khép, nhưng cả hai cùng theo thủ tục "được ăn cả" như nhau. Tiểu bang Washington và North Dakota thì ngược lại, họ chọn số đại biểu dựa trên tỷ lệ phiếu bầu cho mỗi ứng viên. Riêng ở Washington thì bầu sơ bộ chỉ chọn một ít đại biểu, sau đó nội bộ đảng lại chọn thêm, đông hơn. Connecticut rắc rối hơn nữa: nếu một ứng viên được trên 50% phiếu thì được hưởng tất cả số đại biểu, còn không thì chia theo tỷ lệ.

Tại Maryland rắc rối cách khác: bầu riêng từng đơn vị nhỏ, ai thắng thì được tất cả số đại biểu đơn vị đó. Tại New York, cử tri bầu trực tiếp các đại biểu chứ không bầu cho các ứng cử viên.

Tương lai thể thức bầu sơ bộ

Một hậu quả của những cuộc bầu cử sơ bộ là các ứng cử viên hàng đầu thường phải nghiêng quá về một phía để giành phiếu của đối thủ, sau đó họ phải làm ngược lại. Ông Bush phải tỏ ra mình không cực hữu, còn ông Gore cố tránh tiếng cực tả.

Ông Gore đã bị Nghị sĩ Bradley tấn công từ phía trái với các chương trình cải tổ táo bạo, khi đó ông phải cố nghiêng về bên tả để giành phiếu. Ông Bush cũng bị John McCain tấn công từ bên trái với khẩu hiệu cải tổ quỹ tranh cử, chống thế lực tiền bạc trong chính trị, ông phải ngả qua phía bên hữu, nhờ phe cực hữu cứu trong cơn nguy biến sau trận New Hampshire. Ngả quá sang một phía thì lo đến ngày bỏ phiếu tháng Mười Một sẽ mất phiếu của các cử tri độc lập (chiếm hơn một phần ba tổng số cử tri,) và có thể bị những người ôn hòa trong đảng mình bỏ rơi, đến ngày bầu cử họ sẽ ở nhà không đi bỏ phiếu.

Nhìn lại một tháng vận động sơ bộ, nhiều cử tri cảm thấy bất mãn. Đảng Cộng Hòa thì bức mình khi thấy những cử tri độc lập và khuynh hướng Dân Chủ đã bỏ phiếu gây ảnh hưởng đến kết quả sự lựa chọn của họ. Nhưng ngược lại, phe ủng hộ ông John McCain thì cho rằng nhờ ông mà đảng Cộng Hòa thu hút được nhiều cử tri độc lập. Họ còn bất bình vì những nhóm thiên hữu có thế lực đã lấn áp ông nghị sĩ phi công cựu tù binh ở Hỏa Lò bằng các thủ đoạn thấp, như khi quảng cáo sai lạc về các vụ bỏ phiếu của ông ở Quốc hội về các dự luật liên quan đến sinh môi và nghiên cứu ung thư ngực.

Cuộc bầu cử sơ bộ ở những tiểu bang đông dân cũng có ảnh hưởng lớn, khiến các tiểu bang nhỏ, bầu sau bị bỏ quên. Thể thức tính phiếu và chia số đại biểu mỗi nơi một khác cũng làm kết quả lệch lạc đi.

Những điều bất mãn đó sẽ phải được đem ra bàn trong tương lai. Người ta có thể hạn chế lối bầu sơ bộ mở, để tôn trọng quyền lựa chọn trong mỗi đảng. Nhưng làm như vậy thì đã loại bỏ sự tham dự của các cử tri độc lập, hiện nay ngày càng chiếm đa số. Có thể các tiểu bang sẽ sửa lại lịch trình bỏ phiếu để các tiểu bang bầu sau không bị bỏ rơi. Với lịch trình bầu sơ bộ kéo dài bốn tháng, các tiểu bang bầu chậm sẽ cảm thấy họ bị bỏ rơi. Sau ngày 7 tháng Ba, kết quả đã thấy rõ, mặc dù còn 34 tiểu bang chưa bầu sơ bộ.

Kỹ thuật bầu cử trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến các tổ chức bầu sơ bộ. Năm nay, đảng Dân Chủ ở Arizona đã thí nghiệm lối bỏ phiếu điện tử qua mạng lưới internet, và chắc chắn các nơi khác sẽ áp dụng vào năm 2004.

Internet và chế độ Dân Chủ có một điểm tương đồng, là mọi người đều được tham dự như nhau, thông tin rộng rãi và minh bạch, công khai. Thể thức bầu cử và quá trình dân chủ sẽ được điện tử hóa.●

SÁCH MỚI NĂM 2000

- TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
  Hội luận về tôn giáo - Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: Triết gia *Jean-Francois Revel* (cha) và nhà bác học-tăng sĩ *Matthieu Ricard* (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. *Linh Thụy* chuyển ngữ.
- CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
  tiểu luận *Nguyễn Minh Cần*
- GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
  tạp ghi *Hoàng Mai Đạt*
- MÙI HƯƠNG QUẾ 14MK
  truyện *Dương Như Nguyện*
- RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
  18 chuyện văn nghệ, *Võ Đình*
- MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
  Huỳnh Hữu Ủy

SÁCH PHÁT HÀNH

- SỐNG HẠNH PHÚC, CHẾT BÌNH AN 12MK
  Đức Đạt Lai Lạt Ma, Chân Huyền dịch
- THƯỢNG ĐẾ, THIÊN NHIÊN, NGƯỜI, TÔI VÀ TA 12MK
  Triết lý luật và tư tưởng Phật giáo, tiểu luận *Cao Huy Thuần*
- CẢM NHẬN 10MK
  Võ Phiến
- TIẾN SĨ LÊ MAI 14MK
  truyện *Thanh Thương Hoàng* sáng tác trong tù ghi vào ốc
- NGƯỜI MỸ CÔ ĐƠN 14MK
  truyện *Thanh Thương Hoàng*
- NHỮNG KỲ ÁN TRONG VIỆT SỬ 15MK
  biên khảo *Trần Gia Phụng*
- ĐÓ ĐÂY 12MK
  truyện, tùy bút *Trúc Chi*
- LÒ CỪ 10MK
  truyện *Lâm Chương*
- LOANH QUANH NHỮNG NẺO ĐƯỜNG 10MK
  bút ký *Trần Doãn Nho*
- HỒ XUÂN HƯƠNG TÁC PHẨM 20MK
  biên khảo GS *Nguyễn Ngọc Bích*
- TỬ VI & ĐỊA LÝ PHONG THỦY DƯƠNG TRẠCH CHO 100 TUỔI (1904-2003) 26MK
  GS *Ngô Quốc Phong*
- GIÓ LỬA 20MK
  truyện của *Nam Giao*

VĂN NGHỆ
Nhà xuất bản và nhà sách
9351 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel (714) 934-8574, Fax (714) 934-8514
E-Mail: **vannghe@pacbell.net**
Homepage:**http://home.pacbell.net/vannghe**

Ở vùng không có nhà sách xin liên lạc với Văn Nghệ để lấy thư mục hơn 600 tựa sách giá trị.

HÀNH TRÌNH THẾ KỶ:
BA MƯƠI NĂM CHIẾN TRANH
1945 - 1975

THỤY KHUÊ

(Tiếp theo)

Sau hiệp định Genève, Việt Nam chia thành hai vùng tự trị: Miền Bắc do Hồ Chí Minh lãnh đạo và miền Nam do Ngô Đình Diệm lãnh đạo.

Như chúng ta đã biết, thực thể chính trị miền Bắc phát xuất và gắn bó với Đảng Cộng Sản Đông Dương và Quốc Tế Cộng Sản, cùng cuộc kháng chiến chống Pháp do Việt Minh lãnh đạo. Thực thể chính trị miền Nam phát xuất từ một dĩ vãng chính trị phức tạp, liên quan với hoạt động chính trị của cựu hoàng Bảo Đại sau 1945.

Sau ngày thoái vị (24/8/1945), Bảo Đại ra Hà Nội. Trong thời gian đầu, dưới danh nghĩa "công dân Vĩnh Thụy," ông giữ chức "cố vấn" trong các chính phủ liên hiệp của Hồ Chí Minh. Ngày 16/3/1946, cố vấn Vĩnh Thụy rời Hà Nội, sang Trùng Khánh cùng với một phái đoàn thiện chí. Chính phủ Hồ Chí Minh (cải tổ ngày 20/7/1947) vẫn có tên cố vấn Vĩnh Thụy mặc dù Bảo Đại đã sang Tàu. Trong khi ấy, khối dân tộc quốc gia vẫn ủng hộ cựu hoàng, yêu cầu ông về nước, đứng ra điều đình với Pháp (1).

Sainteny ký với Hồ Chí Minh hiệp ước sơ bộ ngày 6/3/1946, nội dung đại lược *"chính phủ Pháp thừa nhận nước Việt Nam Cộng Hòa là một nước tự do có chính phủ và quốc hội ... trong khối Liên Hiệp Pháp."* "Nước Việt Nam Cộng Hòa," trong tinh thần hiệp định sơ bộ là từ Trung trở ra Bắc. Còn đất Nam Bộ thì phải đợi trưng cầu dân ý quyết định (2).

Ngay sau hiệp định sơ bộ 6/3, ngày 26/3/1946, Hội Đồng Tư Vấn Nam Kỳ (3) cử bác sĩ Nguyễn Văn Thinh (khuynh hướng tự trị miền) ra lập chính phủ nước Cộng Hòa Nam Kỳ. Chính phủ Nguyễn Văn Thinh thành lập ngày 7/5/1946 với đại tá Nguyễn Văn Xuân làm Phó Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Bộ Quân Đội. Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh làm việc được mấy tháng, thấy người Pháp không cho mình quyền tự chủ, lại bị người trong nước thóa mạ, ông treo cổ tự tử bằng dây điện ngày 9/11/1946. Pháp đem y sĩ Lê Văn Hoạch lên thay (ngày 15/11/1946). Đại tá Nguyễn Văn Xuân bỏ sang Pháp rồi được thăng chức Lục quân Thiếu Tướng (4).

Ngày 1/10/1947, Hội Đồng Nam Kỳ bầu Thiếu Tướng Nguyễn Văn Xuân làm thủ tướng.

Chính quyền Pháp, trong khi chính thức đánh nhau với Việt Minh từ đêm 19/12/1946, thì đối với Bảo Đại, áp dụng chính sách điều đình. Trong bối cảnh đó, thỏa ước Vịnh Hạ Long được công bố ngày 5/6/1948 giữa Pháp và Bảo Đại, nội dung tương tự như hiệp ước sơ bộ đã ký với Hồ Chí Minh. Trước đó, ngày 15/5/1948, Bảo Đại gửi một điện văn cho Nguyễn Văn Xuân, ngỏ ý tán thành sự thành lập một chính phủ trung ương lâm thời Việt Nam, do Nguyễn Văn Xuân điều khiển *"để giải quyết vấn đề Việt Nam đối với Pháp và dư luận quốc tế"*.

Sườn chính của Hiệp Định Hạ Long đã được Bảo Đại bàn định với Trần Trọng Kim ở Hương Cảng, đầu năm 1947 (với dự định Bảo Đại sẽ đứng ra điều đình với quân kháng chiến để đem lại hòa bình). Sau đó Bảo Đại cử Trần Trọng Kim về nước để tìm hiểu tình thế, liên lạc với Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiền... trước khi trở về Hồng Kông tường trình lại với Bảo Đại, để có một quyết định. Về tới Sài

Gòn, Trần Trọng Kim bị (Pháp) ngăn cản, không tiếp xúc được với chính giới trong nước, và cũng không liên lạc lại được với Bảo Đại. Không có cách nào sinh sống, Trần Trọng Kim đành phải lên Nam Vang (5).

Ngày 2/6/1947, Tướng Nguyễn Văn Xuân ban hành một thứ "hiến chương lâm thời" gọi là *Pháp Qui Tạm Thời* (Statut Provisoire) của nước Việt Nam, bao gồm: Quốc kỳ: cờ vàng, ba sọc đỏ (đã có từ thời chính phủ Trần Trọng Kim) và quốc ca là bài *Thanh Niên Hành Khúc* của Lưu Hữu Phước. Với thành phần chính phủ: Thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng: Nguyễn Văn Xuân; Quốc vụ khanh, phó thủ tướng kiêm tổng trấn Nam phần: Trần Văn Hữu; Quốc vụ khanh kiêm tổng trấn Trung phần: Phan Văn Giáo; Quốc vụ khanh kiêm tổng trấn Bắc phần: Nghiêm Xuân Thiện; v.v...

Ngày 5/6/1948, Nguyễn Văn Xuân đọc bản tuyên ngôn kêu gọi quốc dân đoàn kết, hô *"vạn tuế nước Việt Nam độc lập"* trong Liên Hiệp Pháp và hô *"vạn tuế nước Pháp"* (6).

Ngày 8/3/1949, thỏa ước Việt Pháp được công bố tại điện Elysée. Phía Việt Nam có cựu hoàng Bảo Đại, các ông Trần Văn Hữu, Bửu Lộc và Vĩnh Cẩn. Đại cương tinh thần thỏa ước này là Pháp thừa nhận chủ quyền Việt Nam và sẽ ủng hộ Việt Nam vào khối Liên Hiệp Pháp. Ngược lại, Việt Nam hứa sẽ tôn trọng quyền lợi người Pháp ở Việt Nam, cho Pháp sử dụng những căn cứ quân sự. Bảo Đại cho biết chỉ về nước khi Hội Đồng Nam Kỳ chấp nhận sự tái nhập Nam Kỳ vào lãnh thổ Việt Nam.

Tháng 6/1949, Bảo Đại về nước, tới Sài Gòn ngày 13/6. Ngày 14/6, Bảo Đại tuyên bố tạm cầm quyền dưới danh hiệu Hoàng Đế, trong khi chờ đợi quốc dân quyết định về hiến pháp. Ngày 16/6/1949, phủ toàn quyền ở Hà Nội được trả về chính phủ Việt Nam và trở thành Biệt Điện của Quốc Trưởng. Ngày 1/7/1949, một chính phủ mới được thành lập, với Bảo Đại làm Quốc Trưởng kiêm Thủ Tướng; Nguyễn Văn Xuân làm Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng; Nguyễn Phan Long Tổng Trưởng Ngoại Giao v.v... Ngày 3/7/1949, Nguyễn Hữu Trí được bổ nhiệm Thủ Hiến Bắc Việt, Phan Văn Giáo, Thủ Hiến Trung Việt và Trần Văn Hữu, Thủ Hiến Nam Việt. Và ngày 28/8/1949, chính quyền Bảo Đại ra thông cáo: Việt Nam sẽ chống Cộng mạnh mẽ, với sự giúp đỡ của Pháp (7).

Trong thời gian ở Việt Nam, Quốc Trưởng Bảo Đại sống tại Đà Lạt. Ngày 19/8/1950, trong một buổi họp tại Cannes (Pháp) với Bộ Trưởng Letourneau (8) và Cao Ủy Pignon, Bảo Đại đưa ra vấn đề thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam với những đề nghị cụ thể. Ngày 5/11/1950, khánh thành Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt với một hội nghị quân sự họp tại Đà Lạt giữa Bộ Trưởng Letourneau, tướng Juin, Quốc Trưởng Bảo Đại, Thủ Tướng Trần Văn Hữu và Thủ Hiến Phan Văn Giáo. Hội nghị quyết định: Thành lập Quân Đội Việt Nam với 115 000 người với quân trang và võ khí Mỹ. Pháp cho mượn sĩ quan trong giai đoạn đầu. Kinh phí do ngân sách Việt Nam và viện trợ Mỹ đài thọ (9).

Về phía Việt Minh, trong lời hiệu triệu quốc dân Hồ Chí Minh đọc ngày 15/12/1949, kỷ niệm ba năm kháng chiến, có câu: *"... còn tôi tớ của chúng Pháp- là lũ bù nhìn Vĩnh Thụy, Văn Xuân, thì chỉ nấp sau lưỡi lê của giặc, để chờ ngày bị tiêu diệt với chúng, chờ ngày theo số phận Lê Chiêu Thống, Uông Tinh Vệ, Pétain, Laval. (10)"*

Từ đây, sự phân cắt và đối đầu giữa hai thành phần quốc-cộng trở nên công khai và quyết liệt.

Trong khoảng thời gian từ 1950 đến 1954, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam đứng về hàng ngũ Pháp để chống lại Quân Đội Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 26/4/1954, khai mạc Hội Nghị Genève, bàn về Cao Ly và Đông Dương. Phái đoàn cộng sản Việt Nam do Thủ Tướng Phạm Văn Đồng cầm đầu. Phái đoàn quốc gia Việt Nam do Ngoại Trưởng Nguyễn Quốc Định điều khiển. Hội nghị họp từ 26/4 đến 21/7/1954. Trong khi ấy, ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm chính thức lập chính phủ. Tại hội nghị Genève, ngoại trưởng Trần Văn Đỗ (của chính phủ Ngô Đình Diệm) *"phản đối bộ tổng tư lệnh Pháp tự ấn định ngày tổng tuyển cử, phản đối phương thức và điều kiện mà hiệp định đình chiến được ký kết, trái với nguyện vọng độc lập và thống nhất của dân tộc Việt Nam.* Chính phủ Việt Nam dành quyền tự do hành động để giữ gìn nền độc lập và thống nhất của dân tộc Việt Nam." Miền Nam Việt Nam và Mỹ không ký hiệp định này.

Bên lề hội nghị (11), theo Alain Ruscio, ngày tổng tuyển cử được Phạm Văn Đồng đề nghị: sáu tháng sau. Thủ tướng Pháp Mendès France nhất quyết từ chối. Hầu như tất cả

những thăm dò dư luận đều cho biết, nếu tổng tuyển cử ngay sau Hiệp Định Genève, nhất là sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Cộng Sản sẽ toàn thắng: Tổng Thống Mỹ Eisenhower đưa ra con số 80% theo những nhà chuyên môn. Báo Pháp cũng cho con số tương tự, giữa 80 và 90% ở miền Bắc, miền Nam ít hơn. Lùi ngày tổng tuyển cử là để miền Nam có đủ thời giờ thiết lập một chính phủ vững mạnh có đủ thế đương đầu với cộng sản. Vẫn theo Alain Ruscio, tuy hội nghị chấp nhận điều kiện tổ chức tổng tuyển cử 2 năm sau, nhưng về mặt thực tế, chỉ mấy tháng sau hiệp định Genève, *"miền Nam Việt Nam đã được coi như một thực thể quốc gia hoàn toàn, trực thuộc vào "thế giới tự do," không xâm phạm được."*

Về phía Mỹ, Ngô Đình Diệm là người của tình thế. Với lập trường chống Cộng, và với một quá khứ chống Pháp, Ngô Đình Diệm có đủ uy thế để lãnh đạo miền Nam. Về phía Pháp, quan điểm chống Pháp, thân Mỹ của Ngô Đình Diệm hoàn toàn cách biệt với Mendès France. Nhưng sau đó, Mendès France cũng chấp nhận giải pháp của Mỹ. Và nước Pháp công nhận *chỉ có một chính phủ Việt Nam. Đó là chính phủ Quốc Gia Việt Nam." (12)*

Về phía những đồng minh của miền Bắc, Liên Xô và Trung Quốc giữ thái độ dè dặt, hoặc chỉ tuyên bố lấy lệ về việc tổng tuyển cử. Thậm chí, năm 1957, chính phủ Liên Xô chấp nhận sự gia nhập của cả hai quốc gia Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc, xác nhận sự chia đôi Việt Nam thành hai "nước": Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (13).

Ngày 20/8/1954, Tổng Thống Eisenhower chấp nhận kế hoạch của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ, hợp tác với chính phủ Ngô Đình Diệm về mặt quân sự và kinh tế để tạo dựng một quốc gia theo cơ cấu dân chủ, vững mạnh ở miền Nam, đủ khả năng chống Cộng Sản. Và tháng 12/1954, tướng Collins, đại diện tổng thống Hoa Kỳ, ký với Pháp một thỏa ước, theo đó, Hoa Kỳ sẽ thay thế Pháp phụ trách việc huấn luyện Quân Đội Quốc Gia Việt Nam.

Tại miền Nam, trong khoảng thời gian từ tháng 7/1954 đến tháng 10/1956, Ngô Đình Diệm đã bình định được các đảng phái Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo, với sự trợ giúp của các tướng Trình Minh Thế (14) và Dương Văn Minh, tổ chức trưng cầu dân ý, truất phế Bảo Đại và trở thành Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ngày 23/10/1955.

Từ 1954 đến 1959, Ngô Đình Diệm đã ổn định tình hình chính trị và xã hội. Văn học Việt Nam được phát triển rộng rãi trong một không khí tương đối có tự do.

Chính phủ Mỹ cho rằng tình hình Việt Nam Cộng Hòa rất tốt đẹp và các cố vấn Hoa Kỳ có thể rút về vào năm 1961.

Về phía miền Bắc, sau 1954, những biến cố Cải Cách Ruộng Đất và Nhân Văn Giai Phẩm làm xao động dư luận hai miền Nam Bắc.

Từ 1956 trở đi, miền Bắc bắt đầu cho các cán bộ đặc trách ở lại miền Nam hoạt động (15).

Tuy nhiên vẫn có những kêu gọi hiệp thương.

Ngày 8/10/1955, Hồ Chí Minh kêu gọi hiệp thương và tổng tuyển cử. Rồi ngày 18/7/1957, Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng gửi thư cho Tổng Thống Nam Việt Ngô Đình Diệm, yêu cầu hiệp thương. Miền Nam trả lời ngày 27/7/1957: *"Khi nào miền Bắc chấm dứt khủng bố phá hoại và thực thi dân chủ tự do, khi đó mới có thể tổng tuyển cử và thống nhất." (16)*

Từ năm 1959 (17), sau hai năm hoạt động ở miền Nam, Lê Duẩn trở về Hà Nội, đề nghị đảng Cộng Sản phải chuyển sang giai đoạn võ trang giải phóng.

Đại hội 3 đảng Cộng Sản Việt Nam họp vào tháng 9/1960, thành lập Trung Ương Cục Miền Nam để lãnh đạo toàn miền Nam. Ngày 20/12/1960, thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và ngày 15/2/1961, thành lập Quân Đội Giải Phóng Miền Nam (18).

Trong khi ấy ở miền Nam, sau thời kỳ phát triển 1954-1959, Ngô Đình Diệm áp dụng chính sách độc tài, gia đình trị. Em ông là Ngô Đình Nhu tổ chức đảng Cần Lao, lấy thuyết Nhân Vị, khởi điểm từ triết thuyết của Mounier làm chính thuyết. Tổ chức các cơ cấu mật vụ để củng cố chính quyền và đàn áp đối lập. Số người bất mãn ngày càng tăng, do đó hoạt động của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ngày càng hữu hiệu hơn.

Để cứu vãn tình thế, tổng thống Hoa Kỳ Kennedy đề nghị đưa quân đội Mỹ vào can thiệp, nhưng Ngô Đình Diệm từ chối, ông nói rằng: Chỉ cần đến quân đội Mỹ khi nào Bắc Việt mở các cuộc xâm lăng lớn. Sở dĩ Ngô Đình Diệm có thái độ như vậy vì ông thấy các sĩ quan cố vấn và viên chức Hoa Kỳ đã có những thái độ coi Việt Nam như một thuộc

địa của Hoa Kỳ (19).

Từ tháng 5/1963 trở đi, vấn đề đàn áp Phật giáo trở nên trầm trọng. Ngày 20 và 21/8/1963, Ngô Đình Nhu hạ lệnh cho những lực lượng đặc biệt bao vây các chùa chiền, bắt giữ 1400 sư sãi và những người ủng hộ Phật giáo. Những lời tuyên bố kiêu căng của bà Nhu ở ngoài nước, chế diễu các Phật tử tự thiêu, đã dấy lên những phẫn nộ trong dư luận Việt Nam và thế giới. Nhiều người trong chính quyền và quân đội tỏ thái độ bất mãn, trong đó có ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu, cạo đầu, từ chức để phản đối (ngày 21/8/1963), và Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ, Trần Văn Chương, thân phụ bà Nhu. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương sáng tác Lửa Từ Bi.

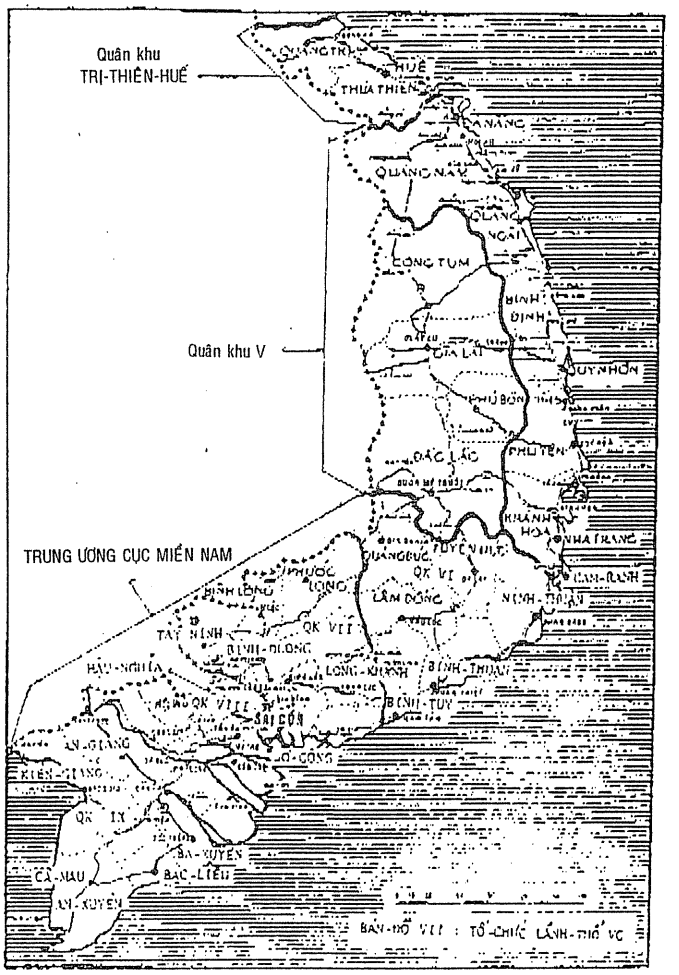

Tổ chức lãnh thổ miền Nam của Bắc quân

Một mặt khác, ngay từ đầu mùa hè năm 1963, bộ trưởng quốc phòng Mỹ, Mc Namara, được tin hai anh em ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã bí mật liên hệ với miền Bắc, qua ngả de Gaulle để điều đình việc thống nhất đất nước và trung lập hóa Việt Nam.

Vừa không thích sự độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm, vừa lo ngại Ngô Đình Diệm và Hồ Chí Minh liên kết với nhau để thực hiện thống nhất lãnh thổ và đẩy Mỹ ra khỏi Việt Nam, chính quyền Kennedy chấp nhận kế hoạch đảo chính do CIA đề xuất. CIA liên lạc với các tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Trần Thiện Khiêm, Nguyễn Khánh và Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu để thực hiện đảo chính (20). Cuộc đảo chính xẩy ra ngày 1/11/1963. Theo các tài liệu chính thức thì Hội đồng các tướng lãnh quyết định giết hai anh em ông Diệm (21).

Sau khi ông Diệm mất, không còn ai cản trở việc Mỹ can thiệp vào Việt Nam nữa. Mc Namara đã họp các chuyên viên và các nhà lãnh đạo quân sự ở Honolulu ngày 20/11/1963 để bàn về các biện pháp can thiệp trực tiếp vào chiến tranh Việt Nam. Theo thống kê của Trung tâm lịch sử quân sự Mỹ, tháng 11/1963 có 16 300 cố vấn Mỹ ở Việt Nam, tháng 12/1965 có 184 300 quân, tháng 12/1967 có 485 600 quân và đến tháng 4/1969 có 543 400 lính Mỹ ở Việt Nam (22).

Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu xuất thân từ một gia đình Nho học có truyền thống yêu nước. Quê ở làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Cha là Ngô Đình Khả, một đại thần nổi tiếng trung quân ái quốc của hai triều Thành Thái và Duy Tân. Ngô Đình Diệm đã làm Thượng Thư Bộ Lại của Bảo Đại. Năm 1934, ông từ chức Thượng Thư Bộ Lại vì chủ trương chống Pháp, bất đồng ý kiến với Phạm Quỳnh. Sau đó ông sống ẩn mình, nay đây mai đó và lập đảng chính trị vinh tôn Cường Để làm lãnh tụ. Năm 1950, ông sang Mỹ, sống tại các chủng viện và năm 1954 về nước, làm Thủ Tướng thứ sáu của chính phủ Bảo Đại, thay Bửu Lộc.

Sau cuộc đảo chính 1/11/1963, tình hình

chính trị miền Nam càng ngày càng suy sụp. Đảo chính xong, Tướng Dương Văn Minh, chủ tịch Hội đồng tướng lãnh, được cử làm Quốc Trưởng. Nguyễn Ngọc Thơ làm Thủ Tướng. Nhưng chỉ 3 tháng sau, ngày 30/1/1964, các tướng lãnh họp tại Bộ Tham Mưu để thanh trừng nội bộ. Nguyễn Khánh vẫn để Dương Văn Minh làm Quốc Trưởng nhưng tự mình lên làm Thủ Tướng. Nhân lúc tình hình sôi nổi về vụ oanh tạc Bắc Việt, Nguyễn Khánh tập họp các tướng lãnh tại Vũng Tàu, ban hành Hiến Chương Vũng Tàu, bãi chức Quốc Trưởng của Dương Văn Minh và lên làm Quốc Trưởng. Phong trào phản đối Hiến Chương Vũng Tàu ngày càng lan rộng, buộc Nguyễn Khánh phải từ chức, được cử làm Đại Sứ lưu động sang Hoa Kỳ.

Hội đồng tướng lãnh bầu Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. Và lập nội các mới gọi là Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương do Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu, lo soạn thảo hiến pháp mới.

Ngày 1/4/1965, hiến pháp mới ra đời, bắt đầu nền Đệ Nhị Cộng Hòa Nam Việt Nam.

Ngày 17/6/1965, Hội Đồng Tướng Lãnh họp để chỉ định liên danh Nguyễn Văn Thiệu (tổng thống) Nguyễn Cao Kỳ (phó tổng thống) ra ứng cử. Liên danh này đắc cử. Nhưng khi nắm vững địa vị rồi, Nguyễn Văn Thiệu loại dần phái Nguyễn Cao Kỳ ra khỏi chính quyền và thay thế bằng Trần Thiện Khiêm (thủ tướng). Ê-kíp Nguyễn Văn Thiệu - Trần Thiện Khiêm lãnh đạo miền Nam đến năm 1975.

Trong khi ấy tình hình chiến sự ngày càng khốc liệt.

Đêm 4/8/1964, xảy ra biến cố Vịnh Bắc Việt. Mượn cớ pháo hạm miền Bắc tấn công hai tầu Maddox và Turner, chính quyền Johnson hạ lệnh oanh tạc Bắc Việt.

Vào cuối năm 1967, số quân miền Bắc có mặt ở miền Nam (chưa kể đường vận chuyển chiến lược mang tên Hồ Chí Minh) lên đến 210 000 người (23).

Ngày 31/1/1968, Bắc quân mở cuộc tổng tấn công, tổng khởi nghĩa trên toàn thể lãnh thổ miền Nam. Nhân ngày tết Mậu Thân, Bắc quân xâm nhập hầu hết các tỉnh lỵ và các thành phố lớn, kể cả thủ đô Sài Gòn. Nhưng sau vài ngày, vì không được sự hỗ trợ của nhân dân, Bắc quân hoàn toàn bị đẩy lui khỏi các thành phố, trừ Huế, cố thủ được 25 ngày. Cuộc tổng khởi nghĩa thất bại, và khi rút lui khỏi Huế, Bắc quân đã để lại một sự tàn sát kinh hoàng với những mồ chôn tập thể, khiến người dân miền Nam, sau đó, không còn một ảo tưởng gì về cách mạng giải phóng. Nhưng về mặt quốc tế, nhờ trận chiến Mậu Thân mà chiến tranh Việt Nam được biết đến rõ hơn và những phong trào hòa bình nổi lên khắp nơi trên thế giới, chống Mỹ.

Sau sự thất bại này, miền Bắc đổi chiến lược, bắt đầu dùng các trận địa chiến, điển hình là trận Khe Sanh.

Khe Sanh nằm trên quốc lộ số 9, nối liền Đông Hà với Savanakhet. Đây là một vị trí chiến lược, chặn đường tiến của Bắc quân, từ Quảng Bình vào A Sao (phía tây Thừa Thiên). Bắc quân dùng hai sư đoàn thiện chiến tấn công Khe Sanh, áp dụng chiến thuật đào địa đạo để tiến vào các trại quân địch như ở Điện Biên Phủ. Nhưng Hoa Kỳ đã dùng trọng pháo và B52 oanh tạc dữ dội, nên Bắc quân phải rút sang Lào (24).

(Còn tiếp)

Chú thích:

(1) Biểu tình ủng hộ Bảo Đại ở Huế ngày 12/8/1947, ở Hà Nội ngày 1/9/1947, ở Sài Gòn ngày 14/9/1947. Ngày 18/8/1947, nhiều đoàn thể họp và điện sang Hồng Kông yêu cầu cựu hoàng về nước, điều đình với Pháp. Ngày 9/9/1947, 24 đại diện các đảng phái và đoàn thể sang Hồng Kông gặp cựu hoàng Bảo Đại.

(2) Trần Trọng Kim, *Một Cơn Gió Bụi,* nxb Vĩnh Sơn, 1969, trang 126.

(3) do d'Argenlieu, Cao Ủy Pháp thiết lập, với một ủy viên Cộng Hòa Pháp chủ tọa và 4 hội viên Pháp, 9 hội viên Việt. Ngày 1/6/1946, hội đồng này được mở rộng hơn với 42 hội viên, trong đó có 14 người Pháp.

(4) Trần Trọng Kim, sđd, trang 127.

(5) Trần Trọng Kim, sđd, trang 162-181. Ngoài ra, Hoàng Xuân Hãn, trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê trên đài RFI, tháng 4/1996, cho biết thêm: *"Ông Bảo Đại, lúc đầu hết ở Vịnh Hạ Long, khi ông ấy ký với ông Bollaert (Cao Ủy Pháp, thay thế d'Argenlieu) hiệp ước Vịnh Hạ Long, ông ấy không có hỏi ý kiến gì những người cũ. Nhưng riêng tôi thì tôi viết thư cho ông ấy nhiều lắm, khuyên là ông phải cẩn thận [...]*

Trước khi ký hiệp ước Vịnh Hạ Long, ông Bảo Đại định là cụ Kim với ông sẽ lập một chính phủ ở bên nhà. Người Pháp họ lừa ông và cả cụ Kim nữa. Ông ấy nói với họ: "Trước lúc tôi bằng lòng nhận lời, thì tôi phải cho cụ Kim về để mời một số người sang đây họp, rồi chúng tôi sẽ bàn." Thì Cousseau với Faugère nói: "Được, cụ cứ cho cụ Kim về." Về đến Sài Gòn, cụ Kim viết một cái thư cho

tôi, nói rằng :"Muốn mời ông sang bên kia nhưng mà tụi Pháp nó không cho mà nó sắp đẩy tôi lên Phnom Penh". Sự thực là thế. Tây nó ngăn cụ Kim về, nó đẩy lên Phnom Penh, nó để ông Bảo Đại trơ một mình." Hoàng Xuân Hãn, *Chứng Nhân Lịch Sử,* Hợp Lưu số 29, tháng 6-7 năm 1996, trang 92-93.

(6) Đoàn Thêm, *1945-1964 Hai Mươi Năm Qua,* không ghi rõ nhà xuất bản, trang 45.

(7) Chính quyền Bảo Đại từ 1949 đến 1954 đã lần lượt có những Thủ Tướng: Nguyễn Văn Xuân (từ 1/7/1949 đến 6/1/1950), Nguyễn Phan Long (từ 6/1/1950 đến 27/4/1950), Trần Văn Hữu (từ 27/4/1950 đến 3/6/1952), Nguyễn Văn Tâm (từ 6/6/1952 đến 17/12/1953) Bửu Lộc (từ 24/12/1953 đến 16/6/1954) và Ngô Đình Diệm từ 16/6/1954.

(8) Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Liên Kết (Etats Associés: Việt, Miên, Lào và Pháp), tương đương với Bộ Thuộc Địa cũ.

(9) Đoàn Thêm, sđd, trang 80.

(10) Hiệu Triệu của Hồ Chí Minh, in trên Văn Nghệ, số 19, tháng 1/1950.

(11) theo Alain Ruscio, *La mémoire du siècle, 1945-1954 La guerre francaise d'Indochine,* Editions Complexe.

(12) tuyên bố của tướng Ely, Tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương, trên báo Le Monde, ngày 31/8/1954.

(13) Trên thực tế cả hai "nước" Việt đều không được vào Liên Hiệp Quốc, vì cả hai đều bị đồng minh của phe đối lập dùng quyền phủ quyết cấm vào. Nhưng uy thế của Việt Nam Cộng Hòa đối với thế giới vững hơn. Ngày 28/10/1957 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc lại đề nghị cho Việt Nam Cộng Hòa gia nhập với 49 phiếu thuận, 9 phiếu chống và 23 đại biểu không bỏ thăm. Việt Nam Cộng Hòa có quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc.

(14) Tướng Trình Minh Thế (Liên Minh Cao Đài) đem 5000 quân về hợp tác với chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngày 2/5/1955, quân đội Bình Xuyên nổ súng ở Sài Gòn. Tướng Trình Minh Thế chỉ huy trận đánh chiếm cầu Nhà Bè. Ông trúng đạn Bình Xuyên, tử nạn ngày 3/5/1955.

(15) Ngày 30/11/1956, khám phá một hầm vũ khí của Việt Minh để lại. Trong suốt năm 1956, các cơ quan chính quyền địa phương không ngừng báo cáo tìm được súng ống, đạn dược... của bộ đội chôn dấu trước khi ra Bắc tập kết (Đoàn Thêm, sđd, trang 209).

(16) Đoàn Thêm, sđd, trang 217-218

(17) Trần Văn Trà viết: "*Năm 1959 là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng miền Nam, ngụy quyền Ngô Đình Diệm lê máy chém đi khắp nơi, đàn áp phát xít đẫm máu. Chỉ có một quân đội của Diệm tung hoành trên chiến trường như một võ sĩ, diễu võ dương oai trên võ đài không có đối thủ.*" (Trần Văn Trà, sđd, trang 56)

(18) Bùi Tín, *Mây Mù Thế Kỷ,* nxb Đa Nguyên, 1998, trang 200. Đoàn Thêm, sđd, trang 285. Nguyễn Khắc Ngữ ghi nhầm những ngày này 1 năm, ông ghi 20/12/1959 là ngày thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

(19) Nguyễn Khắc Ngữ, *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa,* Tủ sách nghiên cứu sử địa, Montréal, 1979, trang 5.

(20) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 5.

(21) theo Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 6,7 :

"*Nguyễn Ngọc Lễ là người đề nghị phải giết Diệm Nhu để đề phòng hậu hoạn và được các Tướng lãnh đa số tán thành.*

Việc thi hành được giao cho Đại úy Nhung, sĩ quan cận vệ của Dương Văn Minh. Đang đêm, Nhung lấy xe bọc thép, đi thẳng xuống nhà thờ cha Tam, đón Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu, nói là đưa về Bộ Tổng tham mưu. Trên đường về, Nhung đã bắn chết hai ông này ngay trong xe bọc thép. Sau này chính Nhung cũng thắt cổ tự tử. Có người cho rằng Nhung đã hối hận vì vụ giết anh em ông Diệm, nhưng có giả thuyết khác lại cho rằng dư đảng Cần Lao đã giết Nhung để trả thù cho lãnh tụ."

Hồi Ký Mc Namara, bản dịch của nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1995 trang 94,95:

"*Thật ra thì sau khi bày tỏ sự sẵn sàng đầu hàng, Diệm và Nhu đã tới chờ tại một Nhà thờ Công giáo trong Chợ Lớn, khu người Hoa nằm ở phía Nam trung tâm Sài Gòn. Tướng Minh, người trở thành Tổng thống sau đó, đã cho hai xe Jeep và một xe bọc thép tới đón họ, Diệm và Nhu bị đẩy vào xe bọc thép, hai tay bị còng sau lưng. Khi đoàn xe đến trụ sở Bộ Tổng tham mưu và cửa xe được mở ra thì Diệm và Nhu đã chết. Cả hai đều bị bắn, riêng Nhu còn bị đâm nhiều nhát bằng dao. Tướng Đôn, một trong những người cầm đầu cuộc đảo chính hỏi: "Tại sao họ chết?"*

- "Thế thì sao nào?", Minh trả lời. "

Tại Paris, mới đây chúng tôi được cụ LVL, một người bạn thân của Tướng Dương Văn Minh, cho biết: "*Ông Minh chỉ có ý định đón hai anh em ông Diệm-Nhu để trao lại cho Mỹ, đưa sang Hoa Kỳ. Nhưng trên xe bọc thép, ông Nhu đã lên tiếng mắng chửi. Trong đám lính, một người có tư thù với ông Nhu, nên đã ra tay hạ thủ. Và người đó khai là do Đại úy Nhung hạ lệnh. Cả Nhung và người lính này sau đều bị giết.*" Chúng tôi ghi lại chú thích này với những dè dặt thường lệ.

(22) Hồi Ký Mc Namara, sđd, trang 315.

(23) Bùi Tín, sđd, trang 201.

(24) Nguyễn Khắc Ngữ, sđd, trang 11

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Văn Hoan, *Giọt Nước Trong Biển Cả,* Nhóm Tìm Hiểu Lịch Sử in năm 1991 tại Hoa Kỳ.

2. Võ Nguyên Giáp, *Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên,* nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1974.

3. Hoàng Xuân Hãn, *Một Vài Ký Vãng Về Hội Nghị Đà Lạt,* nxb A.V.A.C, Paris 1987.

4. Philippe Devillers, *Paris Saigon Hà Nội,* Collection Archives, Gallimard, 1988.

5. Phạm Khắc Hòe, *Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc,* nxb Thuận Hóa, Huế, 1987

6. Báo Cứu Quốc, số 32 ra ngày 27/8/1945, in lại trong Phạm Khắc Hòe.

7. Trần Trọng Kim, *Một Cơn Gió Bụi,* nxb Vĩnh Sơn, 1969.

8. Lê Kim, *Trận Điện Biên Phủ Nhìn Từ Hai Phía,* nxb Thanh Niên, 1994

9. Đặng Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư,* Tủ sách sử học, Sài Gòn, 1960

10. Hoàng Xuân Hãn, *Chứng Nhân Lịch Sử,* Hợp Lưu số 29, tháng 6-7 năm 1986.

11. Đoàn Thêm, *1945-1964 Hai Mươi Năm Qua,* không ghi rõ nhà xuất bản.

12. Hiệu Triệu của Hồ Chí Minh, in trên Văn Nghệ, số 19, tháng 1/1950.

13. Alain Ruscio, *La mémoire du siècle, 1945-1954 La guerre francaise d'Indochine,* Editions Complexe.

14. Bùi Tín, *Mây Mù Thế Kỷ,* nxb Đa Nguyên, 1998.

15. Nguyễn Khắc Ngữ, *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa,* Tủ sách nghiên cứu sử địa, Montréal, 1979.

16. Hồi Ký Mc Namara, bản dịch của nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1995.

17. Văn Tiến Dũng, *Đại Thắng Mùa Xuân,* nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 1976.

18. Trần Văn Trà, *Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm,* nxb Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh, 1982.

Đính chính:

Trong bài viết kỳ trước, chúng tôi có ghi nhầm chiến tranh Điện Biên Phủ kéo dài 56 ngày, xin sửa lại là 55 ngày.

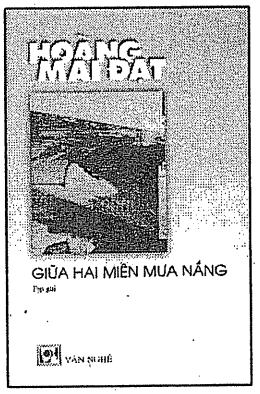

GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG

tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***

Cái mới của tác phẩm Hoàng Mai Đạt là tâm trạng của một lớp người trẻ trước những đổi thay lớn lao đang diễn ra ở mọi nơi, là cảm giác cô đơn trong một thế giới mênh mông không thuộc về mình. Một tập tạp ghi nhân một chuyến về quê, nhưng cũng là một câu hỏi lớn.

Nhà văn ***Nguyễn Mộng Giác***

Với lối hành văn thong thả — đôi lúc rề rà — và trầm tĩnh — đôi lúc nguội lạnh — Hoàng Mai Đạt đã làm tôi khi thì ứa nước mắt, khi thì bật cười một mình. Đến với một đề tài nhiều cảm xúc như về Việt Nam, Hoàng Mai Đạt tránh được cái sướt mướt mà vẫn giữ được cái cảm động. Bởi chăng vì anh có khả năng tự trào, tự chế nhạo, tự cười lấy mình.

Họa sĩ, nhà văn ***Võ Đình***

Không cần những suy tư và triết lý sâu xa, tạp ghi của Hoàng Mai Đạt đem chúng ta trở lại đời sống với những ánh mắt và nụ cười, những chia sẻ và chịu đựng, những khổ đau và hy sinh, những thiết tha và hy vọng... vốn là những chất liệu muôn đời của một cuộc sống có ý nghĩa.

Nhà phê bình ***Bùi Vĩnh Phúc***

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683
714-934-8574

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975 - 2000)

Bài thứ Ba: Nhóm Biên Khảo

TRẦN ANH TUẤN

2. Nhà Văn Nhà Báo:

Giới nhà văn nhà báo đi vào phạm vi sử học khá nhiều. Chúng tôi có thể kể Cao Thế Dung, Đặng Văn Nhâm, Điệp Mỹ Linh, Hứa Hoành, Lữ Giang, Phạm Kim Vinh, Phạm Quốc Bảo, Phạm Thăng, Phạm Trung Việt, Trọng Minh, Võ Phiến . . .

Cao Thế Dung là nhà báo nhà văn chuyên nghiệp. Trước năm 1975, ông nổi tiếng với loạt bài *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống* do ông ký tên Cao Vị Hoàng, viết chung với bác sĩ Trần Kim Tuyến, Giám Đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Bác sĩ Tuyến ký tên là Lương Khải Minh. Đây là một bút ký về cuộc đảo chánh và thảm sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 1 tháng 11 năm 1963 được đông đảo độc giả theo dõi vì bút ký chứa đựng những chi tiết ít người biết. Bút ký sau được xuất bản dưới dạng sách, nhưng đầu tiên nó được phổ biến hàng ngày trên một nhật báo ở Sài Gòn — tờ *Sống* của nhà văn Chu Tử nếu chúng tôi nhớ không lầm. Loạt bài trên báo đã gây ồn ào đến độ tòa soạn tổ chức một cuộc thi, đố độc giả biết tên thật của hai tác giả Lương Khải Minh và Cao Vị Hoàng.

Cao Thế Dung là một người quảng giao, từng nắm chức vụ trong nhiều ngành nghề khác nhau: dạy học, viết văn, viết báo, làm thơ, trông coi thư viện,... Ông sinh hoạt thường xuyên và lâu dài trong giới báo chí, thanh niên, cùng các tổ chức tôn giáo và chính trị. Do đó, ông có nhiều chất liệu để viết. Đề tài ông viết rất phong phú. Về cốt tính của con người Việt Nam, ông có *Tự Hào Là Người Việt Nam Qua Chứng Liệu Văn Hóa Lịch Sử* (Florida, 1989, 323 trang). Về người phụ nữ Việt Nam, ông có *Chân Dung Phụ Nữ Việt Nam Trong Văn Hóa Sử* (Arizona, 1990, 356 trang). Về đạo Công Giáo, ông có *Công Giáo Việt Nam Trong Dòng Sinh Mệnh Dân Tộc* (Louisianna, 1988, 364 trang). Về chiến tranh Việt Nam, ông có *Việt Nam Ba Mươi Năm Máu Lửa. Cuộc Chiến Tàn Sát Thương Binh Lần Thứ Nhất 1945-1963* (Virginia, 1991, 632 trang). Ông còn viết cả về Hồ Chí Minh và Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia Giải Phóng Việt Nam. Chính vì viết về đề tài sau này (*Mặt Trận, Những Sự Thực Chưa Hề Được Kể,* 2 quyển, Texas, 1991-92, 618 trang), mà ông cùng Nguyễn Thanh Hoàng - người đăng bài của ông trên tạp chí Văn Nghệ Tiền Phong - và Vũ Ngự Chiêu - người in sách của ông - đã bị một số nhân vật lãnh đạo Mặt Trận kiện ra tòa án San Jose, California năm 1994. Kết cuộc cả ba người đều được trắng án. Vụ án đã gây sôi động trong dư luận người Việt tại hải ngoại, và trở thành đề tài cho ít nhất hai quyển sách ghi lại từng chi tiết trong chín (9) phiên tòa từ ngày 5 đến ngày 22 tháng 12 năm 1994 (*Mặt Trận Kiện Báo Chí. Vụ Xử Án Lớn Nhất Hải Ngoại,* California, 1995, 208 trang, do Trần Củng Sơn, tức nhạc sĩ Trần Chí Phúc viết) và những biện hộ, tranh cãi trước tòa cùng cảm nghĩ và nhận định của một bị cáo (*1 Ngày Có 26 Giờ,* Texas, 1995, 281 trang, do Vũ Ngự Chiêu viết).

Cao Thế Dung đã quen viết mấy chục năm

nay và đã viết rất nhiều. Do đó, khi viết sử, ông cũng thường theo thói quen để trí tưởng tượng dẫn dắt ngòi bút. Xin lấy một thí dụ. Trong khi linh mục Phan Phát Huồn chỉ nêu nghi vấn là có thể có chuyện công chúa Mai Hoa con của vua Lê Anh Tông muốn làm bạn với một linh mục tên Ordonez de Cevallos năm 1591, theo như hồi ký của vị linh mục này (Phan Phát Huồn, *Việt Nam Giáo Sử*, Sài Gòn, 1965, trang 40). Linh mục Huồn còn thêm là theo nhiều tác giả, *linh mục Ordonez de Cevallos đã bịa chuyện, chứ ông ta chưa bao giờ đặt chân đến nước Nam* (sđd., trang 36-39)! Thế mà Cao Thế Dung đã lấy ý ấy của linh mục Phan Phát Huồn để tán hẳn ra một chuyện tình giữa trai tuấn tú và gái trâm anh (*Công Giáo Việt Nam Trong Dòng Sinh Mệnh Dân Tộc,* trang 33).

Đặng Văn Nhâm là nhà báo kỳ cựu thời VNCH. Theo tiểu sử do ông tự phổ biến, ông bắt đầu vào nghề báo năm 1952, lúc mới 19 tuổi, liên tục đến năm 1975. Chính vì thế, khi ông viết lịch sử báo chí là viết về những sinh hoạt của chính ông và các đồng nghiệp của ông trong một thời gian khá dài là gần một phần tư thế kỷ.

Bộ *Lịch Sử Báo Chí Việt Nam Từ Khởi Thủy Đến Hiện Tại* (1861-1999) (California, 1999, 668 trang) của ông chứa rất nhiều chi tiết về người và việc. Bộ sách thứ hai mà Đặng Văn Nhâm cho phát hành vào cuối năm 1999 và đầu năm 2000 là *Bí Mật Hậu Trường Chánh Trị Miền Nam. Quyển Một & Quyển Hai 1954-1975* (California, 1998-99, 763 trang và 770 trang).

Cả hai bộ sách đều mang trong lời kể rất nhiều đặc điểm của một người làm báo thời VNCH trước năm 1975: rất bén nhậy, viết rất nhanh, chú trọng những chi tiết giật gân, và thiếu chính xác.

Đặng Văn Nhâm đã bỏ nhiều thì giờ và tâm lực để hồi tưởng lại những chi tiết cùng kinh nghiệm của chính ông và các đồng nghiệp của ông để hoàn thành bộ lịch sử báo chí. Ông cũng chịu khó tham khảo sách báo mà danh sách lên đến 40 tác phẩm Việt và Pháp ngữ cùng những tài liệu văn khố tại Pháp và Việt Nam (?). Mục tiêu của Đặng Văn Nhâm khi viết sách này rất cao quí, là, nguyên văn, *"... nói lên sự thật, để mai sau những ai viết lịch sử báo chí miền Nam có thêm tài liệu tham cứu"* (sđd., trang 461). Tác giả cũng đã bỏ ra, nguyên văn, *"cả chục năm trời làm việc cần cù, liên tục"* (sđd., trang 567). Còn về bộ *Bí Mật Hậu Trường Chánh Trị Miền Nam,* hai quyển, thì ông muốn, nguyên văn, *bạn đọc có thể giữ làm tài liệu trong gia đình, cho các đời con cháu* (sđd, trang 46).

Nhưng thiết tưởng muốn đạt được mục tiêu cao quí đó, tác giả trước hết phải trình bầy sự thật y như nó đã xẩy ra! Hai bộ sách đồ sộ của ông, tiếc thay, có nhiều sai sót lắm. Ở đây, chúng tôi chỉ xin đưa ra vài thí dụ sai sót tiêu biểu về các phương diện niên đại, danh tánh, sự kiện, và tỷ lệ trình bầy, trích trong bộ *Lịch Sử Báo Chí*... Kỳ thi Hương cuối cùng ở VN được tổ chức vào năm Mậu Ngọ (1918), tại bốn trường thi Thừa Thiên, Bình Định, Nghệ An, và Thanh Hóa, chứ *"các cuộc thi cử luộm thuộm, vô bổ"* (nguyên văn của tác giả) không phải đến năm 1911 đã chấm dứt như tác giả viết nơi trang 9. Tên trường Huỳnh Khương Ninh ở Sài Gòn bị tác giả viết sai thành Nguyễn Khương Ninh nơi trang 369, bộ trưởng canh nông Cao Văn Thân bị tác giả viết sai thành Nguyễn Văn Thân nơi trang 370. Chiếc cầu xi-măng cốt sắt nối liền Sở Thú với giải trí trường Thị Nghè hồi Hội Chợ năm 1957 thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm không hề *"bị gẫy sập mấy nhịp"* như tác giả viết nơi trang 363, sự thực cầu chỉ bị gẫy *một đoạn lan can* mà thôi, và vì thế, nhiều người bị ngã xuống sông.

Còn bộ *Bí Mật Hậu Trường Chánh Trị Miền Nam 1954-1975*... thì tác giả rất ít khi tham khảo sách báo, nhất là trong Quyển Một. Tác giả thường khi ghi lại sự việc theo lối đối thoại trực tiếp của tác giả với các nhân vật trong cuộc. Tên là tên thật (Nguyễn Khánh, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Hoàng Đức Nhã, Trần Thiện Khiêm, Phạm Văn Phú, Trần Kim Tuyến, Đại Cathay, ...) nhưng những sự kiện và nhất là những cuộc đối thoại có thật hay không thì... tùy độc giả! Điều cần nói là bộ sách với những chi tiết thâm cung bí sử này rất ăn khách: chỉ trong vòng đôi ba tháng, sách đã được tái bản để phục vụ giới độc giả có tính hiếu kỳ!

Về phương diện hình thức, Đặng Văn Nhâm đã hạ lối viết mà ông tự gọi là viết sử xuống đến một trình độ thấp tối đa. Xin lấy vài thí dụ. Nơi trang 17 của *Bí Mật Hậu Trường..., Quyển Hai,* ông viết, nguyên văn, *Ông Phan Ngô... tay cầm đũa lùa cơm vào mồm không nên thân...* hay nơi trang 19 cùng một quyển sách, ông viết, vẫn nguyên văn, *Dễ gì ông động được đến lông chân tôi, mà không vào*

nằm cũi sắt!

Chính vì thế, hai bộ sách nêu trên không phải là những tập sử liệu, hay sử phẩm. Nói như nhà văn Viên Linh, một thi sĩ thành danh vốn rất có cảm tình với tác giả, đây chỉ là những *quặng mỏ thô* mà thôi !

Trước năm 1975, Điệp Mỹ Linh chỉ là một người nội trợ. Chính biến cố 30 tháng Tư năm 1975 đã tác động mạnh tinh thần bà và khiến bà cầm bút để vơi nỗi uất ức của một nạn nhân trước thời cuộc.

Ngoài một số văn thơ phản ánh tâm hồn nhậy cảm, Điệp Mỹ Linh đã hoàn tất một tác phẩm về giai đoạn cuối cùng của lịch sử quân chủng hải quân VNCH, một thành quả có lẽ dẫn xuất từ lòng yêu thương người chồng sĩ quan hải quân và nếp sống hải hồ của chính gia đình bà trước năm 1975. Đó là tác phẩm *Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa Ra Khơi 1975* (Texas, 1990, 369 trang) được hoàn thành sau những cuộc phỏng vấn các chứng nhân và người trong cuộc từng phục vụ trong Hải Quân VNCH và các cố vấn Mỹ, cùng tham khảo các tài liệu Việt Mỹ. Theo dõi bà từ đầu tác phẩm này, độc giả hẳn sẽ ngạc nhiên khi biết đang cầm trên tay kết quả của một cuộc phân công đặc biệt trong một gia đình Việt Nam tại hải ngoại: chồng cặm cụi làm việc để vợ có thì giờ... viết sách!

Hứa Hoành là một tác giả mới bắt đầu cầm bút từ năm 1990, khi ông vượt thoát đến trại tị nạn Mã Lai. Tuy mới cầm bút, nhưng ông là một tác giả có sức sản xuất rất sung mãn: trong 10 năm từ 1990 đến 2000-, ông hoàn thành ít nhất bảy tác phẩm, với khoảng 2500 trang giấy in.

Hứa Hoành là tác giả giới thiệu cho chúng ta khung cảnh thân yêu của miền Nam Việt Nam, với nếp sống dễ dàng phóng khoáng và cảnh trí thiên nhiên trù phú. Ký sự của ông đầy dẫy những chi tiết hứng thú về rau cỏ và hoa trái, về sông nước và ngành nghề, về con người và tâm tánh, về ca dao và tục ngữ, về văn chương học thuật, và cả về sự thay đổi địa danh và địa giới của miền Nam nước Việt qua dòng thời gian trải dài từ khi Gia Long tẩu quốc, qua thời Pháp thuộc, cho đến những năm 80.

Về phương diện tài liệu, Hứa Hoành ít khi trích dẫn và tham khảo sách báo. Tài liệu tham khảo chính của ông không gì ngoài những sách của các nhà văn miền Nam như Vương Hồng Sển, Sơn Nam, và Bình Nguyên Lộc mà độc giả nào cũng tìm thấy dễ dàng tại các nhà sách ở những vùng có đông người Việt cư ngụ. Chất liệu để viết của ông cũng bao gồm vốn hiểu biết dẫn xuất từ cuộc sống nơi lục tỉnh của người giáo viên tiểu học với hằng hà sa số những giai thoại và chuyện đời xưa trong những bữa tiệc và đám giỗ ở nhà quê miền Nam, cộng với trí nhớ phi thường, đôi mắt quan sát sắc sảo, khả năng nhận xét tinh tường, và tài kể chuyện cuốn hút của một nhà văn.

Độc giả của Hứa Hoành sẽ không tìm thấy những chi tiết cụ thể và chính xác vì những gì ông trình bầy thường thiếu xuất xứ khoa học. Những chi tiết ông giới thiệu thường là, xin ghi lại nguyên văn của ông trong sách, *theo vài sử gia* (sử gia nào ? trong tác phẩm nào ?) ..., *có người cắt nghĩa rằng* (người nào ? tín lực cuả họ đến đâu ?)..., *mấy người trong trại tỵ nạn kể tôi biết rằng* (ai vậy ? tại sao lời kể cuả họ đáng tin ?) ..., *theo mấy ông già trong đám tiệc* (họ còn tỉnh táo không ? mà họ là ai cái đã !) ..., *tương truyền* (có đáng tin không ?) ...

Nhưng Hứa Hoành là tác giả luôn luôn có sự khiêm nhượng và lương thiện đáng quí của nhà giáo. Sách nào của ông cũng đều có lời rao, rằng chúng không phải là những tài liệu sử, rằng những gì ông trình bầy trong sách chưa hề được đãi lọc qua một phương pháp án khảo nào.

Độc giả hẳn ghi nhận sự thận trọng và thẳng thắn cuả ông, để, trong những ngày giờ rảnh rỗi của dịp cuối tuần, trong những ngày nghỉ, hay những buổi tối khó ngủ, lần dở từng trang của *Nam Kỳ Lục Tỉnh* (Texas, 4 tập, 1990-95, cả thảy 959 trang), *Các Giai Thoại Nam Kỳ Lục Tỉnh* (California, 1997, 262 trang), *Các Nhà Giàu Xưa Ở Nam Kỳ* (California, 1997, 281 trang), *Nam Kỳ, Những Phú Hộ Lừng Danh* (Texas, 1999, 262 trang), hay *Bảy Viễn* (Texas, 1997, 276 trang)... để nhớ lại những kỷ niệm xưa nơi quê nhà.

Lữ Giang là bút hiệu của Nguyễn Cần. Ông xuất thân một người tốt nghiệp ngành luật, từng phục vụ trong ngành thẩm phán xử án thời VNCH. Ông là một người viết rất nhiều, hiện phụ trách mục phiếm luận trong một tờ báo phát không tại California, Hoa Kỳ với bút hiệu Tú Gàn. Mục phiếm luận này, tiếc thay, đã gây cho ông nhiều ân oán giang hồ.

Năm 1994, ông cho xuất bản một quyển sách viết về những cuộc rối loạn và xung đột tại VNCH trong các năm 1963-67 mà ông đã

cường điệu thành *Những Bí Ẩn Đằng Sau Các Cuộc Thánh Chiến Tại Việt Nam* (California, 1994, 493 trang). Cũng may là ông đã hồi tâm, và mới đây, năm 1999, ông đã thông báo việc tái bản quyển sách ấy, nhưng tựa đề lần tới sẽ là *Những Bí Ẩn Đằng Sau Các Biến Động Tôn Giáo Tại Việt Nam.* Ngoài quyển trên, ông vừa cho xuất bản tác phẩm thứ hai là *Những Bí Ẩn Lịch Sử Đàng Sau Cuộc . Chiến Việt Nam* (California, 1999, 488 trang).

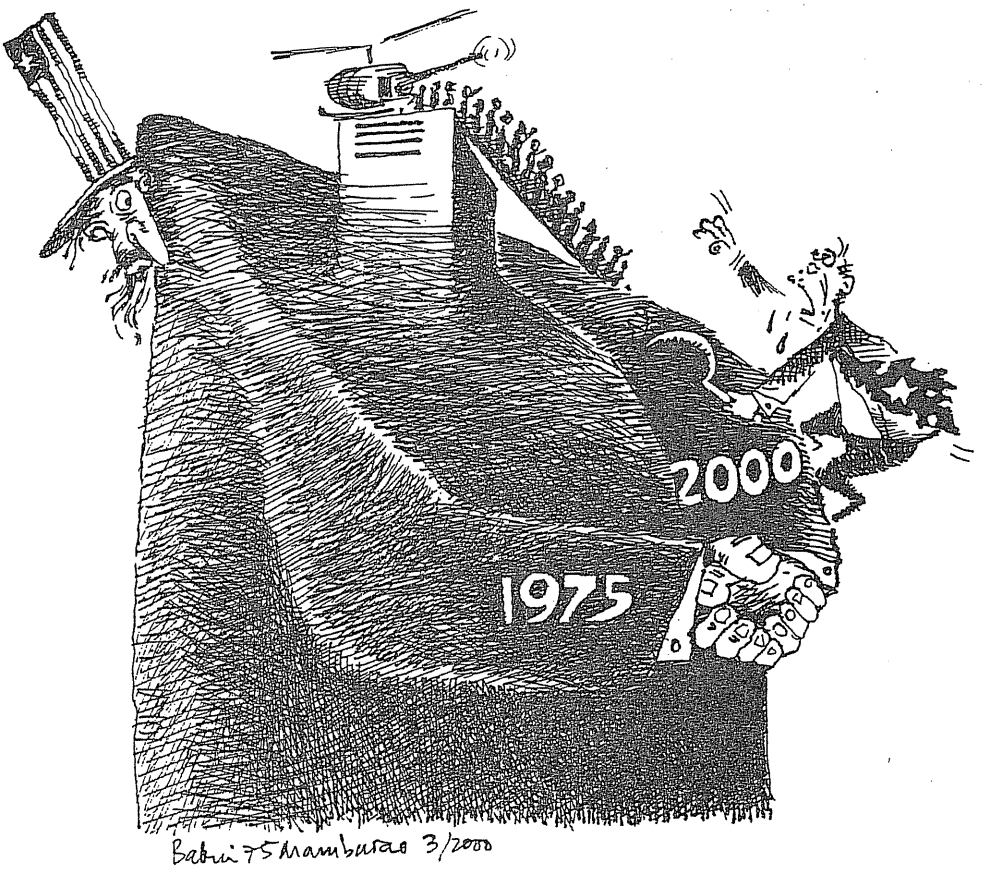

Hai quyển sách trên cuả Lữ Giang chứa rất nhiều tài liệu do ông thu thập được, hoặc từ sách báo tại các thư viện Hoa Kỳ, hoặc từ hồi ký của các chứng nhân, hoặc từ báo chí Việt ngữ. Cũng có những tài liệu do ông phỏng vấn được. Ông đã đưa tất cả những tài liệu ấy vào sách mà không lọc lựa. Chính vì thế, trong Lời Nói Đầu của quyển *Những Bí Ẩn Lịch Sử Đàng Sau Cuộc Chiến Việt Nam,* ông đã tự nhận xét rất đúng là sách ông xuất bản không phải là những sử phẩm mà chỉ là những tập tài liệu mà thôi. Điều khó khăn cho người đọc hay sử dụng sách của ông là, không biết đâu là sử liệu kể cả những "sử liệu" mâu thuẫn nhau- và đâu là những lời bàn luận phân tích của ông!

Phạm Kim Vinh là người viết nhiều tác phẩm nhất trong số những tác giả của giai đoạn 1975-2000 tại Bắc Mỹ. Từ năm 1976 đến năm 2000, ông đã hoàn tất được cả thẩy 37 tác phẩm. Tất cả những sách của ông đều xoáy quanh ba chủ đề chính là lịch sử và văn hóa Việt Nam, chiến tranh Việt Nam, và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Về lịch sử và văn hóa, tham vọng của tác giả là thực hiện một bộ thông sử toàn bích (xin đọc tựa đề tác phẩm cuả ông, *Vietnam: a Comprehensive History,* California, 1992) đã là một thất vọng cho người đọc vì quyển sách ông viết không hề có dấu vết của cái nhìn tổng hợp, một điều kiện căn bản của người viết sử. Về chiến tranh Việt Nam, ông không ngừng tấn công cái ông gọi là *"sự phản bội cuả người Mỹ," "sự vô ơn và tệ bạc của người dân đối với các chiến sĩ QLVNCH,"* và *"sự thụ động và vô liêm sỉ của thế giới bên ngoài."* Đặc biệt, về

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ông đã sử dụng hàng ngàn trang giấy để ca tụng một đạo quân mà ông tôn vinh là cang cường và dũng mãnh.

Trong suốt 25 năm, Phạm Kim Vinh đã sử dụng cây bút để tuôn ra những uất hận và đau đớn, những cáo trạng và kết án, và mặt khác, những bào chữa và tôn vinh, thay vì những thiên biên khảo lịch sử. Trong mỗi sách, ông đã trích dẫn rất nhiều, chứng tỏ là một người chịu khó đọc và một tác giả nói có sách. Điều đáng tiếc là những trích dẫn của ông rất chọn lọc: ông chỉ trích dẫn những câu những ý của các tác giả cùng quan điểm hay có lợi cho quan điểm cuả ông mà thôi!

Với cách viết hết sức chủ quan và một chiều dẫn xuất từ lòng uất hận, Phạm Kim Vinh đã tự mình làm độc giả xa lìa ông: họ không cần đọc cả quyển sách ông viết, họ chỉ liếc nhìn cần cái tựa đề là đã thấu rõ nội dung của sách rồi. Những tựa đề như *Chính Trị Con Buôn Của Nước Mỹ, Thiên Anh Hùng Ca Viết Cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa,* hay *Tôn Vinh Cuộc Chiến Đấu Của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa*... là vài thí dụ.

Phạm Quốc Bảo nguyên là một *"lãnh tụ sinh viên."* Ông là chủ tịch Ban Đại Diện Sinh Viên Văn Khoa khoảng năm 1964-1966. Hoàn cảnh chính trị lúc bấy giờ cho phép chúng tôi đoán rằng nếu ông không phải bên này thì cũng phải bên kia mới đắc cử Chủ Tịch Ban Đại Diện Sinh Viên được! Và vì thế, sau biến cố 30 tháng Tư năm 1975, ông đã phải trả giá bằng những năm tháng tù đầy trong các nhà tù của chế độ Cộng Sản Việt Nam. Hoạn nạn này đã được ông ghi lại rất chi tiết trong *Cùm Đỏ* (California, 1983, 235 trang), một truyện ký sẽ được chúng tôi bàn đến trong phần sau của loạt bài này.

Thật ra, bản thân Phạm Quốc Bảo trước sau là một con người văn khoa, rõ hơn là một nhà văn nhà báo có trình độ giáo dục đại học. Ông đã có bốn, năm truyện dài, một số truyện dịch và truyện ngắn. Cũng vì thiên hướng cuả một nhà báo muốn ghi lại lịch-sử-đang-thành-hình, ông đã du hành quanh nước Mỹ để viết *Dấu Vết Văn Hoá Việt Trên Đường Bắc Mỹ* (2 tập, California, 1995, 649 trang).

Dấu Vết Văn Hoá Việt Trên Đường Bắc Mỹ đầu tiên là cả một dự án lớn lao của Phạm Quốc Bảo với tham vọng gây phong trào văn hóa và gợi hứng cho các nhóm nghiên cứu địa phương hoàn tất các nhân vật chí và địa phương chí như ông đã khẳng định nơi trang 260 của quyển *Dấu Vết Văn Hóa Việt Trên Đường Bắc Mỹ, Tập 1.*

Tiếc thay, sức người có hạn và hoàn cảnh không thuận lợi (ông phải rút ngắn cuộc du khảo vì một lý do ngoài ý muốn) nên thành phẩm của ông đóng góp với đời chỉ là những mảng thu nhận vội vã về người Việt tại bốn địa phương ông đã đến thăm là San Jose, Portland, Seattle, và Olympia trong 301 trang sách của *Tập Một.* Sang đến Tập Hai của bộ sách (348 trang), thì đúng như tựa đề tác phẩm, văn hoá Việt chỉ là dấu vết rất mờ nhạt trong bộ sách này: Phạm Quốc Bảo đã lan man hết đề tài này sang đề tài khác của *đời sống Mỹ* mà thôi!

Phạm Thăng xuất thân là một họa sĩ tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Gia Định. Sau đó ông vừa làm công chức Bộ Thông Tin VNCH vừa làm ký giả thể thao cho đến năm 1975. Từ năm 1984, ông lập cư tại Gia-nã-đại, và chuyên viết những truyện đồng quê miền Nam, theo truyền thống Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc hồi còn ở trong nước, và Hồ Trường An, Trần Long Hồ, Kiệt Tấn,... sau này nơi hải ngoại. Những tuyển truyện của Phạm Thăng như *Cô Sáu Tân Qui* (Hannover, 1990, 247 trang), *Xuôi Dòng Cửu Long* (Toronto, 1990, 245 trang)... rất đặc sắc, gợi độc giả nhớ lại những ngày thân ái xưa, êm đềm và hạnh phúc ở miền Nam trước năm 1975.

Phạm Thăng cũng là người say mê những thú chơi tem và chơi tiền. Do đó, năm 1990, ông cho xuất bản quyển *Tiền Tệ Việt Nam* ở Hannover, Đức quốc. Quyển này sau được ông sửa chữa, cho tái bản tại Gia-nã-đại năm 1995 dưới tựa đề mới là *Tiền Tệ Việt Nam Theo Dòng Lịch Sử. Tập 1: Từ Thời Đinh Tiên Hoàng (968) Cho Đến 1975.* Đây là tác phẩm đầy đủ nhất do người Việt viết về hệ thống tiền đồng và tiền giấy của Việt Nam từ xưa đến nay với đầy đủ hình ảnh, chụp từ chính bộ sưu tập tiền của ông.

Điều đáng tiếc là suốt hơn 450 trang sách *Tiền Tệ Việt Nam Theo Dòng Lịch Sử. Tập 1: Từ Thời Đinh Tiên Hoàng (968) Cho Đến 1975* không có lấy một cước chú hay chú thích nào về những chi tiết kỹ thuật của tiền đồng hay tiền giấy Việt Nam. Những sự kiện trong lịch sử cũng được tác giả trình bầy từ trang này sang trang khác một cách rất tự nhiên và thoải

mái như khi tác giả viết... truyện. Thật ra, rải rắc trong sách cũng có một số những trích dẫn từ các sách tham khảo, nhưng đây là những trích dẫn thiếu sức thuyết phục, đại loại như, xin trích nguyên văn, *nhà sưu tầm tiền cổ De Lacroix đoán rằng...* (sách đã dẫn, trang 73), *khảo cổ học đã phát hiện tại khu vực thành Cẩm Phả (Quảng Ninh) một thoi bạc hình khối nặng 1,030 kg...* (sđd., trang 87), *sách Đại Nam Thực Lục Tiền Biên đã chép rõ...* (sđd., trang 118), vân vân.

Nếu chỉ đọc sách khảo về tiền cổ Việt Nam của Phạm Thăng, độc giả hẳn sẽ thấy sách được soạn thảo *rất công phu và có giá trị* như nhận xét của Huỳnh Hữu Cửu trong Đôi Lời Giới Thiệu, trang 5. Nhưng nếu chúng ta so sánh công trình biên khảo về tiền tệ Việt Nam này của Phạm Thăng với những tác giả khác, chẳng hạn như một tác giả mới đây nhất, Howard A. Daniel, III trong quyển *Republic of Vietnam Coins and Currency* (Virginia, 1992, 160 trang) chẳng hạn, thì chúng ta mới thấy tiếc cho tác giả Phạm Thăng đã thiếu sót nhiều. Hãy lấy một thí dụ như đồng tiền giấy 1 Đồng thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Sách của Phạm Thăng cho biết ngày phát hành là 15 tháng 10 năm 1955 (*Tiền Tệ Việt Nam Theo Dòng Lịch Sử. Tập 1: Từ Thời Đinh Tiên Hoàng (968) Cho Đến 1975*, trang 287). Trong khi đó, Howard A. Daniel, III cho biết rõ ngày phát hành là từ 15 tháng 10 năm 1955 đến ngày 3 tháng 10 năm 1958, với tổng số 59,914,200 tờ (*Republic of Vietnam Coins and Currency,* trang 29). Nghĩa là đồng tiền giấy 1 Đồng thời Đệ Nhất Cộng Hòa đã được phát hành liên tục trong ba (3) năm chứ đâu phải chỉ trong một (1) ngày như Phạm Thăng đã viết!

Phạm Trung Việt là một tác giả còn ở trong nước. Là một con dân đất Quảng, ông đã bỏ cả đời vào việc hoàn thiện một tác phẩm địa phương chí về quê hương thân yêu của ông, tựa đề *Non Nước Xứ Quảng.*

Thật thế, *Non Nước Xứ Quảng* đã được phát hành lần đầu tiên vào năm 1962. Từ đó, tác giả liên tục hiệu đính, kiểm chứng, và tăng bổ tài liệu cùng hình ảnh cho sách được thập phần hoàn hảo, phản ánh lòng yêu quê cha đất tổ một cách thiết tha của tác giả. Do đó mới có những lần tái bản thứ nhất năm 1964, thứ hai năm 1969, thứ ba năm 1971, và thứ tư năm 1974. Biến cố tháng 4-1975 là một biến cố đổi đời, nhưng chỉ khiến tác giả càng gắn bó với đất Quảng hơn nữa: ông vẫn tiếp tục tăng bổ *Non Nước Xứ Quảng* mặc cho bao trở ngại khó khăn cuả một con người cũ trong chế độ mới.

May mắn cho ông là năm 1993, một Việt kiều ông Trương Nguyên Thuận ở Texas- từ Hoa Kỳ về thăm lại quê hương và có cơ duyên gặp ông. Cảm động về mối tình son sắt của Phạm Trung Việt vớI đất Quảng, người Việt kiều đồng hương ấy đã đem bản thảo của ông ra hải ngoại, và vì thế *Non Nước Xứ Quảng* ấn bản lần thứ năm ra đời tại California năm 1998.

Có thể coi đây là một tác phẩm mới, vì ấn bản lần thứ năm này có 379 trang, dầy gấp rưỡi ấn bản lần thứ nhất chỉ có 226 trang, và nội dung được cập-nhật-hóa đến năm 1996. Thế có nghĩa là *Non Nước Xứ Quảng* với bản in năm 1998 đã phản ánh đầy đủ những thay đổi dưới chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa so với thời Việt Nam Cộng Hòa. Đồng thời bản in lần thứ năm này cũng phản ánh công phu cả đời của Phạm Trung Việt mà những ngườI đồng hương Quảng Ngãi nay có thể vui mừng biết rằng dù nơi hải ngoại, họ vẫn có thể có trong tủ sách gia đình một tác phẩm ăm ắp tình quê làm hành trang và vốn liếng văn hóa cho các thế hệ con cháu.

Trọng Minh tên thật Vũ Trọng Chất, là một nhà báo tại Sài Gòn thời VNCH. Ông tị nạn tại Hoa Kỳ từ năm 1975. Ngay lúc còn ở trại tị nạn, ông đã có ý viết về cộng đồng Việt Nam tại vùng đất mới. Và sau những năm sống ở đất nước tạm dung này, Trọng Minh càng lấy làm hãnh diện về sự thành công của cộng đồng người Việt với những thành tích ngoại hạng trong phạm vi học đường và ngoài xã hội. Do đó, ông xúc tiến công tác ghi lại những thành tích của người Việt hải ngoại. Mục đích của ông rất rõ, trước hết là để nêu gương sáng cho đời sau, sau là hóa giải những luận điệu đầy ác ý của thiểu số người địa phương cho rằng cộng đồng người Việt chỉ bao gồm những kẻ ăn bám xã hội, và cuối cùng là hóa giải luận điệu xuyên tạc của Cộng Sản cho rằng cộng đồng người Việt chỉ là những cặn bã của xã hội, rời bỏ quê hương để tha phương cầu thực.

Trọng Minh đã soạn bài vở, thực hiện những cuộc phỏng vấn, và liên lạc với các đồng nghiệp trong làng văn làng báo để thu thập tài liệu cho dự án của mình. Ông đã bỏ nhiều công của, thời giờ, và hy sinh cả đời sống gia đình để theo đuổi liên tục dự án *Vẻ Vang Dân Việt* suốt từ năm 1990 đến nay.

Tính đến năm 2000, ông đã hoàn tất được hơn 1400 trang trong bộ *Vẻ Vang Dân Việt* với bốn (4) tập, vinh danh khoảng 300 người, tất cả đều là thành viên của cộng đồng người Việt tị cư tại hải ngoại sau biến cố 30 tháng Tư năm 1975, trừ một vài trường hợp đặc biệt như trong Tập II vinh danh thêm Hai Bà Trưng, Bà Triệu, và Tập III vinh danh thêm Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Điều cần lưu ý là độc giả nào đọc bộ sách này với mục đích thu thập dữ kiện khoa học nên cẩn thận vì sách được viết với tất cả sự chủ quan của tác giả, cộng với phương pháp sưu tầm và án khảo tài liệu không khoa học. Tác giả thường cả tin vào những gì báo chí hay chính các đương sự cung cấp nên ngòi bút của Trọng Minh rất rộng rãi những lời khen tặng.

Phải chăng vì thế mà một thi sĩ ở Pháp, Hồi Thủ Nguyễn Khôi Minh, đã dịch quyển *Người Trung Quốc Xấu Xí* (2) của một tác giả Trung Hoa như một phản ứng ngược lại?!

Võ Phiến là một nhân vật đặc biệt đóng nhiều vai trò khác nhau: công chức, nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, và nhà xuất bản. Ông tích cực sinh hoạt văn học và nghệ thuật liên tục cả về thời gian -từ năm 1956 đến nay- lẫn không gian từ Việt Nam sang đến Hoa Kỳ-. Do đó, ông là một trong những người có thẩm quyền nhất để đưa ra những nhận định đứng đắn về thời kỳ văn học VNCH, nhất là khi ông vừa có sự thông tuệ của một cá nhân vừa có sự tế vi của một nhà văn.

Công trình do ông thực hiện mới đây dưới tựa đề *Văn Học Miền Nam 1954-1975* gồm cả thẩy 3063 trang là một đóng góp quí giá giúp độc giả cái nhìn khá toàn diện về phần sáng tác của một hệ thống văn học mà chính quyền Cộng Sản Việt Nam hiện tại muốn triệt tiêu.

Trong công trình dài hơi này, cách viết nhận định văn học của Võ Phiến đã có một sắc thái đặc biệt là sau phần giới thiệu tác giả có khi rất ngắn của ông, ông cho đăng tải lại những tác phẩm thường là khá dài cuả họ để giới thiệu văn chương thời Việt Nam Cộng Hòa qua các thể truyện (3 tập, 1999, 1376 trang), ký (1 tập, 1999, 441 trang), kịch và tùy bút (1 tập, 1999, 445 trang), và thơ (1 tập, 1999, 436 trang).

Giá trị của bộ nhận định văn học này nằm trong những nhận xét rất tinh tế và ý nhị, cùng sự phân tích rất tinh vi, sâu sắc và hóm hỉnh về con người và tác phẩm. Giá trị của bộ sách còn ở chỗ nó là một thực thể để không một ai trong tương lai có thể tiêu hủy được dòng văn học vốn đã hiện hữu và phát triển sung mãn trong một chính thể tương đối tự do và độc lập ở phía Nam vĩ tuyến 17 tại Việt Nam trong suốt hai thập niên.

Vì thế, nơi hải ngoại thiết tưởng bộ nhận định văn học này xứng đáng là bộ sách gối đầu giường cho những ai muốn thưởng thức kể cả những ai muốn phê bình- dòng văn học Việt Nam Cộng Hòa 1954-1975.●

Alameda, tháng Hai năm 2000

Kỳ tới: 3) Chuyên Viên Các Ngành

(1) Chi tiết này chưa được phối kiểm. Chúng tôi viết theo nội dung cuộc điện đàm giữa chúng tôi với một vị giáo sư hiện cư ngụ tại miền Nam California hôm 16 tháng 2 năm 2000 vừa qua. Theo báo *Sài Gòn Nhỏ San Francisco-Oakland-Stockton-Sacramento* số 429 (ngày 11 tháng 2 năm 2000) nơi trang 103 thì quan tài của Phạm Kim Vinh và Trầm Tử Thiêng đều được phủ cờ.

(2) Nguyên tác Hán văn là *Người Trung Quốc Hủ Lậu.*

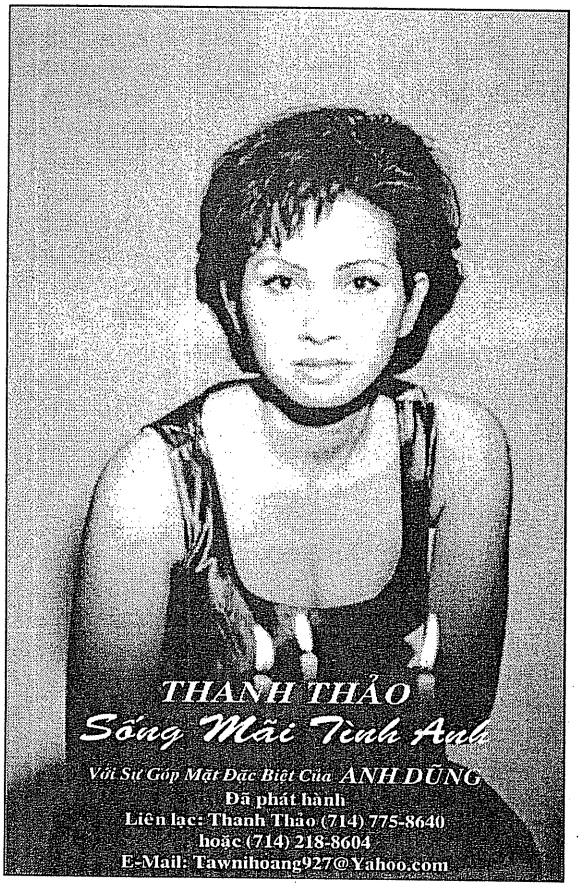

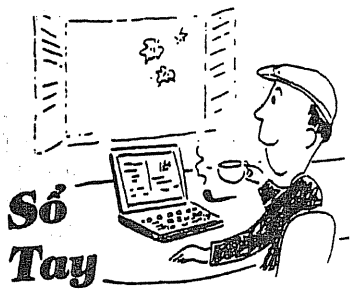

TẠI SAO NGƯỜI VIỆT GHÉT TỪ DOANH?

Có bốn người Việt Nam ở tuổi giữa 30 và 40, có người mới qua Mỹ dưới 10 năm, đã làm cho các công ty viễn thông, tin học, và kỹ thuật cao khác ở Mỹ, năm ngoái quyết định họp nhau mở một công ty riêng.

Các kỹ thuật gia kiêm doanh nhân này được một số người Mỹ gốc Á châu khác góp "Vốn khai phá," tiếng Anh gọi là Venture Capital, tức là bỏ vốn vào những dự án đầy hứa hẹn nhưng cũng đầy may rủi, được ăn lớn, thua mất hết.

Vì những người sáng lập đều gốc Việt, nên khi tính lập cơ xưởng sản xuất ở nơi nào nhân công có trình độ, thông minh, lương rẻ, họ đã tìm về Việt Nam. Vừa quen ngôn ngữ, phong tục dễ xoay trở hơn, lại vừa thỏa mãn lòng thương yêu xứ sở - có người cha mẹ vẫn sống ở Việt Nam, có người mới về nước cưới vợ được mấy năm.

Nhưng sau nhiều chuyến đi Việt Nam, xin nhiều thứ giấy phép, mời nhiều bữa tiệc chiêu đãi, những bạn trẻ này chịu thua! Được giấy phép chỗ này thì bị chỗ khác ngăn, vừa lòng ông trên thì ông dưới cản, luật lệ không biết đâu là đúng, lương công nhân không thấp như họ tưởng. Khi một người Trung Hoa đề nghị qua Quảng Đông coi thử, nhóm người Việt đã đi, và họ quyết định mở một cơ xưởng gần Hồng Kông! Lương thợ thấp hơn, chính quyền địa phương bảo đảm xây cư xá cho công nhân, thủ tục giấy tờ nhanh chóng và trên dưới đồng nhất một thứ luật lệ, lại được miễn nhiều thứ thuế trong thời gian đầu, việc chuyển ngân tiền ra vào dễ dàng!

Môi trường đầu tư ở Trung Quốc hơn hẳn Việt Nam. Một công ty ngoại quốc đã nêu ra một thí dụ: nhập cảng nguyên liệu, thiết bị vào Việt Nam đi qua hải quan mất cả tháng, ở Trung Quốc chỉ mất mấy ngày! Báo *Wall Street Journal* mới kể chuyện một doanh nhân làm bánh nhân thịt ở Thượng Hải. Năm năm trước ông ta thành công, muốn mở thêm dăm cơ sở mới nhưng chịu thua vì mỗi cái giấy phép mở cửa hàng mới phải đóng gần 80 ngàn Nguyên. Nhưng bây giờ thì ông ta bắt đầu phát triển, vì luật lệ thay đổi, mở một cái xưởng mới chỉ phải đóng lệ phí đăng ký 5 Nguyên, tương với 60 xu Mỹ!

Giới kinh doanh tư ở Việt Nam cũng chẳng được khá hơn. Báo chí mới công bố một cuộc thăm dò của MPDF, tức Chương trình Phát triển Dự án Mekong của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam. Một điều đáng chú ý trong bản nghiên cứu đó là đa số những người trả lời đều coi lãnh vực tư rất quan trọng, nhưng ai cũng muốn tránh không muốn dính tới các xí nghiệp tư!

Khi hỏi về vai trò của khu vực tư nhân trong cả nền kinh tế, 93% các cán bộ ngân hàng nói là nó quan trọng, có 86% các sinh viên sắp ra trường cũng nói thế. Nhưng họ có muốn đi làm cho các xí nghiệp tư không? Trong số các sinh viên sắp ra trường, chỉ có 8% muốn, 41% muốn làm cho các công ty người nước ngoài, và 64% vẫn muốn làm cho doanh nghiệp nhà nước! Ngay cả phụ huynh của họ, cũng chỉ có 25% muốn con em đi làm hãng tư, 74% muốn con em làm "công chức." Còn ngân hàng, nếu phải lựa chọn cho những dự án của xí nghiệp tư hay doanh nghiệp nhà nước vay tiền, 80% sẽ chọn đưa tiền cho nhà nước, chỉ có 18% chọn tư nhân.

Tại sao người ta nghĩ một đường, làm một nẻo như vậy? Tờ *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* cũng phải quy tội: chỉ vì nhà nước. Các cán bộ ngân hàng nói họ không muốn cho tư nhân vay "vì chính sách của nhà nước chứ không phải do hành vi của các doanh nghiệp tư."

Vậy nhà nước đã làm gì nên tội? Thứ nhất là lập ra đủ thứ rào cản không cho tư nhân tự do làm ăn, câu chuyện công ty Việt kiều ở Mỹ kể trên là một thí dụ. Thứ hai là guồng máy tham nhũng chỉ ưu đãi những xí nghiệp tư chụp giật, buôn lậu, gian trá, vì chỉ những người đó mới có khả năng hối lộ nhiều! Theo cuộc phỏng vấn của dự án Mekong thì nhiều viên chức nhà nước "quy trách nhiệm cho tư nhân về tình trạng tham nhũng lan tràn!" Những tư doanh kiểu Minh Phụng, Epco, Tân Trường Sanh, không biết từ đâu mọc ra nếu không phải do chính sách nhà nước. Ưu đãi các tư nhân đó khiến hai chữ "tư doanh" bị bêu xấu.

Bài nghiên cứu của Dự án Mekong còn cho biết một nguyên nhân khác là bộ máy hành chánh: các viên chức nhà nước chỉ quen "có kinh nghiệm nuôi dưỡng các xí nghiệp nhà nước" mà thôi. Thí dụ các ngân hàng. Tại sao

họ ưa cho doanh nghiệp nhà nước vay hơn là tư doanh? Vì nếu doanh nghiệp nhà nước không trả thì ngân hàng, cũng của nhà nước, không bị phạt! Tiền nhà nước hết, từ tay này đưa cho tay kia, ai phạt ai bây giờ? Còn cho xí nghiệp tư vay thì chính các viên chức ngân hàng cũng không biết cách thẩm định tín dụng ra sao, không biết tính khả năng trả nợ của người vay, lỡ không đòi được tiền thì mất chức! Cứ đem tiền nhà nước cho nhà nước vay là yên ổn!

Từ cuối năm ngoái, các ông Phan Văn Khải, Nguyễn Tấn Dũng đã nói nhiều lần sẽ "khuyến khích tư nhân kinh doanh." Nhưng toàn là nói suông. Muốn cho khu vực tư phát triển thì phải tháo gỡ cái guồng máy hành chánh, kinh tế của đảng từ trên xuống dưới, mà làm như vậy thì nhiều người bị thiệt hại nhiều quá.

Nay mai phải buôn bán tự do với Mỹ hay khối AFTA, thì ai ở nước Việt Nam có thể cạnh tranh với các công ty ngoại quốc? Chắc chắn không phải những xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan tuyển nhân viên theo tuổi đảng, không theo khả năng chuyên môn. Báo *Lao Động* kể chuyện Công ty Du lịch vùng Chùa Hương tuyển chín đảng viên vào làm dù không có nghề, còn các sinh viên tốt nghiệp đại học ngành du lịch thì không được tuyển, đi bưng cà phê kiếm sống.

Chúng tôi giấu tên công ty của nhóm người Việt Nam ở Mỹ, có lý do. Những người Việt Nam này vẫn còn thiết tha nghĩ đến đồng bào, đến những thanh niên tuấn tú ở trong nước đang thất nghiệp. Họ vẫn hy vọng có ngày sẽ về hoạt động. Họ cũng đành chờ như các xí nghiệp tư ở Việt Nam vậy!

BẮC KINH DỌA ĐÀI LOAN KHÔNG SỢ

Ông Trần Thủy Biển đắc cử Tổng thống Trung Hoa Dân quốc, chấm dứt chế độ Quốc Dân Đảng. Người Trung Hoa có thể nhìn vào biến cố đó để nghĩ có ngày chế độ độc đảng ở lục địa cũng thay đổi.

Ông Trần Thủy Biển thắng với 39% số phiếu bầu, đại diện Đảng Dân Chủ Tiến bộ, quy tụ các chính trị gia gốc bản xứ Đài Loan từ lâu bất mãn với Quốc Dân đảng từ lục địa chạy qua từ năm 1949. Năm 1991 đảng Dân Tiến đưa vào chương trình dự định tuyên bố Đài Loan là một quốc gia, không phải là một tỉnh của Trung Quốc (như cả hai đảng thù nghịch là Cộng Sản và Quốc Dân đảng đều chủ trương.) Ông Trần Thủy Biển vốn là một luật sư tranh đấu cho các chính trị gia đối lập. Ông đắc cử thị trưởng Đài Bắc năm 1995 với 40% số phiếu giống như năm nay, khi hai ứng cử viên Quốc Dân Đảng và Tân đảng chia nhau 60% số phiếu còn lại. Phó Tổng thống đương cử là bà Lữ Tú Liên, tốt nghiệp Đại học Harvard có thể giúp ông về mặt ngoại giao. Người có thể được ông mời làm thủ tướng (Viện trưởng Viện Hành chánh) là Lý Viễn Triết, một nhà hóa học đã được giải Nobel.

Trước ngày bầu cử, Chủ tịch Giang Trạch Dân, Tướng Trương Vạn Niên, Bộ trưởng Quốc phòng Trì Hạo Điền rồi Tổng lý Chu Dung Cơ, một người được coi là ôn hòa, lần lượt đe dọa chiến tranh sẽ xảy ra nếu Đài Loan tự nhận là một nước độc lập, bỏ khái niệm "một nước Trung Hoa." Nhưng các ứng cử viên Tổng thống Đài Loan đều nói rằng họ không chủ trương Đài Loan độc lập.

Phó Tổng thống Liên Chiến ứng cử đại diện Quốc Dân Đảng, với khẩu hiệu đề cao kinh nghiệm và ổn định. Ông Tống Sử Du, tách khỏi Quốc Dân Đảng để ứng cử với lập trường hòa hoãn hơn, đề nghị Đài Bắc và Bắc Kinh ký một hiệp ước hòa bình với thời hạn 30 năm, sau đó sẽ bàn chuyện gia hạn hoặc thống nhất. Ông Tống đã bị các đối thủ gán cho tội "đầu hàng," nhưng ông chiếm được 37% số phiếu, chứng tỏ các lời đe dọa của Bắc Kinh có hiệu quả. Trước ngày bỏ phiếu, hai phe gốc Quốc Dân Đảng này tung ra khẩu hiệu "Khí Tống bảo Liên" hoặc "Khí Liên bảo Tống" để hy vọng thắng ông Trần Thủy Biển.

Ứng cử viên khác, ông Hứa Tín Lương, trước thuộc đảng Dân Tiến nay tách ra lập đảng mới với chủ trương độc lập dứt khoát, chỉ được dưới 1% cử tri ủng hộ. Ông Trần Thủy Biển đã tuyên bố sẵn sàng gặp các nhà lãnh đạo Bắc Kinh sau khi đắc cử, trước ngày nhậm chức vào tháng Năm năm nay. Sau cuộc bầu cử, Quốc hội Đài Loan, đa số là Quốc Dân Đảng, đã làm luật cho phép giao thương trực tiếp với lục địa, trước đây vẫn bị cấm phải đi qua Hồng Kông hay Singapore.

Hiện có 30 tỷ Mỹ kim đầu tư từ Đài Loan vào các xí nghiệp trong lục địa. Đài Loan đã phát triển đến mức thiếu nhân công, đang dùng 300 ngàn công nhân ngoại quốc, chuyển bớt công việc làm sang lục địa là đúng.

BÀI HỌC CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DÂN CHỦ HÓA

Cuộc bầu cử vừa qua là một biến cố chưa từng có trong lịch sử nền văn minh

Trung Hoa: Lật đổ một chính phủ, một chế độ từng mang tiếng độc tài, tham nhũng hạng nhất, mà bằng lá phiếu. Đây là lần thứ nhất một chính quyền ở Trung Hoa bị thay thế qua thể thức dân chúng bầu cử trực tiếp. Nếu kể từ năm 1949, khi ông Tưởng Giới Thạch mang tàn quân chạy sang đảo thì Quốc Dân Đảng đã cầm quyền được 50 năm, nếu kể từ khi Tôn Trung Sơn chấp chính năm 1912 thì đảng này đã nắm chính quyền gần 90 năm liên tục.

Có 12.4 triệu người đi bầu trong số 15.47 triệu cử tri, tỷ lệ 80%. Gần 50% cử tri Đài Loan từ 20 đến 39 tuổi, gần ba phần tư dưới 50 tuổi, những người này không nhớ các chiến công oanh liệt thống nhất Trung Hoa của Thống chế Tưởng Giới Thạch, cũng không nhớ cuộc nội chiến Quốc Cộng trong hơn 20 năm cho đến khi ông Tưởng bị thua. Nhưng họ có thể nhớ ông Tưởng Kinh Quốc đã bắt đầu tiến trình Dân Chủ hóa.

Hai ứng cử viên Tống Sử Du và Trần Thủy Biển đều nêu cao khẩu hiệu chống tham nhũng. Từng là Tỉnh trưởng Đài Loan ông Tống tách ra khỏi đảng để chống các hành động lạm dụng quyền thế. Ông Trần Thủy Biển tranh cử với khẩu hiệu "phá vỡ nền chính trị của Tiền và Hắc đạo," ám chỉ chế độ Quốc Dân Đảng. Tổng cộng số phiếu của hai người, chúng ta thấy 75% dân Đài Loan không chấp nhận Quốc Dân Đảng. Nhưng nếu chính quyền mới muốn điều tra những vụ tham nhũng, lạm quyền của các viên chức Quốc Dân Đảng trước đây, họ vẫn phải dùng hệ thống luật pháp dân chủ.

Sau ngày bầu cử, đảng Dân Tiến sẽ bàn việc chính thức bãi bỏ chủ trương độc lập, để hòa dịu với Trung Quốc. Và chính phủ Bắc Kinh cũng hòa hoãn, chỉ nói sẽ "nghe những gì Biển nói, nhìn những gì Biển làm" (Thính Biển ngôn, quan Biển hành.) Ông Trần Thủy Biển nói sẵn sàng thảo luận tay đôi với ông Giang Trạch Dân về ý nghĩa của quy tắc "Một nước Trung Hoa - Nhất cá Trung Quốc."

Cuộc bầu cử ở Đài Loan năm nay là một bài học cho Trung Quốc, nhất là trong chiến dịch chống tham nhũng. Quốc Dân Đảng đã có một quá khứ độc tài quân phiệt và nổi tiếng tham nhũng, nhưng họ thay đổi. Thời ông Tưởng Kinh Quốc làm Tổng thống, ông đã đặt nền móng cho thể chế dân chủ, chấp nhận tự do ngôn luận, tự do báo chí, cho các đảng đối lập hoạt động. Từ tình trạng "Đảng là nhà nước, nhà nước là đảng," Quốc Dân Đảng đã tách đảng khỏi guồng máy nhà nước khi dân chúng được bầu cử tự do. Thị trưởng Đài Bắc hiện nay là Mã Anh Cửu, người Quốc Dân Đảng. Nhưng Trưởng Khu hành chánh Đài Bắc mở rộng, Tô Chân Xương cũng như thị trưởng Cao Hùng, hải cảng lớn nhất, đều thuộc đảng Dân Tiến. Tách đảng ra khỏi nhà nước là một bước tiến lớn để giảm bớt tham nhũng, lạm quyền.

Ông Trần Thủy Biển cũng đề cao quy tắc tách kinh tế ra khỏi chính trị. Những cơ sở kinh tài của Quốc Dân Đảng trị giá gần bốn tỷ Mỹ kim đã dần dần hoạt động độc lập, tách khỏi guồng máy đảng từ mấy năm nay để tránh tiếng thiên vị, lạm quyền. Trong những năm tới, công cuộc chống tham nhũng của ông Trần Thủy Biển sẽ là một kinh nghiệm cho đảng Cộng Sản Trung Quốc.

ẤN ĐỘ MỞ CỬA ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tushar A. Dave, một kỹ sư tin học đã làm việc ở Mỹ tám năm, cho đến năm 1988 ông rủ người bạn cùng làm cho Intel trở về Bangalore, Ấn Độ dựng một công ty riêng, Armedia. Mười năm sau, họ công bố một sáng chế mới: một loại "chip" giải mã các tín hiệu điện tử đã mã số hóa (digitalized) và đông đặc lại (condensed), nhờ thế chế ra một bộ phận giúp cho các máy ti vi thường cũng coi được các phim digital loại mới. Nhưng ở Ấn Độ rất ít người có máy ti vi mầu, và các phim digital lại càng hiếm. Công ty không bán được hàng, nhà doanh nghiệp trẻ (42 tuổi) muốn về nước để phục vụ đã thất vọng! Cho đến khi sáng chế của Armedia lọt mắt xanh một công ty làm chíp khác, Broadcom Corp. ở Irvine, California. Công ty này đã tìm ra cách biến các tín hiệu hình ảnh thành digital để chuyển qua vệ tinh và cable, nhưng chưa có cách làm ngược lại, tức là biến từ tín hiệu digital ra hình thường cho người ta coi! Năm 1999, công ty ở Irvine đã mua công ty Armedia với giá 67 triệu Mỹ kim để làm chủ sáng chế mới. Ông Dave có tiền để tìm tòi, sáng chế thêm.

Ông Bill Clinton là vị Tổng thống Mỹ tới thăm Ấn Độ lần đầu tiên trong 22 năm. Một người Ấn Độ khác mong chuyến đi của ông Clinton sẽ giúp nước Ấn Độ bán hàng cho Mỹ, đó là ông Shiv Nadar, một tỷ phú Mỹ kim, chủ nhân công ty HCL có trụ sở tại ngoại ô New Delhi và tại Sunnyvale, California. Ông Nadar cho biết hãng ông ở Ấn Độ và một khách hàng ở Connecticutt bên Mỹ liên lạc thường xuyên, trực tiếp bằng

truyền hình, mỗi ngày bật lên, tắt đi nhiều lần giống như bật đèn điện. Ông Nadar nói "Tôi cảm thấy họ là hàng xóm của tôi."

Trị giá những nhu liệu và sản phẩm tin học do Ấn Độ xuất cảng tăng từ 50 triệu mỹ kim đầu thập niên 1990 lên 4 tỷ năm nay, và sức tăng đó sẽ tiếp tục. Hai phần ba các nhu liệu Ấn Độ xuất cảng bán sang Mỹ, loại hàng xuất cảng này đang gia tăng 50% mỗi năm. Những công ty như HCL và bao nhiêu công ty điện tử, tin học ở Bangalore chứng tỏ rằng Ấn Độ tham dự vào nền kinh tế toàn cầu chỉ có lợi. Trong khi Việt Nam lo ký hiệp ước để được Mỹ tính quan thuế nhẹ khi bán giầy dép, măng khô, nước mắm và cà muối, thì Ấn Độ lo xuất cảng một thứ, là "hàng hóa trí não."

Ấn Độ là dân tộc đã xuất cảng (không tính tiền) cho cả nhân loại hưởng một sáng kiến vĩ đại, là con số không (zero). Nếu không ai nghĩ ra con số đó thì chắc không có nền khoa học hiện đại. Không có hệ thống mười con số của Ấn Độ, được người Ả Rập đưa qua cho Âu châu vào đầu thiên niên kỷ thứ nhì thì nhiều môn toán cũng khỏi ra đời, cũng không có các sản phẩm tin học ngày nay.

Bây giờ người Ấn Độ đang bắt đầu bán "não phẩm" cũng là nhờ từ năm 1992 nước này đã tự cởi trói, bỏ Chủ nghĩa Xã hội để làm kinh tế thị trường. Từ khi độc lập năm 1947, tuy theo thể chế Dân Chủ nhưng đảng Quốc Đại vẫn không tin ở kinh tế thị trường. Những đại công ty quốc doanh như Tata có hàng trăm ngành khác nhau, độc quyền nhiều lãnh vực, và họ làm ăn cũng thiếu hiệu quả như ở các nước cộng sản.

Nước Ấn Độ đã thay đổi, nhất là từ khi đảng Bharatyia Janata của Thủ tướng Behari Vajpayee lên cầm quyền thay cho đảng Quốc Đại. Họ tư hữu hóa nhiều xí nghiệp quốc doanh, mở cửa cho đầu tư ngoại quốc. Các cải tổ tiến chậm chạp, vì phải nhiều lần chính phủ không có đủ đa số ở Quốc hội. Ngoài ra, guồng máy hành chánh cũng còn phải học lại cho quen với kinh tế thị trường. Nhiều công ty ngoại quốc đã nản, như Bell Canada, Swisscom đã bỏ đi, than rằng luật lệ còn lờ mờ, tin tức kinh tế, tài chánh chưa công khai minh bạch. Ấn Độ có hơn một tỷ dân, là nền kinh tế lớn thứ năm trên thế giới, nhưng năm 1998 chỉ thu hút được 2.5 tỷ Mỹ kim đầu tư trực tiếp, và năm ngoái chỉ còn 2.1 tỷ. Mậu dịch với nước ngoài của Ấn Độ chỉ bằng 1% mậu dịch thế giới. Chuyến viếng thăm của Tổng thống Mỹ Clinton hy vọng khiến giới đầu tư Mỹ chú ý đến Ấn Độ hơn.

Sau khi được tái cử năm 1999, Thủ tướng Behari Vajpayee đã thúc đẩy công cuộc tư hữu hóa nhanh hơn, mở cửa cho đầu tư ngoại quốc rộng rãi hơn. Tháng Hai vừa qua, chính phủ Ấn đã hạ thấp quan thuế, bãi bỏ lệ phí nhiều loại giấy phép, và cho phép người ngoại quốc làm chủ 100% nhiều loại công nghiệp. Đầu Tháng Ba, chi nhánh của AT&T đã kết hợp với phân bộ điện thoại cầm tay của Tata. Công ty Hutchison của gia đình Lý Khai Thành ở Hồng Kông cũng mua phần vốn quyết định của công ty viễn thông Essar. Ngành bảo hiểm, bị quốc hữu hóa từ thời bà Thủ tướng Gandhi nay được tư hữu hóa, có mươi công ty bảo hiểm ngoại quốc hoạt động, đầu tư hơn một tỷ Mỹ kim trong năm năm tới, tạo thêm 200 ngàn việc làm. Hãng Hyundai của Đại Hàn đã mở xưởng xe hơi, giờ trở thành công ty xe hơi lớn thứ nhì sau công ty bản xứ Maruti. Công ty Lafarge của Pháp đã mua phân bộ chế thép của Tata và sẽ còn mua thêm nhiều xí nghiệp khác. Công ty Intel của Mỹ đã đầu tư 250 triệu, sẽ tăng gấp đôi số đầu tư trong năm nay.

Trong năm nay Tổng Sản Lượng Quốc Nội Ấn Độ có thể gia tăng trên 10%, như các nước Á Đông vào thập niên 1970-80. Nhưng tình hình chính trị vùng Nam Á còn là một thử thách, chỉ khi nào ngân sách Ấn Độ bớt được gánh nặng quân sự thì tài nguyên quốc gia mới được sử dụng để nâng cao mức sống của người dân bình thường.

NHIỀU NGƯỜI GIÀU NHỜ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN?

Một cô nha sĩ tuyên bố muốn bỏ nghề: Chú em chồng tôi nó cùng ra trường một năm, bây giờ chắc nó đã có mấy triệu. Thế mỗi ngày nó nhổ bao nhiêu cái răng? Càng ngày nó càng nhổ ít răng, vì thế nó mới giầu. Nó để thời giờ chơi xì tốc (tức là mua bán cổ phần trên thị trường chứng khoán.)

Chắc quý vị mỗi người đều có một cậu em chồng, một ông anh vợ hay đứa cháu họ xa đang giầu to như vậy, ít nhất là họ cho mình có cảm tưởng đó, vì lâu lâu họ lại khoe xì tốc đang lên. Trong một ngày Chỉ số Dow Jones tức Dow Jones Industrial Average lên gần 500 điểm, con số cao kỷ lục sau khi đã lên 320 điểm ngày hôm trước. Chỉ số Dow Jones đo lường giá trị cổ phần của 30 công ty lớn ở Mỹ, biểu hiện tình hình chung của thị trường chứng

khoán. Đây là lần đầu tiên liên tiếp trong hai ngày chỉ số đó lên hơn 200 điểm, trong hai ngày đã tăng thêm 8%. Nếu gặp nhau, thế nào ông anh vợ hoặc chú em chồng cũng có dịp khoe chuyện D.J. tăng vọt, làm như đó là thành tích của mình. Và họ cho chúng ta cái cảm tưởng rằng họ có những bí quyết làm giầu mà bọn người trần mắt thịt mỗi ngày vẫn chỉ lo đi làm hùng hục như chúng ta thì không thể nào hiểu nổi.

Xin nói ngay rằng không nên tin có những bí quyết như vậy. Những người nghiên cứu về thị trường chứng khoán đều biết cuốn sách *A Random Walk down Wall Street*, một sách giáo khoa đã ra đời 40 năm nay, bây giờ đã sửa để in lại đến ấn bản thứ bảy. Giá mỗi cổ phần thay đổi tùy theo tin tức, hàng trăm hàng ngàn thứ tin tức khác nhau, mà tin tức thì xuất hiện một cách tình cờ (theo một quá trình ngẫu nhiên stochastic process- gọi là random walk, một thuật ngữ toán học.) Cho nên không ai có bí quyết nào để biết trước lúc nào cổ phần nào sẽ lên hay xuống bao nhiêu. Người ta chỉ có thể biết khuynh hướng chung, và về lâu về dài, ai nói mình biết chắc chắn cái gì sẽ lên hay xuống lúc nào đều là nói ngoa.

Một nhà đầu tư chuyên nghiệp và đã làm giầu như ông Warren Buffett cũng mới ngỏ lời xin lỗi các cổ đông góp vốn cho ông đầu tư, vì năm vừa qua kết quả thua kém. Và những người chuyên nghiệp họ làm việc không nghỉ, vì trách nhiệm đầu tư tiền của thiên hạ. Quỹ đầu tư Banc One chẳng hạn, thuộc cỡ trung bình với 125 tỷ vốn, trong đó có 55 tỷ để vào các cổ phần, chia ra nhiều quỹ nhỏ. Trong năm qua, có quỹ nhỏ lên, nhưng cũng có quỹ xuống bị người góp vốn đang rút tiền ra. Các người quản lý quỹ hàng ngày phải theo dõi các công ty mà họ mua cổ phần, coi có tin tức nào ảnh hưởng đến giá cả hay không.

Ông Chris Guinther trông coi một "quỹ nhỏ" của Banc One, chỉ có 307 triệu, quỹ này mỗi ngày nhận được khoảng 10 triệu Mỹ kim của thân chủ góp vốn, và phải quyết định đầu tư ngay chứ không để cho tiền mặt nằm không đó. Ngày Thứ Ba 29 tháng Hai vừa rồi, nghe tin công ty Glanayre tuyên bố cộng tác với công ty Aether, giá cổ phần Glanayre tăng 38% so với chiều hôm trước, ông Guinther mua ngay 50 ngàn cổ phần với giá 18.10 Mỹ kim. Sang ngày thứ Sáu, giá lên 27.50 Mỹ kim. Ăn to, là nhờ mỗi ngày mỗi người đã theo dõi, nghe ngóng một số cổ phần rất chặt chẽ. Một Quỹ đầu tư khác mua cổ phần công ty Nortel, họ cử chuyên gia mỗi tháng đến thăm công ty này tại chỗ, chứ không chỉ ngồi nhà đọc tin tức hay nhìn vào các bản báo cáo tài chánh.

Trong thị trường có hàng chục ngàn người làm công việc như vậy. Bí quyết của họ là làm việc, đổ mồ hôi nghiên cứu, phân tích hàng trăm, hàng ngàn dữ kiện, về một công ty, về thị trường cạnh tranh của công ty đó, về tình hình kinh tế có thể ảnh hưởng đến công ty đó, coi nhà cung cấp cho công ty đó ở Đài Loan hay Bangladesh có bị lụt hay bị động đất không, vân vân. Có những lúc họ không kịp quyết định phải soạn sẵn chương trình điện toán để máy quyết định mua, bán thay người.

Thị trường chứng khoán phức tạp như vậy thì tại sao mấy cậu em chồng và ông anh họ của chúng ta đã làm giàu bạc triệu? Nếu họ giầu thật thì bởi vì ở đời ày có nhiều người may mắn! Hoặc họ chỉ kể cho chúng ta nghe về những lúc họ "ăn" còn lúc thua thì không nói gì cả, cho nên chúng ta chỉ biết xì tốc này lên, lại xì tốc kia lên, toàn là tính cộng mà không nghe thấy tính trừ bao giờ. Mỗi khi cậu em chồng khoe đã thắng lớn, quý bà nên đặt câu hỏi: Lợi nhiều như vậy, còn mức may rủi (risk) cao hay thấp? Một phương tiện đầu tư có lợi suất cao cũng có nghĩa là mức may rủi cao, khi bị mất cũng mất nhiều hơn.

Nếu ông anh vợ khoe đang làm chủ mấy ngàn cổ phần vừa tăng giá gấp đôi trong ba tháng, quý ông nên hỏi lại: Thế anh mua hồi nào? Lúc giá chưa lên hay đã lên rồi? Nếu ông ta khoe mua lúc giá chỉ có một nửa, lại hỏi tiếp: Ngoài cái xì tốc đó còn những xì tốc khác của anh ra sao? Các nhà đầu tư chuyên nghiệp biết rằng lúc cả thị trường lên thì cũng chỉ một số nhỏ cổ phần lên thôi, còn đa số rất lệt bệt. Lý do rất giản dị: thí dụ có bốn cổ phần như nhau, ba cái xuống mỗi thứ 25% mà một cái lên 85% thì cả thị trường vẫn lên. Nếu ông anh vợ mua đúng mười cái xuống chỉ mua một cái lên, ông ta vẫn chỉ kể chúng ta nghe cái xì tốc lên mà thôi, còn những cái đã xuống bỏ qua. Những người đi đánh bài về cũng vậy, họ chỉ kể chuyện những lần thắng!

Cuối cùng, nếu quý vị không phải người chuyên môn mua bán xì tốc thì không nên đánh cá. Hãy chia đều tiền vốn của mình cho nhiều quỹ đầu tư, cái này lên cái kia xuống, nhưng nói chung có lợi vừa phải và mức may rủi cũng vừa phải.●

ĐỜI SỐNG QUANH TA

KHI HÔN NHÂN VÀ... TRÒ CHƠI BỊ LẤN LỘN

THANH THẢO

Đây là chuyện hoàn toàn có thật: đài truyền hình Fox đã quảng cáo qui mô chương trình tìm chồng "Đại triệu phú" trên hệ thống của họ, một chương trình mà hình thức dựa trên một cuộc thi hoa hậu, hay một cuộc tuyển lựa... mỹ nhân của những vị vua cách đây vài ngàn năm bên Trung Hoa, hoặc những ông vua xứ Ả Rập tuyển chọn hầu thiếp. Ấy thế mà vào kỷ nguyên này, trong năm 2000 sau Tây Lịch, cũng có đến 50 phụ nữ, thuộc đủ mọi giới, tuổi từ 19 đến 45, đã ghi danh và được chuyên chở về khách sạn Las Vegas Hilton, tiểu bang Nevada, để tham dự cuộc tuyển lựa mà giải trúng là... một ông chồng "đại triệu phú" họ chưa bao giờ gặp gỡ.

Vào ngày 15 tháng Hai, lúc chương trình "Who wants to marry a multimillionaire?" được trực tiếp truyền hình, bao nhiêu người đã chờ đón một... trò chơi mới. Trong khi các phụ nữ bước ra sân khấu trong những bộ quần áo tắm hay những bộ trang phục dạ hội, người chồng tương lai của một trong 50 người này, anh chàng "đại triệu phú," Rick Rockwell, 42 tuổi, ngồi khuất trong một phòng nhỏ riêng biệt để theo dõi các cô, cùng với khoảng 10 triệu khán giả qua hệ thống truyền hình lúc chương trình bắt đầu. Khi còn khoảng 10 cô trong vòng bán kết, số khán giả tại nhà đã tăng lên đến 22.8 triệu người, khi các cô trả lời ông chồng tương lai những câu hỏi... không đòi hỏi yếu tố thông minh.

Thế rồi năm cô được chọn vào vòng chung kết, và cuối cùng một nữ y tá phòng cấp cứu tại Thousand Oaks, California, Darva Conger, 34 tuổi, trở thành cô dâu được chọn. Hai kẻ xa lạ, một cố hết sức để được chọn như một... món hàng, một tuyên bố chỉ muốn tìm một người bạn đời để cùng nhau đi dạo ngoài bãi biển những buổi hoàng hôn, cuối cùng đã đạt được mục đích.

Thế nhưng vì trò chơi này đã sai lầm ngay từ căn bản, chỉ vài giờ sau khi chương trình kết thúc cho đến ngày hôm sau, hàng ngàn lời nhắn và ý kiến gửi bằng thư điện toán của khán giả khắp nơi vào địa chỉ của đài Fox đã khiến cho giám đốc chương trình phải xét lại trò chơi của họ. Trên mạng Internet mang tên: "The Smoking Gun" do hai phóng viên Daniel Green và Bill Bastone khởi xướng, người ta tìm thấy những dữ kiện về quá khứ không mấy êm đềm như chàng chú rể đã tuyên bố. Đó là bản sao lệnh tòa cấm không cho Rockwell đến gần người bạn gái cũ, một người mẫu tên Debbie Goyne, vì tội hành hung và dọa giết cô ta vào năm 1991. Dù không bị ra tòa, đây là hồ sơ hình sự liên quan đến cá tính chú rể khiến cho biết bao nhiêu người phải kinh ngạc tại sao một đài truyền hình lớn như Fox lại không tìm ra trong lúc tuyển chọn và phỏng vấn chú rể cho chương trình "Who wants to marry a multimillionaire?" Fox cho biết đã mướn điều tra viên tìm hiểu về Rockwell trong năm tuần lễ, vậy thì lý do nào khiến những điều khả nghi về người này không được tìm thấy? Chưa kể là đang có nhiều nghi vấn liên quan đến tài sản của chàng "đại triệu phú," bản sơ yếu lý lịch có nhiều khoản không thể kiểm chứng mà tờ *New York Times* đã nhận xét là có nhiều yếu tố... giả tưởng. Ngay số "của nổi" trị giá khoảng $750 ngàn cũng khó xác định được. Rockwell đang sống trong một căn nhà rộng 1,200 feet vuông tại Encinitas, cách San Diego khoảng 25 dặm về hướng Bắc, trong một khu trung lưu, và theo hàng xóm, cũng như những người bạn hiện tại của Rockwell, không có dấu hiệu gì cho thấy anh ta là triệu phú cả. Sau chuyến du thuyền trăng mật tại vùng đảo Caribbean, Rockwell trở về nhà một mình, còn người vợ mới cưới Darva Conger không thấy tăm hơi...

Sau đó, trong cuộc phỏng vấn trên "Good Morning America" của đài truyền hình ABC ngày 23 tháng 2, cô cho biết cô hối hận vì đã lầm lẫn

khi nhận lời tham gia vào trò chơi này. Hai người đã thỏa thuận sẽ xin làm giấy hủy phép hôn phối, không có lý do. Cô còn cho biết thêm nếu biết trước Rick Rockwell là một người như cô được biết bây giờ, một người có tính tình ồn ào, nông cạn, cô không chọn làm bạn anh ta, đừng nói chi đến làm vợ.

Tuy người thắng trò chơi này được một chiếc nhẫn cưới trị giá $35 ngàn mỹ kim, một tuần lễ trăng mật trên du thuyền đi Caribbean, một chiếc xe Isuzu, tổng trị giá $100 ngàn mỹ kim do đài Fox đài thọ, và dĩ nhiên, với ông chồng "triệu phú" nữa, nhưng sau khi làm giấy tờ hủy bỏ cuộc hôn nhân, làm sao người ta xóa bỏ được dấu vết của "trò chơi vợ chồng" với trên 22 triệu nhân chứng, hình ảnh còn lưu lại rành rành. Những người thua cuộc, không phải chỉ có cô dâu Darva Conger, mà còn là tất cả những khán giả đã theo dõi trò chơi hạ thấp giá trị hôn nhân và phẩm giá phụ nữ này.

Đài Fox đã hủy chương trình chiếu lại trò chơi này trong tháng Ba năm nay và cho biết hủy luôn việc thực hiện chương trình thứ nhì, dự định vào tháng Năm. Đó là chưa kể đến việc có thể bị cô Darva Conger đưa đơn kiện. Vậy thì đài Fox cũng là một kẻ thua cuộc. Thế mới biết hôn nhân không phải là một trò đùa!

CHIẾN TRANH ĐIỆN TỬ

TRẦN QUÁN NIỆM

Xảy ra sau Y2K

10 giờ sáng thứ hai 14 tháng 2, 2000 mạng lưới điện tử Yahoo hứng chịu một trận đại hồng thủy tín hiệu từ các máy điện toán ở khắp nơi gửi tới. Số lượng tín hiệu quá lớn (hàng ngàn triệu) nên máy điện toán chính của mạng lưới Yahoo không tiếp nhận nổi, do đó làm tê liệt mạng lưới điện tử này, khiến khách hàng không nối được vào mạng lưới để nhận tin tức và các dịch vụ khác như thường lệ.

Mới đầu kỹ sư của hãng tưởng là hệ thống bị trục trặc, nhưng sau đó họ nhận thức được rằng mạng lưới của họ bị tấn công bởi các chuyên viên phá hoại điện toán (hackers). Tín hiệu gửi đến mạng lưới phát xuất từ khoảng 50 máy khác nhau. Hiển nhiên là các máy này đã bị một hoặc một nhóm hackers cấy các "con bọ" (virus) vào, tại một thời điểm nào đó. Các "con bọ" nằm yên trong máy bị cấy và chờ lệnh của hackers để đồng loạt tấn công mạng lưới Yahoo bằng cách gửi thật nhiều tín hiệu vô nghĩa tới cốt làm nghẹt đường dây, không cho khách hàng chính thức của Yahoo vào mạng lưới.

Kỹ thuật tấn công này khá đơn giản, nhưng cái khéo của hackers là tìm được một số máy điện toán mà sự bảo đảm an ninh tương đối lỏng lẻo để cấy vào máy đó "con bọ" tai hại, mà chủ nhân các máy điện toán này không hề biết. Vào thời điểm hacker muốn, họ sẽ gửi lệnh cho các "con bọ" khởi động phá hoại các mạng lưới, hoặc các "con bọ" đã được ấn định giờ sẵn từ trước để tự khởi động việc gửi tín hiệu, như bom nổ chậm vậy.

Vì phương pháp gián tiếp đó, cơ quan FBI khó mà truy lùng được dấu tích của hackers. Từ thứ Ba đến thứ Tư, chín mạng lưới chính và phổ thông nhất Hoa Kỳ như Yahoo, Buy.com, eBay, CNN.com, Amazom.com, ZDnet.com, Etrade, DATEX và Exice bị tấn công tơi bời. Trong tuần, nhiều mạng lưới khác kém nổi tiếng hơn cũng bị tấn công. Cơ quan FBI có nhiệm vụ điều tra các vụ tấn công điện tử, đã chính thức ghi nhận ít nhất là 17 phá hoại có mức độ trầm trọng cần điều tra.

Vì hiện nay đời sống hàng ngày càng phụ thuộc mạng lưới điện tử để thông tin (email điện thư), tin tức, thể thao, mua bán chứng khoán, đặt mua hàng hóa và nhiều dịch vụ linh tinh khác nên vụ phá hoại vừa kể trên có tầm mức nghiêm trọng đặc biệt. Tổng thống Clinton triệu tập buổi họp khẩn để tìm phương pháp trong tương lai bảo vệ hữu hiệu mạng lưới điện tử. Bộ trưởng Tư Pháp Reno họp báo dọa sẽ lùng bắt đến kỳ cùng kẻ phá hoại và truy tố cũng như trừng phạt thẳng tay. Cơ quan FBI có nhiệm vụ điều tra tìm thủ phạm hoạt động ngày đêm, mong tìm ra một sơ hở nào đó của hackers để phăng lần ra thủ phạm.

Hackers là ai?

Thường thường đó là những thanh thiếu niên trẻ tuổi, có biệt tài về điện toán và họ cố tìm cách đột nhập các mạng lưới thương mại cũng như quốc phòng, phá phách cốt gây tiếng vang và chứng tỏ tài năng của họ.

Đôi khi hackers cũng có thể là các kẻ phá hoại chuyên nghiệp với mục đích bất chính. Điển hình là mới đây một hacker có bí danh "Maxim" xâm nhập hệ thống điện toán cuả hãng bán đĩa

nhạc CDUniverse lấy được 300,000 số thẻ tín dụng (creditcard) và đặt điều kiện là hãng đĩa nhạc phải nộp cho hắn $100,000, nếu không hắn sẽ công bố tên tuổi, số thẻ trên mạng lưới. Hãng đĩa nhạc không chịu trả tiền, báo cho cơ quan FBI nhờ điều tra và hãng thẻ tín dụng cấp thẻ mới cho khách hàng.

Mức độ trầm trọng

Phương pháp gửi thật nhiều tín hiệu đến một mạng lưới khiến mạng lưới bị tê liệt trong hoạt động phục vụ khách hàng, thật ra không mới lạ. Nhưng kỳ này thật là một vố bất ngờ cho các công ty quản trị mạng lưới vì họ không ngờ kẻ phá hoại có thể trưng dụng được một số lớn các máy điện toán trung gian để đồng loạt gửi hàng triệu tín hiệu ra một lúc.

Tuy lần này hackers chỉ làm trì trệ hoạt động mạng lưới một vài giờ (tuy thế sự thiệt hại cũng lên đến hàng tỷ đô la vì dịch vụ bị ngưng trệ), nhưng đã gióng tiếng chuông báo động vì nó chứng tỏ dù được bảo vệ kỹ càng, mạng lưới điện tử rất dễ bị phá hoại và quan trọng hơn cả là những tin tức về đời tư của khách hàng cũng như những tin tức bí mật của các công ty tài chánh thương mại dễ dàng bị đánh cắp.

Đồng thời trên bình diện quốc gia, hệ thống điện toán lưu trữ các tài liệu quốc phòng tối mật để lộ một điểm yếu là cũng dễ bị gián điệp xâm nhập để đánh cắp. Hàng năm hệ thống máy điện toán quốc phòng thuộc Ngũ Giác Đài bị hackers mưu toan đột nhập và phá hoại chừng 250,000 lần. Phần nhiều là những cố gắng đột nhập của hackers tài tử muốn chứng tỏ khả năng điện toán cuả mình, nhưng có chừng 500 vụ coi như trầm trọng.

Các quốc gia địch cũng như bạn, ngày đêm tìm cách đánh cắp tài liệu tối mật quốc phòng của Mỹ, cũng như tìm hiểu sự phòng thủ hệ thống điện tử của Mỹ ra sao. Càng ngày các tính toán, điều hành chiến lược, hướng dẫn vũ khí đều được thực hiện bằng máy điện toán do đó bảo vệ được hệ thống điện toán của mình và phá hoại hệ thống điện toán của địch là điều kiện sinh tử để chiến thắng một trận chiến.

Trong nỗ lực này, năm 1999 hackers người Nga đã lọt được vào hệ thống của Ngũ Giác Đài, đánh cắp một số tài liệu tối mật mà lưới tình báo Mỹ chịu thua, không sao nhận diện hay ngăn cản được các hackers này. Đồng thời trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh với Iraq, Hoa Kỳ cũng dùng phương pháp tương tự như hackers xử dụng trong tuần vừa qua để làm tê liệt hệ thống điện toán của Iraq. Đài Loan và Trung Cộng thường xuyên tìm cách phá hoại hệ thống điện toán của nhau. Và như đã nói, chiến tranh điện tử còn rất nhiều bí ẩn mà người thường không thể nào biết hết. Các quốc gia bạn cũng như thù vờn nhau, thử miếng, xem giò xem cẳng nhau hàng ngày trong trò chơi điện toán. Các món đòn hiểm được dấu kỹ, chờ khi thử lửa thật sự nơi chiến trường mới bất ngờ tung ra làn tê liệt đối phương hầu đánh một đòn chí thử cho quị luôn.

Giơ cao đánh khẽ và Dụng nhân như dụng mộc

Bà Bao Công Reno dọa nạt sẽ trừng phạt thẳng tay nếu bắt được kẻ phá hoại, nhưng thật ra tài ba của họ là món hàng quí hiếm và được đánh giá cao trong thế giới điện toán. Các hackers loại tài tử (học sinh hay sinh viên) không gây các tai hại trầm trọng, thông thường chỉ bị cảnh cáo, rồi sau đó được tuyển mộ để thiết lập mạng lưới an toàn bảo vệ hệ thống điện toán của hãng, sở đó, vì còn gì hữu hiệu hơn là dùng "kẻ trộm" để bắt "kẻ trộm" vì hai bên đã biết rõ mưu lược cũng như mánh mung của nhau. Hoặc các hackers này có nhiệm vụ tấn công và xâm nhập hệ thống điện toán của chính cơ quan thuê họ để các cơ quan này có dịp thực tập việc phòng thủ. Tuy nhiên quan trọng hơn cả là có những hoạt động bí mật nhằm nghiên cứu và phá hoại hệ thống điện toán của các quốc gia thù nghịch với Hoa Kỳ (điển hình là Iraq trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh). Hackers chuyên nghiệp với mức phá hoại có tính cách hình sự ở cường độ trầm trọng hơn, dĩ nhiên khi bị ra tòa họ vẫn nhận lãnh các án trừng phạt nhưng thường là có phần nhẹ hơn hoặc được hứa hẹn sẽ khoan hồng, giảm án, tha sớm để các cơ quan có dịp tuyển mộ và xử dụng tài năng của họ.

Mạng lưới và trang Web của nhà nước Cộng Sản Việt Nam bị phá hoại

Cùng lúc với việc phá hoại các mạng lưới điện tử tại Hoa Kỳ, các kẻ phá hoại (hackers) còn nhắm đến hệ thống mạng lưới của các quốc gia chậm tiến mà sự bảo vệ mạng lưới còn lỏng lẻo, để tiếp tục phá hoại, trong đó có Việt Nam.

Nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam cho biết các trang Web của họ bị tiêu hủy hay bị sửa đổi, hoặc không trể truy cập được. Việc phá hoại gây trì trệ nhiều tiếng đồng hồ. Tuy nhiên vì hệ thống trang Web và mạng lưới tại VN không được phổ biến rộng rãi (chừng 40,000 người) và an ninh bảo vệ hầu như không hữu hiệu nên mỗi khi trang Web bị phá hoại, nhanh và giản dị nhất là họ làm lại trang Web khác.

KIỂM KÊ DÂN SỐ NĂM 2000

(TQN)

Đa số, thiểu số

Năm 1970, tôi và vài người bạn có dịp du học Hoa Kỳ. Căn cứ Hải Quân đóng tại Treasure Island. Chiều chiều đón xe buýt, lang thang tại các thành phố San Francsisco, Oakland cho biết đó biết đây, vừa mua sắm hàng hóa chờ khi mãn khóa mang về quê nhà làm quà. Nhiều đêm khệ nệ túi, xách ra về, thế nào cũng bắt gặp mấy trự Mỹ đen, nghiện rượu, vô gia cư, say ngật ngưỡng trên đường phố, thấy tội nghiệp bọn tôi móc túi lấy bạc cắc ra cho. Mấy trự này mừng rối rít, ban phước lành lia lịa God Bless You (cứ như là Cha nhà thờ không bằng). Có anh lè nhè: Bọn mày da vàng hả. *Tốt lắm, Tao chỉ ghét bọn trắng thôi. Rồi mày coi, bọn đen tao sinh con lia chia, thế nào cũng có ngày bọn tao thành đa số, đè đầu, bóp cổ tụi trắng. Bọn mày không tin hả. Cứ chờ vài chục năm nữa thôi.*

Bây giờ là năm 2000, nghĩa là đã mấy chục năm trôi qua, muốn biết giấc mộng của mấy ảnh đã thực hiện tới đâu rồi, cứ check với Sở Thống Kê dân số là chắc như bắp.

Một vài con số điển hình rút từ tài liệu Kiểm Kê dân số do sở Thống Kê lưu trữ là mỗi ngày có 1,470 người dọn nhà về Cali, 2,000 sinh viên tốt nghiệp đại học bốn năm, 6,400 di dân nhập cảnh Hoa Kỳ, bảy vị bô lão thọ 100 tuổi (bách tuế) và 10,200 trẻ sơ sinh chào đời. Trong số hài nhi này bao nhiêu trắng, bao nhiêu đen, bao nhiêu đỏ, bao nhiêu vàng, bao nhiêu xám, Sở Thống Kê Dân Số nắm trong lòng bàn tay. Con số Mỹ đen hiện nay là bao nhiêu, dự phóng trong tương lai vài chục năm nữa, cán cân Mỹ Trắng, Mỹ đen thế nào, Sở Thống kê cũng biết hết. Tại sao?

Đếm đầu người

Vì lý do là cứ 10 năm một lần, dân số Mỹ lại được đếm lại. Lần đầu tiên vào năm 1790. Tổng số dân Mỹ lúc đó mới có 3 triệu 9. Mặc dù chính thức ấn định vào ngày 1 tháng 4, nhưng khoảng cuối tháng 3, 2000, nhà nhà đều nhận được mẫu phiếu kiểm kê để điền, và gửi về sở Thống Kê. Hiện nay là lần kiểm kê dân số thứ 22 của quốc gia Hoa Kỳ.

Có thể nói, đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của Hoa Kỳ dựa trên con số cư dân phân phối tại khắp các tiểu bang. Căn cứ trên số dân cư ngụ tại mỗi tiểu bang, luật lệ sẽ ấn định số dân biểu của tiểu bang đó (tổng cộng có 435 dân biểu, mỗi dân biểu đại diện khoảng 520 ngàn người.) Sở kiều lộ nhìn vào số dân từng vùng để hoạch định chương trình thiết kế đô thị, xây cất xa lộ, trường học. Nhà ngân hàng cũng muốn biết mật độ dân từng vùng để mở thêm chi nhánh. Hãng buôn muốn mở chợ búa, tiệm ăn cũng dựa trên con số dân do sở Thống Kê cung cấp. Mỗi khi có ý định tung sản phẩm mới ra thị trường, các công ty lớn đều thuê chuyên viên về thị trường nghiên cứu một cách qui mô đặc tính của đối tượng khách hàng họ muốn nhắm tới như lớp tuổi, lợi tức, học vấn, nhà ở, thói quen, sở thích v.v... Tài liệu này ở đâu mà có, nếu không từ sở Thống Kê.

Lịch trình năm 2000

Đầu tháng Ba năm 2000, Sở Thống Kê gửi thư đến 110 triệu địa chỉ cho hay cuối tháng Ba sẽ có mẫu Kiểm Kê gửi ra. Nếu muốn có mẫu in bằng tiếng nước mình (Việt, Trung Hoa, Hàn, Mễ... có 49 ngôn ngữ cả thảy) thì cho hay. Một hãng in tư nhân trúng thầu dịch vụ này với giá khoảng 6 triệu đô, ai ngờ, máy tính trục trặc thành địa chỉ lộn hết trơn. Con số đầu của địa chỉ bị in hai lần, thí dụ nhà số 10 thì in thành 110. Khám phá ra thì đã muộn nên Sở Thống Kê đành chịu trận, chỉ đăng báo xin đồng bào, dù tên có nhầm cũng cứ mở ra mà coi, rồi cho hay muốn ngôn ngữ gì, sửa địa chỉ và gửi lại Sở Thống Kê.

Giữa tháng Ba, mẫu được gửi ra. Ngày 1 tháng Tư là hạn chót để điền mẫu và gửi về Sở Thống Kê. Kết quả sẽ từ từ được công bố từ 1/1/2001 đến 9/2003, có thể lấy được ngay trên Internet.

Nói dễ, làm khó

Với dân số hiện tại chừng 270 triệu người (năm 1980 có 227 triệu, năm 1990 có 250 triệu) công việc đếm đầu người không phải dễ dàng. Trên 100 triệu mẫu kiểm kê

sẽ được bưu điện phân phối từng nhà, và ước tính chỉ nội hai tuần lễ đầu tháng Tư, 2000 bưu điện sẽ chuyển 80 triệu mẫu đã điền rồi về lại sở Thống Kê. Bưu phí gửi mẫu tới nhà dân rồi gửi về sở Thống kê lên tới 50 triệu Mỹ kim. Với ngân sách dành cho sở Thống Kê trong 10 năm là 2 tỷ Mỹ Kim, riêng phí tổn dùng cho kiểm kê năm 2000 chiếm một nửa số tiền đó. Bình thường có 9,000 nhân viên làm việc toàn thời, nhưng năm nay sở phải thuê thêm độ 800,000 nhân viên bán thời để làm phụ trội.

Không phải tất cả mẫu gửi ra đều đến tay người nhận, cũng như không phải tất cả gia đình nhận phiếu đều trả lời. Sở ước tính sẽ có 2 triệu 2 gia đình không trả lời. Phần lớn họ thuộc thành phần Mỹ đen, Mễ, những người không biết tiếng Anh và nhóm người di dân cư ngụ bất hợp pháp. Để giải quyết vấn đề, trong số 800 ngàn nhân viên bán thời nói trên, khoảng 200,000 được phái đến từng nhà những người đó, dù ở nơi tuyết giá hoang vu, hay trong những xóm lao động tồi tệ tại đô thị, để hỏi về những người cư ngụ trong gia đình và những chi tiết khác. Trường hợp gia chủ vì trở ngại ngôn ngữ không trả lời được, sở sẽ phái thông dịch viên tới giúp. Nếu gia chủ nhất định không hợp tác, nhân viên sẽ dò hỏi hàng xóm để biết thêm chi tiết về gia đình này càng nhiều càng tốt. Phương pháp cuối cùng là đoán phỏng dựa trên kinh nghiệm của nhân viên và trạng dân cư tại vùng đó. Đặc biệt trong kỳ kiểm kê năm 1990, những người vô gia cư (homeless) cũng được nhân viên Sở lục lạo khắp hang cùng ngõ hẻm để ghi vào sổ.

Sở Thống Kê ra ba tòa ông lớn

Tuy nhiên tất cả các cố gắng trên vẫn không mang lại sự chính xác 100%, cho nên kỳ nào cũng vậy, Sở phải dùng phương pháp chuyên môn để điều chỉnh con số đếm được. Việc này tạo cơ hội cho các tiểu bang cũng như cơ quan hành chánh địa phương đưa Sở Thống Kê ra ba tòa ông lớn. Điển hình là sau kỳ kiểm kê năm 1980 có 52 vụ kiện thuộc loại này.

Tại sao các tiểu bang lại đi kiện? Vì như đã nói, Quốc Hội dựa trên dân số tại mỗi tiểu bang để ấn định số dân biểu được bầu, và quan trọng hơn cả là ngân khoản tài trợ mỗi tiểu bang nhận được từ quĩ liên bang cũng dựa trên con số dân cư ngụ do sở Thống kê đưa ra. Ít dân thì ít tiền. Đồng tiền liền khúc ruột, của đau con xót, nên các ngài cầm quyền tiểu bang đâm đơn kiện, cho rằng con số Sở đưa ra không chính xác, sai lạc với sự thật. Càng ở lâu trên xứ Mỹ người tá nạn Việt càng nhận thấy dân Mỹ rất sính chuyện kiện tụng. Hở một tý là lôi nhau ra tòa, kết cuộc chỉ béo mấy ông thầy cãi, đứng giữa hốt bạc. Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi.

Trên mẫu phiếu có câu hỏi gì?

Đại loại không có gì thay đổi so với mẫu năm 1990. Có bảy câu hỏi liên quan đến cá nhân, bảy câu liên quan đến tình trạng gia cư. Tuy nhiên trong số sáu người được hỏi, một người sẽ nhận được phiếu dài hơn. Ngoài 14 câu căn bản kể trên còn thêm 26 câu liên hệ tới chi tiết cá nhân và 19 câu liên hệ đến gia cư, tổng cộng là 59 câu. Sở dĩ vậy, vì Sở muốn tìm hiểu thêm về những khuynh hướng xã hội khác như học lực, lợi tức hàng năm, nhà thuê hay mua, hàng tháng tiền nhà bao nhiêu, xe cộ và phương tiện giao thông xử dụng đi đến sở làm.

Tất cả nhân viên Sở Thống Kê đều phải điền phiếu cam kết không được tiết lộ những tin tức thâu lượm được, cũng như những câu trả lời trên phiếu sẽ được giữ bí mật trong vòng 72 năm. Năm 2072, phiếu được lưu tại văn khố quốc gia (chụp trên vi phim có chiều dài năm ngàn dặm, tức gần 10,000 cây số) và lúc đó công chúng mới có quyền xem xét.

Tuy luật lệ rõ ràng như vậy, nhưng những gia đình lãnh trợ cấp xã hội hay dân ở lậu chẳng ai tin. Cẩn tắc vô ưu, không điền là chắc ăn. Đó là nguyên nhân của trên hai triệu gia đình không chịu trả lời phiếu.

Một vài tiên đoán

Sau đây là vài tiên đoán có liên quan chút ít đến cộng đồng chúng ta, đó là dân số người Mỹ gốc Á năm 1990 và 2000.

1) Từ năm 1980 đến 1990, dân số Á Đông tại Hoa Kỳ tăng 65%. Dân số Hispanics tăng 44%. Tuy nhiên dân số Á Đông chỉ chiếm 3% tổng số dân Mỹ. Dân Hispanics chiếm 8%. Mỹ đen 12%. Số còn lại là Mỹ trắng.

2) Tiên đoán dân số Mỹ gốc Á năm 1990 và 2000:

Phillipine từ 1,405,146 lên 2,070,571. Tầu từ 1,259,038 lên 1,683,537. Việt Nam từ 859,638 lên 1,574,385. Đại Hàn từ 814,595 lên 1,320,759. Ấn từ 684, 399 lên 1,006,305. Nhật từ 804,535 lên 856,519. Các sắc dân Á khác từ

704,417 lên 1,338,188

Nghĩ đắt vô cùng giá tự do

Căn cứ vào năm 1990, nhiều người than phiền là có nhiều câu hỏi quá tò mò, thí dụ nhà có bao nhiêu phòng ngủ? độc thân? có gia đình hay ly dị? do đó có khuynh hướng không muốn trả lời cốt để bảo vệ bí mật cá nhân. Nhưng như đã nói, chi tiết khai báo sẽ được giữ bí mật. Tin tức được ghi vào bảng thống kê bằng con số và được xử dụng một cách tổng quát để tìm hiểu một khuynh hướng nào đó của xã hội. Kể cả Tổng Thống Hoa Kỳ, cơ quan FBI hay sở Thuế cũng không có quyền ghé mắt tới những tin tức cá nhân của mọi công dân.

Nhân nhắc đến bí mật cá nhân (privacy) và sự tự do ở Hoa Kỳ cũng xin bàn thêm là thực sự có bí mật cá nhân ở xứ sở này hay không?

Nhiều di dân tới Hoa Kỳ, thấy xứ sở này tự do, không chận xét thẻ căn cước, không khai báo sổ gia đình, di chuyển dễ dàng không cần phép tắc, tưởng nhầm là muốn làm gì thì làm, không ai biết tới. Điều đó chỉ đúng khi bạn sống đời lương thiện, không rắc rối với pháp luật. Vì rằng đời sống mà bạn tưởng là riêng tư, bí mật đã để lại dấu vết rành rành khắp mọi nơi.

Với con mắt nhà nghề, chỉ cần xem xét những tấm check bạn viết là cơ quan công quyền biết rõ bạn làm việc cho công ty nào, lương bổng bao nhiêu, nhà thuê hay mua, còn nợ bao nhiêu, tiền nhà tiền sưởi, tiền chi tiêu và thói quen chi tiêu của bạn ra sao. Mỗi lần xài thẻ tín dụng là bạn tự tố cáo bạn ưa món hàng gì, mua bán ở tiệm nào, đổ xăng Texaco hay Exxon. Cũng như sở thích giải trí của bạn ra sao, mỗi năm xem ca kịch mấy lần, xem phim loại gì (chiến tranh hay XXX) v.v. Điện thoại gọi cho ai, gọi mấy lần, nói chuyện gì. Thêm vào đó, ngày nay vệ tinh trên cao có thể chụp hình mặt đất chính xác và rõ ràng trong diện tích 30 phân vuông (1 foot), và còn nhiều nữa, không sao kể ra hết ở đây. Do đó đời sống của bạn như trang sách mở rộng cho kẻ có thẩm quyền muốn tìm biết.

Đáng sợ hơn nữa là các tin tức bạn khai khi xin thẻ tín dụng, làm đơn vay nợ hay mua nhà, chi tiết đến tận ba đời của bạn, được lưu giữ tại nhà bank hay cơ quan tín dụng và được bán qua bán lại cho các công ty quảng cáo, vì cho đến nay chưa có luật lệ chặt chẽ cấm xử dụng bừa bãi tại các công ty này. Chỉ một cái gõ tay trên máy điện toán là người ta biết hết về bạn. Không tin bạn vào Internet, mở mục tìm người, gõ tên họ Trần xem có bao nhiêu tin tức và bao nhiêu người hiện ra trước mắt, có thể có cả gia phả của tác giả bài này cũng nên.

Có những công ty tư nhân chuyên tìm người, chỉ với lệ phí vài chục bạc, bạn muốn biết về ai họ cũng cung cấp trong vòng vài phút mà không thắc mắc bạn xử dụng tin tức đó vào mục đích gì (tác giả đã thử), nói chi đến hồ sơ từ các cơ quan công quyền khác, chi tiết họ lưu giữ còn nhiều và chính xác gấp bội.

Tóm lại trong xã hội hôm nay, chỉ những người không có số xã hội, không đi làm cho công ty nào, không lái xe, không xử dụng thẻ tín dụng, tiêu toàn tiền mặt (không đi làm thì tiền đâu mà tiêu), họa may mới bảo tồn được phần nào bí mật cá nhân. Nhưng nếu thế thì thà sống ở những xứ chậm tiến, vùng đất khỉ ho cò gáy cho sướng thân.

Âu đó cũng là cái giá bạn phải trả khi sống trong một xã hội tối tân điện toán mà tất cả chuyện gì cũng có thể biến thành con số tiện dụng cho bảng thống kê. Hàng ngày có biết bao nhiêu công ty thống kê tư, chợ búa, trường học, qua hình thức tờ thăm dò thu thập đủ loại tin tức về đời sống người tiêu thụ để từ đó tìm ra thị hiếu quần chúng hầu khai thác vào việc bán sản phẩm hốt bạc.

Bổn phận công dân

Trở lại chuyện kiểm kê dân số năm 2000 sắp tới đây, bạn cứ ung dung trả lời chính xác những câu hỏi. Biết đâu khi công bố kết quả, tiểu bang có đông dân Việt cư trú lại đạt được đủ số ấn định để bầu một dân biểu người Mỹ gốc Việt cũng nên. Dù sao đi nữa đó cũng là bổn phận công dân tại một quốc gia văn minh. Chỉ mong sao bạn nhận được mẫu ngắn thì đỡ khổ đôi chút.

Thiểu số, Đa số

Còn lời tiên đoán của mấy anh home less nói trên thì sao? Quả thật cũng có phần đúng. Căn cứ trên vài thập niên gần đây, mỗi mười năm dân số Hoa Kỳ tăng từ 20 đến 30 triệu, Sở Thống Kê cho hay 50 năm nữa nghĩa là năm 2050, dân số các sắc dân da mầu sẽ chiếm đa số, Mỹ trắng trở thành thiểu số. Nhưng lúc đó thì mấy anh bợm nhậu homeless và tác giả bài này cũng về chầu tiên tổ từ lâu rồi, nên dù có sai trật chút đỉnh chắc quí độc giả cũng không lôi dậy quở mắng.●

ĐẤT VIỆT
BA THIÊN NIÊN KỶ TRƯỚC

NGUYỄN QUANG TRỌNG

(Tiếp theo kỳ trước)

Kỹ thuật làm đồ đồng thau từ đâu đến?

Trống đồng Đông Sơn thật ra không phải bằng đồng nguyên chất mà là bằng đồng thau (bronze). Đồng thau là một hợp kim đồng và thiếc có những đặc tính trội hơn đồng. Hợp kim này dễ nấu chảy hơn đồng, khi chảy rồi thì loãng, dễ rót vào khuôn. Đồ đúc bằng đồng thau ăn khuôn nghĩa là dễ có được đầy đủ các chi tiết tỉ mỉ của khuôn mà lại cứng chắc, khó vỡ; nếu đúc thành vũ khí thì mài bén dễ dàng. Khi đồ bị hỏng, có thể nấu chảy dùng lại đúc cái mới, không phải vứt đi như đồ bằng đá hay bằng đất nung.

Trong lịch sử văn minh loài người, sau khi biết làm đồ gốm người ta bắt đầu thử làm đồ bằng kim loại. Lúc đầu người ta nhặt những mảnh kim loại thiên thể (từ ngoài không gian rơi xuống), hay vài mảnh kim loại nguyên chất hiếm hoi của trái đất, rồi cũng đập, mài như khi làm dụng cụ đá. Cho đến khi người ta khám phá ra cách nấu đồng trong những lò tương tự như lò nung đồ gốm.

Đồ đá phải đẽo rất công phu. Đồ gốm dễ làm hàng loạt nhưng dễ vỡ. Đồ đồng thau không những có thể đúc hàng loạt, mà đồ không còn dùng nữa được sử dụng lại để làm thành những dụng cụ hoàn toàn khác. Thử tưởng tượng bước tiến của xã hội loài người từ lúc đẽo đá đến khi họ luyện được kim loại từ quặng và đúc hàng loạt.

Đồng thau đã được phát minh ở vùng tây Á châu trong thiên niên kỷ thứ IV tTC. Khoảng năm 3200 tTC ở vùng Lưỡng hà và Elam (Iraq, Syrie), người ta đã biết kỹ thuật đổ khuôn với khuôn "sáp mất" (cires perdues, lost wax). Nếu đồ đồng có hình thức phức tạp, phong phú, người ta phải sửa soạn khuôn mẫu công phu trong đó có phần bằng sáp, phần sáp này có hình dạng phức tạp mong muốn nằm ở giữa khuôn bằng đất nung. Đến cuối thiên niên kỷ thứ III, đồng thau thay thế đồng pha quặng thạch tín (để hạ độ nóng chảy). Ở vùng Lưỡng hà không có quặng thiếc, nhưng đồng thau vẫn phát triển nhờ có thiếc nhập từ nơi khác như vùng Cornouailles (người ta tìm thấy xác tàu chở đồng, thiếc đóng thỏi bị đắm ở Địa trung hải 1400 năm tTC).

Nghề đúc đồng sau đó lan khắp vùng lân cận đến tây và bắc Âu châu, xuyên qua trung và nam Âu. Nếu như sự lan truyền của kỹ thuật từ một trung tâm được thấy rõ ở đấy, thì tại những vùng cách xa Lưỡng hà, kỹ thuật luyện và đúc đồng có thể được tìm ra tại chỗ. Chẳng hạn như ở châu Mỹ, người tại nơi đó đã biết luyện và đúc kim loại (vàng, đồng thau, sắt...) lâu năm trước khi tiếp xúc với những người đến từ Âu châu, tức là không phải họ học từ nơi khác. Ở đông Á Châu, Hoa Bắc được xem là vùng có văn hóa đồng thau phát triển độc lập khoảng 2000 năm trước Thiên Chúa. Đồ đồng thau nhà Thương ở Hoa bắc đạt đỉnh cao kỹ thuật và mỹ thuật, dù có trễ hơn so với vùng Lưỡng hà, nhưng cùng thời với cổ vương quốc Ai Cập, hơn 1500 tTC.

Dù nghề luyện và đúc đồng thau trên đất Việt phát triển hơi muộn hơn ở Hoa bắc, nhiều dữ kiện cho thấy chúng đã xuất hiện một cách độc lập. Gỉ đồng và cục đồng thau, dây chì nhỏ đã có mặt trong văn hóa Phùng Nguyên (khoảng đầu thiên niên kỷ II tTC). Qua thời văn hóa Đồng Đậu, đồ đồng thau có nhiều và đa dạng: vũ khí như giáo, lao, qua, dao, mũi tên; dụng cụ như rìu, búa, đục, mũi nhọn, lưỡi câu..., và khuôn đúc đồ đồng (tìm được ở Đồng Dền). Khuôn ở đấy cũng như khuôn tìm được ở những di tích khảo cổ ở miền nam Việt Nam đều được làm bằng đá. Trong những di chỉ Đồng Đậu- Gò Mun, người ta tìm thấy nhiều lò, hàng trăm mảnh nồi (đất) nấu đồng, cùng với gỉ đồng và xỉ

đồng (scories) còn lại. Đồ (ống?) dẫn hơi thổi vào lò bằng đất nung cũng được tìm thấy. Như vậy đồng đã được luyện tại chỗ, có lẽ từ quặng đồng, thiếc, chì có sẵn gần nơi sản xuất: Thanh Hóa, Thái Nguyên, Ba vì, Lạng Sơn, Lào Cai... có mỏ thiếc, mỏ đồng tại Cao Bằng, Tuyên Quang Vĩnh Phú, Nghệ An, Hà Tĩnh.

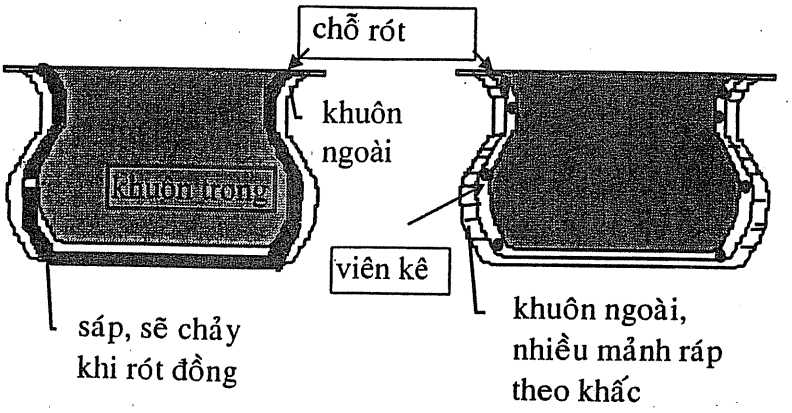

Sơ đồ khuôn đúc dùng sáp mất (lớp sáp màu đậm giữa khuôn ngoài và khuôn trong trong chảy khi rót đồng chảy vào), và khuôn đúc nhiều mảnh bên ngoài, với con kê giữa hai lớp khuôn. (Hình 6)

Kỹ thuật luyện đồng có lẽ đã được khám phá ra qua kinh nghiệm trong tiến trình tự nhiên của văn minh loài người. Quặng thường là đá có màu lạ; có thể trong khi nung đồ gốm, tình cờ đá quặng nung trong điều kiện thích hợp đã chảy thành kim loại. Do màu sắc và ánh kim loại lạ, người cổ hẳn đã tìm cách tái tạo lại. Dĩ nhiên phải qua một thời gian thử nghiệm, hoặc học hỏi ở những người tiến bộ hơn, người ta mới nắm được cách làm. Muốn khử (khử oxy = réduire phần oxyde đồng) quặng đồng thành kim loại, người ta cần cho (cành) cây còn tươi vào đồng nóng chảy. Điều này được ghi lại như sau trong thư của vua Hammurabi xứ Babylone cho vizir Sinidinnam vào năm 1800 tTC: "Hãy cho cắt 7200 khối gỗ, nhưng không được cắt cây chết mà chỉ cắt cây xanh. Hãy mang nhanh đến cho thợ nấu đồng để họ không ăn không ngồi rồi..."

Cây tươi này không phải dùng để nấu chảy đồng, vì nhiệt độ không đủ cao mà để cho thẳng vào quặng nấu. Thợ nấu đồng bằng củi than, và phải thổi không khí vào lửa với đồ thổi bằng da. Kim loại nấu lần đầu là một khối chứa nhiều tạp chất và xỉ lò. Để có đồng thau, người cổ có thể dùng quặng hỗn hợp đồng-thiếc, hoặc bỏ thêm quặng thiếc vào đồng đang khử. Khối này được đập nhỏ; xỉ lò được loại bỏ, và kim loại được nấu lại nhiều lần để tinh luyện. Trong giai đoạn này, có lẽ họ thêm một số chất khác để làm dễ chảy, làm kết tủa chất bẩn, và tạo thành hợp kim mong muốn. Những chất dùng tùy thuộc kinh nghiệm của mỗi nhóm người, thậm chí của mỗi nhóm thợ.

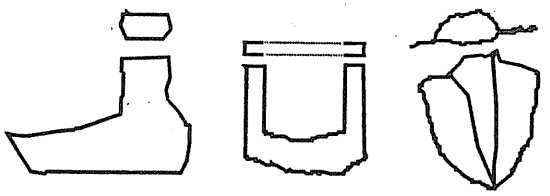

Lưỡi rìu đồng xéo gót vuông (trái); Lưỡi cuốc đồng chữ (giữa); Lưỡi cày đồng hình tim(phải) (Hình 7)

Đặc biệt của trống Đông Sơn, dù làm ở các vùng khác nhau đi nữa, là có khá nhiều chì (có khi trên 20 % trong trống đồng) và có một ít kẽm. Hợp kim chính của trống đồng ĐS là đồng-thiếc-chì, hay đồng-chì-thiếc (chì nhiều hơn thiếc), trong khi chì không có mặt trong đồ đồng thau của văn hóa Đồng Đậu- Gò Mun (chỉ dùng hợp kim đồng với một ít chất như thiếc, hay arsenic, antimoine để hạ độ nóng chảy). Hợp kim làm trống đồng chắc chắn là bí quyết của từng nhóm thợ; chúng bảo đảm sự "ăn khuôn" của đồng thau, cho phép có được họa tiết tỉ mỉ, không bị khuyết tật hay rỗ do bọt khí.

Kỹ thuật đúc trống đồng Đông Sơn có lẽ cũng khác kỹ thuật đúc đồ đồng to của nhà Thương. Nhà Thương phát minh ra kỹ thuật đúc đỉnh đồng to dùng khuôn nhiều mảnh mà các nhà khảo cổ tìm thấy sau này.

Nhưng người ta chỉ tìm được ở vùng VHĐS các khuôn đá đúc những dụng cụ nhỏ. Khuôn này làm bằng đá mài gồm hai mảnh ráp khít khao bằng khấc (âm dương), có chỗ rót đồng lỏng (đậu rót) và chỗ thoát khí. Một số khuôn bằng đất nung cho thấy sự nắm vững kỹ thuật của người Việt cổ: khuôn có hai lớp. Lớp ngoài bằng đất sét pha cát rắn chắc, lớp trong đắp bằng đất có trộn nhiều than trấu, chịu được nhiệt và thoát khí nhanh. Loại này cũng

sử dụng lại được, như khuôn bằng đá.

Lạ một điều là Văn hóa Đông Sơn đã sản xuất ra hàng trăm trống đồng, nhưng ngày nay người ta không tìm được khuôn hay mảnh vỡ của khuôn đúc vật to như trống hay thạp. Phải chăng vì muốn giữ bí quyết về hợp chất, kỹ thuật nấu, rót và nhất là cách làm khuôn, các chi tiết khuôn, cách làm hoa văn chìm nổi v.v... người xưa đã cất giấu các khuôn mẫu vào một nơi chốn bí mật hay giản dị hơn người thợ cả có truyền thống thủ tiêu mọi dấu vết, chỉ giữ trong... đầu để truyền cho người nối dõi?

Khuôn trống đồng với hoa văn phức tạp có lẽ làm bằng gốm; khuôn ngoài khắc hoa văn hình ngược (như ngôi sao lõm, khi đúc thành ngôi sao nổi trên mặt trống). Kích thước khuôn trong định độ dày của trống. Người ta chưa rõ người xưa dùng sáp hay con kê để tạo độ mỏng đều cho trống. Kỹ thuật đúc đồng của nhà Thương dùng con kê (bằng đá, sỏi) để gây khoảng hở cố định giữa phần khuôn trong và khuôn ngoài, cho đồng nóng chảy phân ra đều đặn trong khoảng đó. Nhưng những đỉnh đồng đời Thương loại cùng cỡ với trống Đông Sơn-dầy hơn trống Đông Sơn rất nhiều (trống đồng dưới 1 cm, trong khi đỉnh đồng thời Thương có hình thú hay quái vật nổi dày mấy cm). Cho nên một số người cho là trống đồng ĐS được đúc bằng kỹ thuật "sáp mất": khi đổ đồng vào khuôn, đồng nóng chảy đến đâu sáp tan đến đấy; phần sáp tan sẽ chảy ra ngoài qua lỗ thoát. Hình 6 cho thấy sự khác nhau của hai loại khuôn.

Trong thập niên 70 những nhà khảo cổ Việt Nam cho đúc thử trống loại I Heger như Ngọc Lũ. Qua bốn lần thất bại, họ rút kinh nghiệm và đúc tương đối thành công lần thứ năm. Nhưng ngay cả với vốn khoa học kỹ thuật thời nay cộng với kinh nghiệm thợ đúc theo truyền thống, người ta vẫn chưa làm được y như người Đông Sơn. Bản sao lại từ thạp đồng Đào Thịnh đặt tại Viện Bảo Tàng Saigon, rất thô thiển so với nguyên bản ở Viện Bảo Tàng Lịch sử Hà Nội: trình độ của nghệ nhân Đông Sơn vẫn cao hơn trình độ người thời nay. Người Việt cổ đã đúc thành công mỹ mãn hàng trăm trống và thạp không những to, có hình dáng mỹ thuật, mặt tròn đều, hoa văn rõ ràng, mà còn là một nhạc cụ (với nốt Mi cho ngôi sao ở giữa, nốt Si giáng cho vành hoa văn 1 và 3) có thùng cộng hưởng thích hợp để tăng cường độ âm thanh). Độ mỏng của trống cũng khiến các nhà khoa học khâm phục (xin xem phần cảm tưởng học giả Mỹ khi xem trống năm 1999, trong bài của Kiều Quang Chẩn). Mới đây một số trống đồng giả cổ bắt được cho thấy thợ đúc thủ công ở bắc Việt đúc trống khá thành công về độ mỏng và hình dáng bề mặt, nhưng chưa đạt về hoa văn và còn cho thấy đường chỉ đồng.

Điều đáng lưu ý là tất cả trống ĐS đều có quai, tất để dễ di chuyển; trống mỏng thì nhẹ hơn trống dày, nhưng mặt khác nếu trống dùng cho lễ hội hay truyền tin thì âm thanh cần đi xa. Phải chăng tỉ lệ cao của chì trong hợp chất đồng-chì-thiếc giữ một vai trò quan trọng trong tần số âm thanh? Như khi ta gõ vào pha lê (cristal) chứa ít nhiều chì hay ve chai (verre) không có chì, âm vang có thanh sắc rất khác nhau.

Người Việt cổ đã nắm vững cả kỹ thuật đúc lẫn đặc tính hóa học của các chất và các vật liệu họ dùng: không những họ biết pha chế nguyên liệu đồ đồng cho hợp với chức năng (vì ngoài trống có thạp, chuông, rìu, giáo, mũi tên, lưỡi câu, lưỡi cày), mà còn đúc được cả mai, cuốc, rìu bằng sắt. Luyện và đúc sắt khó hơn, nhưng cư dân Đông Sơn đã đạt trình độ luyện kim đủ cao để họ bước qua thời đồ sắt trong thời gian tương đối ngắn, vì nhiều lò, sắt xốp thô, dụng cụ đúc và dụng cụ rèn bằng sắt, gang được tìm ra tại cả hai trung tâm luyện đúc đồng thau là trung tâm sông Mã-sông Cả, và trung tâm đồng bằng bắc bộ.

Hà Văn Tấn căn cứ theo kết quả khảo cổ để quả quyết rằng kỹ thuật đúc đồng thau là "bước tất yếu của lịch sử mấy nghìn năm luyện kim trước đó"; ông cũng bác bỏ luận điểm của Karlgren cho rằng họa tiết hình học trên trống đồng ĐS là theo nghệ thuật Tàu thời Chiến Quốc. Chúng tôi nghĩ rằng cũng có thể có sự tiếp thu kỹ thuật đời Thương của thợ ĐS. Sự học hỏi là bản tính tự nhiên của con người, nhưng phải qua sự tiếp xúc của các nền văn hóa. Lãnh thổ Lạc Việt cách xa thủ đô nhà Thương, nhưng có những nước thuộc tộc Bách Việt giáp giới với nước Tàu cổ tiếp nối nhà Thương (nhà Châu của thời Xuân thu chiến quốc). Nghĩa là sự học hỏi kỹ thuật, nếu có, hẳn phải qua trung gian của những nước này.

Nước Việt thời Chiến Quốc của vua Câu Tiễn giáp giới với nhà Châu (Chu) thời đó nổi tiếng về nghề đúc đồng thau, nhất là kiếm đồng. Nhưng nếu có tiếp thu kỹ thuật đi nữa thì điều này không có nghĩa là văn hóa Đông Sơn đã từ văn hóa Tàu mà ra. Sự khác biệt về

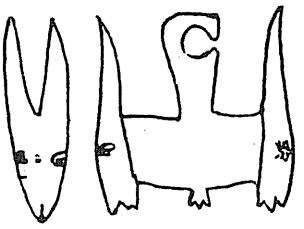

Khuyên tai hai đầu hình thứ (con khem la - muntjac?) đặc biệt của cư dân Nam và Trung phần. H.8

thành phần hợp kim đồng thau, về họa tiết trên đồ đồng, cũng như dáng đặc biệt của những đồ vật phổ biến trong văn hóa Đông Sơn nhưng không có trong các văn hóa khác: thạp to và thố, rìu lưỡi xéo gót vuông, lưỡi cày hình trái tim... (hình 7) chứng tỏ khả năng sáng tạo, phong cách nghệ thuật riêng, và tâm hồn dân tộc của Lạc Việt. Chính "yếu tố truyền thống" này mới là điểm quan trọng, còn những chi tiết hình thức, nếu có giống với chi tiết cổ vật nơi khác (vòng tròn tiếp tuyến, hình chữ S đôi, ngôi sao nhiều cánh...), có thể chỉ là ngẫu nhiên mà thôi.

Ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn

Vào thiên niên kỷ thứ II và thứ I trước Thiên Chúa, nhiều bộ tộc đã sinh sống trên ba miền nước Việt Nam ngày nay. Họ đã để lại nhiều di vật thuộc các nền văn hóa khác nhau. Song song với văn hóa Đông Sơn và Tiền Đông Sơn có văn hóa Sa Huỳnh- Bình Châu ở miền Trung, và văn hóa Dốc Chùa (ở miền Đồng Nai), cùng một số địa điểm khảo cổ trải dài từ Xuân Lộc, Cần Giờ (Giồng Cá Vồ, Suối Chồn, Cái Vạn) đến Long An (An Sơn). Vùng văn hóa Đông Sơn rõ ràng là lãnh thổ nước Văn Lang. Còn văn hóa miền Nam lúc bấy giờ phải chăng là văn hóa của cư dân cổ các vương quốc Óc Eo, Thủy Chân Lạp?

Văn hóa Sa Huỳnh là văn hóa cư dân cổ của miền núi trung Việt và vùng trở thành nước Lâm Ấp (Chiêm Thành); nó có ảnh hưởng lớn ở Đông Nam Á. Địa điểm văn hóa Sa Huỳnh thường có những khu mộ chum chứa rất nhiều di vật chôn theo như đồ gốm, đồ trang sức đá quí, đồ đồng, đồ thủy tinh, và nhất là đồ sắt. Có lẽ là nơi tổ tiên trực tiếp của dân Chàm. Solheim cho rằng văn hóa Sa Huỳnh có trung tâm ở Phi Luật Tân- bắc Indonesia, trung tâm Kalanay, nơi ông tìm ra di vật giống di vật Sa Huỳnh. Nhưng theo Hà Văn Tấn, chính văn hóa Bàu Tró (bắc Trung phần) đã góp phần vào sự thành hình của văn hóa Sa Huỳnh, qua các hiện vật như "rìu đá hình răng trâu," khuyên tai hình con đỉa, quả cân hình trái lê, và gốm tô màu trắng vôi, màu đỏ và màu đen ánh chì. Ảnh hưởng giữa văn hóa Sa huỳnh và Đông Sơn là ảnh hưởng hai chiều.

Sa Huỳnh đặc biệt có khuyên tai ba mấu nhọn và khuyên tai hai đầu thú (hình 8). Đó là những đồ trang sức có rất nhiều ở những nơi cư trú thuộc văn hóa này, trong đó có một khuyên bằng một vật liệu được cư dân cổ Sa Huỳnh thích dùng làm đồ trang sức: thủy tinh. Những cái khuyên đang làm dở dang tìm thấy ở đây chứng tỏ chúng được làm tại chỗ chứ không phải từ nơi khác đến. Người ta cũng tìm thấy loại khuyên tai này ở bắc Việt cũng như ở Thái Lan và Phi Luật Tân. Sự giao lưu văn hóa, buôn bán trao đổi đã phát triển giữa văn hóa Sa Huỳnh và những vùng duyên hải lên đến nam Trung Hoa, xuống tận một số bán đảo và đảo miền Đông Nam Á. Sự giao lưu thời đó có lẽ dễ dàng giữa những tộc người cùng nói tiếng Nam Đảo (austronesian). Tiếng Nam Đảo là tiếng nói của dân Tân Guinea, Micronesia, Polynesia, Mã Lai, Indonesia, và là ngôn ngữ gốc của (thổ dân) Đài Loan, Phi Luật Tân, Chàm... cũng như của dân miền núi ở nam Việt, nam Lào. Theo kết quả khảo cổ, cư dân trước thời đồng thau ở vùng duyên hải Việt Nam và và vài vùng đảo như Phi Luật Tân có cùng gốc ngôn ngữ và cùng một số thói quen. Đó là việc làm rìu đá hình tứ giác, ăn sò để lại vỏ thành đống, có nhiều di vật giống nhau, có khu mộ chum (vò) chứa đồ minh khí (đồ làm nhỏ miniature- nhưng giống hệt đồ thật, để mai táng), và có thể cùng một vài tập tục khác như ăn trầu, xâm mình.

Người cổ với rìu đá có vai nói thứ tiếng khác: tiếng Nam Á (austroasian) gồm tiếng Munda ở đông bắc Ấn, tiếng Môn-Khmer, Bahnar, Sedang, Mnong... và sống trên vùng đồi núi hay nơi cao ráo ven sông ở Việt Nam và nam Trung Hoa. Khi dân cư hai vùng địa lý nói trên tăng lên, sự hợp lại của các bộ tộc sống đan xen trên cùng địa bàn đã tạo thành nền văn hóa Đông Sơn ở bắc Việt. Ngôn ngữ chiếm ưu thế ở đấy là tiếng Nam Á.

Nhiều yếu tố ngôn ngữ cũng như tập tục của nhóm Nam Đảo còn tồn tại trong xã hội Việt Nam sau này chính là do thành phần Nam Đảo trong cộng đồng này (đây là "nguồn gốc Mã Lai" theo Bình Nguyên Lộc). Người ĐS không phải là dân Tàu Hoa bắc: ngoài tiếng nói khác tiếng Trung Hoa, dáng mặt và y

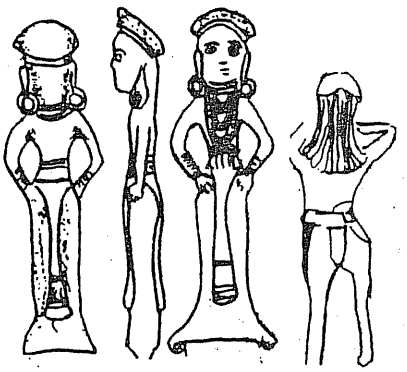

Tượng nữ trên cán dao găm và tượng nam trên mặt thạp đồng Đào Thịnh. (Hình 9)

phục của cư dân Đông Sơn hoàn toàn khác dáng mặt và y phục người Trung Hoa phía bắc, như tượng đúc trên cán dao găm Đông Sơn cho thấy: mắt to, đàn ông vấn khố, đàn bà mặc váy và áo chẽn (hình 8). Nhưng chủ nhân văn hóa Đông Sơn cũng không phải là người nói tiếng Nam Đảo, vì trên một vùng rất rộng của các dân nói tiếng Nam Đảo ngày nay, người ta không tìm thấy dấu vết văn hoá Đông Sơn điển hình (tuy cũng có chỗ chịu ít nhiều ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn). Dĩ nhiên, những dân tộc nói các ngôn ngữ khác nhau trong khu vực Đông Nam Á nhưng chịu sự chi phối của yếu tố văn hóa vật chất hay tinh thần chung, có những thói tục giống nhau.

Trống và kỹ thuật đồng thau từ trung tâm Đông Sơn lan truyền khắp Đông Nam Á, nên người ta nghĩ rằng người Đông Sơn đã có trình độ luyện kim vượt trội các cư dân Đông Nam Á khác cùng thời. Có một lúc người ta cho là đồ đồng thau Ban Chiang và Non Nok Tha đã được làm trước đồ đồng Đông Sơn, nhưng kết quả việc thẩm định lại tuổi các lớp văn hóa cho thấy đồ đồng thau Bản Chiang không xưa như người ta tưởng, và đồ đồng ở đó cũng không phong phú bằng đồ đồng Đông Sơn. Người ta cũng tìm được ở Bản Chiang những lọ gốm trang trí với hình vẽ kỹ hà, và những mô típ trừu tượng; chúng khiến nhiều người nghĩ tới ảnh hưởng Đông Sơn do giao lưu hay do di dân mang đến. Văn hóa Ban Chiang là văn hóa có bản sắc riêng; những điểm giống nhau với VHĐS chỉ biểu hiện ảnh hưởng của giao lưu văn hóa kỹ thuật. Đồ đồng của họ không to như trống Đông Sơn, họ chỉ có vũ khí, dụng cụ kích thước nhỏ và vòng trang sức.

Khác với văn hóa Ban Chiang, người ta tìm thấy trong hang Ongbah ở Thái Lan, những mộ thuyền chứa đồ đồng thau, dụng cụ sắt, và có cả trống đồng với vài nét giống trống Đông Sơn, nhưng có lẽ các họa tiết này là những yếu tố du nhập, được dân bản xứ dùng trang trí.

Học giả Trung Quốc ngày nay hay đề cao trống xứ Điền. Điền là một nước nhỏ trên thượng nguồn sông Hồng ở Vân Nam. Nước này đã bị Trung Hoa sát nhập vào năm 109 tTC (thành Ích châu), tức là vào đời Hán. Về sau, trong một thời gian ngắn, Điền trở thành nước Đại Lý (bối cảnh cho nhiều truyện kiếm hiệp Kim Dung) nhưng rồi lại cũng thuộc về Trung Hoa.

Thật ra vùng núi non tây nam Trung Quốc (Vân Nam- Quí châu) là nơi sinh sống của hơn hai mươi sắc tộc thiểu số, mà Tư Mã Thiên gọi là hàng trăm nước rợ "tây nam di." Họ không có cái may mắn hợp nhất được thành nước Văn Lang như những bộ tộc Việt cổ thời Đông Sơn, nên bị Trung Hoa thôn tính, đến nay vẫn không ngóc đầu dậy được.

Trống đồng Điền tìm thấy trong những ngôi mộ (8 cái ở Thạch trại Sơn, 15 cái ở Lĩnh nhai Sơn...) có những họa tiết Đông sơn: vành kỷ hà, người mặc lông chim chèo thuyền, chim bay quanh mặt trời, nhưng cũng có trống đồng khác với trống Đông Sơn về phong cách. Dân Điền xem bò sa như con vật quan trọng, tượng trưng cho sự giàu sang, nên đúc nhiều tượng và khắc trên trống đồng. Phong cách Điền thiên về tả chân với nhiều đường nét tỉ mỉ trên bò, chim, người... Có những trống mang hình người (búi tó như người Nam Đảo ngày nay) ăn mặc khác hẳn người Đông Sơn như ta thấy trên cán dao găm (họ loại áo robe thụng dài quá đầu gối). Giữa Điền và Đông Sơn hẳn đã có buôn bán, giao lưu văn hóa qua thung lũng sông Hồng: nhiều trống Đông Sơn có hình theo phong cách Điền, như trống Làng Vạc, Đồi Ro, và nhất là trống Lào Cai (hình 9).

Nguồn gốc của văn hóa Điền chưa rõ ràng như nguồn gốc văn hóa Đông Sơn. Trống to cũng ít hơn các trống tìm được ở Việt Nam. Cho nên các nhà khảo cổ quốc tế ít ai công nhận luận điểm TQ về nguồn gốc duy nhất trống đồng từ văn hóa Điền (tuy có người cho rằng có nhiều dòng trống đồng ít nhiều độc lập).

Trống Đông Sơn loại I Heger vào thời ấy chắc chắn có giá trị cao trong vùng khi ta căn cứ vào việc vài trống được đưa đến những nơi

thật xa về phía nam (trên lãnh thổ Campuchia, Thái, Mã Lai, Indonesia...) là những nơi không có dấu vết văn hóa Đông Sơn. Như ở Ko Samui, Thung Ang (Thái), Kuala Trengganu (Mã Lai), và rất nhiều ở trên những hòn đảo thuộc Indonesia. Trống tìm được ở Kampong Sunglai Lang nằm trên một miếng gỗ, có lẽ là vết tích của thuyền chở đến. Dĩ nhiên những vùng gần trung tâm Đông Sơn như Lào, bắc Miến Điện có nhiều trống kiểu Đông Sơn.

Người ta không biết rõ trống ở Đông nam Á được làm tại chỗ theo ảnh hưởng văn hóa Đông Sơn, hay được đem đến từ Đông Sơn. Trừ trường hợp Indonesia. Trống Indonesia chắc chắn được làm tại chỗ sau thời Đông Sơn, vì chúng có thêm những mô típ thú và thực vật (voi, hổ, công, cây dừa, chiến sĩ mặc giáp...), khác mô típ trên đồ đồng loại Đông Sơn. Người ta nghĩ là một số cư dân thuộc văn hóa Đông Sơn đã di tản bằng đường biển đến một số đảo thuộc Indonesia bây giờ (khi Trung Hoa bành trướng xuống phía Việt Nam?) mang theo kỹ thuật và truyền thống của mình. Thật thế, đặc điểm có nhiều chì của hợp kim trống đồng Đông Sơn chỉ có thợ Đông Sơn biết, vì thời đó chưa có phương tiện phân tích lý hóa, nên chỉ có thợ chính ĐS mới truyền được. Thế mà trên trống Kur (có hình người và hổ) là trống có nhiều chì (16 %), như trống Đông Sơn chính gốc. Ngoài kỹ thuật và mỹ thuật đồ đồng các loại, có nhiều nhóm dân Indonesia hiện nay còn giữ cả nhà sàn mái cong lên trên ở hai đầu hồi, y hệt như hình nhà trên trống Ngọc Lũ. Ngày nay các nhóm dân ở một số đảo Thái Bình Dương vẫn còn truyền thống dùng họa tiết Đông Sơn (các nhóm dân Dayak ở Borneo, Ngâda ở đảo Flores, Toradja ở Sulawesi, vài bộ lạc ở Tân Guinea...), Condominas nhận thấy vài bộ lạc thiểu số miền Trung còn dùng những mô típ chim Lạc và họa tiết kiểu Đông Sơn vẽ trên gỗ, tre vào thời Pháp thuộc.

Điều cần biết là ngoại trừ một trống cổ (nhóm A) tìm được ở Lào (trống Nelson hay Ubon), và trống Pekalongan ở Indonesia giống hệt trống sông Đà tức là nhập từ Đông Sơn, các trống tìm được ở Đông Nam Á đều thuộc nhóm B hay C của loại I Heger. Những trống nhóm B hay C là trống ở giai đoạn nối tiếp sau nhóm A (Ngọc Lũ, Hoàng Hạ). Những trống ngoài lãnh thổ Việt Nam rất giống trống Phú Duy (nhóm B), Quảng Xương, Hữu Chung hoặc giản dị hơn như trống Nông Cống, Chợ Bờ (nhóm C). Điều này hoàn toàn phù hợp với luận điểm chỉ có một trung tâm trống đồng Đông Sơn tại Bắc Việt, lãnh thổ của nước Văn Lang.

*

Như vậy, người Việt Nam hiện tại hình thành qua nhiều lần pha trộn. Đó là hiện tượng chung của hầu hết các dân tộc trên thế giới: có (hỗn) hợp chủng và (hòa) hợp văn hóa, giữa các nhóm dân di chuyển liên tục từ buổi bình minh của loài người, cho nên dù dân Đông Sơn có một nền văn minh đáng kể, ta cũng không có lí do đặc biệt nào để có thể tự hào quá đáng.

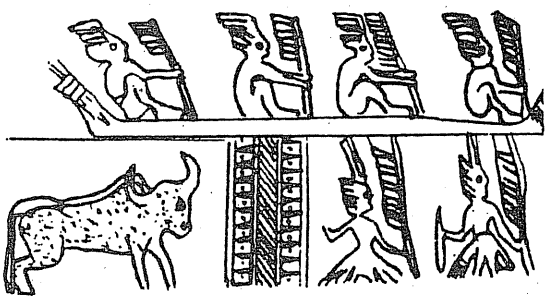

Trống Lào Cai. Bên cạnh hình người ĐS là hình bò sa do ảnh hưởng của Điền. (Hình 10)

Người Tàu Hoa bắc đã có nhiều đồ đúc lớn bằng đồng thau chạm trổ thật đẹp (đỉnh to) mấy trăm năm trước thời Đông Sơn. Vào thời Đông Sơn, người Tàu đã có vật dụng (lưỡi cày...) và vũ khí đúc bằng sắt nhiều hơn dân Đông sơn. Những vũ khí này làm Tần, Hán hùng mạnh (kiếm sắt chặt đứt kiếm đồng thau dễ dàng!), đủ sức thôn tính các nước chung quanh, trong đó có các nước nòi giống Bách Việt.

Hơn hai ngàn năm trước Đông Sơn, Cổ Vương Quốc Ai Cập đã xây Kim tự Tháp Djéser, nay vẫn còn sừng sững, và Vương Quốc Ur ở vùng Mésopotamie (Irak-Turquie) có thành quách to lớn và tài liệu chữ viết, nên ngày nay thế giới biết được lịch sử của họ. Cổ dân vùng Ấn hà mấy ngàn năm trước cũng đã xây những thành phố tân tiến (Mohenjo-Daro, Harappa...) tương đương với thành thị ngày nay (chỉ thiếu... điện). Ngược lại ta cũng không có gì để tự ti: truyền thống văn hóa Đông Sơn còn lưu lại trong xã hội đã giúp Việt Nam không bị đồng hóa bởi 1000 năm đô hộ, đã đủ sức tự giải thoát khỏi ách thống trị

của dân tộc láng giềng quá lớn và... quá đông.

Điều có lẽ phải suy vấn: tại sao nền văn minh trống đồng rực rỡ đến thế (toả khắp Đông Nam Á!) lại biến mất đi khá nhanh chóng, chỉ vài thế kỷ sau khi bị Bắc thuộc? Có phải vì Bắc phương đã ra sức hủy diệt đến tận cùng biểu tượng quyền lực văn hoá người Việt thời bấy giờ, như Mã Viện đã truy lùng/tịch thu trống đồng đem nấu chảy làm trụ trồng thách thức dân Việt? Tổ tiên người Việt, những nhà lãnh đạo thời ấy, những người thợ làm trống đã đối đầu chống cự ra sao? Di tản thật xa khỏi Đông Sơn xuống phía nam? Thiêu hủy, chôn giấu khuôn mẫu chính, thà mất biểu tượng còn hơn để nó vào tay kẻ thù? Cãi nhau với một tỉ mấy trăm triệu người Trung Hoa không phải là chuyện dễ: chỉ cần (tuyệt vọng) nhìn về mấy hòn đảo (của chúng ta) ngoài biển Nam Hải kia, chỉ cần nhìn về Tây Tạng... Nhưng sự thật vẫn là sự thật dù nhà cầm quyền Trung Quốc cố tình che đậy hay bóp méo hay cả vú lấp miệng em. Người ta có thể thông cảm việc đề cao tổ tiên duy nhất để tránh họa nội chiến gây ra bởi tinh thần dân tộc quá khích (đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới), nhưng không thể chấp nhận việc dùng sức mạnh số đông vào việc bành trướng lãnh thổ, lãnh hải, như Trung Hoa đang làm. Nghĩa là ta cãi được thì cứ cãi. Nói phải củ cải nó cũng nghe. Huống hồ... Trống Đồng Đông Sơn không còn được làm nữa (trừ trống... giả cổ cho du khách), nhưng trống cổ, chứng tích nền văn hoá tổ tiên vẫn còn. Chúng là một trong vài biểu hiệu tốt đẹp, hiếm hoi và cụ thể còn lại trong văn hóa Việt để chúng ta hãnh diện, giữ gìn, trân trọng. Và từ đó, biết đoàn kết để tránh nguy cơ mất thêm chút di sản tổ tiên xưa ...

*** Sách tham khảo :**

1) Kiều Quang Chẩn, Thế Kỷ 21 tháng 11, 1999

2) Hoàng Hưng, Tư tưởng bành trướng đại dân tộc trong bài "Thử bàn về trống đồng Trung Quốc cổ đại", trong: Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1978, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1979, p. 160.

3) AmanoY., Aux sources de la civilisation chinoise, Courrier international, nổ 319, 35, (1996)

4) The slow birth of Agriculture, trong Special section: Archeology: transition in prehistory, Science, 282, 1446,(1998)

5) Leroi- Gourhan A., in "Dictionnaire de la Préhistoire", Presse Universitaire de France, Paris, (1994)

6) Văn Hoá Đông Sơn ở Việt Nam, nhiều tác giả, chủ biên Hà Văn Tấn, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1994

7) Hà Văn Tấn, Theo dấu các văn hóa cổ, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998

8) Springle H., The slow birth of agriculture, Science, 282, 1445 (1998)

9) Etler D. A., Implication of new fossil material attributed to Plio- Pleistocene Asian Hominidae, Web site www.cruzio.com

10) Larick R., Ciochon R., The african emergence and early asian dispersals of the Genus Homo, American Scientist, 536, 84 (1996)

11) Beard C., Dawson M., Searching for our primate ancestors in China, web site Carnegie Magazine On-line.

12) Phan Quốc Sơn, Đồng cổ nước Điền và văn hóa Đông Sơn,Thế Kỷ 21 tháng 2, 1997

13) Đinh trọng Hiếu, Thuận, nghịch, lãnh đạo, chống đối: một phương pháp" đọc" họa cảnh, một bài học rút ra từ trống đồng Ngọc Lũ, Văn Lang, số 1, 5, (1991)

14) Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, Mỹ thuật của người Việt , nxb Mỹ Thuật Hà Nội,1989

15) Phạm Minh Huyền, Một trung tâm văn minh cổ đại đầu nguồn Sông Hồng ở đất Việt, Khảo cổ học, số 1, 1997

16) Diệp đình Hoa, Tính thống nhất trong đa dạng về những tộc người gọi là Âu Việt- Lạc Việt, Thông báo Khoa Học, Viện bảo tàng Lịch sử, (1966), 70

17) Histoire générale des Techniques, Presse universitaire de France, (1962).

18) Condominas G., Exotique au quotidien, Plon, Paris (1982)

19) Petrequin A. M., Petrequin P., Cassen S., Les longues lames polies des élites, La recherche, 312, 70 (1998)

20) Li Xue Qin, Chinese Bronze - A general introduction, Foreign Languages Press, Beijing, (1995)

21)Những phát hiện mới về khảo cổ học Việt Nam, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1999.

22)Thời đại kim khi Việt Nam, Khảo cổ học Việt Nam tập II, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1999.

23) L'Indonésie, Lonely Planet (1998)

24) Đại Việt sử ký toàn thư, nxb KHXH HN, 1993

25) Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, Bình Nguyên Lộc, nxb Bách Bộc, 1971

26) Histoire du Viêt Nam des origines à 1858, Lê Thành Khôi, Sudestasie, 1982 16

CHUYỆN Ở TỈNH LỴ

Tạp ghi của
VŨ THƯ HIÊN

Thư ký tòa soạn ngồi ủ rũ sau bàn làm việc, ngước cặp mắt đục ngầu nhìn tôi:

"Số nầy mình lại thiếu bài đấy, ông ơi! Ông coi có chi lấp vô đó không?"

Giọng khàn khàn, mặt hằn dấu một đêm mất ngủ, anh gượng nở một nụ cười vui vẻ, nhưng không thành. Trong tấm áo sơ mi màu cháo lòng và cái quần kaki nhiều tuổi, cả hai đều thùng thình, trông anh thật thảm hại. Bên trên thân hình thấp bé và cái cổ ngẳng là cái đầu to quá khổ, ở đó những vết nhăn trên trán và hai đường pháp lệnh hằn sâu nơi khoé miệng làm cho anh có dáng một thầy ký già thời trước.

Tôi cố làm ra vẻ không dửng dưng trước nỗi đau khổ của anh:

"Thế nào, lại bị cúp hả? Mấy bài?"

Mùa hè, mới bảnh mắt mà căn phòng đã nóng hầm hập. Trên đầu, cái quạt trần Marelli già lão kêu kèn kẹt. Nước trà đặc vừa pha bốc hơi trong những chén sứ Hải Dương, hoàn toàn không gợi cảm.

"Một bài thôi. Mấy bài có mà chết."

"Mất lập trường?"

Anh nhún vai:

"Đại khái thế. Còn vì cái gì nữa?"

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên trước việc ai đó trong chúng tôi mất lập trường. Ở tờ báo của chúng tôi, mà ở tờ báo nào cũng thế, cái sự mất này xảy ra luôn luôn.

"Một bài, cả ảnh, thì có gì khó."

"Nhưng đề tài nào đây? Khốn nạn là ở chỗ ấy cơ, ông ơi."

Toàn bộ con người anh toát ra vẻ mệt mỏi đến cực độ.

Tôi không coi việc tờ báo bị cắt bài là chuyện quan trọng. Cái tai nạn này, nói cho đúng, không xảy ra cho mỗi số báo, nhưng một khi đã xảy ra, nó có dáng dấp một biến cố. Mọi người đều bị chấn động.

Tôi thì không. Tôi không gắn bó với tờ báo. Không phải bởi tình yêu nghề nghiệp mà tôi đến với nó, số phận dun dủi đưa tôi tới đó. Thêm vào đấy, tôi biết rất rõ rằng mọi tai họa đều nhẹ khi nó không phải của riêng ai, mà thuộc về một đám người do tình cờ có chung một chỗ ở hoặc một chỗ làm, gọi là tập thể.

Tội nghiệp cho thư ký toà soạn - nỗi bất hạnh bao giờ cũng đến vào phút chót, cũng nhè vào đầu anh, chứ không phải vào đầu ai khác, ông chủ nhiệm chẳng hạn, đúng vào lúc phải giao "bông" (1) lần chót cho nhà in.

"Chán mớ đời!" - anh ngả người trên ghế, nhắm mắt lại, giọng não nuột.

"Ông tính sao?" - tôi hỏi.

"Đang nghĩ, mà chưa ra." - anh gãi đầu, đáp.

Mới đầu giờ làm việc mà anh gọi tôi qua phòng anh uống trà là tôi biết ngay có chuyện chẳng lành. Hai chúng tôi hiếm khi trà lá với nhau. Cái trà đạo thuần Việt này một thời rất thịnh hành ở các cơ quan - một thứ giải lao hiền lành, vô thưởng vô phạt, không hại cho ai, chỉ làm mất thời giờ của nhà nước. Mà thời giờ là cái mà nhà nước không quý. Khi một người đã ở trong biên chế, anh ta làm được việc hay không làm được việc không phải là điều quan trọng. Nếu anh ta làm việc không ra gì thì người ta phê bình, cảnh cáo, tệ hơn nữa thì thi hành kỷ luật, thuyên chuyển công tác, nhưng đuổi việc thì không, không bao giờ.

Giữa tôi và thư ký toà soạn xích mích không, thành kiến không, nhưng thân nhau cũng không nốt. Ra khỏi quân đội sau khi hòa bình lập lại, anh là chính ủy trung đoàn, tôi ở cấp đại đội. Sự khác biệt này, có vẻ không đáng kể trong tình đồng chí, nhưng nó lại tạo ra một cái hố không dễ vượt qua.

Tôi khuyên anh:

"Nghĩ ngợi làm quái gì, ông xem còn bài dự trữ nào thì cho đại vào."

Anh khổ sở lắc đầu:

"Bới đâu ra? Nhẵn như chùi."

Trước khi báo ra, theo lệ, anh phải trình nó, đã "mi" (2) tử tế, lên nguyên tổng bí thư đảng, người đẻ ra tờ báo xuất bản bằng tiếng nước ngoài của chúng tôi. Ngay từ những số đầu tiên, nhân vật ngũ đoản, hói đầu, lùn tịt, mà chân dung chễm chệ trong mỗi nhà, đã xắn tay áo duyệt từng bài, từng ảnh. Bài nào không ưng, ông xổ toẹt không thương tiếc. "Báo của ta dành cho độc giả ngoại quốc, phải đặc biệt cẩn thận, không được để sót một lỗi nhỏ. Thế giới người ta nhìn vào, chớ để người ta khinh mình," ông căn dặn chúng tôi, không phải chỉ một lần, bằng giọng cha trẻ của dân tộc. Cái lệ ấy được giữ mãi, kể cả khi ông mất ghế tổng bí thư vì một sai lầm không phải do một mình ông gây ra. Bây giờ ông chỉ còn một chức vị hữu danh vô thực, nhưng lệ cũ vẫn được giữ. Chẳng ai giành của ông cái việc duyệt bài cho một tờ báo. Chuyện khó tin mà có thực. Đời nào tổng bí thư thèm duyệt bài cho một tờ báo, dù đó là báo đảng, người ta sẽ phản bác. Ở nước ta trên là Trời, dưới là tổng bí thư. Sở dĩ ông trời con của chúng tôi chiếu cố đến việc vặt là vì ông thích làm gương cho cán bộ cấp dưới. "Phàm là cán bộ thì phải 'thực sự cầu thị,' cái gì cũng phải nắm vững, không để cái gì tuột qua mắt mình," ông dạy. Ai chẳng biết để kiểm tra nội dung tư tưởng các sản phẩm văn hoá đã có Ban tuyên giáo Trung ương và các ban ngành chuyên môn khác, kể cả các cục vụ tương đương trong Bộ Công an. Mà tất cả đám này cũng chỉ ngó tới các bài báo trong trường hợp đặc biệt, khi có người phát hiện những sai sót nghiêm trọng. Cái việc vặt ấy đã có cán bộ tại chỗ phụ trách: nào chủ nhiệm, nào tổng biên tập, nào thư ký toà soạn, nào bí thư chi bộ, rồi các chi uỷ viên, đảng viên, các phần tử tích cực sắp được kết nạp Đảng, và chính người viết bài, nghĩa là tất tần tật mọi người, không trừ một ai.

Tôi rụt rè mách nước:

"Hay là cho đi một ảnh phong cảnh? Hoặc một trang biếm hoạ?"

"Tớ chả dại - thư ký toà soạn quầy quả phẩy tay như xua ruồi - Ông còn nhớ vụ cái tranh vui bên tờ Lao Động không? Cái đó dễ ăn đòn lắm. Chết có ngày. Cần một bài, ông ạ, một bài thôi, càng vô thưởng vô phạt càng tốt."

"Còn mấy ngày?"

"Ít là ba, nhiều là bốn."

"Hừm, căng đấy." - tôi lầu bầu.

"Chứ lại không căng à, ông tính sao?"

Tôi cười ranh mãnh:

"Thì ông cứ nói thẳng ra xem nào. Ý ông muốn tôi làm chứ gì?"

Anh hì hì:

"Ông tính, còn ai đâu?"

Các phóng viên đã đi xa. Vả lại, thư ký toà soạn đã đinh ninh rằng dù ở nhà họ cũng không đủ tháo vát để lấp cái chỗ trống huếch trống hoác kia một cách chắc chắn để không bị trên xổ toẹt lần nữa. Tôi đã đôi lần cứu nguy cho tờ báo trong trường hợp tương tự, cho nên anh tin ở tôi.

Suy nghĩ một lát, tôi nói:

"Thôi được, tôi đi vậy. Nhưng lần này đi gần thôi đấy nhé."

"Ông đi xa có mà chết tôi à?"

Mặt anh tươi tỉnh hẳn. Về chuyện tôi chọn nơi nào anh không bao giờ có ý kiến. Mặc tôi muốn đi đâu thì đi, miễn phải có bài đúng hạn.

Rồi rút trong ngăn kéo bàn viết một gói Điện Biên bao bạc nguyên vẹn, thư ký toà soạn đẩy nó về phía tôi. Đấy là phần thưởng cho sự đồng ý của tôi. Vào thời gian này thuốc lá hiếm, phải là cấp lãnh đạo mới có tiêu chuẩn phân phối Điện Biên bao bạc. Chúng tôi, biên tập viên và phóng viên, chỉ được mua Tam Đảo thôi, mà nhiều khi Tam Đảo cũng chẳng có, người ta thay vào thuốc lá vụn của nhà máy Thăng Long. Tôi xứng đáng được thưởng, chắc anh nghĩ thế. Ở toà soạn các tờ báo, không riêng ở chỗ chúng tôi, mọi người lười đi địa phương lắm. Lương phóng viên, được tính như làm việc trí óc, rất thấp so với công nhân làm lao động chân tay. Công tác phí thì chẳng được bao nhiêu, giá sinh hoạt ở các tỉnh lại đắt đỏ do thiếu hàng bao cấp, không khéo giật gấu vá vai là lỗ vốn. Phóng viên đùn đẩy nhau đi công tác là chuyện hàng ngày.

Tôi khác. Tôi được coi là con dao pha trong nhiều lĩnh vực, lại dễ tính, cho nên thư ký toà soạn quen đẩy tôi vào những việc anh em khác ngại, không muốn làm.

Không ai biết rằng tôi thích được đi xa. Trước hết, tôi cho rằng kiến thức sách vở và cuộc sống trong những bức tường không phải là vốn sống đủ cho việc viết văn. Mà dưới mắt tôi hồi ấy, không nghề gì thú vị bằng nghề văn. Đi là dịp tốt cho sự bồi bổ kiến thức, làm lợi cho mình, mà lại được nhà nước trả tiền, còn gì tốt bằng? Và cái chính là tôi ngán đến tận cổ những cuộc kiểm điểm nội bộ thường kỳ,

những buổi nghe"trên" thông báo chính sách, giải thích đường lối, những đợt học tập chính trị không ngừng. Tất cả những thứ lởm khởm đó làm cho bầu không khí thành phố đã vốn ngột ngạt lại càng thêm ngột ngạt.

Nhưng tôi không bao giờ tôi để lộ ra ý thích của mình. Sách của tôi là thế này: muốn được đi nhiều, đi những chuyến xa xôi, tốn kém, thì phải biết giấu cái thích của mình đi. Phải làm ra vẻ ngần ngại, phải viện lý do này nọ cái đã, phải õng ẹo từ chối cái đã, để cho người ta phải năm lần bảy lượt nói khó với mình cái đã, rồi mới giả bộ bị thuyết phục bởi những lý do chính đáng mà họ đưa ra, để rồi sau hết mới chịu, ừ, đi thì đi. Lạ thế đấy, trong cái xã hội kỳ cục của chúng tôi, mình muốn cái gì thì y như rằng cứ phải giấu, cứ phải làm ra vẻ không thích, thì mới được toại nguyện.

Khi nói chuyện với thư ký toà soạn, trong bụng tôi đã chọn Thái Bình. Nó có thừa những cái thú vị để viết. Riêng mảng nghệ thuật dân gian như chèo, múa rối cạn, múa rối nước, nghề chạm bạc, nghề đan lát, các trò chơi, hội hè, đình đám..., muốn bao nhiêu bài cũng có. Vả lại, tôi thích đi nông thôn hơn là tới các thành phố. Mặc dầu tuổi thiếu niên của tôi trôi qua ở làng quê, nhưng đối với tôi nông thôn mãi mãi vẫn là một cái gì khó hiểu, gợi tò mò, đòi hỏi phải giải đoán. Tôi không tài nào hiểu nổi vì lẽ gì người quê tôi, hiền lành đến ngây độn, đang sống với nhau yên lành là thế, bỗng dưng hoá điên cả lũ trong cải cách ruộng đất, nhà nọ tố nhà kia, con cái tố bố mẹ. Lại có cô gái ngẩn ngơ, điếc lác, xưng xưng vạch mặt ông chủ tịch xã hiếp mình mấy chục lần, kể vanh vách từng lần một. Đến sửa sai, thì khóc rưng rức: "Con xin lỗi ông, chứ cái thứ con có nằm ngửa ra mời cũng chẳng ma nào nó sờ." Những tác phẩm viết về đề tài nông thôn tiến lên xã hội chủ nghĩa của mấy nhà văn hay chữ và khôn lỏi, được giới phê bình không hay chữ nhưng khôn lỏi không kém tán dương ầm ĩ, không thuyết phục được tôi. Chúng giống những phác họa vụng về của anh thợ vẽ phố chợ, không phải cuộc đời.

Từ Hà Nội đến Thái Bình gần lắm. Chỉ việc ngồi tàu hỏa một mạch đến Nam Định, rồi đáp ô tô qua Tân Đệ là đã sang đất Thái Bình rồi.

Nghĩ thế nào, vào phút chót tôi lại đổi ý, không ra ga Hàng Cỏ lấy vé đi tàu hỏa, mà đạp xe ra Phà Đen, mua vé ca-nô xuôi sông Hồng. Phương tiện di chuyển bằng đường sông chậm rề rề. Chỉ được cái rẻ. Nhưng đất rẻ đã có nhà nước thanh toán, rỗi hơi mà tiết kiệm cho ngân sách. Tôi chọn cái phương tiện ẩm ương này bởi lẽ nhà thơ Quang Dũng, vừa từ châu thổ sông Hồng về, nói với tôi rằng đi ca-nô trong mùa hè thú đáo để - mát hơn tàu hỏa nhiều, lại tha hồ ngắm cảnh.

Đúng là ca-nô có cái hay của nó - lòng ca-nô thênh thang, ghế ngồi rộng rãi, lại có cả một khoảng trống lớn ở giữa, có thể trải vải nhựa ra mà nằm. Khi tôi tìm được chỗ ngồi thì dưới chân tôi đã có mấy người ngủ mê mệt.

Nhưng bến ca-nô thì không thể sánh với sân ga được. Nằm ngay bên mặt đê, bến là cái sườn đê đổ xuống sông, dốc kinh khủng. Cái xe đạp, cộng với ba-lô cột chặt trên đèo hàng, tất

DƯ BAO ĐỒNG

DỊCH THƠ

Mỗi tuần một bức thơ tình
Em nhờ tôi dịch giúp mình đọc chơi
Mê ông ngoại quốc thật rồi
Phần em dễ hiểu phần tôi thế nào?

Xót lòng chẳng biết nói sao
Mỗi dòng một mũi chích vào thấu tim
Trò chơi tôi chẳng muốn tìm
Phải chăng duyên nghiệp nổi chìm ngàn xưa?

Giải oan xin gởi vô chùa
Buồn thay vui gượng cho vừa lòng nhau
Cũng là tình trước nghĩa sau
Khác gì hạnh phúc, khổ đau một đời?

Ai người hiểu được lòng tôi
Tình cho em vẫn một trời bao dung
Mong em trọn mảnh tình chung
Để tôi trọn tấm người hùng... dịch thơ!

cả ở trên vai, tôi phải cố gắng rê chân từng bước để không bị lăn lông lốc trên triền đê dựng đứng. Sau một lúc đi ngang như cua, thở phì phò như bễ lò rèn, rốt cuộc rồi tôi cũng trôi được xuống lòng cái ca-nô đang bình thản đung đưa trên mặt nước màu gạch của phù sa đậm đặc.

Ca-nô cũng có cái khó chịu của nó. Trước hết là những mùi khó ngửi. Không thể kể ở đây có bao nhiêu mùi: mùi khói cay xè của động cơ đi-den, mùi phân và nước giải lợn, mùi những bu gà, mùi quần áo người không bao giờ biết đến xà phòng... May, khi ca-nô bắt đầu chạy thì gió sông Hồng cũng bắt đầu lồng lộng thổi vào, mang theo mùi phù sa nồng ấm. Nhưng gió chỉ thổi từng đợt, khi gió vừa ngừng là những mùi khó chịu lại chồm lên, xộc vào mũi.

Không khí ẩm bị mặt trời thiêu đốt tạo ra ảo giác như thể những tháp chuông giáo đường ở nơi chân trời bị mất trọng lượng, chúng hiện lên không rõ nét, khẽ rung rinh bên trên những dải làng mạc màu lục nhạt của tranh thuốc nước. Những con thuyền đi ngược chiều trôi vùn vụt, không một tiếng động, như thể chúng là hình ảnh trong mơ. Gió quạt hơi ẩm vào mặt, gây buồn ngủ. Giấc ngủ luôn bị đứt quãng bởi giọng ténor của anh ét ca-nô, một thanh niên loắt choắt và đen nhẻm, réo rắt xướng tên bến. Những cái tên nôm na thật dân dã, những cái tên sang trọng sặc mùi Hán Việt, tên nào được anh ta xướng lên nghe cũng thấy thú vị.

Ca-nô không phải ô tô, nó không rẽ vào bến. Trên đường đi của nó, ca-nô bỗng kéo vài hồi còi hiệu, đột ngột giảm tốc độ. Lúc ấy tiếng máy trở thành ngập ngừng một lát, rồi tắt hẳn. Ấy là nó vào bến, chờ những con đò bé nhỏ từ bờ sông bơi ra "màn xế." Những con đò im lặng vùn vụt bay trên mặt sông, áp vào mạn ca-nô, lắc lư đi theo nền văn minh cơ giới một quãng, vừa đủ thời gian cho khách lên khách xuống, cùng với thúng mủng, gồng gánh và bao tải của họ. Khách đi ca-nô không phải mua vé trước, ở các bến quê không có trạm bán vé, lên ca-nô cứ việc kiếm chỗ ngồi, anh ét khắc tới thu tiền.

Mỗi lần những con đò áp mạn là mỗi lần tôi tỉnh giấc.

Tiếng rao hàng trên những bến sông không ngân nga như những tiếng rao hàng ở phố. Nó bốc cao, the thé, dữ tợn và cộc cằn. Những người bán rong trên sông thường là đàn bà. Mà thường là đàn bà không nhỏ nhắn. Ấn tượng này gây ra bởi một chị chàng cao lớn vận đồ đen từ con đò đầu tiên áp mạn, có lẽ thế. Vừa nhảy lên ca-nô, chưa hạ thúng hàng trên đầu xuống, chị ta đã quát lớn "Dày giòòò!" Gương mặt xạm nắng, xương xẩu của chị gợi hình dung về một tẩu tẩu Lương Sơn Bạc. Khách đi ca-nô hiếm khi mua quà. Mỗi người đã mang theo cơm nắm muối vừng, hoặc mấy khúc sắn. Tôi mua của tẩu tẩu một cặp bánh dày nhỏ kẹp một lát giò lụa mỏng.

Ngồi bên cạnh tôi là một người vận bộ đại cán bạc màu, đeo xà-cột vải bạt - một người nhà nước ở cấp huyện. Khi ca-nô bắt đầu chạy, anh ta giở báo Nhân dân ra đọc, nhưng chỉ được vài phút là đã ngáy ầm ầm, đầu ngật ra đằng sau. Mãi đến khi mặt trời đứng bóng, anh ta mới choàng tỉnh. Giật mình vì ngủ quên, anh ta vén tay áo xem đồng hồ, rồi tức tốc moi bánh mì trong xà-cột ra ăn. Cái bánh mì bị mổ bụng, chắc có kẹp thịt hoặc ruốc. Hành động của người nhà nước lập tức được đám dân chúng bắt chước. Họ đồng loạt giở thức ăn mang theo ra, mời mọc nhau ồm tỏi. Cả ca-nô ồn ào lên. Tôi lấy cặp bánh dầy của tôi ra, ăn cùng họ.

Mấy người đàn bà ngồi dưới sàn, quần áo lôi thôi lốc thốc, ngồi giãi thải trên sàn gỗ đen xì dầu mỡ, ăn xong trước tôi, bắt đầu cuộc chuyện vãn bất tận. Tôi lại thiêm thiếp ngủ trong những đợt gió thoảng và tiếng ca-nô rì rầm. Trong sự đổi chỗ của tiếng máy nổ đùng đục và các thứ mùi, tôi loáng thoáng nghe họ khảo nhau về một tai nạn ô tô nào đó:

"Ông ấy chết tức thì, cả một cái hậu xe tông vào, bà tính, sống sao được..."

"Xổ ruột ra hả?"

"Không, vưỡn còn nguyên, cấm có chảy tí máu nào. Dưng mà chết."

"Tội nghiệp, ông ấy tốt tính lắm, ở tỉnh ai cũng biết ông ấy, bác sĩ trẻ mà mát tay đáo để..."

"Con cháu út bà chị dâu em đau ruột, không gặp được ông ấy thì xanh cỏ rồi, may ơi là may. Cháu nó khỏi rồi, ông ấy còn đến tận nhà thăm..."

"Thế cái ông giám đốc ấy, sau có sao không?"

"Sao ông sao trên trời. Giám đốc đâu phải là dân đen..."

"Có vậy."

Mãi chiều tối ca-nô mới tới bến.

Gọi là bến cho sang, chứ trên con đê chỉ có

một quán nước xiêu vẹo, với một ngọn đèn Hoa Kỳ tỏa ánh sáng vàng vọt trong hoàng hôn vắng lặng. Từ bến ca-nô vào thị xã chỉ vài bước chân.

Hành khách vừa leo được lên bờ đê thì một đàn trẻ con chực sẵn ùa tới. Chúng không xin, mà lặng lẽ chìa những bàn tay gày guộc về phía họ. Những cặp mắt trong veo vô cảm rõi vào từng mặt, đoán xem người ấy sẽ cho hay không cho. Hành khách, phần lớn có vẻ ngoài không khác những đứa trẻ ăn xin bao nhiêu, bối rối tránh những cặp mắt dò xét, lật đật bước qua chúng. Vài người dừng lại, móc túi tìm tiền lẻ. Chủ quán, một người đàn ông hung dữ, từ trong quán xồng xộc bước ra, tay vung cái roi mây:

"Chết giờ! Đi ngay tắp lự, ông cho chúng bay mấy roi thấy ông bà ông vải bây giờ."

Như một đàn chim sẻ hoảng hốt, lũ trẻ ré lên, chạy tán loạn.

Tôi lang thang trong cái thị xã nhỏ bé, rất điển hình của các tỉnh lỵ, miền xuôi cũng như miền ngược, có một cửa hàng mậu dịch ăn uống duy nhất, và nhiều đến ngạc nhiên những hiệu cắt tóc và hiệu vá quần áo. Tôi chui vào trong tấm liếp chống nắng ở một cửa hiệu sách và bắt gặp qua tấm kính mờ mịt một Victor Hugo mốc meo bên cạnh một Tolstoi quăn queo. Bụi phủ đầy Mác và Lênin. Đi đến mỏi chân, tôi quay lại cửa hàng mậu dịch, ăn một bát phở không người lái mầu nước gạo, uống một cốc xi-rô nhạt thếch màu cháo tiết, rồi lững thững đạp xe đi tìm nhà trọ.

Nhà trọ mà tôi tìm được thuộc loại rẻ tiền, chỉ có hai phòng, mỗi phòng sáu giường. Chủ nhà trọ là một ông già gày còm, nghễnh ngãng. Cái nhìn ngược trên cặp kính lão gọng sừng không giấu giếm theo dõi tôi, cho tới khi tôi nằm lên cái phản ọp ẹp, trên trải một manh chiếu với màu sắc rất đáng ngờ. Chắc hẳn đây là một nhà trọ kiểu mẫu, trong số rất ít những nhà trọ tư nhân còn sót lại của thời tạm chiếm, chỉ ở tỉnh lẻ mới có. Riêng cái việc ông chủ lật xuôi lật ngược đọc giấy tờ tuỳ thân của tôi tới mười lăm phút, có khi còn hơn thế, con người này có được chính quyền tín nhiệm cũng đáng. Từ chỗ nằm của tôi một khẩu hiệu kẻ chữ đen trên giấy vàng đập vào mắt: "Không nói, không nghe, không thấy." Mệt mỏi, tôi ngủ ngay lập tức, thực hiện "ba không" một cách nghiêm chỉnh.

Sáng hôm sau tôi oằn lưng đạp xe về phía biển, đến Đồng Sâm, ngôi làng trù phú nhất tỉnh. Làng này nổi tiếng không những trong tỉnh, mà cả miền Bắc. Làng của những người thợ bạc, thợ làm đồ kim hoàn, có lịch sử lâu đời, không biết đã bao nhiêu thế kỷ. Các bậc chức sắc trong làng tuồng như đã quen với sự đến thăm của các nhà báo, tiếp tôi vừa đủ vồn vã, vừa đủ thân mật, chứ không suồng sã. Bí thư xã, một người đen đủi, ít lời, trong bộ quân phục bạc phếch, rít điếu thuốc cho đến tụt vào nõ, rồi ngửa mặt lên trời mà nhả khói:

"Đồng chí định ở chỗ chúng tôi mấy ngày? Chỉ viết về nghề bạc thôi à? Nghề bạc của chúng tôi truyền thống lắm, nhiều đồng chí đã đến, trung ương có, địa phương có, nhà báo, nhà văn, đủ cả. Hay là đồng chí muốn tìm hiểu thêm về phong trào dân quân? Đồng Sâm chúng tôi sắp được Bộ Tổng tặng cờ Ba Nhất đấy..."

Cuộc sống cho tôi cái mẫn cảm cần thiết. Qua những câu hỏi kín đáo tôi hiểu ông bí thư mặt đen, lưng hơi còng còng kia muốn thăm dò tôi muốn gì. Tôi đã đến một số địa phương khá giả, được coi là ăn nên làm ra. Ở những nơi này người ta không thích đám nhà báo tò mò, thóc mách, đám này tới chỉ tổ rách việc. Tôi cố ý để cho ông bí thư hiểu tôi chỉ là một nhà báo công chức, tôi hài lòng với những báo cáo viết sẵn do cán bộ văn phòng của ông cung cấp, tôi sẽ chỉ đặt cho họ những câu hỏi vô thưởng vô phạt. Ông chủ tịch cục mịch và hồn hậu thết tôi một bữa thịnh soạn, có thịt thủ và rượu lậu. Nói tóm lại, tôi tính sẽ làm xong trong một ngày công việc thu thập tài liệu cho bài phóng sự lấp chỗ trống.

Có những làng nổi tiếng chỉ bởi một nghề, như làng Đồng Sâm này. Có thể nói ở khắp nước, nơi nào có cửa hàng vàng bạc là ở đó ta gặp người Đồng Sâm. Dường như Trời dành riêng sự khéo tay trong nghề chạm trổ trên kim loại cho người làng này, chứ chẳng cho làng nào khác. Thời chưa cách mạng, người Đồng Sâm thường làm chủ hiệu, có thuê thợ thì cũng thuê người trong họ ngoài làng, không bao giờ thuê người ngoài. Rất hiếm khi có người Đồng Sâm đi làm thợ cho người không cùng quê. Bây giờ, thời xã hội chủ nghĩa, không ai được làm chủ nữa, nhà nước nắm độc quyền kinh doanh vàng bạc, các chủ hiệu đều là cán bộ nhà nước. Trong các cửa hàng vàng bạc quốc doanh, vẫn người Đồng Sâm đấy, nhưng là công nhân theo ngạch bậc xí nghiệp quốc doanh. Mặc dầu vậy, ở cái gốc của nghề tổ, với tư cách làng chuyên một

nghề, chủ nghĩa xã hội không làm cho Đồng Sâm mất đi vị thế một làng giàu. Đi sâu vào làng này, tôi có cảm giác như đi trong những phố nhỏ ngoại thị Hà Nội - nhà ngói san sát, đường giữa các xóm lát gạch hoặc tráng xi-măng, trẻ con trong nhà mẫu giáo ăn vận bảnh không kém con cái viên chức nhà nước trong các trường Mầm Non của thủ đô.

Bằng cách nào người ta giữ được sự giàu có ấy là câu hỏi không nên đặt ra. Ở Đồng Sâm có hai hợp tác xã, một nông nghiệp, một thủ công nghiệp. Công điểm của người làm nghề chạm bạc cao hơn hẳn người làm nông nghiệp, nhưng không có sự chênh lệch trong thu nhập mỗi gia đình. Họ có mức sống sàn sàn nhau.

"Vào hợp tác xã nông nghiệp cả để mà chết à? - anh nông dân chủ nhà, với gương mặt chất phác đặc biệt của dân vùng châu thổ sông Hồng cười vào mặt tôi - Phải phân công phân nhiệm trong mỗi nhà, ai làm cái gì. Đau đầu lắm. Nhưng phải thế mới được. Phải đi bằng hai chân, như Đảng dạy, mới có đường sống, đồng chí nhà báo ạ."

Không thể hiểu nổi anh nông dân này: anh ta ca ngợi Đảng, hay đang giễu Đảng?

Còn đi bằng hai chân là nghĩa thế này: phải làm cách nào đó để được no, được ấm, thậm chí được sống sung túc, trong điều kiện ông Đảng, ông nhà nước vẫn hài lòng. Nói thì dễ - đi bằng hai chân , chứ trong thực tế làm chuyện đó khó lắm. Hai hợp tác xã - một nông nghiệp, một thủ công nghiệp - trong một làng phải thông đồng với nhau một cách tài tình lắm, một cách hài hoà lắm, như trong một dàn giao hưởng, phải biết chế tạo ra báo cáo tuyệt hay và những sổ sách kế toán đâu ra đó với kỹ năng của diễn viên rạp xiếc. Tất cả những cái đó là khó hiểu, không phải đối với một mình tôi. Người nông dân hiểu đảng cầm quyền hơn hẳn giới trí thức. Họ hiểu: Đảng không quá ngu để biết anh nông dân bịp mình, nhưng phải bịp sao cho khéo, rồi sau đó kết thúc mỗi màn bịp bằng một bài đồng ca vinh danh Đảng sáng suốt, Đảng anh minh, là xong. Người ta biết lắm: trong thời kỳ trị vì của hai đời tổng bí thư, hai con người khác nhau, không bỏ lỡ dịp chê bai nhau, thế nhưng cả hai đều nhất quán trong đường lối: bằng mọi giá phải lùa dân vào các hợp tác xã, để thực hiện được bình đẳng xã hội. Nghèo cũng được, nhưng bình đẳng. Lãnh tụ tối cao nhắc đi nhắc lại: "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng." Người nông dân nhất nhất tuân theo huấn lệnh của các lãnh tụ đảng, với vẻ mặt hồn nhiên, tin cậy, nhưng sau lưng các vị, họ toàn làm ngược lại. Mọi người đều sợ thiếu. Mọi thứ có thể mua được đều được mua để tích trữ. Anh chủ nhà một đêm của tôi khoe anh có cả chục chậu men Trung Quốc. "Không có thứ ấy, mừng đám cưới bằng cái gì bây giờ?"

Ta có thể đặt thêm một câu hỏi: vì sao người ở các địa phương khác lại không đua được với người Đồng Sâm về nghề kim hoàn? Chắc hẳn trong nghề này cũng có lắm điều bí mật cha truyền con nối. Tất nhiên rồi, người Đồng Sâm trả lời. Bí mật nghề nghiệp bao giờ chả có, ở đâu chả có. Nhưng đó là cách giải thích không mấy thuyết phục. Đảng không thích những cái bí mật ấy. Dưới sự lãnh đạo của Đảng mọi sự đều làm được: từ hố xí hai ngăn cho đến bom nguyên tử. Bởi vì còn sự độc quyền nghề nghiệp của những phường hội, thì còn có những lĩnh vực mà đảng không có toàn quyền lãnh đạo. Thế mà đảng phải chịu làng Đồng Sâm, mới lạ.

(Còn tiếp)

Sách mới

Sài Gòn Tuyết Trắng

Việt Nam Tháng 4, 1975

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

-Vì sao miền Nam VN xụp đổ?
-Những mưu kế, dồn phép ở hậu trường chính trị VN
-Sài Gòn trong những ngày hoang mang, lo sợ
-Những chuyến bay bí mật di tản khỏi Việt Nam
-Những cuộc di tản tất tưởi ở tòa đại sứ Mỹ, ở Tân Sơn Nhứt, ở bến tàu, trên biển cả

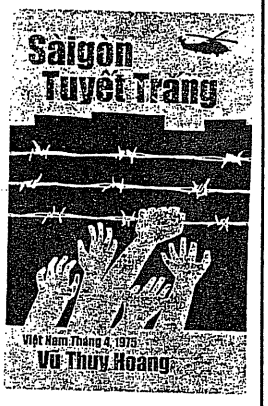

Sưu tầm công phu
Tài liệu xác thực, phong phú
Sách 350 trang. bìa bốn màu
Giá bán: $18. Ngoài Mỹ: $20
Xin gửi check, money order:
Catherine Vũ, P.O. Box 5060
Springfield, VA. 22150-5060

TÌM VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

ĐỊA ĐÀNG LẠI ĐÁNH MẤT

Gửi nhóm bạn Cửu Long
Địa phương, tôn giáo, chủng tộc, môi sinh...
Đồng Bằng Sông Cửu Long có đủ cội nguồn bất an của cả nước

NGÔ THẾ VINH

Khung cảnh nhân vật chỉ là hư cấu tiểu thuyết

Địa đàng ở phương Đông

Đi cùng chuyến bay từ Bangkok tới Vạn Tượng, từ đây họ tách ra nhưng cũng hẹn gặp lại nhau ở Sài Gòn. Cao thì đi về hướng bắc tới Bản Houei Sai kiểm tra Trạm Môi Sinh - EcoWatch xa nhất và then chốt trong mạng lưới theo dõi môi sinh của lưu vực sông Mekong.

Còn vợ chồng Duy thì đi về phía nam trong chuyến *field trip* khảo sát chim muông với *Đoàn Nghiên Cứu Khoa Học Anh Worldwide Fund for Nature*. Duy có dịp gặp lại những người bạn cũ. Lần gặp đầu tiên ở Nam Vang cách đây hai năm khi họ bất kể hiểm nguy của mìn bẫy, quyết tìm cho được con *Kouprey*, một loại bò rừng cực hiếm lần đầu tiên được các nhà sinh học tìm thấy vào năm 1939, được ông Hoàng Sihanouk chọn làm con vật biểu tượng của Cam Bốt năm 1963 và nay thì gần như đã tuyệt chủng, hy vọng mong manh còn vài ba con trong vùng rừng rậm Pailin phía tây Cam Bốt tiếp giáp với Thái Lan — vốn là khu sào huyệt của Khmer Đỏ. Sau hàng tháng trời lặn lội, lần ấy đoàn đã ra về với tay không nhưng may mắn không bị tổn thất.

Vẫn những khuôn mặt quen thuộc ấy nhưng ở chuyến đi này có Bé Tư thì họ may mắn hơn. Họ mới tìm thêm được hai loài chim hiếm trong những khu *rừng mưa - rainforest* biên giới Lào Việt, đặc biệt là họ đã phát hiện được một loài thỏ cực hiếm bên ngoài một ngôi làng nhỏ Balak phía Trường Sơn Tây. Đó là một loài thỏ rất lạ chưa thấy ở bất cứ một nơi nào khác, *có lông vàng sọc đen trên lưng và mông đỏ - được đặt tên là thỏ Trường Sơn* rất giống với loài thỏ vằn ở đảo Sumatra Nam Dương, nay đã tuyệt chủng. Là một giáo sư di truyền học, Duy suy luận nếu cuộc nghiên cứu *"cấu trúc gene"* xác định sự tương đồng với loài thỏ Sumatra thì lại có thêm luận cứ cho giả thiết một thời kỳ Đông Nam Á Lục Địa nối liền với các hải đảo - như với quần đảo Nam Dương qua thềm lục địa Sunda sau đó do nước biển dâng cao, phần thấp bị chìm xuống chỉ còn lại những phần đất cao là những đảo quốc hiện nay.

Những chiếc trống đồng *Đông Sơn* còn được tìm thấy ở cả Đông Nam Á hải đảo là bằng chứng về mối tương quan rất gần gũi giữa những nền văn hóa cách nhau cả một đại dương.

Mới đây Duy đã ngạc nhiên khi cầm trên tay cuốn sách khá đồ sộ không phải của nhà khảo cổ nhưng lại là của một đồng nghiệp y khoa người Anh minh chứng một cách có hệ thống và khá thuyết phục điều mà Duy vẫn chỉ coi như ở giai đoạn giả thiết.

Stephen Oppenheimer là một bác sĩ nhi khoa nhiệt đới khi đi nghiên cứu về Sốt Rét ở đảo Papua New Guinea Nam Thái Bình Dương, qua khảo sát các đặc tính *gen biến thể - genetic mutations* đã cho thấy thêm bằng chứng về những cuộc di cư ồ ạt từ Đông Nam Á tiếp theo trận lụt vào *Thời Kỳ Băng Tuyết Sau Cùng - the Last Ice Age.*

Suốt 20 năm qua Oppenheimer không ngừng đi khảo sát khắp vùng Viễn Đông lục địa và hải đảo Thái Bình Dương để chứng minh *"các nền văn hóa gốc - founder cultures*

hay cái nôi của văn minh nhân loại" là từ vùng Đông Nam Á nay đã bị nhận chìm dưới biển sâu.

Đó là chủ đề tác phẩm *Eden in the East - Địa Đàng ở Phương Đông* mới xuất bản tháng 7 năm 1999. Sách vở viết về nguồn gốc các nền văn minh thế giới hầu như đã lãng quên vùng Đông Nam Á, bỏ qua hẳn một vùng văn hóa cổ xưa, đa dạng và phong phú nhất trên hành tinh này - do các sử gia trước đây cho rằng văn hóa Đông Nam Á chỉ là sản phẩm của *các nền văn minh lục địa từ Ấn và Hoa.*

Thực ra vào cuối *Thời Kỳ Băng Tuyết Sau Cùng,* Đông Nam Á nguyên là một lục địa được biết dưới tên *thềm lục địa Sunda - Sunda shelf / Sundaland,* qua ba giai đoạn tuyết tan đột ngột mực nước biển dâng cao tới 130m và đã nhận chìm các Nền Văn Hóa Thềm Lục Địa này. Vùng đất bị vùi lấp rộng bằng khối lục địa Bắc Mỹ. Trận lụt biển sau cùng xảy ra vào khoảng 8000 năm trước với những ngọn sóng thật lớn do phần vỏ trái đất đạn nứt khi các tầng băng tuyết ở bắc cực bị xụp xuống.

Do thềm lục địa Sunda bị nhận chìm nên đã tạo ra những cuộc di cư ồ ạt bằng cả đường bộ đường biển ra khắp hướng: bắc nhập vào Á Châu sang tới tận Trung Hoa, đông về hướng các hải đảo Thái Bình Dương, tây nhập vào Ấn Độ Dương và nam về hướng Úc Châu.

Sau này khi mực nước biển phần nào hạ thấp xuống, các nhà khảo cổ đã khai quật được dưới lớp bùn dấu vết các nền văn hóa bị nhận chìm ở nhiều nơi như *Đông Nam Á, Trung Hoa, Mesopotamia và Đa Đảo - Polynesia, Hắc Đảo - Melanesia thuộc Đại Dương Châu.*

Đồng thời có nhiều *bằng chứng về ngữ học* cho thấy Đông Nam Á còn là trung tâm phát xuất nhiều ngôn ngữ; như ngôn ngữ của sắc dân *Đa Đảo - Polynesians* không hề phát xuất từ Trung Hoa như người ta thường nghĩ mà là từ các hải đảo Nam Dương.

Cũng có thêm cả những bằng cớ qua *dấu ấn di truyền - gene markers* cho thấy các thổ dân Đông Nam Á đã tứ tán đi rất xa tới các hải đảo Nam Thái Bình Dương, tới tận Trung Đông và sang tới Châu Mỹ.

Cả đến khảo sát đối chiếu chủ *đề thần thoại - myth motif* về các trận hồng thủy trong vùng Đông Nam Á hải đảo và Tây Nam Thái Bình Dương cũng đều thấy được nhắc tới trong thần thoại từ Trung Đông sang tới Châu Âu.

Tóm lại những bằng chứng về *hải dương học, khảo cổ học, ngữ học, di truyền học và cả văn học dân gian* đã đưa tới một kết luận thuyết phục rằng *Cái Nôi Của Nền Văn Minh Nhân Loại* không phải là Trung Đông mà là từ thềm lục địa *Sundaland* Đông Nam Á bị chìm sâu.

Lướt trên những xa lộ nâu

Sau chuyến đi Lào, hai vợ chồng Duy trở lại Sài Gòn, qua đêm trong một khách sạn trên đường Nguyễn Huệ để sáng hôm sau về Cần Thơ cho kịp khóa thỉnh giảng của Duy ở Trường Y.

Buổi sáng dậy sớm xuống phòng ăn sáng. *Continental Breakfast* được ưa chuộng là món cháo trắng với hột vịt muối và các trái cây tươi của Đồng Bằng Sông Cửu Long chuối đu đủ thơm dưa hấu sa bô chê và cả trái thanh long có vị mát và hơi rớt chua. Theo đề nghị của Cao họ sẽ đi đường sông lần đầu tiên bằng *Tàu Cánh Ngầm Liên Xô* của Vina Express - công ty liên doanh giữa Singapore và Việt Nam.

Khúc đường Nguyễn Huệ từ Lê Lợi ra hướng sông Sài Gòn *khô ng cò n chợ hoa* buổi sáng sớm vắng xe nên biến thành những sân đá banh hay cầu lông cho cả người lớn và con nít. Chạy *Jogging* trên vỉa hè sạch sẽ có cả phụ nữ. Ra tới bờ sông là tấp nập các toán tập *Tai Chi* đa số là cao niên. Bên kia bờ sông nổi bật những tấm bảng thật lớn quảng cáo bia rượu và đồ dùng điện tử sản xuất từ xứ sở các *Con Rồng Á Châu* Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan, Singapore.

Nơi cầu tầu không xa nhà hàng Ngân Đình là những chiếc *Tàu Cánh Ngầm* trông uy nghi và dũng mãnh như những chiếc tiềm thủy đĩnh. Là loại tàu cao tốc chở khách chạy đường sông qua hầu hết các khúc sông lớn của Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tàu có máy lạnh, quầy giải khát, có báo mới ra trong ngày biếu cho hành khách và các cô tiếp viên giống như tiếp viên hàng không trong tà áo dài Việt Nam duyên dáng.

Khởi hành rất đúng giờ 7:30 sáng từ bến Bạch Đằng khi bình minh vừa ló dạng. Tàu chạy xuôi dòng theo con sông Sài Gòn qua những cánh rừng đước xanh ngút ngàn, nơi mà trong thời kỳ chiến tranh luôn luôn ẩn hiện những họng súng B-40 sẵn sàng phóng ra những trái đạn xé toác cả thân tàu và gây chết chóc. Tàu Cánh Ngầm lớn lại chạy nhanh tạo ra những đợt sóng mạnh đủ sức làm chìm

những chiếc ghe nhỏ đi gần. Sau đôi tai nạn ban đầu chết người ấy thì *tránh voi chẳng xấu mặt nào* nên đã không còn ghe mảng nào muốn lại gần *Con Tàu Liên Xô* ác ôn ấy.

Đúng như hẹn, có Cao từ bản Houei Sai Bắc Lào trở về cùng đi nên vợ chồng Duy đã có một hướng dẫn viên du lịch lý tưởng. Cao luôn luôn làm *homework* trước mỗi chuyến đi nên lần này có cả tấm bản đồ *"Hướng dẫn khách Hội Nghị Thượng Đỉnh các Nước Nói Tiếng Pháp du lịch Đồng bằng Sông Cửu Long"* với đủ chi tiết cho chuyến giang trình.

Tàu chưa đến cửa Soài Rạp không đi tiếp ra biển mà rẽ ngược vào Kinh Nước Mặn để vô sông Vàm Cỏ. Sau đó theo con Kinh Chợ Gạo để vào Sông Tiền. Cảnh tượng quen thuộc hai bên bờ sông và kinh rạch là những mái nhà lá.

Mắm trước, đước sau, tràm theo sát,
Sau hàng dừa nước, thấp thoáng nhà ai?

Trước cửa ra vào những mái nhà lá ấy là các phụ nữ trong những bộ áo quần màu sắc nổi bật trên cảnh trí chỉ có mênh mang một màu xanh của lá cây và màu nâu của nước. Những cô gái Cửu Long thì vẫn cứ đẹp như vậy trong một vùng kinh rạch nước thì đỏ như gạch qua cả hai mùa khô lũ nhưng vẫn luôn luôn là những bà mẹ suốt đời tảo tần nuôi một gia đình rất ư là đông con.

Điện đã về tới Đồng Bằng Sông Cửu Long xuống tận Năm Căn nên đã thấy các cột ăng-ten truyền hình trên những mái nhà lá. Nay có thêm phương tiện giải trí rồi có vì thế mà các gia đình người dân Miền Tây Nam Bộ ít con đi chăng khi mà họ lúc nào cũng sống thật hồn nhiên lạc quan yêu đời.

Ra đi gặp vịt cũng lùa
Gặp duyên cũng kết, gặp chùa cũng tu

Đến bến Mỹ Tho trước chín giờ. Đang mùa trăng tròn, nên cả một hạm đội đông đảo tàu đánh cá *Biển Đông* thả neo nơi bến đỗ nằm chờ. Lưới cá bằng đèn nên họ chỉ ra khơi sau tuần trăng. Tàu đánh cá ngoài biển khác với ghe sông, không có vẽ đôi mắt rắn thần Naga. Điều Duy và Bé Tư mới được biết trong chuyến đi này.

Với Cao không phải là lần đầu tiên đi đường sông và anh cũng không có cảm xúc của một khách du lịch. Là một kỹ sư môi sinh, Cao có mối ưu tư của riêng anh.

Dân cư Đồng bằng Sông Cửu Long thì vẫn cứ tăng nhanh theo cấp số nhân, *Du Lịch Sinh Thái* kéo thêm du khách tới ngày một đông có nghĩa là lượng chất thải đổ xuống ngày một nhiều hơn trong khi các con đập khổng lồ thượng nguồn không chỉ làm dòng chảy của những con sông yếu dần mà còn tạo ra một số lượng rác kỹ nghệ trút xuống con sông ấy. Lại thêm viễn tượng *trái đất nóng hơn ba độ trong thế kỷ tới* không chỉ có nghĩa là một số hải đảo của quần đảo Hoàng Sa Trường Sa sẽ biến mất mà thềm lục địa còn bị đẩy lùi do nước biển dâng cao và nạn ngập mặn sẽ lan khắp vùng châu thổ.

Nhìn ra dòng sông, giữa thấp thoáng những giê lục bình xanh man mác trổ một hai bông tím là các bao rác nilông và cả xác một con vật sình trương chết trôi chắc đã vào giai đoạn bắt đầu thối rữa. Phân người, phân súc vật, phân bón thuốc trừ sâu, nước cống rãnh các đô thị có cả những chất thải từ các bệnh viện cứ nguyên vậy mà trút xuống và điểm hẹn vẫn là khúc cuối của những dòng sông. Khi xuống tới Mỹ Tho Vĩnh Long Cần Thơ chưa kịp đổ ra biển thì lại gặp con nước thủy triều trong ngày và chất thải bị dội ngược lên cứ thế mà chạy đường vòng và cư dân miệt dưới thì lãnh đủ.

Kết quả phân tích của *Trạm Sinh Thái* Cần Thơ mới đây cho thấy lượng vi sinh trong nước đã tăng cao gấp hơn 200 lần mức an toàn. Những con số báo động ấy đã chẳng đủ sức làm động lòng ai, bởi vì bấy lâu *"đã thấy quan tài đâu mà đổ lệ"* vả lại nếu có thiệt hại thì cũng là ai đó chứ không phải mình. Trước mắt Cao là những đứa trẻ vẫn hồn nhiên ngụp lặn dưới sông và người lớn thì vẫn múc nước sông để nấu nướng và cho nhu cầu gia dụng.

Viễn tượng cái ngày không tránh được *The Inevitable Day* là cả một vùng sinh thái đang chắc chắn dần dần bị hủy diệt do các con sông nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long đều ô nhiễm - chung số phận với hơn một nửa các dòng sông của hành tinh này như báo động của *Ủy Hội Nước Thế Giới Thế Kỷ 21.*

Du lịch đang trở thành một kỹ nghệ. Đại học đã mở các Phân Khoa Du Lịch, thêm hàng trăm ngàn công ăn việc làm chỉ để phục vụ cho du khách và đem về ngoại tệ. Một con số đầy tham vọng cho năm 2000 sẽ là hai triệu du khách đến thăm Việt Nam, *Du Lịch Xanh* Đồng Bằng Sông Cửu Long đang là một trọng điểm thu hút. Ngoài cảnh trí thiên nhiên sông nước, các vườn cây xanh và hoa trái, liệu có còn phải thêm *Sex Tour kiểu Thái Lan* với các cô gái Cửu Long ra để hấp dẫn thêm du khách?

Phải chăng sau nửa thế kỷ chiến tranh và may mắn sống sót, người ta đã mặc nhiên chấp nhận một thứ *"văn hóa phổ quát với bất kỳ lối ứng xử nào"* miễn sao *"chỉ để được sinh tồn."*

Trong niềm vui tìm lại được cái nôi của nền văn minh Lục Địa Sunda từ 8000 năm trước, chứng kiến một bình minh phục sinh nền *Văn Minh Miệt Vườn* đầy sức sống trẻ trung ấy kéo dài chưa đầy 300 năm để bắt đầu thấy những biểu hiện tàn lụi không phải vì thiên tai mà là do chính con người gây ra qua *Một Thảm Họa Môi Sinh* và một *Trận Dịch HIV* đủ sức tiêu hủy trọn vẹn cái Thiên Đường Tìm Lại Được ấy...

Tàu rẽ vào con Kinh Chợ Lách nối các nhánh Sông Tiền rồi quẹo vào Kinh Măng Thít để ngược dòng vào Sông Hậu tới Bến Ninh Kiều lúc 1 giờ 35, là một giang cảng lúc nào cũng tấp nập tàu bè qua lại, với mực nước sông sâu tới trên 10m tàu biển lớn cũng có thể dễ dàng ra vào. Đã tháng 11 rồi, thay vì đỉnh lũ vào tháng Chín, vậy mà mực nước sông vẫn còn lớn lại thêm trăng tròn nên nước lênh láng cả Bến Ninh Kiều vào tới chợ.

Tàu Cánh Ngầm chạy suốt nhanh hơn đường bộ lại không phải chờ qua hai con phà, giá vé khoảng 10 đô la - rẻ đối với du khách nhưng vẫn là quá đắt với mức lợi tức của người dân vùng đồng bằng châu thổ khi mà hàng hóa không thể chuyển tải theo người như với xe đò.

Thành phố Cần Thơ bên hữu ngạn Sông Hậu, cách Sài Gòn 166 km hướng tây nam, với dân số đã lên tới hơn nửa triệu và còn tiếp tục gia tăng theo đà kinh tế phát triển. Sân bay Trà Nóc đang được nâng cấp để trở thành đường bay quốc tế với Air Mekong chuẩn bị đón thêm du khách từ nước ngoài. Là nơi hội tụ của các đường giao thông từ Sài Gòn xuống Sóc Trang Bạc Liêu Cà Mau, từ Châu Đốc Long Xuyên tới, từ Hà Tiên Rạch Giá qua và cũng là nơi giao nhau của nhiều con kinh rạch. Chợ nổi Phụng Hiệp hay Ngã Bảy lớn nhất phía nam là nơi hội tụ của bảy nhánh sông như một ngôi sao.

Ngay từ thời Pháp, Cần Thơ đã được coi như thủ đô của Miền Tây, nổi tiếng với những cô gái đẹp - cả đến phóng viên *National Geographic* cũng phải biết tiếng. Nằm giữa một vựa lúa gạo và trái cây của cả nước, Cần

HÀ NGUYÊN DU

THƯƠNG CON

(với bs NgvLộc)

và con én
cũng quên mùa xuân lại
nên con ve
tấu nhạc khúc thương tình
khiến con sâu
làm rầu hết nồi canh
xui con cá
mắc vũng nằm khô cạn

bao con nước
đã ròng, cơn thoát nạn
trăm con ong
đi kiếm mật dâng đời
ngàn con chim
xa biệt cánh rừng nôi
muôn con bướm
trên cành khô chết liệt

triệu con mắt
lưng tròng theo ngã nghiệt
lắm con tim
chung nhịp nước non buồn
nhiều con người
đổ máu và phơi xương
gây con sóng
biển đời dâng cuồng nộ

để con chữ
ru hời cơn thống khổ
thương con thơ
mong thoát chỗ lưu đày.

Thơ không chỉ là một trung tâm kinh tế mà còn là trung tâm chánh trị văn hóa với Đại Học Cần Thơ và *Đại Học Khoa Học Nông Nghiệp nổi tiếng với nghiên cứu các giống lúa Thần Nông* của Đồng bằng Sông Cửu Long - chỉ sau Viện Lúa Gạo Quốc Tế Los Banos.

Vợ chồng Duy thì ở lại Cần Thơ riêng Cao thì tiếp tục cuộc hành trình của anh đi Châu Đốc Tân Châu vào sáng ngày hôm sau.

Vương quốc Phù Nam và nền văn minh Óc Eo

Chỉ hơn 10 ngàn năm trước đây thôi, Đồng Bằng Sông Cửu Long còn là một vùng biển chạy dài nối liền với thềm lục địa Sunda, dần dà do chất *Pyrite* trong phù sa con sông Mekong, cộng thêm chất sắt kết hợp với *Sulfur* trong nước biển tạo thêm hợp chất *Pyrite* bồi đắp đáy biển và tạo thành vùng châu thổ. Là vùng đất mới còn thấp so với mặt biển, như Đồng Tháp Mười vẫn còn là một vùng trũng có nơi chỉ cao hơn mực nước biển trung bình có nửa mét. Và rồi đã có một nền văn minh nảy nở trên vùng đất mới ấy.

Vào thập niên 30 khi đào kênh xáng Ba Thê nơi vùng Óc Eo huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang, người ta đã phát hiện được một thành phố hải cảng cổ bị chôn vùi.

Giả thiết cách đây 18 thế kỷ đã có một vương quốc Phù Nam *Funan Kingdom* nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long với một nền văn minh biển rất phát triển về hàng hải thương thuyền, nơi giao dịch buôn bán từ Ấn qua, từ Hoa xuống và là điểm giao lưu văn hóa rộng rãi của cả hai nền văn minh Ấn Hoa nhưng đậm nét nhất vẫn là sắc thái ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ với đạo Bà La Môn, đạo Phật Tiểu Thừa.

Cũng còn dấu vết của cả một hệ thống kinh rạch cho thủy lợi và giao thông trên vùng Óc Eo phản ánh một xã hội Phù Nam đã phát triển có tổ chức và phân công lao động. Louis Malleret nhà khảo cổ Pháp đã nói tới sự hiện hữu của *"Nền Văn Minh Óc Eo."* Người ta còn tìm thấy được ở đó cả những đồng tiền vàng xuất xứ từ La Mã có khắc hình hoàng đế Marc Aurèle (161-180), những đồng tiền Ba Tư, các tượng thần Bà La Môn và cả tượng Phật.

Cùng trên một dải đất Việt Nam, trong khi phía Bắc chịu nhiều ảnh hưởng Trung Hoa điển hình với các tượng tạc trên gỗ, càng xa về phía Nam do ảnh hưởng văn hóa Ấn, các tượng thường được đục chạm trên đá.

Nơi Viện Bảo Tàng Lịch Sử trong Thảo Cầm Viên Sài Gòn có bộ sưu tập các di chỉ nền Văn Minh Phù Nam, gồm các sản phẩm đồ gốm làm từ bàn xoay, các nhạc cụ và đồ dùng bằng đồng, các đồ trang sức bằng vàng và đá quý với kỹ thuật chạm trổ tinh xảo.

Chưa có câu trả lời dứt khoát tại sao một nền văn minh rực rỡ trên một vùng đất màu mỡ như vậy bỗng nhiên bị tàn lụi ngoài giả thiết về sự tàn phá của một trận thiên tai.

Những người dân Phù Nam họ từ đâu và đến đây tự bao giờ trên một vùng mà chỉ mấy trăm năm trước đây thôi khi bắt đầu cuộc Nam Tiến đất thì chưa *"vững chân"* và còn nguyên hoang dã sình lầy. Chưa có câu trả lời chính xác - cũng như chưa có câu trả lời cho xuất xứ những nền văn minh dọc theo con sông Mekong như sự hiện diện của những cái chum trên *Cánh Đồng Chum* ở Lào vẫn còn là điều bí nhiệm. Đây vẫn là những đề tài hấp dẫn cho các nhà nghiên cứu ở thế kỷ tới.

Nhưng những năm gần đây đã lại có thêm các ý kiến khác như David P. Chandler cho rằng "những cái tên như vương quốc Phù Nam hay Chân Lạp trong cổ sử Trung Hoa thực ra chỉ là gồm nhiều lãnh địa - *chiefdoms, small principalities* được kết hợp chung dưới tên gọi như một vương quốc nhằm tạo dễ dàng cho việc gửi phẩm vật triều cống sang Trung Hoa hay cho mục đích cùng đi tìm sự bảo hộ nhằm chống lại xâm lăng của các nước lân bang." Trước Chandler, O.W.Wolters cũng đã đưa ra ý niệm *Vòng Đai Mandalas* phản ánh đúng nhất về hình thái "các vương quốc Đông Nam Á." Sự hình thành mỗi vương quốc khởi đầu với một bộ lạc mạnh như một trung tâm quyền lực với vòng đai ảnh hưởng lan rộng bao trùm các bộ lạc yếu kém hơn bắt khuất phục và sát nhập. Nhưng cũng tùy theo sự thịnh suy của trung tâm quyền lực ấy mà vương quốc có thể co giãn. Lại thêm các bộ lạc bị chinh phục lúc nào cũng tìm cách tách ra để lập một vương quốc mới cho mình. Do đó không thực sự có một vương quốc Phù Nam, Chân Lạp hay Lan Xang - Lào với đường biên giới rõ ràng như trên các tấm bản đồ Tây Phương sau này.

Sang tới thế kỷ thứ 7, thì vùng đất này được coi là thuộc *Thủy Chân Lạp - Water Chenla* nhưng vẫn chỉ là một vùng hoang dã với thưa thớt những người Khmer an phận trong các phum sóc sống bằng nghề nông kỹ thuật canh tác thô sơ, họ sống như vậy trong suốt nhiều thế kỷ cho tới khi giao tiếp với những người

lưu dân Việt từ phương Bắc tới vào cuối thế kỷ thứ 16 thời kỳ Trịnh Nguyễn Phân Tranh.

Người Việt đi về Phương Nam ngày càng đông, tuy chẳng phải là một đạo quân chinh phạt nhưng bằng sức sống dũng mãnh họ đã khai phá và chế ngự được cả một vùng đất sình lầy để tạo nên vùng đồng bằng Nam Bộ trù phú ngày nay.

Khác với dải đất Miền Trung quê hương của dân tộc Chăm đã trải qua những thế kỷ chinh chiến điêu linh, nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long đã không có những cuộc giao chiến đẫm máu của đám di dân Việt mới tới để chiếm đất *như đã xảy ra giữa người Da Trắng và các thổ dân Da Đỏ ở Mỹ Châu,* nhưng do các cộng đồng người Khmer thì sống khép kín và tự động co rút lại trên những giồng đất cao và đương nhiên sau đó họ trở thành sắc tộc thiểu số.

Người Khmer nơi đồng bằng sông Cửu Long

Nay chỉ có khoảng 900 ngàn người Khmer trong tổng số 18 triệu dân sống nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long (mà dân địa phương còn quen gọi là Thổ *Mù a Thổ Dậ*vẫn là nỗi ám ảnh kinh hoàng cho người dân Miền Tây Nam Bộ và Kampuchea Krom - thuộc FULRO trước đây nguyên là Mặt Trận Giải Phóng Đồng Bằng Cửu Long).

Tuyệt đại đa số người Khmer theo đạo Phật Tiểu Thừa Nam Tông hay còn gọi là Phật Giáo Nguyên Thủy *Theravada* với tinh thần tự tu và chỉ thờ mỗi Đức Phật Thích Ca.

Họ sống đông nhất ở các tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh và Châu Đốc, vẫn giữ nếp sống khá biệt lập trong những phum sóc (*mươi căn nhà họp thành "phum," nhiều phum họp thành "sóc" như một làng*). Nhà cửa của người Khmer đơn sơ nhiều nhà còn lợp lá nhưng lại nổi bật các ngôi chùa vàng uy nghi với sư sãi như các vị lãnh đạo tinh thần. Không xa chùa có tháp đựng cốt người chết được hỏa thiêu; trong các phum sóc Khmer không có nghĩa địa.

Hình ảnh quen thuộc nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long vùng có đông người Khmer sinh sống là mỗi buổi sáng các nhà sư mặc những chiếc áo cà sa vàng rực ra khỏi chùa bắt đầu ngày đi khất thực. Bước vào thời kỳ *Đổi Mới*, đã không còn hình ảnh nhà sư tự ôm bình bát như ngày nào mà bây giờ có lẽo đẽo theo sau mỗi nhà sư một chú tiểu đồng một tay cầm dù một tay xách chiếc cà men bằng nhôm nhiều ngăn sáng choang để nhận các thức ăn mà dân làng cúng dường, món chay hay mặn gì thì các nhà sư cũng đều được phép dùng - khác với Phật giáo Đại Thừa Bắc Tông chỉ được ăn chay.

Hai trạm môi sinh biên giới

Hộ thì đang bận chủ trì Hội Nghị Nông Nghiệp không thể cùng đi với Cao nhưng có gửi theo một kỹ sư trẻ mới tốt nghiệp con của "đồng chí" tỉnh ủy Mười Nhe - nguyên là huyện ủy Tam Nông. Từ huyện lên tỉnh, trở thành tỉnh ủy viên tỉnh Đồng Tháp được bầu vào trung ương đảng, sự thăng tiến của Mười Nhe được coi như thắng thế của phe bảo thủ. Khi được hỏi về sự hỗ trợ từ địa phương cho Mạng Lưới Môi Sinh thì Thuận với giọng không vui kể lại:

"Các đồng chí tỉnh ủy thì không cản bởi vì đây thuộc diện chánh sách nhưng cũng chẳng mặn nồng giúp đỡ vì cho rằng còn bao nhiêu chuyện bức xúc khác của cuộc sống hàng ngày từ cái ăn tới cái mặc phải lo hơi đâu mà bàn tính chuyện môi sinh xa vời!" Đây chính là quan điểm trước sau như một của Mười Nhe, ba của Thuận. Chuyến *Field Trip* của Cao đi tìm địa điểm biên giới xa nhất cho các Trạm Môi Sinh được mào đầu bằng "một gáo nước lạnh" như vậy.

Từ thị xã Long Xuyên bên hữu ngạn Sông Hậu đi Châu Đốc, nhà cửa hai bên quốc lộ mọc san sát, sinh hoạt sầm uất với đủ các loại xe kể cả những xe hàng lớn chạy nhanh lạng lách bóp còi inh ỏi nơi có nhiều người qua lại, cả rất đông học sinh vào giờ tới trường hay tan học. Ngồi trên chiếc Minivan 15 chỗ với tay tài xế cự phách mà cũng không thấy thêm an toàn. Cao tự thấy mình chưa đủ *"tiêu chuẩn"* để lái xe trên các con lộ như vậy cho dù anh đã có hàng nhiều ngàn giờ lái kể cả xuyên bang trên khắp các nẻo đường Mỹ Quốc.

Nhanh gì thì cũng phải ngót hai giờ xe chạy để tới một tỉnh lỵ biên thùy chiến lược quan trọng được bảo vệ kiên cố từ thời Chúa Nguyễn và rồi được xây cất khang trang từ thời Pháp, nay vẫn còn những ngôi biệt thự kiến trúc cổ kính với vườn cây cao xanh um. Châu Đốc cũng là nơi đầu mút con kinh Vĩnh Tế như một đường biên giới nhân tạo chạy thẳng ra tới cửa biển Hà Tiên.

Là một địa danh giàu tính lịch sử với đình Châu Phú thờ quan Chưởng Cơ Nguyễn Hữu Cảnh tên tuổi gắn liền với cuộc Nam Tiến, núi Sam với Lăng Thoại Ngọc Hầu, Chùa Tây An

và miếu Bà Chúa Xứ đem lại cho Châu Đốc khuôn mặt của những tháng ngày lễ hội.

Ngã ba sông Châu Đốc trước đây rất nổi tiếng với ngôi chợ nổi nay không còn nữa nhưng nơi đây vẫn là trung tâm nuôi cá bè lớn nhất của Đồng Bằng Sông Cửu Long và cũng còn rất nổi tiếng về món *mắm cá lóc.*

... Từ thác Khone đổ xuống, *Con Sông Lớn - Tonle Thom* (tên Khmer của con sông Mekong) khi đến gần Nam Vang thì chia làm ba nhánh hợp với dòng chính tạo thành Ngã Tư Sông mà người Pháp gọi là *Quatre Bras*: một nhánh sông Tonlé Sap chảy ngược vào Biển Hồ trong mùa lũ và xuôi dòng trong mùa khô, còn hai nhánh kia phía bắc là Sông Tiền, phía nam là Sông Bassac khi vào Việt Nam có tên là Sông Hậu.

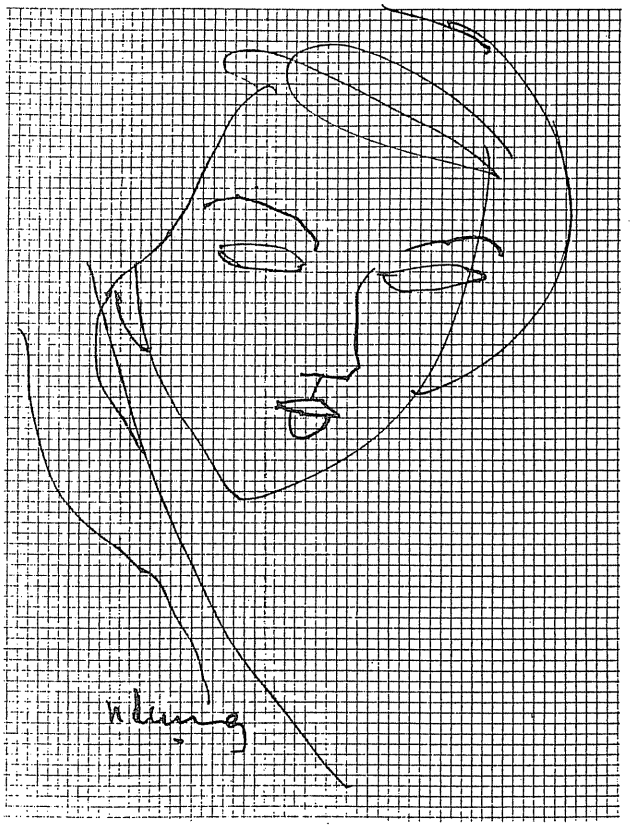

Sông Hậu trên đất Cam Bốt vì là dòng phụ nên tương đối hẹp nhưng khi vào Việt Nam do được thêm con sông Châu Đốc đổ vào và các con kinh đưa nước Sông Tiền qua nên lưu lượng trở nên lớn hơn và hai bờ sông mở rộng thêm ra.

Hai người ngồi trên chiếc xuồng máy chạy băng băng về hướng bắc trên con Sông Hậu mênh mang nước thắm đỏ phù sa, rồi bằng khúc quẹo ngặt để rẽ vào một con kinh thông sang Sông Tiền tới Tân Châu sát biên giới Việt Cam Bốt. Tân Châu vốn nổi tiếng về hàng lụa dệt, "lãnh Tân Châu" nhuộm bằng quả mặc nưa do bền nên rất được ưa chuộng.

Lũ vẫn cứ cuồn cuộn đổ về từ thượng nguồn, mực nước chuẩn Sông Tiền ở mức báo động cấp 3. Mặt sông trải rộng tới hơn hai km nhưng vẫn thấy được các hàng cây xanh từ hai bên bờ.

Tới Vĩnh Xương, một xã với hơn 10 ngàn dân được coi là cửa khẩu kế cận với Om Xà No thuộc Cam Bốt; chỉ cần mươi bước là đã vượt qua biên giới hai nước. Nơi đây có trạm hải quan và mấy quán cóc bên sông. Cứ theo kế hoạch của Nhà Nước thì vào năm 2000, sẽ có một khu *Chợ Cửa Khẩu Quốc Tế* rộng 11 hecta thay thế khu chợ trời đang là giang sơn tung hoành của đám dân buôn lậu.

Chiếc tàu sắt lớn của đội biên phòng đang bỏ neo giữa sông và cứ phải tưởng tượng như có thực một đường biên giới giữa hai nước đang còn nhiều tranh chấp nên với bất cứ đường vẽ nào trên bản đồ cũng *"chỉ có giá trị tham khảo."*

Ngược dòng Sông Tiền là những chiếc ghe thương hồ chở đầy ắp bắp cải rau trái, thỉnh thoảng cũng có tàu dầu lớn mấy ngàn tấn, tất cả cùng hướng về Nam Vang.

Đã qua rồi thời kỳ tàu bè tấp nập từ Biển Đông ra vào khi Liên Hiệp Quốc đưa lực lượng đa quốc UNTAC vào giúp ổn định đất nước Cam Bốt sau khi quân đội Việt Nam triệt thoái.

Ra thăm chiếc tàu sắt giữa gió sông lồng lộng trong ánh nắng nhiệt đới chan hòa, sóng từ chiếc xuồng máy làm chòng chành những chiếc thuyền câu bé tí teo, neo ngay giữa dòng để câu những con "cá ba sa" nhỏ_ giống cá bông lau xuống từ Biển Hồ, để đem bán cho các nhà bè nuôi cá dưới ngã ba sông Châu Đốc.

Dự trù rằng sau hai trạm *Theo Dõi Môi Sinh - EcoWatch* nơi Bản Houei Sai và Kratie dưới thác Khone thì Ngã Ba Sông Châu Đốc và Tân Châu sẽ là hai trạm biên giới của hai con Sông Tiền và Sông Hậu ngay khi đổ vào

Việt Nam.

Riêng với Trạm Tân Châu, nơi mà hơn 60 năm trước học giả Nguyễn Hiến Lê khi còn là một cán sự công chánh mới ra trường chỉ có một *cây thước nước* cho trạm đo đạc, nay với một dụng cụ xách tay gọn nhẹ *compact sonde* đem đặt trên con tàu sắt, thì chỉ cần một kỹ thuật viên truyền tin như anh Bảy là đủ; anh nay không chỉ là chiến sĩ biên phòng anh còn là đội trưởng Tiền Sắt Môi Sinh có khả năng phát hiện sớm nhất dấu hiệu xâm nhập ô nhiễm từ phía Bắc. Anh Bảy nghiễm nhiên đã là thành viên của Nhóm Bạn Cửu Long theo trọn vẹn ý nghĩa của danh từ - phấn đấu cho điều mà ký giả báo Le Monde mệnh danh là *une cause célèbre:*

"Cho Tương Lai Tốt Đẹp của Con Sông Mekong" bao gồm các bước *phát hiện sớm, xác định hiểm họa và cơ hội, tiến thẳng tới mục tiêu hành động.*

Và sẽ chẳng bao giờ là quá sớm.

Người Chăm Mới Châu Đốc - Chăm Bhrâu

Chuyến khảo sát chọn địa điểm hai Trạm Môi Sinh biên giới hoàn thành tốt đẹp, Thuận mang máy trở về Đại Học Cần Thơ trước. Cao thì ở lại Châu Đốc tiếp tục chuyến *du khảo nhân văn* đi thăm các khu làng Chăm nhằm cập nhật một vấn đề mà anh rất quan tâm có liên quan thiết thân tới tương lai Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Không phải là ngẫu nhiên mà báo chí sách vở vào những năm tháng cuối của Thế Kỷ 20 đang nói tới một trào lưu mới của nhân loại khi bước vào thế kỷ tới.

Cách đây không lâu, Cao không thể không có một thoáng lo lắng khi đọc một cột tin trang trong - như chẳng có gì là quan trọng nhưng với Cao thì lại rất nhiều ý nghĩa, trên tờ *New York Times* tiên đoán *"bước sang Thế Kỷ 21 thế giới sẽ có thêm nhiều quốc gia nhỏ mới hình thành do phong trào đòi tự trị của các sắc tộc thiểu số và cả tôn giáo nữa."* Bài học Nam Dương trên bờ vực tan rã đang là một minh chứng.

Tờ báo Pháp *Le Monde* mới đây cũng đề cập tới *"Những giấc mơ độc lập trong vùng Châu Á - Songes indépendantistes dans l'Asie."* Người ta bắt đầu nói tới manh nha các phong trào đòi độc lập của các sắc dân thiểu số và người Hồi giáo tuy số ít nhưng lại hoạt động rất mạnh ở Á Châu.

Trong cuốn sách *"Nổi Dậy Có Nguyên Do - Rebels With a Cause"* Nicholas L. Kittrie đã báo động về một viễn tượng chánh trị toàn cầu trong đó *"Tôn giáo quá khích đang có khuynh hướng trỗi dậy với toàn lực. Nguy cơ tranh chấp lớn nhất trong tương lai sẽ xuất phát từ cuồng tín chánh trị tôn giáo."* Hiển nhiên bản chất tôn giáo là tốt đẹp nhưng khi có chánh trị xen vào đều có thể trở thành quá khích đưa tới cuồng tín.

Trong buổi họp trù bị cho Đại Hội Các Sắc Dân Thiểu Số Đông Dương diễn ra tại San Francisco mới đây tưởng chừng như hoàn toàn đổ vỡ vì quan điểm cứng rắn và không tương nhượng của một số thành viên tham dự vốn gốc là các nhà hoạt động FULRO. Họ dứt khoát tuyên bố sẽ không có Đại Hội nếu có thành viên người Việt tham dự - mà mấy khách người Mỹ gốc Việt dự trù được mời là do các công trình nghiên cứu của họ về sử học Đông Nam Á thuộc Đại Học Berkerley.

Và rồi Đại Hội được tiến hành với các đoàn đại biểu quốc tế - nhưng dĩ nhiên là không có mặt một thành viên người Việt nào.

FULRO (Front Unifié de Libération/de Lutte des Races Opprimées - Mặt Trận Thống Nhất Giải Phóng/Đấu Tranh các Sắc Tộc bị Áp Bức) nguyên là phong trào chánh trị hình thành vào thập niên 60 ban đầu chỉ được nhìn đơn giản như sự nổi dậy của các sắc tộc thiểu số Người Thượng trên cao nguyên Trung Phần Việt Nam với tên lãnh tụ là Y Bham nhưng thực ra còn bao gồm cả Mặt Trận Giải Phóng Champa, Mặt Trận Giải Phóng Đồng Bằng Cửu Long - Kampuchea Krom mà bộ óc chỉ đạo thực sự là một người Chăm có tên Les Kosem nguyên là sĩ quan nhảy dù cấp tá rất thân cận với tướng Lon Nol trong quân đội Hoàng Gia Cam Bốt sau đó được vinh thăng lên cấp thiếu tướng. Luận cứ của phe tranh đấu cực đoan cho rằng: "Sự diệt vong của Champa có một nguyên nhân chính yếu là cuộc Nam Tiến của Việt Nam mà thực chất là chánh sách bành trướng và xâm lược."

Cũng vẫn theo họ thì: *"Quốc gia Champa tuy không có tên trên bản đồ thế giới nhưng dân tộc Champa như một đa sắc tộc thực ra vẫn tồn tại; không phải chỉ có những di tích cổ vật bia đá hay những tháp Chàm đổ nát nhưng chính là sự hiện diện của hai cộng đồng nhân chủng rất sinh động: nhóm đầu tiên gồm 300 ngàn anh em Tây Nguyên ở Miền Trung Việt Nam, nhóm thứ hai khoảng 100 ngàn người Chăm ở Phan Rang Phan Rí, 30 ngàn người ở Châu Đốc Tây Ninh*

và hơn 150 ngàn người lánh nạn ở Cam Bốt Thái Lan."

(Trên thực tế, chính giới lãnh đạo người Thượng Tây Nguyên hải ngoại không tự nhận họ thuộc Champa mà là một quốc gia riêng có tên là Dega có cờ riêng bốn màu trên home page, với hình tượng con voi biểu trưng cho sức mạnh và màu xanh của núi rừng, đỏ của máu và đấu tranh, trắng của hòa bình, vàng tròn của công lý và hữu nghị).

Nhưng cũng có những học giả người Chăm đại diện cho khuynh hướng ôn hòa thì lại đưa ra một cái nhìn phân tích rất khác: "Trong suốt quá trình lịch sử từ thế kỷ 11 tới thế kỷ 19 đã có sự xung đột liên tục trong nội bộ Champa như một liên bang và đây cũng là nguyên nhân đưa vương quốc này tới chỗ tiêu vong.

"Và cũng không thể không nói tới tấn thảm kịch lịch sử: dân tộc Chăm đã là nạn nhân trong cuộc nội chiến giữa người Việt ngay từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh Nguyễn Hoàng phải mở rộng biên giới phía nam để đương cự với họ Trịnh phía bắc; tới thời Nguyễn Ánh chống Tây Sơn vương quốc Champa đã trở thành bãi chiến trường; rồi thời kỳ Lê Văn Duyệt chống lại triều đình Huế dân tộc Chăm bị lôi cuốn vào cuộc tranh chấp của các phe để rồi bị nghiền nát trong những cuộc chém giết ấy bằng một chánh sách đàn áp tàn bạo của vua Minh Mạng (1820-1841) mà người Chăm gọi là Lengka - Đại Đế. Có thể nói năm 1832 vương quốc Champa hoàn toàn bị xóa trên bản đồ."

Người Chăm ở Miền Trung thực tế nay cũng chỉ còn khoảng 60 ngàn người sống trên một dải đất hẹp khô cằn từ Phan Thiết xuống tới Phan Rí (Bình Thuận) nhưng đông nhất vẫn là ở tỉnh Phan Rang (Ninh Thuận), vùng đất của cát và nắng gió.

Champa nguyên là một vương quốc hùng mạnh với nền văn minh rực rỡ, lãnh thổ kéo dài từ Quảng Bình vào tới gần Biên Hòa, với những đội quân rất thiện chiến đã từng đánh ra tới thành Thăng Long gây khiếp sợ cho vua quan triều đình Đại Việt, họ cũng từng đánh chiếm và tàn phá kinh đô Angkor còn để lại dấu tích trên những phù điêu trong khu đền đài Angkor phục sinh.

Nhưng rồi bằng từng bước Nam Tiến, thế kỷ thứ 11 (1069) triều đại Nhà Lý, người Việt đã vào tới Quảng Bình Quảng Trị, tới thế kỷ 17 (1697) đời Nhà Nguyễn, họ đến gần tiểu vương quốc *Panduranga* phần đất cuối cùng của vương quốc Champa.

Người Chăm Phan Rang đa số theo đạo Bà La Môn *Chă m Ahiệr* còn giữ nhiều nét truyền thống của chế độ mẫu hệ, duy trì việc thờ cúng trên các Tháp và có tục hỏa thiêu người chết. Cũng có ít người *Chăm Awal* hay *Bani* chịu ảnh hưởng truyền thống Hồi Giáo nhưng khác với Hồi Giáo Muslim của người Chăm Châu Đốc mà họ gọi là *Chăm bhrâu (Chăm mới).*

Làng mạc của người *Chăm Pani Panang* (Phan Rí Phan Rang) rất đặc biệt, luôn luôn có hàng rào kín bằng thân cây khô hay tre bao quanh, khoảnh đất quanh nhà thì không trồng cây rất trơ trụi vì tục lệ kiêng cử cho rằng tàng cây che mát có thể là nơi ẩn trú của ma quỷ. Có người tự nhận là am hiểu lịch sử thì lại có lối giải thích khác cho rằng đó như một thứ Ấp Chiến Lược của người Chăm nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và sát hại của người Việt và sau này thì chính ông Ngô Đình Nhu đã mô phỏng để biến thành một quốc sách.

Phụ nữ Chăm vẫn vận những chiếc váy dài tới gót, không gồng gánh nhưng lại đội trên đầu các om nước và các rổ hàng ra chợ. Miền Trung nhất là Phan Rang còn rất nổi tiếng với những Tháp Chàm cổ như *Ba Tháp* thế kỷ thứ 9, tháp *Po Klong Garai* thế kỷ 14, tháp *Po Rômê* là ngọn tháp cuối cùng vào thế kỷ 17. Di tích các ngọn Tháp cho dù đổ nát và sinh hoạt truyền thống của người Chăm vẫn là những cảnh quan luôn luôn hấp dẫn ống ảnh của du khách.

Ngược dòng lịch sử, trước những tháng ngày vương quốc Champa tiêu vong - như bắt đầu một chia lìa định mệnh, một số cộng đồng người Chăm vượt dãy Trường Sơn thoát chạy về phía tây phiêu bạt sang các nước như Cam Bốt (Kompong Cham và trên các giồng đất dọc theo con sông Mekong) và Thái Lan (Ban Khrua ở Bangkok, cố đô Ayutthya và cả một khu Chăm bên bờ sông Chao Phraya)... *Khi phải lưu lạc sang Xiêm La chính người Chăm đã giúp phát triển lực lượng hải quân của vương quốc này.*

Cho tới khi Chúa Nguyễn mở mang đất đai tới Châu Đốc, Thoại Ngọc Hầu được giao trọng trách đào con kinh Vĩnh Tế, thì số người Chăm ở đây được điều động và biên chế thành những đạo quân *"Côn Man."* Vốn là những chiến binh giỏi họ rất đắc lực trong việc bảo vệ Thành Châu Đốc đồng thời đóng vai trò đôn

đốc tám chục ngàn sưu dân Khmer và Việt, gian khổ ngày đêm đào con kinh Vĩnh Tế trong suốt năm năm trường với rất nhiều tổn hại nhân mạng.

Sau khi con kinh Vĩnh Tế hoàn tất, cả triều đình Huế xem đây như thành quả to tát và để thưởng công cho đám người Chăm này, cũng vẫn vua Minh Mạng đã lại chiêu dụ cấp đất cho họ lập thành bảy làng Châu Giang, Phum Xoài, Lama, Katambong, Tam Hội, Bún Bình Thiên, Đồng Ko Ki (với người Chăm luôn luôn là số 7 có một ý nghĩa truyền thống lịch sử). Sau này thêm làng Đa Phước do dân từ Phum Xoài bên kia sông qua, chuyên nghề trồng dâu nuôi tằm và dệt lụa nên còn có tên là Cồn Tơ Lụa - Koh Kaboăk.

Từ đó tới nay họ vẫn sống khá cách biệt với cộng đồng người Việt và còn giữ được một số nét bản sắc văn hóa Champa nhưng cũng đã khác xa với đồng bào của họ nơi gốc gác quê nhà. *Tuy cùng một nguồn gốc chỉ tách xa nhau chưa đầy 300 năm nhưng họ phát triển theo những hướng khác nhau và cả lắm "dị mộng."* Ngay giữa các cộng đồng người Chăm bhrâu (Chăm Mới) theo đạo Hồi ở Châu Đốc và người Chăm Awal/ Bani theo đạo Hồi ở Phan Rang và người Chăm Ahier theo đạo Bà La Môn đã có những khác biệt và dấu hiệu phân hóa phức tạp - phản ánh chính xác cái nhìn của chính các nhà sử học Chăm.

Như một sự kiện mới của lịch sử dân tộc Chăm cuối Thế Kỷ 20, cùng với hơn hai triệu người Việt Miên Lào đã có khoảng 25 ngàn người Chăm tỵ nạn ở nước ngoài từ sau 1975. Khoảng 20 ngàn người Chăm Hồi Giáo từ Châu Đốc Cam Bốt chọn định cư ở Mã Lai, xứ sở ngay từ đầu mở rộng vòng tay tiếp đón họ. Số còn lại gồm cả người Chăm Phan Rang Phan Rí sang định cư tại các nước thứ ba khác như Hoa Kỳ, Pháp, Úc, Gia Nã Đại... với danh nghĩa là công dân Việt Nam hay Cam Bốt và đông đảo nhất khoảng năm ngàn người ở bang California Hoa Kỳ. Họ vẫn sống khá biệt lập, với tín ngưỡng và thân tộc của họ.

Cộng đồng người Chăm hải ngoại tuy không phải đa số nhưng được lãnh đạo bởi thành phần có học tốt nghiệp từ các đại học Mỹ Pháp Mã Lai_ họ là một tập thể người Chăm đã vượt qua giai đoạn than khóc ai oán tiếc hận vẫn được xem như bản chất người Chăm từ ngày mất nước.

Còn đâu nữa những ngày oai hùng cũ
Khi tháp Chàm ủ rũ dưới màn sương

. Từ những cộng đồng rời rạc không vua chúa không người lãnh đạo, cùng nói tiếng Chăm nhưng đã không hiểu được nhau nay họ trở nên rất sinh động với những ý tưởng mới trong *ý hướng phục hưng nền văn minh Champa:* nghiên cứu lịch sử và khơi dậy tình tự dân tộc Chăm đi tới thống nhất các cộng đồng người Chăm bên trong cũng như bên ngoài. Đáng kể hơn nữa là họ tạo được mối liên hệ và sự hậu thuẫn của các nước Hồi Giáo giàu có trên thế giới như Ả Rập Sau-đi, Ai Cập và gần cận nhất là Mã Lai.

Cũng không thể không nhắc tới Nhật Bản với những ngân khoản tài trợ rất ư là dồi dào và cả Pháp với Trường Viễn Đông Bác Cổ. Cả hai đều muốn có một vai trò trở lại Đông Dương. Riêng Bắc Kinh thì chưa có biểu hiện muốn nhúng tay vào không phải vì muốn một nước Việt Nam bất khả phân nhưng là nỗi e ngại *vết thương tự gây ra — self-inflicted injury* do các phong trào Hồi Giáo đòi tự trị dai dẳng ngay trong lãnh thổ Trung Quốc không phải mới đây mà là rất sớm — đã từng được đoàn thám hiểm Francis Garnier / Doudart de Lagré ngược dòng sông Mekong khi vào tỉnh Vân Nam ghi nhận cách đây cả hơn một thế kỷ.

Với một hậu phương lớn như vậy, ý hướng phục sinh một quốc gia Champa "Ngày vinh quang của non nước Chiêm Thành" không phải không được một số ít nhà lãnh đạo *militant Chăm* một thoáng nghĩ tới.

... Bằng một chiếc ghe chèo len lách giữa các căn nhà nổi và khu nhà nuôi cá bè trên Sông Hậu đối diện với thị xã, Cao tìm tới ngôi làng Chăm Đa Phước còn có tên Cồn Tơ Lụa - Koh Ka Boaak. Như một định mệnh, một *tháp ghép lịch sử - historic transplant,* đã có khoảng 12 ngàn người Chăm sinh sống ở Châu Đốc mà dân địa phương vẫn quen gọi là Chà - vì họ theo đạo Hồi chính thống, rất gần và giống như người Mã Lai.

Họ sinh hoạt khá cách biệt trong những ngôi nhà sàn sạch sẽ và cao ráo, phụ nữ tuy không che mặt nhưng trên đầu có đội khăn, rất ít ra ngoài, sống bằng nghề dệt tơ lụa thủ công chủ yếu xuất cảng sang Mã Lai.

Mỗi làng Chăm có một ngôi thánh đường mới với tháp nhọn uy nghi, bên trong rộng thênh thang sáng sủa và không có bày biện bàn thờ hay tranh tượng nào.

Các bậc trưởng thượng trong làng cho biết thánh đường mới xây cất từ 92 do tiền từ nước

ngoài gửi về - từ các Cộng Đồng Chăm Hải Ngoại đang được hậu thuẫn rất mạnh từ các nước Hồi Giáo nhất là Mã Lai.

Hôm đó, nơi ngôi làng Đa Phước lịch sử đầy ắp những hoài niệm của quá khứ, Cao được các vị trưởng lão mời một bữa ăn trên căn nhà sàn bên trong trang trí hoa văn có nét giống Ả Rập. Cũng là lần đầu tiên Cao được dọn cho ăn món đặc sản *"tung lamo"* của người Chăm - một thứ lạp xưởng bò (người Hồi Giáo kiêng cử thịt heo) hay đúng hơn là dồi thịt bò ướp gia vị trộn với một ít cơm đã được phơi nắng cho lên men. Các khúc dồi được nướng trên than hồng cháy thơm phức, sau đó dọn ra ăn với rau sống khế chua và chuối chát không những là món ăn lạ miệng mà còn rất ngon nữa.

Cũng buổi chiều ngày hôm đó trước khi giã từ ngôi làng Đa Phước, khi bế em bé Karim ba tuổi với khuôn mặt thật khôi ngô và hiền hòa trên tay - thế hệ người Chăm Thế Kỷ 21 - Thế Kỷ Toàn Cầu Hóa, Cao tự hỏi nếu anh thực sự là một người Chăm không quên quá khứ anh sẽ có mơ ước chọn lựa nào? Quả thật không dễ dàng để có lời giải đáp.

Nhưng dứt khoát bé Karim phải tồn tại để nuôi dưỡng giấc mơ với tấm lòng bao dung rộng mở, làm sao vượt qua được giai đoạn lịch sử đau thương quá khứ, hóa giải những thù hận nghi hoặc của hiện tại để thăng hoa xây dựng cuộc sống hài hòa thịnh vượng trong một sinh cảnh thiên nhiên được giữ gìn tinh khiết. Thế hệ em xứng đáng để có một tương lai như vậy.

Điều ấy không phải đương nhiên mà có được khi trước em vẫn còn một thiểu số tuy rất ít nhưng lại rất năng động tin tưởng ở các thế lực bên ngoài giúp họ hình thành *"một quốc gia tự trị"* trong *"bối cảnh một Việt Nam vỡ ra từng mảnh"* - vẫn là những *"lessons unlearned"* qua kinh nghiệm lịch sử đắng cay của những người Thượng cách đây hơn một phần tư thế kỷ khi người Mỹ hoàn toàn bỏ rơi họ trên những núi đồi bi thảm.

Ngay hiện giờ thì Cao chỉ có thầm nguyện ước sao cho em không bị lôi cuốn vào những cuộc phiêu lưu đẫm máu để bị nghiền nát trong những tranh chấp mang màu sắc chủng tộc tôn giáo đầy thù hận. Đoạn đường chông gai ấy sẽ không bao giờ có những bước chân em.

Em sẽ được sống hạnh phúc trọn vẹn như một người Chăm trong một thời đại Văn Hóa Hòa Bình - như mơ ước của nhân loại khi bước vào năm đầu tiên của Thiên Niên Kỷ Thứ Ba. Giã từ Thế Kỷ 20 có nghĩa là giã từ một nền Văn Hóa Chiến Tranh với chuyển biến cơ bản trong cách suy nghĩ và hành sử của mỗi con người trên hành tinh này, theo đó bất bạo động linh hoạt sẽ thay thế cho võ lực, văn hóa sáng tạo và đối thoại hợp tác sẽ thay thế cho hình thái đấu tranh triệt tiêu lẫn nhau.

Em phải được tồn tại và phát triển để có thể nuôi dưỡng giấc mơ cho tương lai cuộc sống thái hòa trên một vùng đất định mệnh vốn là quê hương chung của trăm họ mà chỉ mới hơn tám ngàn năm trước đây thôi đã là cái nôi của nền văn minh nhân loại.●

01/00

MuaSáchNào? **www.tuluc.com**

Nhà Sách TỰ LỰC

Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video

trên Internet

e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc.
Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử ụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

TIẾNG VỖ CỦA MỘT BÀN TAY

PHAN THỊ ĐỖ QUYÊN

Năm tôi bảy tuổi, cha mẹ tôi dẫn lên núi gặp người mà sau này thành sư mẫu của tôi, gửi gấm tôi theo học đạo với người. Sư mẫu tôi hỏi:

"Tại sao quý ông bà lại muốn gửi cháu đến đây?"

"Thưa ngài, chúng tôi nghĩ rằng con gái chúng tôi có căn cơ tu học từ nhỏ. Chúng tôi đã nuôi thân thể cháu cường tráng. Lượng sức không cho cháu đủ thức ăn tinh thần. Nay xin cho cháu được theo học người mà cháu mong tìm từ lâu."

"Quý ông bà nhận xét thấy cháu có căn cơ ở điểm nào?"

"Từ nhỏ cháu không chịu ăn thịt. Cứ bón thịt là nhè ra. Cháu chỉ chịu ăn trong một cái bát nhỏ duy nhất của mình. Bát nào có người khác dùng, cháu biết ngay và không chịu ăn. Cháu chỉ chịu ăn cơm nấu từ tay mẹ cháu. Lớn hơn, cháu rất thích tượng Phật, chuông, mõ, sách kinh. Cháu thường ngồi hàng giờ trước tượng Phật đắm chìm trong suy tư nào đó. Khi biết đọc, cháu ngấu nghiến hết kinh sách chúng tôi có trong nhà."

Mẹ tôi tiếp lời:

"Mỗi lần tôi kể chuyện cổ tích cho cháu nghe, cháu luôn đặt câu hỏi: Con từ đâu sinh ra? Con sống để làm gì? Con người từ đâu đến, đi về đâu? Ý nghĩa của sống là gì?"

Sư mẫu quay sang hỏi tôi:

"Thưa cháu nghĩ gì?"

"Nếu bà giúp con trả lời được những câu hỏi trên, con xin theo học bà."

Thế là tôi ở lại tu học với sư mẫu tôi trên núi. Điều đầu tiên tôi được học là trồng tỉa. Sư mẫu giúp tôi trồng cây ăn trái và rau trong một khu vườn tròn mà người gọi là vườn mạn đà la. So với các dạng hình khác, hình tròn cho được diện tích rộng nhất với đường chu vi ngắn nhất có nghĩa là bớt phải lo chống trả cỏ dại. Bìa vườn có sáu cây ăn trái, nở hoa và đơm trái theo thứ tự. Giữa vườn có một hồ nước là nhà ở của loài ếch nhái và nuôi cây azolla. Vườn được chia ra làm sáu vòng tròn trồng tỉa chung quanh bờ hồ. Sư mẫu không bao giờ đào xới đất. Chúng tôi nuôi hàng triệu chú giun đất trong vườn để làm công việc đào xới và làm phân chăm bón cho đất. Chúng tôi cũng nuôi một đàn 12 con gà trong một cái chuồng tre tròn. Chúng ăn hạt cỏ dại, cào đất, trộn đất, ăn trứng sâu rầy và tạo phân bón. Cứ hai tuần, chúng tôi lại di chuồng gà đi và chỗ gà vừa mới rời đi được dùng để trồng rau. Gà để lại một khu đất đã nhổ sạch cỏ dại, tươi tốt với phân gà và được đào xới sẵn sàng. Chúng tôi trồng những giống cây đồng hành với nhau để loại cây này chống lại sâu rầy của loại cây kia. Công việc chống sâu rầy và bọ cũng được các chú ếch nhái và chim phụ giúp. Nguyên lý của khu vườn là tạo lại vòng tròn quân bằng thiên nhiên trong đó mọi sinh vật nuôi sống lẫn nhau. Giun bón đất. Đất bón cây. Cây nuôi sâu rầy. Sâu rầy nuôi, chim, gà. Gà bón đất v.v.

Mỗi buổi tối sư mẫu đều ngồi nói chuyện với tôi. Buổi sáng chúng tôi cùng ngồi thiền. Tuy tôi nhỏ tuổi, người đối xử với tôi đầy lòng thương yêu và kính trọng. Năm tôi 14 tuổi, người bảo tôi tự xây cất một cái chòi. Tôi xây mất bảy ngày mới xong. Tay tôi trầy sứt, lưng tôi đau nhức. Nhưng tôi hãnh diện đã làm xong một việc mà trước giờ tôi chưa bao giờ biết làm. Tôi ngồi trong chiếc chòi và thương yêu nó như thương yêu một mảnh xác thân mới của mình. Tôi nhìn từng tấm vách và nhớ lại được tôi lấy nó từ đâu, trong lúc di chuyển chợt trân tế ở đâu. Từng mảnh nhỏ của cái chòi này thấm đượm mồ hôi, mơ ước và sự trì chí của tôi. Tôi vừa xây xong thì sư mẫu bảo

tôi phá đi. Tôi vừa phá chòi vừa khóc thê thiết.

Sáng sớm, sau giờ thiền, người hỏi tôi:

"Thưa con suy nghiệm được gì ngày hôm nay?"

"Thưa sư mẫu, mọi vật con tạo ra đều mang linh hồn con trong đó. Con đau đớn như đánh mất đi một phần của chính mình."

Sư mẫu lại bảo tôi xây một cái chòi thứ hai. Rồi lại bảo tôi phá đi. Lần này tôi không khóc nữa.

Sáng sớm, sau giờ thiền người hỏi tôi:

"Thưa con suy nghiệm được điều gì ngày hôm nay?"

"Thưa sư mẫu, con hiểu được mọi vật đều bất thường. Có đến và có đi. Gắn bó là đau khổ."

Sư mẫu lại bảo tôi xây một cái chòi thứ ba. Rồi lại bảo tôi phá đi. Lần này tôi làm việc rất an nhiên tự tại. Tôi thưởng thức từng giây phút hiện tại trong lúc nhặt cây lá, khuân vác và xây cất. Căn chòi của tôi cũng xinh đẹp hơn trước.

Sáng sớm sau giờ thiền, sư mẫu hỏi tôi:

"Thưa con suy nghiệm được điều gì ngày hôm nay?"

"Thưa sư mẫu, con hiểu được rằng chết là anh em sinh đôi với sống. Sự tàn phá chết chóc cho phép nảy lên những mầm sống mới, tốt đẹp hơn."

Sư mẫu lại bảo tôi xây một cái chòi thứ tư. Rồi lại bảo tôi phá đi. Tôi nhập một với tiến trình xây chòi. Cái chòi tự nó xây qua tôi, tự nó phá qua tôi. Tôi là sự xây và phá.

Sáng sớm, sau giờ thiền người hỏi tôi:

"Thưa con suy nghiệm được điều gì ngày hôm nay?"

"Thưa sư mẫu. Con thấy cuộc đời con giống như việc phá chòi xây chòi. Con đeo đuổi một giấc mơ, xây nó lên tráng lệ. Rồi ngày kia quay lưng bỏ đi, theo đuổi một giấc mơ khác. Con xây đắp thân thể này, tình cảm này, tri thức này rồi ngày kia chiếc áo được thay đi bằng chiếc áo mới."

Năm tôi 21 tuổi, sư mẫu gửi tôi về với gia đình. Người cho rằng tu học ngoài chợ mới là tu. Tôi sống dưới phố và mỗi cuối tuần lên tu học với sư mẫu. Ngày nọ, sư mẫu cho tôi một công án thiền: tiếng vỗ của một bàn tay. Cả năm trôi qua tôi vẫn bế tắc. Người hỏi tôi:

"Con có muốn cùng với ta đi chu du không?"

"Thưa vâng."

Chúng tôi lên đường, đến một vùng nông thôn kia ở nam bán cầu. Trên đường đi, trời xâm xẩm tối, một người đàn bà mở cửa mời đón chúng tôi:

"Kính mời hai vị vào đây nghỉ chân. Sương đã xuống, ở ngoài đường dễ cảm lạnh."

Chúng tôi cám ơn bà xin vào tá túc qua đêm. Người đàn bà tên Đoài sống với người chồng tên Tốn, không có một mụn con nào. Hai vợ chồng rất thương yêu hòa thuận với nhau tưởng chừng như hai là một. Bà Đoài nuôi một con mèo tam thể trong khi ông Tốn nuôi một con chó. Hai chú chó mèo này cũng ăn ở hòa thuận như chủ của chúng.

Qua ngày hôm sau, ông Tốn hỏi sư mẫu của tôi:

"Thưa ngài là người tu hành, chắc hiểu xa trông rộng, xin dạy cho vợ chồng chúng tôi hiểu được một điều. Trước giờ chúng tôi chưa bao giờ cãi nhau. Từ nhỏ tới giờ cũng chưa hề to tiếng gây hấn với bất cứ ai. Gia đình hàng xóm bên cạnh tuần nào cũng đánh nhau một hai trận. Chúng tôi không hiểu được cãi nhau là gì. Xin ngài chỉ giáo cho."

Sư mẫu hỏi lại:

"Thưa ông Tốn bà Đoài, có thật là hai vị muốn hiểu cãi nhau là gì không? Hai vị có nghĩ tới hậu quả sau này không?"

Ông Tốn vẫn một mực giữ ý:

"Chúng tôi quả thực muốn hiểu tại sao con người có thể đi đến đánh nhau. Nước láng giềng chúng tôi đang có chiến tranh và chúng tôi đêm nằm bóp trán suy nghĩ vẫn mất ngủ không hiểu tại sao."

Bà Đoài bình tĩnh trả lời:

"Chúng tôi đã sống hoà thuận 40 năm nay, dù có cãi nhau vẫn sẽ nhớ lại khả năng cũ mà trở về hòa thuận với nhau. Chúng tôi hòa thuận với nhau một cách tự nhiên như hơi thở. Một khi hòa thuận lại được sau khi cãi nhau, chúng tôi sẽ vững tâm hơn và giúp được vợ chồng người hàng xóm."

Sư mẫu bảo ông Tốn ra nhặt một thanh củi để giữa nhà. Người bảo ông Tốn ngồi một bên thanh củi và bà Đoài ngồi bên kia. Người bảo ông Tốn nói với vợ:

"Bên này là của tôi. Bên kia là của bà."

Người bảo bà Đoài nói với chồng:

"Bên này là của tôi. Bên kia là của ông."

Đêm hôm đó, chúng tôi nghe họ lần đầu tiên to tiếng với nhau. Giọng ông Tốn gắt vợ:

"Sao bà nằm chen lấn sang phía phản của tôi chật quá."

Bà Đoài cũng lớn tiếng với chồng:

"Sao ông giựt hết chăn của tôi lạnh quá."

Ngày hôm sau, sư mẫu gọi họ lại, bảo bà Đoài nói với chồng:

"Ông làm như thế là sai, tôi mới là đúng."

Người bảo ông Tốn nói với vợ:

"Bà nói như thế là sai, tôi nói mới là đúng."

Sư mẫu dặn dò họ nhất cử nhất động phải phân biện đúng sai, phải trái cho rõ. Kể từ sau đó, ngày nào cặp vợ chồng này cũng cãi nhau năm mười trận. Cuối cùng ông Tốn vác gậy đuổi chúng tôi đi.

Thày trò chúng tôi tiếp tục lên đường. Buổi sáng dừng chân ven rừng, sư mẫu bảo tôi tiếp tục ngồi Thiền về công án: tiếng vỗ của một bàn tay.

Người hỏi tôi:

"Thưa con suy nghiệm được điều gì ngày hôm nay?"

"Thưa sư mẫu, con thấy ông Tốn bà Đoài khi gây hấn là hai, khi hòa thuận là một. Con thấy cái trí và cái ngã cắt chia một giòng sông tạo biên giới bến bờ."

Cứ như thế chúng tôi đi chu du nhiều năm trời. Khi trở về sư mẫu nói với tôi:

"Thưa con, con đã học với ta, con đã học ngoài chợ, con đã học ở những miền đất xa lạ. Bây giờ đã tới lúc con học từ chính mình. Nếu ngày nào ta không còn ở đây nữa, con thấy thế nào?"

Tôi òa ra khóc:

"Sư mẫu là ánh sáng của con, là tâm hồn của con. Sư mẫu không còn nữa thì con như kẻ chết."

Giọng dịu dàng người nói tiếp:

"Có một điều con chưa học và cần học. Điều ấy ta không dạy được cho con. Ta sẽ ra đi ngày hôm nay. Con hãy tìm thấy ánh sáng trong chính con. Con hãy đứng lên và bước đi một mình vững chắc."

Sư mẫu ra đi biệt tăm. Một tháng trời tôi nằm vật vã không ăn, chỉ thoi thóp sống với nước và hơi thở. Tôi đi qua một vùng sa mạc mênh mông. Một chiếc bóng lẻ loi đơn độc. Ngày thứ 31, tôi ra khỏi sa mạc.

Tôi ngồi dậy, đứng lên và bước đi vững vàng. Tôi hiểu rằng tôi không hề mất sư mẫu. Người luân lưu trong từng hạt máu của tôi.●

CHU VƯƠNG MIỆN

100 NĂM

trăm năm thì vẫn trăm năm
một vòng xuôi ngược có nằm ngủ đâu?
ngược lên dăm nẻo qua Tàu
xuôi thì đến mỏm Cà Mâu là cùng
Súng vui cùng pháo đì đùng
ngỡ là Xuân lại một vùng tịch liêu
nhìn quanh bóng nắng qua chiều
chim bay quá vội đủ điều xót xa
ta giờ một chốn phong ba
lênh đênh như lục bình già nổi trôi
vòng vo canh bạc cuộc đời
đau thương cũng đủ một thời làm thơ
quen nhau từ thủa dại khờ
quên nhau từ lúc lờ đờ chia tay.

Tìm đọc

SÀIGÒN 300 NĂM CŨ

của **Nguyên Hương NGUYỄN CÚC**
Tựa, **Lãng Hồ NGUYỄN KHẮC KHAM**
Một cuốn sách rất đầy đủ về lịch sử
Sài Gòn, với nhiều tài liệu
và hình ảnh quý hiếm

TIẾNG SÔNG HƯƠNG

Số năm 2000

Thuận Hóa - Phú Xuân:
Tiếng Việt Đàng Trong

Với bài vở của: *Trần Doãn Nho, Nhất Chi Mai, Lê Thanh Cảnh, Nguyễn Đăng Ngọc, Nguyễn Minh Cần, Nguyễn Cúc, Trần Bá Tùng, Phạm Ngọc Hương v.v...*

Tiếng Sông Hương xuất bản
6730 Stichter, Dallas, TX 75230, USA.
Tel: (214) 265-8529

GIỌNG LẠ

Ký của
THẾ DŨNG

...Mẹ đã khóc bao lần hoa đào nở
Những đứa con tuổi Ngựa chẳng hay về...
Ký ức bất chợt - Thế Dũng

1

Lúc bấy giờ là 16 giờ chiều (giờ Berlin) ngày 21.09.1999. Ô tô tôi đang lao vút lên vượt cho kịp ánh đèn vàng hấp hối ở một ngã tư thì ngực trái tôi réo vang một hồi chuông gắt gỏng.

Phía bên kia làn sóng điện cầm tay là tiếng nói khẩn trương của Dương. Anh Dũng ạ, em vừa tạt qua nhà thì có một cú Telephon rất kỳ lạ. Anh nên cẩn thận, em nghĩ rằng cú điện thoại này có liên quan đến chuyện Đêm Thơ Trước Chiếc Quan Tài Việt Nam ở Pasewalk. Mặc dù đường đang dày đặc ô tô tôi vẫn hỏi Dương cặn kẽ về toàn bộ cuộc đối thoại.

Tôi hơi bàng hoàng. Người gọi điện thoại là một người Đức chưa hề quen biết tôi. Gã nói gã muốn nói chuyện trực tiếp với Thế Dũng. Nhưng gã không xưng tên mà chỉ tự nhận là Đảng viên của một Đảng phái gì đó của Hitler. Dương không kịp nghe rõ toàn vẹn tên gọi Đảng này vì gã nói quá nhanh. Gã nói, sẽ gọi điện lại cho tôi vào ban tối. Lúc kết thúc chuyện gã lại yêu cầu Dương tung hô: Heiller Hitler như lúc bắt đầu; nhưng lần này Dương từ chối yêu cầu trịch thượng và xấc xược đó...

Hỡi giọng lạ kia, ngươi muốn gì. Pasewalk là nơi cư ngụ của hai người Việt Nam làm nghề bán hàng rong. Hai người này đã bị bảy người Đức vô cớ hành hung tàn bạo trong một buổi hội làng ở vùng Eggesin (Bang Mecklenburg-Vorpommern) vào ngày 23.08.99. Sau khi hung tin đến tai vào ngày 28.08.99 rằng: một người tên Nguyên 24 tuổi đã bị chết ngay sau khi được đưa vào bệnh viện cấp cứu, một người tên Viễn, 29 tuổi đang phải tiếp tục nằm viện với một thân thể bị gãy và dập nát nhiều nơi ở lưng và đầu, tôi đã viết ngay một bài thơ tang điếu bằng tiếng Đức. Ngày 29 tháng 08 năm 1999, tại buổi họp toàn thể Hội Viên, Hội Giao Tiếp Văn Hóa Quốc Tế Trilce tán thành tựa đề của Đêm Văn Chương Việt Nam vào 19 giờ ngày 25.09.99 là *Trước Chiếc Quan Tài của Người Việt Nam ở Pasewalk.* Ngay sau đó các tờ Quảng cáo khổ giấy A3 và giấy mời đã được tôi tổ chức phân phát và

chuyển gửi tới các địa chỉ và địa điểm cần thiết. Dương là người trực tiếp dán năm tờ quảng cáo ở nơi công cộng tại Berlin cho nên sự phán đoán của Dương là rất nhạy cảm. Anh ta còn chú thích thêm rằng tiếng người đàn ông lạ ấy không phải giọng nói của kẻ say, mê lẫn mà là một âm sắc nghiêm túc rành mạch. Nỗi lo âu nghi hoặc của Dương là có cơ sở. Có lẽ người lạ kia đã tìm ra số telefol của tôi trong danh bạ điện thoại.

2

Tối hôm đó, ngồi vào bàn làm việc vào lúc 20 giờ, tôi gọi điện cho Tiến Sĩ Sử học Peter Knost thông báo cho anh về cái giọng lạ của người Đức kia sau khi nhấn mạnh rằng bất chấp sự đe dọa nào đó đêm văn chương Việt Nam sẽ vẫn diễn ra như đã định. Đêm nay tôi sẽ ngồi chờ bằng được giọng Đức lạ kia để đối thoại trực tiếp và có những dự đoán hiện thực hơn. Tôi đề nghị, với tư cách Chủ tịch Hội, Peter Knost nên thông báo cho Công an ở khu vực sẽ diễn ra buổi sinh hoạt. Peter Knost yêu cầu tôi miêu tả chi tiết bằng văn bản để anh ta có chứng liệu. Tôi viết liền và gửi ngay cho anh ta qua đường E-mail. Tôi yêu cầu việc này chỉ có tôi và anh biết. Tôi sẽ trực tiếp trình báo hiện tượng này với Cảnh sát khu vực mà tôi cư trú để họ có thái độ giám sát và bảo vệ. Còn anh ta sẽ thông báo với Cảnh sát ở khu vực Bornholmerstr.18-Berlin PanKow. Peter hoàn toàn đồng ý.

Thận trọng như một thám tử, tôi không muốn trình báo ngay. Tôi ngồi bên Computer vừa làm việc vừa đợi đến gần một giờ sáng. Nhưng cái giọng Đức lạ kia không trở lại. Tôi rà lại toàn bộ tên tuổi những nhà văn nhà thơ, những người yêu thích và quan tâm đến văn chương đã nhận được giấy mời. Trước khi giọng người Đức lạ kia xuất hiện với yêu cầu có vẻ dọa dẫm, trên cơ sở số giấy mời đã gửi đi, tôi ước tính sẽ có khoảng từ 40 đến 50 thính giả người Đức, người Việt và các văn nghệ sĩ các nước khác sẽ có mặt.

Chờ mãi không thấy người Đức lạ mặt kia gọi điện lại như hắn đã nói, tâm trạng tôi tràn ngập những phán đoán hình sự. Theo tin tức báo chí thì ngày 26.08.99 Tòa án Neubrandenburg đã ra lệnh bắt lại bốn tên (trong số bảy hung thủ) mà Tòa án Quận Pasewalk đã thả hôm 24.08.99. Vậy thì người Đức lạ mặt kia là ai. Hắn muốn nói với tôi về việc gì. Nếu như hắn là người đồng đảng, đồng chí với các hung thủ kia thì rõ ràng hắn đã xem cái tờ quảng cáo có in họa hình Quẻ Phục của Họa sĩ Klaus Holitzka. Chắc chắn điều đó đã làm hắn và các đồng bọn của hắn tức tối. Trên tờ quảng cáo có ghi Đêm Văn chương với Nhà Thơ Thế Dũng và Mischael Koschb cùng các tác giả Việt Nam khác. Tôi, chỉ hiện hình trên quảng cáo trong một ký họa rất phóng dật của họa sĩ Lý Trực Sơn. Cho nên, người có giọng đe dọa lạ lùng kia sẽ chưa hề biết mặt tôi. Hắn đã biết rõ ràng tôi là một trong những người nòng cốt tổ chức đêm văn chương này. Nhưng hắn cũng phải biết rằng ngoài tôi thì người khai mạc và điều khiển chương trình phải là một hoặc hai người Đức khác. Có thể hắn chưa kịp biết Peter Knost là ai. Vậy thì liệu hắn có gọi điện đe dọa Mischael Kobsch không. Lẽ nào, cái người có giọng lạ kia đã nhận ra những tiếng Sấm không chỉ trong lòng những người Việt trước hành động tiểu nhân của bảy người Đức ấy trên tờ quảng cáo giản dị mà rất nghiêm trọng kia. Cho nên hắn đã giật mình (hoặc hắn đã thịnh nộ) đòi gặp nói chuyện với Thế Dũng, cái thằng nhà thơ Việt Nam đang sống nhờ trên đất Đức mà lại dám sinh chuyện. Lẽ nào, trong cuộc nói chuyện mà hắn dự định, hắn sẽ ra yêu sách buộc tôi, bằng cách nào đó, ngay lập tức, phải nhốt chặt lại, phải làm câm nín đi những tiếng Sấm phẫn nộ của lòng người hòng kêu gọi sự trở lại đường Thiện. Lẽ nào, cái người Đức có giọng lạ ấy lại muốn buộc tôi không được phanh phui, không được la hét cho sự thật bốc cháy thêm nữa mà phải đồng tình với sự cố tình làm lãng quên đi thật nhanh trong sự nhẫn nhịn ngậm ngùi của kẻ tha hương. Hoặc có thể khi nhấc điện thoại lên gặp hắn, hắn sẽ nhắn tôi rằng: này anh bạn, anh hãy bảo trọng: đất có Thổ công, sông có Hà bá chúng tôi không thích anh xới tung thêm cái chuyện làm xấu mặt người Đức chúng tôi. Chúng tôi đang muốn cho chìm xuồng những vụ bạo hành người nước ngoài ở nước Đức. Anh đã sống ở Berlin hơn mười năm chứ ít đâu. Chúng tôi sẽ không tha cho anh. Muộn rồi. Mọi chuyện không thể dừng lại. Sấm đã nổ ra ở mọi cõi lòng. Đâu phải lỗi tại tôi. Tôi không thể bịa ra sự thật này.

Một người Việt Nam làm việc trong hãng tôi ở Berlin lại chính là người đã từng sống cùng phòng với Nguyên và Viễn ở Pasewalk. Tôi gay gắt đối đáp trong tưởng tượng với cái người Đức có giọng lạ. Này anh bạn nhà thơ,

anh không sợ thân thể anh cũng có thể bị dập nát như Nguyên ,như Viễn hay sao. Cũng sợ chứ. Đã hai lần tôi tránh được đòn của hai nhóm thanh niên Đức kỳ thị người nước ngoài ở S-Bahn Frankfurter Allee. Một lần tôi đã né được cú đá vô lý của một gã Đức say trẻ tuổi vừa đi vừa lẩm bẩm điều gì đó ở ngay cầu thang U-Bahn Magdalenenstr mà tôi lại tưởng hắn hỏi gì tôi. Tôi bèn hỏi lại: có chuyện gì thế. Sau khi cúi người tránh đòn xong, điên tiết vì câu hỏi tử tế của tôi bị trả lời đột ngột bằng một cú đá quyệt vào ngang mặt từ trên cao, tôi dạng chân chống hai tay vào hông ở một tư thế rất con nhà võ bảo hắn lại đây. Hắn quay lại lừ lừ nhìn tôi từ địa thế cao hơn vì hắn đi lên phố còn tôi thì đang xuống tầu. Tôi gào lên hai lần: Lại đây! mặc dù biết rằng trước mặt và sau lưng chẳng có ai vì lúc đó vào khoảng hơn 21 giờ tối thứ bảy. Gườm nhau một lát, hắn không dám nhảy chồm xuống như tôi nghĩ vì không nhất thì bét, kiểu gì thì kiểu tôi cũng đã sẵn sàng liều mạng. Tàu đến. Khách xuống tàu làm sân ga đông lên. Hắn quay lưng đi. Thấy thế, tôi cũng nhảy vội lên tàu. Cũng may là hắn đã không giáp lá cà. Hắn cao không dưới 1,80m. Chắc chắn là nặng gấp đôi tôi. Nếu hắn lao xuống chắc tôi cũng sẽ bị thương nặng. Dĩ nhiên là tôi cũng sợ mình bị lâm nạn như Nguyên, như Viễn. Nhưng tôi không thể vì nỗi sợ ấy mà nao núng mà đình hoãn đêm thơ Trước Chiếc Quan Tài. Không được. Tất cả không thể thay đổi. Điều không được xảy ra đã xảy ra rồi. Thì bây giờ, điều gì cần phải lên tiếng con người sẽ lên tiếng. Không chỉ các tác giả Việt Nam có mặt trước Chiếc Quan Tài Việt Nam ở Pasewalk. Tôi muốn gào to lên với cái giọng người lạ nào đó đang chập chờn tìm kiếm tôi. Nếu hắn lại bắt tôi nhắc lại lời tung hô Heiler Hitler như hắn đã yêu cầu Dương thì đừng hòng.

Tôi nhớ, ngày 04.09.99, trong lần sinh hoạt cuối cùng của Cuộc gặp gỡ lần thứ 4 1999 của các nhà thơ Châu Mỹ La Tinh - Berlin và nhóm Melopoefan (mà tôi cũng là một thành viên), tôi đã chuyển được rất nhiều giấy mời đến tận tay các văn hữu của tôi ở Berlin. Họ là người Đức, người Hà Lan, người Chi Lê, người Tây Ban Nha, người Pê Ru, người Anh, người Colombia. Dĩ nhiên, ngoài P.Knost tôi không muốn nói cho một Hội Viên nào khác của Trilce biết về nỗi thấp thỏm của tôi. Nhưng nếu như đồng bọn của cái người có giọng dọa lạ lùng kia lại gây ra một vụ bạo hành trong đêm 25.09.99 sắp tới thì sao. Đã sống sót qua hơn ba trận mưa bom B.52 của Mỹ tại Việt Nam, tôi không tin rằng tôi lại có thể chết vì sự bạo hành của người Đức tại Berlin. Thật là dại khờ về mặt chính trị khi họ còn thuộc về một Đảng phái nào đó mà họ lại cho tiến hành các hoạt động Satan như thế với một đám đông toàn văn nghệ sĩ trí thức. Sau hai đêm chờ đợi không thấy cái người Đức lạ kia gọi điện lại, ngày 23.09.99, tôi đến đồn Công An gần nơi tôi cư ngụ nhất để trình báo. Người thụ lý vụ việc của tôi là chị Erbt. Tôi không hề phải giải thích gì nhiều về tờ quảng cáo, về địa danh Pasewalk, về Hội Trilce.

Sau khi ghi chép các dữ liệu nhân sự trong Hộ chiếu, xem nội dung giấy mời và tờ quảng cáo chị ta khoan thai hỏi tôi:

"Những tờ quảng cáo bằng tiếng Đức được trình bày rất Nghệ thuật như thế này đã được dán ở những nơi nào trên địa bàn Berlin. Các anh có quảng cáo bằng tiếng Việt nữa chứ."

"Thưa chị, Chúng tôi không hy vọng số người Việt cho đến bây giờ không đọc nổi những Thông tin trên đây bằng tiếng Đức lại có hứng thú và có thời gian với chuyện văn chương. Vả lại, đây là đêm văn chương Việt Nam bằng tiếng Việt và tiếng Đức của Hội Trilce tổ chức cho công chúng hiểu và biết sử dụng tiếng Việt và tiếng Đức cho nên chúng tôi không cần quảng cáo bằng tiếng Việt. Công việc này Buổi phát thanh bằng tiếng Việt của Đài Phát Thanh Đa Ngôn ngữ Berlin đã quảng cáo giúp chúng tôi rồi. Những quảng cáo bằng Đức ngữ này đã được dán ít nhất là ở 2 Trung tâm lớn của người Việt Nam ở Rhin.str.100 và Marzahnerstr.17. Ngoài ra còn ở khu vực Trường HU (Trường Đại Học Tổng Hợp Hummbol Universi tat zu Berlin Và một số văn phòng của các Hiệp Hội Đa Văn Hóa khác nữa."

"Theo dự đoán của anh thì liệu có bao nhiêu người sẽ có mặt trong buổi tối 25.09.99?"

"Đã có khoảng bảy, tám chục giấy mời đã được đưa trực tiếp và gửi đi khắp nơi. Tôi dự đoán ít nhất sẽ có khoảng từ 40 cho đến 50 người hiện diện, trong đó có nhiều văn nghệ sĩ của nhiều nước.

"Theo suy nghĩ của anh thì điều gì sẽ xảy ra trong đêm 25.09.99?"

"Tôi không tin rằng sẽ lại có chuyện đổ máu tại đây khi tôi đã trình báo sự kiện này với chị. Người lạ muốn gây sự chắc là vẫn

chưa biết rõ mặt tôi. Họ có thể rình rập quanh nơi tôi ở và có thể họ cũng sẽ có mặt trong buổi tối 25.09.99 để nhận diện tôi. Còn sau đó cái gì cũng có thể xảy ra."

"Anh đã tham gia nhiều buổi sinh hoạt văn chương như thế này chưa?"

"Từ tháng 09. 1989, năm nào tôi cũng tham gia vài ba cuộc đọc thơ ở những địa điểm khác nhau trong và ngoài địa bàn Berlin."

"Tôi có thể giữ lại tờ quảng cáo này."

"Đương nhiên, ngoài ra tôi cũng xin gửi chị luôn tờ giấy mời. Chị có thể tới dự nếu chị cảm thấy cần thiết. Nếu không thì âu đây cũng là một tư liệu lưu niệm."

"Cảm ơn anh! Từ nay có sự cố gì anh cứ gọi vào số máy..."

"Không, tôi muốn gọi trực tiếp vào số máy công vụ của chị hoặc của ai đó mà tôi không phải mất công tường thuật lại sự việc từ đầu. Bởi, nhỡ có sự cố cấp bách mọi chậm trễ đều bất lợi cho chúng tôi."

"OK! Khi khẩn cấp anh có thể gọi cho tôi vào số máy này. Nhưng chỉ từ giờ này tới giờ này, thời điểm khác sẽ là người khác. Vả lại anh cũng không nên tắt máy cầm tay của anh, chúng tôi sẽ liên lạc khi cần thiết.

"Cảm ơn chị. Tạm biệt..."

Sau khi rời đồn Công an tôi cảm thấy mình hoàn toàn tự tin và thanh thản. Tôi đã làm hết những việc cần phải làm.

Buổi sáng 24.09.99, tôi nhận được một cú điện thoại hỏi han của cảnh sát hình sự. Tôi trả lời rằng vẫn không thấy giọng người lạ kia xuất hiện trở lại. Người ta tỏ ý muốn hỏi chuyện Dương. Tôi đưa số máy cầm tay của Dương. Sự thuật kể của anh ta cũng hệt như tôi đã mô tả. Người ta thông báo với tôi rằng cứ yên tâm. Trong khoảng thời gian trước và sau 19 giờ ngày 25.09.99 nếu có biến cố gì khẩn cấp, tôi sẽ gọi đến một số máy ở đồn công an gần địa điểm diễn ra đêm văn chương Việt Nam. Như vậy là chị Erbt đã bàn giao kỹ lưỡng về Đêm Thơ Trước Chiếc Quan Tài Việt Nam với các đồng nghiệp của chị.

Buổi sáng ngày 25.09.99, công an hình sự lại hỏi tôi qua điện thoại rằng có vấn đề đe dọa gì

NGUYỄN THỊ MINH THỦY

LÁ THƯ KHÔNG GỬI

để nhớ những ngày sau tháng 4 năm ấy

em viết lá thư không gửi
anh, quê người, chẳng đọc được đâu
tờ thư viết tháo nhưng dấu kỹ
sợ bàn tay bạo vọc thêm đau!

nơi em "công tác" - "Cục Cao Su"
rừng sâu, muỗi dữ, vắt vây bâu
dân phu cạo mủ, em theo đếm
chiều về đặt "định mức," "chỉ tiêu."

nghề em làm - "lao động tiền lương"
chăm sóc công nhân vẹn mọi đường
e thầy thợ rỗi, em thêm việc,
ai "lề mề," em giục "khẩn trương!"

sáng sáng lao vào chuyện ầu ơ
đêm đêm "họp tổ" "gắng thi đua"
"nhân dân" ta thán, em nghe cả
"tự kiểm," "phê bình," em "tiếp thu."

say sưa ca ngợi "đảng" dày ơn
"đoàn" dạy em vui nơi "thiên đường"
mưa đồn điền đất trơn đỏ thẫm
bữa cơm chiều, ngô sắn, buồn hơn.

Dầu Tiếng, Lộc Ninh em đến đủ
Bình Long, An Lộc em sống qua
suối hoang chợt gặp chiếc bốt cũ
giữa cảnh trầm u thấy xót xa!

anh nơi phương ấy phố phường đông
em ở bên này giữa trời mông
hiu quạnh, với rừng cây thay lá
đời em trơ những nhánh cành không!

tái bút.-
những chữ trong ngoặc chắc anh thấy lạ
biết làm sao hơn, khi dấu cùng trong
một vòng khí quyển, nhưng không cùng thở
không khí buồn vui chốn Đông phương hồng.

mới phát sinh không. Tôi trả lời là không.

3

Đúng 18 giờ kém 15 phút chiều ngày 25.09.99, tôi chở Minh Tâm và Nguyễn Văn Thọ đến căn hộ của Mischael Kobsch. Theo như hẹn hò, khi tôi phôn thì anh ta xuống ngay lập tức để lên xe cùng tôi đi luôn tới địa điểm. Không ngờ, tôi gọi đến hơn 30 lần nhưng chỉ có tiếng anh ta trả lời trong máy tự động. Hắn không có nhà. Không thể tự giải thích nổi trước sự mất hút này. Tôi kiên nhẫn đợi M.Kobsch tới 18giờ 35. Vô vọng và văng tục một mình xong, tôi quyết định đi thẳng tới điểm hẹn. Minh Tâm và Nguyễn Văn Thọ quá lạ lùng trước sự không đúng hẹn của ông bạn người Đức. Tôi ngượng và lo nhưng không dám ca thán một lời. Khi tôi, Minh Tâm và Nguyễn Văn Thọ, bước vào Galeriecafe Mittendrin Bornholmerstr.18 đã là 19 giờ 5 phút. Nhìn những người đã hiện diện tôi hiểu rằng toàn bộ trật tự dự kiến chương trình mà tôi và Mischael Kobsch đã cùng nhau soạn thảo từ hôm 16.09.99 sẽ bị đảo lộn. Tiến sĩ P. Knost, người khai mạc chương trình vẫn chưa thấy đâu. Tôi trao đổi ngay với vợ chồng nhà thơ Ulrich Grasnick và Scharlotter Grasnick về một diễn trình mới do thiếu hụt nhân sự mà tôi không lường được. Sau 15 phút, một diễn trình khác được thống nhất. Tôi sẽ điều khiển chương trình một mình. Cũng hơi buồn vì dẫu sao khi có Mischael Kobsch ở cạnh thì cái Micro của chúng tôi trong đêm nay sẽ đa thanh hơn là chỉ một mình tôi. Mãi đến 19 giờ 30, thấy Tiến Sĩ P.Knost xuất hiện tôi thở phào nhẹ nhõm. Như vậy, có nghĩa là anh ta chỉ đến muộn cho an toàn tuyệt đối chứ anh ta không biến mất vô lý do như Mischael Kobsch. Hóa ra Ban nhạc Mây Trắng đến rất đúng giờ. Tôi tranh thủ trao đổi với Mạnh Hùng và Phương Hoa về những thời điểm và sắc thái cần có của âm nhạc trong quá trình sinh hoạt. Mọi người lục lục tề tựu. Lịch sự, thân tình. Những người viết và những người đọc. Một vài nhân vật chủ chốt của vài tờ báo Việt Ngữ ở Đức đều hiện diện. Các nhà văn nhiều quốc tịch khác nhau mà tôi quen biết đều đúng hẹn. Gần 50 người. Thật là một sĩ số lý tưởng so với tiên lượng của tôi. Tóc vàng, tóc đen, tóc nâu, tóc trắng. Căn phòng không biểu ngữ, không âm nhạc kích động. Chỉ có đàn bầu, đàn tam thập lục, đàn ghi ta. Chỉ có hoa cúc trắng và hoa hồng. Mà ánh sáng thì rất dịu, rất thích hợp cho Bier, cho vang đỏ, vang trắng. Chỉ có tôi tự thấy mình cùng với những người đồng hương của mình dường như đang rất tha hương, đơn độc. Tôi nhớ đến những đêm thơ mà công chúng đông đúc tới bốn, năm trăm người. Toàn thân tự nhiên nhạt thếch, lạnh tanh. Minh Tâm nhìn tôi, nàng bảo, mình phải uống Bier hay một chút rượu đi. Tôi nghe lời, uống Bier từng ngụm, từng ngụm. Tôi chờ đợi một tiếng nổ hay một tiếng la ó gì đó nhưng tuyệt nhiên im ắng. Nhìn sang bên, Ulrich Charlotter và Ulrich Grasnick đã sẵn sàng với những bài thơ trước mặt. Nguyễn Văn Thọ ngiêm trang lo lắng đưa mắt nhìn tôi như giục giã, khích lệ. Alistain Noon, anh bạn thi sĩ người Anh nhìn tôi gật gật cái đầu trọc mới toanh. Cái giọng lạ của người Đức mà tôi chưa biết mặt kia bỗng văng vẳng ở đâu đó. Thế Dũng, hãy liệu hồn. Tôi uống một ngụm vang đỏ. Vẫn chưa thấy anh Tuệ, ông hàng xóm của tôi có mặt. Hồi ở trong nước anh Tuệ từng là công an truy bắt cướp, biết bắn súng hai tay, yêu thơ và đã quyết đến đúng hẹn tối nay. Anh ta bảo tôi rằng sẽ ngồi cách Thế Dũng một mét trước giờ khai mạc. Thế mà lúc bấy giờ vẫn chẳng thấy đâu. Tôi liếc nhìn đồng hồ. Quan sát phòng họp. Nhận diện toàn bộ những gương mặt quen, những gương mặt lạ. Âm nhạc dạo đầu của Mạnh Hùng và Phương Hoa đa diết điệu Ru con tạo cho lời khai mạc của Dr. Peter Knost một không khí im ắng thật nao lòng. Sau đó là bài thơ Tìm Đường của Chế Lan Viên bằng Đức Ngữ qua giọng đọc của Scharlotte và bằng Việt ngữ qua giọng đọc của tôi. Khi tôi giải thích thản nhiên ngắn gọn về sự vắng mặt đột xuất không lường của Mischael Kobsch, và của hai tác giả Việt Nam thì mới thấy anh Tuệ xuất hiện. Tôi an lòng hơn. Nhìn Tâm đang ngồi cạnh Việt, cạnh Thanh, cạnh Hùng, tôi mường tượng ra quãng đời sinh viên Luật đầy biến động phiêu lưu của nàng ở Berlin 20 năm về trước. Những câu thơ đầy không khí xám hối và ai điếu của Chế Tiền nhân mà tôi sử dụng để nhập đề đã làm chính tôi xúc động:

Nửa thế kỷ tôi loay hoay
Kề miệng vực
Leo lên các đỉnh tinh thần
Chất ngất
Theo các con đường ngoắt ngéo chữ chi
Gẫy gập
Mà đâu được gì
Khi tôi cưỡi trên mây

Thì máu người rên dưới đất.

Khi đọc tới những câu thơ cuối của bài Tìm Đường:

Ôi con đường không ra đường của kẻ tìm thơ
Cái thơ không ra thơ của kẻ tìm đường
Đã gần hết thời gian của tôi ở trên trái đất
Mà tôi chưa có thể trả lời cho mẹ
Mẹ đâu biết cho rằng:
Hoa tôi hái trên trời
Cũng chính là nước mắt
Dưới xa kia.

(Rút từ tập bản thảo *Bào Thai & Mảnh Vỡ* 1988 của Chế Lan Viên)

thì tôi đã phải ngưng lặng rất bất thường và vô cớ để khỏi bật khóc thành tiếng. Bởi, những liên tưởng chồng chéo từ tám hướng mười phương của nước mắt, phận người khi văng vẳng bên tai tôi cái giọng Đức hăm he rất lạ và rất quái gở kia. Bởi, nhìn vào Tâm, tôi nhớ đến mẹ tôi, tôi nhớ tới tôi thủa tôi chưa có nàng. Tôi nghĩ đến hai người mẹ của Nguyên, của Viễn đang xương gãy thịt nát, Tôi nghĩ đến những sinh lộ đầy hoạn nạn của các văn nhân Việt Nam ở trong nước, ở ngoài nước và trên khắp địa cầu. Tôi nhớ đến những cuộc tự tử của các thi sĩ ở khắp nơi do không chịu nổi sự bạo hành của thế sự. Chợt nhìn thấy khuôn mặt hốc hác sương gió trận mạc của Nguyễn Văn Thọ. Tôi muốn khóc thành tiếng. Nhưng không thể được. Tôi điềm nhiên chuyển giọng nghiêm trang mời Nguyễn Văn Thọ đọc thơ anh bằng Việt ngữ, rồi mời Scharlotter Grasnick đọc thơ Nguyễn Văn Thọ bằng Đức ngữ. Trong một ảo thị phóng vào ký ức, tôi thấy như Nguyễn Văn Thọ vừa bước ra từ thành cổ Quảng Trị trong mùa hè đẫm máu năm 1972. Quanh anh tràn đầy những mảnh vỡ của hoài niệm đạn bom. Quanh tôi, bỗng bụi mù con đường 14 năm 1975 gập ghềnh qua A Sầu , A lưới mà chiếc xe Zil 130 của tôi đang trôi xuống vực thì nửa chừng mắc phải một thân cây định mệnh.

Vừa cảm thấy mơ hồ sự xúc động giao lưu trong ngữ âm của nữ thi sĩ Scharlotter Grasnick tôi vừa mong mỏi sự có mặt trá hình của cái người Đức muốn nói chuyện với tôi. Nếu hắn cũng tới đây thì tuyệt hay. Tuy thế, tôi vẫn cố gắng không bỏ sót một gương mặt lạ nào trong đám đông khán giả. Tôi vui vẻ giới thiệu thêm hai khán giả Việt Nam yêu thơ lên ngâm thơ và đọc thơ. Họ lại còn mang theo hai bản dịch sang Đức Ngữ hai bài tứ tuyệt cho nên, dù ở ngoài dự kiến Ulricht Grasnick không thể từ chối lời đề nghị của tôi khi anh biết rằng thơ kia còn có đàn có sáo đìu dặt bổng trầm. Hình như cái lưỡi Đức ngữ của tôi bỗng dưng trổ nhiều hoa lá bởi những kích thích lành mạnh của những tình cảm hiệp sĩ khi tôi thấy Vichtor Buenno và Jóse Pablo Quevedo đang nhìn tôi mỉm cười. Đặc biệt là những cú chớp giật hăm hở ân cần của nhà nhiếp ảnh người Đức Lotha dường như đã khích lệ khả năng biện luận và diễn cảm của tôi.

Phần thơ của tôi hơi dài. Vợ chồng Ulrick Grasnick thay phiên nhau đọc bản Đức ngữ. Scharlotter Grasnick thật sự phải nén xúc cảm căng thẳng đến nghèn nghẹn để đọc bài thơ Trước Chiếc Quan Tài ở Pasewalk trong bản tiếng Đức. Sau đó, tôi kết thúc phần đọc thơ bằng những câu sau:

...Hồi ức về Sự Chết này chắc chắn sẽ dài lâu
dài hơn cả những hồi ức về cuộc đời người đã chết

Thế gian có nhiều khả năng làm con người gãy nát
Chiếc quan tài Việt Nam ở Pasewalk là bằng chứng rất đau...

ấy là thời gian của những điều không thể hình dung đã thành có thể
Và những điều không được xảy ra đã xảy ra rồi.

Chiếc quan tài Việt Nam chiếm một không gian rất nhỏ giữa đời
Cuộc Hỏa táng - giết êm một nụ hồng nước Đức trong tôi

Ban nhạc Mây Trắng của Mạnh Hùng đã đan xen rất ăn ý nhịp nhàng trong sự dẫn dắt chương trình để giải tỏa không khí căng thẳng trong phần thơ của tôi. Rốt cuộc đã không có một tiếng nổ. Không có một mũi dao. Không có một cuộc ẩu đả và bạo hành nào. Tôi mệt nhoài sau khi cảm ơn và tiễn biệt bè bạn. Khi tôi và Tâm chia tay với anh Thọ đã là hơn 12 giờ đêm.

4

Mặc dù vậy, cái giọng của người Đức lạ mặt kia vẫn chập chờn ở đâu đó. Tôi vẫn thấp thỏm không yên về sự biến mất của Mischael Kobsch. Liệu có tai nạn gì không. Tôi mới quen anh từ tháng Bảy năm 97. Trong đêm thơ Thế Dũng do Hội nghiên cứu Đông Nam châu Á tổ chức tại Thư viện Trung tâm thành phố Berlin ngày 23.09.97, chính anh ta đã tự nguyện đọc sáu bài thơ của tôi trong bản

tiếng Đức. Trước đêm thơ đó tôi đã gặp anh làm quen, tâm sự để cho sự nhập thân hòa cảm của anh vào thơ tôi có sức biểu đạt cao nhất. Trong buổi tối 16.09.99, anh ta còn khoe với tôi rằng mới đây anh rất mê đọc sách chiêm tinh học. Đặc biệt là ý nghĩa của các con bài Tarot cho từng tuổi, từng tên vì anh biết tôi là thằng rất hay nói về những bí mật của đời người trong các con số. Anh còn tiết lộ rằng bạn gái của anh cũng thích làm thi sĩ, đang sống ở Gottingen và đã xuất bản một tập thơ. Khi tôi tò mò hỏi ngày tháng năm sinh của cô nàng hòng đưa ra vài luận đoán về duyên mệnh của anh thì anh vò tóc mãi mà vẫn không sao nhớ ra nổi. Tôi cảm thấy ái ngại và thật sự ngờ vực về hạnh phúc tâm linh của anh. Năm nay đã 41 tuổi tây mà anh vẫn chưa bao giờ lấy vợ.

Hôm sau tôi gọi điện cho Mischael Kobsch cật vấn anh về sự mất mặt khó hiểu và bất nhã. Tôi bảo tôi không thể tưởng tượng được lại có một kiểu ứng xử như thế. Anh lúng túng xin lỗi. Lý do anh nêu ra là cô người yêu tới Berlin đột xuất. Và anh không bỏ mặc cô ta mà bỏ mặc đêm thơ vì nghĩ rằng đã có vợ chồng Ulrich Grasnick ở đó có thể đọc thơ giùm tôi. Khi tôi dằn giọng nói rằng: cậu đã nhận lời, tên cậu đã có trên quảng cáo. Hóa ra cậu là một người mà tôi sẽ không bao giờ hợp tác được nữa; tôi chợt phát giác: mọi lý do anh ta nêu chỉ là sự nói dối khéo léo. Song tôi chẳng muốn dồn anh ta vào nỗi khó xử. Biết đâu chính cũng vì sợ hãi mà anh ta đã tự nguyện vắng mặt trong đêm thơ bởi một cú điện thoại hăm dọa của cái giọng Đức lạ kia chăng. Cái người Đức có giọng dọa lạ lùng ấy cho rằng mất Mischael Kobsch thì có nghĩa là đêm thơ ấy sẽ tan. Tôi ngạc nhiên khi Mischael Kobsch vẫn rất tử tốn sau khi nghe một tràng trách móc dữ dằn của tôi. Anh bảo: thôi dù sao thì việc này đã qua, đã êm ả. Chúng ta cũng không nên nhiều lời nữa. Chàng nói vậy có nghĩa là đã nhẫn nhịn tưới nước dịu dàng vào lửa giận chân thành. Tôi hết lời, hết giận Mischael Kobsch nhưng không hết linh tính về một sự đe dọa vô hình cũng đã xảy ra đối với anh.

Sau đó vài ngày, tôi được mời tới Trụ sở cảnh sát hình sự ở Bayernringstr.42-44. Đúng 10 giờ trưa ngày 06.10.99. Silvanus, viên sĩ quan trực tiếp xử lý vụ truy tìm một người lạ tự xưng hành sự cho một tổ chức bất hợp pháp đã chuẩn bị tiếp tôi với một nữ thư ký. Người ta muốn hoàn thiện một biên bản chính thức về vụ tố giác để tự vệ của tôi trước một sự đe dọa đối với một hoạt động văn hóa chống bạo hành. Tôi ngồi đối diện với viên Trưởng phòng Hình sự. Phía tay trái anh là cô nữ thư ký sẵn sàng gõ như mưa lên bàn phím. Silvanus trắng trẻo vạm vỡ trong thường phục màu lòng táo. Tóc nhiều dợn sóng. Mắt sáng. Mũi cao. Anh có nhiều sắc thái một thi sĩ lãng mạn hơn là một viên trưởng phòng hình sự. Anh hỏi lại tôi về cuộc đối thoại của người Đức lạ mặt lúc 16 giờ 20 chiều ngày 21.09.99. Tôi hiểu rằng người ta muốn bộc lộ tinh thần nhân bản của nước Đức trong việc xử lý thật chu đáo những biến cố liên quan tới vụ bạo hành người Việt ở Pasewalk. Cũng chẳng muốn mình là kẻ ngoa ngôn nên tôi tường thuật thật chi tiết sự thật các biến cố và sự thật diễn biến các cảm xúc của lý trí tôi. Tôi tin rằng trong đêm thơ ấy đương nhiên sẽ có người của Silvanus hiện diện trong tư thế vi hành. Sau khi nói về tình trạng trôi chảy của đêm văn chương Việt Nam đã xảy ra trong đêm 25.09.99, Silvanus cười và nói:

"Như vậy là đã không xảy ra chuyện gì nghiêm trọng. Cái chuyện này cũng giống như khi tôi đến Việt Nam, tôi đi thăm một gia đình người Việt bạn tôi. Sáng hôm sau, bạn tôi khoe với hàng xóm của nó rằng: hôm qua có thằng Hitler đến chơi với tao. Và người hàng xóm của bạn tôi cũng lo lắng tố giác với công an ở quận rằng hôm qua có thằng Hitler xuất hiện. Như thế có thể nói rằng người ta sẽ hiểu thằng Hitler ở đây cũng có nghĩa là một người Đức. Có thể như vậy không."

Tôi nhận ra chiêu thức xóa bài rất tinh tế trong lối giải thích cho hòa cả làng cái giọng Đức lạ đầy đe dọa kia của Silvanus. Tôi đáp lại:

"Không. Không thể như vậy. Người Việt Nam bình thường nhất trên đất nước chúng tôi cũng biết Hitler là một tên tội phạm chiến tranh, tàn bạo điên cuồng một cách quái gở, là sản phẩm của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Cho nên không bao giờ lại có một lời bông đùa như vậy. Không bao giờ trong tư duy người Việt Nam chúng tôi Hitler là danh từ đồng nghĩa với danh từ một người Đức theo như giả định của anh. Không bao giờ. Hitler không phải là người Đức. Người Đức không phải là Hitler. Người Việt chúng tôi muốn như thế và thường suy tư một cách lãng mạn như thế."

Nghe xong, Silvanus cả cười vui vẻ. Tôi biết anh đang cố cười lấp đi sự lạc quan hớ hênh của mình. Tôi biết rằng sau tôi, Dương, cũng sẽ được mời tới đây làm một nhân chứng để biên bản vụ việc được hoàn tất. Silvanus tỏ ý muốn giữ lại tờ quảng cáo cho hồ sơ lưu. Tôi vui vẻ đồng ý tặng anh và nói:

"Từ nay có việc gì cấp bách tôi sẽ gọi anh ngay lập tức và sẽ chỉ gọi anh mà thôi."

Silvanus tươi cười lịch sự trả lời:

"Đương nhiên là như vậy" - và lấy bút bi gạch dưới số điện thoại mà anh thường túc trực để tôi chú ý.

5

Từ đó, tiếng cười, giọng nói của Silvanus thỉnh thoảng lại văng vẳng trong tôi cùng với giọng đọc thơ của vợ chồng nhà thơ Ulrich Grasnick. Cái giọng Đức lạ kia dần dần mất đi, thỉnh thoảng mới vọng lại trong ký ức thính giác. Mãi hơn một tháng sau, tôi tiết lộ chuyện giọng lạ này với Nguyễn Văn Thọ. Bỗng dưng tôi muốn cảm ơn anh đã có mặt cùng tôi trong đêm ấy với một tinh thần rất ngự lâm pháo thủ. Anh hơi sững sờ nhìn tôi trong một thoáng nghi hoặc. Sau đó, vừa cười cười anh vừa trách ngọt:

"Sao mày không chia xẻ cái tình trạng căng thẳng ấy với tao. Mày sợ nói ra. Tao rét chết. Tao bỏ cuộc. Đời nào. Tao luôn luôn là một thằng lính. Nếu tao có biết sự tình có căng thẳng đến thế thì tao vẫn ở bên cạnh mày."

Tôi trả lời:

"Thực ra, do theo dõi khá sát báo chí Đức nên có lúc trí tưởng tượng kiểu thám tử của tôi đã mường tượng ra khá nhiều khả năng nguy hiểm. Kể từ đêm 21.09.99 cho đến hết tháng 09.99, mỗi khi rời nhà hoặc trở về nhà vào lúc khuya khoắt, trước khi ra khỏi ô tô, tôi đều thận trọng quan sát tứ phía và thường xuyên thay đổi trang phục. Nhưng tôi không thể lùi bước. Đã liều ba bảy cũng liều."

Anh Thọ phàn nàn:

"Cái lối chơi câm nín, âm thầm của mày như thế là hơi tàn nhẫn."

Tôi phân bua:

"Sở dĩ tôi không nói gì hết với ai ngoài Peter Knost và Tâm vì tôi sợ rằng nỗi sợ hãi vu vơ sẽ làm khủng hoảng lòng người. Sẽ làm đêm thơ Trước Chiếc Quan Tài Của Người Việt Nam ở Pasewalk vắng mặt rất nhiều người cần có mặt."

Trong khi viết chưa xong Giọng Lạ, tôi nhận được thông báo chính thức của Luật sư K. và Công chứng viên M. ở Phòng Biện Lý thuộc Tòa án Berlin về vụ việc mà tôi đã trình báo vào ngày 23.09.99. Người ta thông báo cho tôi đại ý: do chưa tìm ra dấu hiệu thủ phạm của Tổ chức bất hợp pháp đó cho nên mặc dù đã thụ lý sự tố giác ông chúng tôi tạm thời ngừng xử lý vụ việc mang ký hiệu 81 Js... Khi nào việc truy cứu hình sự phát hiện ra tội phạm vụ việc sẽ được tiếp tục. Nay chúng tôi báo cho ông Mã số của vụ việc để khi có tình trạng mới phát sinh những tin tức của ông sẽ có thể giúp đỡ cho công việc điều tra... Chào thân ái.

Thì ra, Luật pháp và cán bộ an ninh của CHLB Đức đã cư xử rất có trách nhiệm với những biến cố xung quanh vụ Pasewalk.

Liệu cái giọng lạ của người Đức mà tôi chưa biết mặt kia đã đông thành đá ở đâu đó chưa.

Câu chuyện này dừng lại vào lúc tuyết rơi trắng trời, trắng đất...●

Berlin 10.99-01.20

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

BÙI NGỌC TẤN, CHUYỆN KỂ NĂM 2000

THỤY KHUÊ

Bùi Ngọc Tấn sinh năm 1934 tại Câu Tử, Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Bắt đầu viết văn, viết báo từ 1954. Cùng lớp với Lê Bầu, Mạc Lân (là con của Lê Văn Trương nhưng không bao giờ dám nhắc đến cha), Vũ Thư Hiên, Nguyên Bình, Vũ Bão... Ngay từ truyện ngắn đầu tay gửi dự thi báo Văn Nghệ, Chị Trúc, *đã có "vấn đề" vì nói đến những mất mát của chiến tranh hơi quá liều lượng.*

Bùi Ngọc Tấn rất gần gụi và quý trọng Nguyên Hồng. Bị đi cải tạo năm năm (từ 1968 đến 1972), Bùi Ngọc Tấn im lặng hơn 20 năm (từ 1968 đến 1989). Xuất hiện lại trên tạp chí Cửa Biển, hè 1989, với một bài viết về Nguyên Hồng, sau trở thành tập hồi ức Một Thời Để Mất *(NXB Hội Nhà Văn, 1995) và sau đó là hai tập truyện ngắn:* Những Người Rách Việc *(NXB Hà Nội, 1996) và* Một Ngày Dài Đằng Đẵng.

*

Như đường về mê ngục. Như bước xuống âm ty. *Chuyện Kể Năm 2000* mở cửa Goulag Việt Nam. Một Goulag thâm u, tiền sử, nhuần nhuyễn bản chất Đông phương, không sôi nổi bạo tàn, không máu mê tra tấn như Goulag Tây phương. Ở đây là sự tịch mịch Á châu. Ở đây là hình tức toàn trị phương Đông, là cái Goulag thầm lặng nhưng vô cùng hữu hiệu bởi người tù cải tạo *đã chết khi còn đang sống.* Đó là ý nghĩ sâu xa nhất của tác phẩm *Chuyện Kể Năm 2000.*

Bùi Ngọc Tấn đã dẫn tiểu thuyết Việt Nam bước vào một ngõ ngoặt, một giai đoạn mới: Giai đoạn mà nhà văn (ở trong nước) lại có quyền được in những tác phẩm nói lên *sự thật*, biện hộ cho *tự do,* sau mười năm bặt vắng. In xong, có thể bị tịch thu liền. Nhưng *in* là quan trọng. Là thiết yếu. Bởi đã *in* là *thoát.*

Trong gần mười năm qua, tiểu thuyết Việt Nam đã trải qua thời kỳ xuyên sa mạc. Sau những *Thời Xa Vắng,* những *Bên Kia Bờ Ảo Vọng,* những *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, những *Bến Không Chồng,* v.v... của thời kỳ đổi mới, văn học trong nước chuyển sang thời kỳ hậu đổi mới, còn có thể gọi là thời kỳ tụt hậu mười năm: hầu như không có tác phẩm tiểu thuyết nào giá trị được phép ra đời. Nhiều người nói đến sự tuyệt chủng của tiểu thuyết, nhưng dường như với bình minh 2000, người đọc đang có quyền hy vọng.

Chuyện Kể Năm 2000 của Bùi Ngọc Tấn xuất hiện như sự trở mình của thần long ngủ quên trong lòng biển. Sự trở mình này, trước tiên tùy thuộc ở những cố gắng, những can đảm của nhà xuất bản. Nhà xuất bản Thanh Niên, do Bùi Văn Ngợi trách nhiệm, chỉ trong hai tháng đầu năm 2000, đã in ít nhất ba tác phẩm giá trị. Đó là *Đối Thoại Sử Học* của nhóm Bùi Thiết (bảy sử gia lớp sau) chống lại khuynh hướng bóp méo lịch sử với mục đích chính trị của những người đi trước. Quyển thứ nhì là tiểu thuyết *Chuyện Kể Năm 2000* và quyển thứ ba là tiểu thuyết *Hai Nhà* của Lê Lựu. Điều này chứng tỏ khi nhà xuất bản có lương tâm văn học, những tác phẩm xứng đáng vẫn được chào đời. Những cố gắng này, tất nhiên sẽ được ghi nhận trong văn học sử, bởi những người thực hiện có thể đã phải trả giá rất đắt.

*

Trở về với tác phẩm của Bùi Ngọc Tấn: Đây không phải là một cuốn tiểu thuyết bình thường mà là một tác phẩm có tầm vóc lớn. Vừa ra đời nó đã là một tác phẩm classique, cổ điển, trong cái nghĩa đẹp nhất của hai chữ "cổ điển". Cổ điển như *Dịch Hạch* của Camus, bởi nó đã bao trùm lên được *nỗi đau của con người trong thời kỳ Xã Hội Chủ Nghĩa.*

Từ trước đến nay, độc giả nhất là độc giả ngoài nước- đã được đọc nhiều hồi ký cải tạo của những người cầm bút ở hai miền Nam Bắc. Mỗi tập hồi ký đều nói lên *những khía cạnh* khác nhau của đời tù cải tạo. Qua những hồi ký đó, người đọc đã biết được đại cương đời sống vật chất và tinh thần ở trong tù. Nhưng thể *hồi ký*, luôn luôn gò bó người viết trong một tư thế nhất định, tư thế của cái tôi chủ quan nên khó có thể bước vào thế giới mộng tưởng để đến gần với nghệ thuật. Ở thể hồi ký, người viết cũng lại gần như bắt buộc phải đưa ra những *nhân vật thực, việc thực, người thực* nghèo nàn và giết chết khả năng sáng tạo.

Sự *lựa chọn* thể *tiểu thuyết*, nơi Bùi Ngọc Tấn, là một sự lựa chọn độc sáng. Ở thể văn tiểu thuyết, nhà văn có thể tung hoành, sống với nhiều cái tôi, đứng trên muôn vàn khía cạnh để rọi những lăng kính khác vào cuộc đời Goulag.

"Hắn" tức là Tuấn, Nguyễn Văn Tuấn, nhân vật chính trong tác phẩm, tù số CR880, là tổng hợp của nhiều *"hắn"* khác trong một đời tù. Những bạn tù của hắn, mỗi danh xưng: Già Đô, Vũ Lượng, A Thềnh, Lê Bá Di, Triều Phỉ... cũng lại có thể là tổng hợp của nhiều nhân vật khác nhau trong nghìn đời tù. Những khuôn mặt công an, quản giáo: Ông Trần, ông Lan, ông Thanh Vân... là tiêu biểu những khuôn mặt *"cách mạng có thẩm quyền"* trong cơ chế toàn trị. Do đó, qua câu chuyện của *"Hắn"* người ta đọc thấy, không chỉ có những trầm luân của một Bùi Ngọc Tấn, một Vũ Thư Hiên, những người cùng trang lứa với *Hắn*, mà người ta còn nhìn thấy cả một thế hệ *"được đi thực tế"* trước *"Hắn"*, những Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Lê Đạt... và thế hệ *"được cải tạo"* sau hắn như Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng... Đó là những tai ương của người cầm bút, sau Cách Mạng Tháng Tám.

Bi kịch của *"Hắn"* chỉ kéo dài có năm năm.

Bi kịch của những người *không-phải-hắn* kéo dài có khi gấp hai, gấp ba nữa. Vậy mà chỉ cần đọc *"Hắn"* người ta đã rụng rời, người ta đã được nếm mùi địa ngục. Bùi Ngọc Tấn viết:

"Bọn hắn là một lũ tội phạm. Mỗi người một kiểu khác nhau, nhưng cùng phạm những tội ác với nhân dân, với cách mạng, với Đảng. Bọn hắn là địch. Còn nguy hiểm hơn địch. Pháp, Mỹ, mũi lõ mắt xanh, cầm súng bắn vào nhân dân, ai cũng nhận ra. Nhưng bọn hắn khó nhận diện hơn, nên càng nguy hiểm. Tội lỗi ấy không đáng được đối xử như những con người. Không đáng thở bầu không khí chung với nhân dân. Không đáng được gọi là người Việt Nam, một dân tộc anh hùng. Dân tộc xấu hổ vì bọn hắn. Tuy nhiên Đảng vẫn tin tưởng ở cái phần người còn lại trong mỗi kẻ bọn hắn. Đảng nhen nhúm chút phần còn sót lại ấy. Và bọn hắn được đối xử đúng như vậy. Con trâu cày, con lợn giống còn được các ông quản giáo vỗ về, vuốt ve, tình cảm. Bọn hắn, không ai dám mơ tưởng đến hạnh phúc lớn lao ấy. Một lời động viên thông cảm cũng không dám màng. Không được như những cây rau. Luống rau cải bắp, luống rau muống có sâu, hắn phải đem bình vô-pha-tốc ra xịt ngay. (Bọn hắn ốm thử đi xin viên thuốc chổ ông Chắn, công an y tá xem) Gặp ai cũng phải gọi là ông, là bà. Gặp bà công an kế toán bế con trai lên bốn đi chơi, là phải kính cẩn:

- Bà với ông đi chơi ạ!"

(Quyển I, trang 88-89)

"Bọn hắn" là những ai? Là những kẻ mang tội danh *"tuyên truyền phản cách mạng,"* những kẻ được liệt vào thành phần *phản động*, những kẻ bị quy kết là *bôi đen chế độ*. Tóm lại là những *tù chính trị*, công giáo có, nhà văn có, nhà báo có, cộng sản có, "ngụy" có, Viêt kiều có, nông dân có... tất cả được giam chung với tù hình sự, đào ngũ, trộm cắp, giết người... Chỉ khác là tù hình sự thì có án rõ ràng, năm năm, bảy năm, mười năm... Còn *tù chính trị, tù tư tưởng* là tù không án tức là *không biết được ngày về, không biết được tội trạng của mình,* được gọi bằng những chữ đẹp đẽ nhẹ nhàng: đi *"tập trung học tập cải tạo"* chứ không phải đi tù.

Hành trình *"cải tạo"* đã có bao nhiêu ngàn người trải qua? Không ai biết được. Khi *Hắn* được tha, đi trên đường phố Hà Nội, *Hắn* đã nhận thấy những *khuôn mặt quen quen*, tất nhiên đây chỉ là ảo tưởng của *Hắn*. Nhưng một ảo tưởng gắn liền với sự thật: Những khuôn mặt tù hàng ngày diễn qua quãng đời năm năm của *Hắn*, cứ 1000 khuôn mặt ấy (trại của *Hắn* giam độ 1000 người) *nhân lên* với gần 2000 ngày tù là đủ có một thế giới hai triệu khuôn mặt tù. Ấy là chưa kể những khuôn mặt nằm ngoài phạm vi "nhìn thấy" của *Hắn*, ở những trại khác, ở những thời điểm khác.

Người ta không thể biết được bao nhiêu con người đã sống đời Goulag Việt Nam, nhưng qua câu *chuyện kể năm 2000* của *Hắn*,

của tù nhân mang số CR880, thì tất cả những hạng sous-homme *"dưới người"* như *Hắn*, không phải là ít. Và hầu như tất cả tầng lớp *nô lệ hiện đại* này đều phải trải qua một giai đoạn mấu chốt: Đó là sự tàn phá con người sau Goulag- và *Hắn* buồn rầu nhận thấy: *"Mình đã bị tiêu diệt. Tiêu diệt hoàn toàn."*

Cái khác nhau giữa *"nô lệ tiền sử"*, *"nô lệ phong kiến"* và *"nô lệ hiện đại"* là ở hai thời kỳ đầu, sự chiếm hữu nô lệ xẩy ra giữa những bộ tộc khác nhau, ở những giai cấp khác nhau, mà thường là bộ tộc mạnh đàn áp yếu, giai cấp giàu bóc lột nghèo. Ở hình thức "nô lệ hiện đại," những người bị giáng xuống hạng *dưới người,* thường là những văn nghệ sĩ, những nhà trí thức, những nhà tư tưởng... thành phần élite của xã hội. Và đó là bi kịch thời hiện đại, của những xã hội chủ trương tiêu diệt những thành phần thực sự *ưu tú* của đất nước bằng tính *ưu việt* của Goulag.

Không thể giới thiệu 900 trang sách của Bùi Ngọc Tấn trong vài trang giấy. Bởi đó là đúc kết của một đời người, của nhiều đời người trong một. Đây không chỉ là chuyện tù ngục, lưu đầy. Đây là những mảnh đời bị xé nát, trù ếm, dẫm đạp của người tù và của cả những người không-bị-tù, tức là những người có tương quan bạn hữu, máu mủ, thân thiết nhất với người tù.

Đây là cuốn sách viết về tình yêu, lòng nhân ái, viết về sự thủy chung, về sự phản bội, về nhân phẩm, về tự do, về nhân bản. Một cuốn sách trùm phủ lên những đề tài muôn thuở về con người. Nhưng có lẽ điểm độc đáo nhất là người viết, ở đây, đã trực tiếp nhận trách nhiệm của mình trong sự tác thành cái guồng máy chuyên chính toàn trị đã nghiền nát mình. Và có lẽ đó là chỗ lớn lao nhất của tác phẩm: Vấn đề trách nhiệm.

Nếu tất cả mọi người trong xã hội toàn trị, đều nhìn nhận trách nhiệm của mình, không dựa vào Bác, không dựa vào Đảng, vì "Bác-Đảng" thực ra chỉ là cái cớ, những hư danh hay những thực thể không thể sờ mó được. Bởi vì *Bác, một người đã khuất cách đây hơn 30 năm*, và *Đảng, một tổ chức do các đảng viên dựng lên*, không thể trách nhiệm thay cho những người đã và đang tích cực góp phần xây dựng vào sự vững vàng của guồng máy chuyên chính còn được gọi là Đảng: *Bao giờ trách nhiệm cũng về phía con người*. Những người đang sống. Trong những hàng cuối của cuốn tiểu thuyết, Bùi Ngọc Tấn đã viết rất sâu sắc về cái quyền uy vô hình, đè nặng lên mỗi cá nhân:

"Ai cũng có một người vô hình để mà trình bày, để mà sợ sệt và thầm cãi lại. Người vô hình luôn bên cạnh mỗi người như hình với bóng, cả trong giấc ngủ. Nhưng thật ít người dám vùng lên chống lại, vì cái giá trị phải trả thường là cuộc đời, là sinh mạng."

Cái người vô hình mà Bùi Ngọc Tấn nói đến ở đây, phải chăng chính là con khủng long toàn trị mà mỗi cá nhân, trong đó có nhân vật *Hắn*, đã góp phần tạo ra, dinh dưỡng để nó nghiền nát chính mình?●

RFI 18/3/2000

THẾ DŨNG

LỜI TỪ BIỆT VỚI BẢN THẢO

Thôi giã từ! Đành vậy! - Những dòng thơ...
Bao đêm thức cùng tôi - Em từng biết?
Nhưng đâu chỉ riêng tôi, còn cả trời cả biển!
Cả đứa trẻ lên ba sẽ đọc những lời này!

Những độc giả vô tình... đọc sẽ quên ngay!
Những bạn bè thật lòng đọc rồi họ trách
Tôi xấu hổ. Mà em thì vô ích...
Em đi đi! Dù tôi khóc... vẫn còn hơn!

Từ biệt chính mình! - Đành vậy! - Dẫu tiếc thương...
Trong sáng nữa và kim cương hơn nữa!
Tôi hạnh phúc sau mỗi lần sửa chữa
Được thấy Em mới mẻ, chân thành.

Em sống động - sâu xa sau chia lìa nghiệt ngã
Tôi tốt hơn khi biết giã biệt mình!

Hà Nội 1983 - Berlin 1990

THĂM NUÔI

truyện của
BÙI NGỌC TẤN

LTS. *Truyện dưới đây được trích từ cuốn* Chuyện Kể Năm 2000 *của Bùi Ngọc Tấn mà trong bài giới thiệu từ những trang trước Thụy Khuê có viết: "In xong, có thể bị tịch thu liền." Sự việc đã xảy ra đúng như vậy với Chuyện Kể Năm 2000. Mời quý vị đọc bản tin sau đây, nhận từ Việt Nam:*

Đình chỉ phát hành và thu hồi cuốn "Chuyện kể năm 2000"

Ngày 16/3/2000, Bộ Văn Hóa-Thông Tin đã ra quyết định số 395/QĐ-BVHTT đình chỉ phát hành và thu hồi, tiêu hủy cuốn "Chuyện kể năm 2000" của tác giả Bùi Ngọc Tấn do Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản vì đã vi phạm điều khoản 1 và 2 Điều 33 Luật xuất bản, Điểm 1 Điều 3 quy chế lưu chiếu xuất bản phẩm của Bộ Văn Hóa -Thông Tin (số 01/1998 QĐ-BVHTT ngày 30/7/1998), Điều 8 Quy chế liên doanh về in và phát hành xuất bản phẩm của Bộ Văn Hóa-Thông Tin (số 75/1999 QĐ-BVHTT ngày 8/11/1999). Cũng theo quyết định này, Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ CHí Minh, cơ quan chủ quản Nhà xuất bản Thanh Niên có hình thức kỷ luật nghiêm khắc Ban giám đốc Nhà xuất bản Thanh Niên và những người có liên quan trong việc xuất bản và phát hành cuốn "Truyện kể năm 2000".

Cách đây khoảng nửa năm, nghĩa là cuối năm 1972, một buổi sáng hắn cùng tất cả anh em tù xếp hàng đi làm thì ông quản giáo gọi tên hắn. Tên hắn và tên một số người khác.

Ngơ ngác, không biết có việc gì, hắn đứng tách riêng ra. Những người tù khác cũng đứng tách ra. Khoảng sáu bảy người. Ai cũng cầm một cái túi hoặc một mảnh ni-lông.

Khi sân trại đã vắng ngắt, hắn cùng những người tù còn lại đến sát phòng trực, ngay cổng trại.

Những người tù kia đi ra khỏi cổng. Hắn nhìn Chắt ngơ ngác. Chắt bảo:

"Vợ lên. Vợ lên hôm qua, không biết à?"

Hắn đến đứng trước mặt ông trực trại, lễ phép:

"Báo cáo ông cho tôi về buồng lấy cái túi."

Ông trực trại - vẫn ông hôm nay đến khám nội vụ hắn, tên ông là Thanh Vân, đeo lon hạ sĩ, có nước da ngăm ngăm - nhìn hắn:

"Nhanh lên!"

Hắn băng qua cái sân rộng về phòng, nhún mình đu lên sàn trên, cầm mảnh ni-lông và lao ra. Những người tù được gặp người nhà đã ra

hết. Hắn thở hổn hển, cố nén niềm vui, giữ cho mình vẻ mặt kính cẩn và đau khổ:

"Báo cáo ông, cho tôi ra."

Hắn nhận được câu trả lời làm hắn choáng váng:

"Quay về buồng."

"Thưa ông..."

"Về! Anh không được gặp nữa. Đến vợ con anh, anh cũng còn không thiết, còn nói gì nữa."

Hắn chết lặng và biết tội của hắn: Sự chậm trễ.

"Thưa ông, tôi đã xin phép ông cho tôi về lấy mảnh ni-lông."

"Sao anh không mang ra ngay từ đầu?"

"Báo cáo ông, tôi không biết người nhà tôi lên."

"Sao những phạm khác lại biết?"

Cái ấy thì hắn chịu. Hắn ngớ ra. Đúng là những người khác biết được gia đình lên. Còn hắn không biết. Nhưng hắn có phải là tù chuyên nghiệp đâu mà có lắm bạn bè ở mọi toán, mọi chỗ, thông tin cho hắn.

Dù đã năm năm tù, hắn vẫn cứ là hắn, rụt rè, cẩn trọng, không muốn mở rộng quan hệ với anh em tù. Hắn chỉ có thể cởi mở trong giới của hắn, những người viết văn, những người làm báo.

"Báo cáo ông, không ai bảo cho tôi cả."

Ông quản giáo tỏ vẻ thương hại hắn:

"Thôi, về buồng! Anh được nghỉ làm ngày hôm nay."

Với ông, được nghỉ làm là một đặc ân rồi.

Hắn hiểu. Những ngày sống trong tù hắn hiểu ràng không thể và không nên nài nỉ điều gì khi người ta đã quyết định. Cái đó chỉ có hại cho mình. Vì người ta muốn tỏ cho anh biết người ta có quyền lực, có quyền quyết định về anh, dù quyết định ấy thế nào chăng nữa. Rằng anh là một con số không, hơn nữa, một con số âm. Anh không có một chút quyền cơ bản nào, hoàn toàn nằm trong bàn tay sắt của chính quyền và phải tuyệt đối chấp hành nó.

Hắn mang miếng ni-lông gấp gọn trở về buồng giam. Cửa buồng vẫn mở. Anh em đi làm hết. Nội vụ xếp ngay ngắn, vuông thành sắc cạnh, đặt sát vách san sát tầng trên tầng dưới, bên này bên kia, ô cao ô thấp, ô dày ô mỏng, ô cộm lên hòm xiểng, ô chỉ một mảnh chăn sợi mỏng tang. Mỗi ô nội vụ là một cuộc đời.

Hắn ngồi, rót một ca nước từ bi-đông của già Đô. Uống. Hắn nghĩ đến vợ hắn đang ở ngoài kia. Vợ hắn ở sát biển, xa lắm, lên tận chốn rừng sâu này với hắn.

Bây giờ vợ hắn gần lắm, ngay ngoài kia thôi mà hắn không được gặp. Hắn không ngờ vợ hắn lại đi tiếp tế cho hắn trong hoàn cảnh gay go như thế này. Máy bay Mỹ bắn phá khắp nơi. Máy bay Mỹ cháy ngay trên trời, hắn nhìn rõ. Phi công Mỹ nhảy dù rơi xuống trại trong, các ông cán bộ đuổi bắt được đưa về tỉnh. Ôi! Vợ hắn! Hắn đã viết thư cho vợ nói bóng nói gió rằng: Ngày về của hắn không biết đến bao giờ. Hắn khuyên vợ hắn nên suy nghĩ kỹ, kẻo không lỡ dở. Điều đó chỉ làm cho hắn thêm yên tâm sống trong tù. Hắn càng đau khổ gấp đôi khi vợ hắn vì hắn mà huỷ hoại cuộc đời.

Thế nhưng vợ hắn không bỏ hắn. Lại còn lên thăm hắn. Hắn thương và yêu vợ thêm nhiều lần. Giờ đây càng thương. Càng đau. Người ta sẽ trả lời vợ hắn là hắn cải tạo không tốt, nên lãnh đạo trại không cho gặp. Tất cả những người không được gặp mặt đều chung một lý do như vậy.

Vợ hắn, một cô gái nhỏ xíu, một cô nữ sinh Hà Nội, cơn gió thổi cũng bay, bước vào giữa trận bão cuộc đời này mà không được chuẩn bị gì hết. Thoắt một cái, từ bình minh của cuộc đời, của tình yêu hạnh phúc, của niềm tin, nàng đã ở ngay tâm bão.

Chiều hôm qua cơn bão đã cuốn nàng từ biển đến đây. Một thung lũng giữa rừng già Việt Bắc. Từ P. tàu xe lên Hà Nội, ăn đợi, nằm chờ, ngủ vạ vật ở ga Hàng Cỏ... Rồi đi tàu, rồi đạp xe ba chục cây số đường rừng đến đây với niềm tin sẽ được gặp chồng.

Hắn nghĩ đến cảnh vợ hắn trở về, mang theo cả đồ tiếp tế. Lại ngần ấy đường dất. Bom đạn, cầu đò. Tàu hỏa phải tăng bo. B52 bắn phá... Hắn hình dung ra được vì hắn cũng trải qua cảnh ấy trong chiến tranh.

Hắn ngồi uống nước một mình, muốn khóc mà không khóc được. Hắn thương vợ đến đứt lòng. Hắn hình dung rất rõ vợ hắn, người nhỏ nhắn, dáng đi hơi ngả ngả về phía trước. Không biết nàng có phi-dê tóc nữa không. Lâu quá rồi hắn không được gặp vợ. Kể từ khi chuyển lên trại này gần một năm rồi, vợ hắn lên thăm hắn lần này là một. Xa xôi quá. Đi thuận tàu xe cũng phải mất ba ngày. Lại đang bắn phá. Nguy hiểm lắm. Lại còn một điều nữa. Hắn đã tù lâu. Ừ thì so với Nguỵ Như Cần hơn 20 năm, Nguyễn Văn Phố 18 năm với rất đông anh em Cầu Giát, Ba Làng từ năm

1956 tới nay, thì hắn còn là mới. Nhưng năm năm cũng lâu. Ừ, năm năm đã gọi là lâu được chưa?

Giá hắn tù đến chín năm thì có thể nói là lâu được.

Ba lệnh như bọn Hỉn Sán, Xìn Cắm mới được nói về mình là người tù lâu. Năm năm tù không lâu, nhưng cũng đủ làm kiệt sức vợ hắn, cạn dần những cố gắng của vợ hắn.

Hắn bình tĩnh đón nhận sự cạn kiệt ấy, như mọi người tù lâu khác, như mọi người tập trung cải tạo khác. Không thể bắt vợ phải khổ mãi về mình. Phải để cho vợ con bình thường hoá cuộc sống. Đó là sự chia sẻ trở lại của người tù với gia đình bên ngoài.

Lâu không gặp vợ, hắn yên tâm tù, bởi lẽ hắn nghĩ vợ hắn không vất vả vì hắn. Không có hắn, nàng đã khổ cực lắm rồi. Hắn quyết hoàn toàn đơn độc thích nghi với đời sống trong trại. Không mơ ước ngày về. Chịu được đói. Đói: dạ dày vơi và đói *chất*. Và *tạt* tốt. Tạt nhanh như sóc. Ăn được mọi thứ. Nhái, lá sắn, củ ráy đã ăn được. Tốt. Phấn đấu ăn những thứ khác mình vẫn còn sợ chưa dám ăn. Đừng hướng về những *quả tấc* (1) của vợ mà hướng về trại. Như rất nhiều người tù lâu đã làm vậy.

Hắn đã xác định được thì vợ hắn lên.

Hắn hình dung vợ hắn như những lần hắn gặp trước ở trại QN. Đôi mắt nhìn hắn thương xót và đau đớn như chính nàng đang bị hành hạ. Khuôn mặt ấy đã chết hẳn nụ cười. Khuôn mặt của những người chịu đựng tai họa, gắng hết sức mình chịu đựng, đứng vững. Khuôn mặt của những người không nghĩ gì đến bản thân, sẵn sàng làm tất cả cho người mình yêu thương.

Nhìn khuôn mặt nàng, hắn hiểu hết những gì nàng đang gánh chịu ngoài đời. Hắn uống một ngụm nước lạnh nữa, vì hắn cảm thấy lồng ngực nóng bỏng. Và hắn nằm. Dù sao hôm nay cũng được nghỉ buổi làm. Hắn tự động viên.

Một lúc sau có tiếng chân người đi đến. Hắn vẫn nằm, bắp tay che mặt. Ai thì ai, hắn không cần. Hắn đang muốn chết.

Tiếng Chất:

"Buồng này còn ai không nhỉ?"

Chất đến khoá cửa buồng. Hắn nhỏm dậy:

"Tôi! Có tôi ở nhà!"

Chất hai tay nắm hai cánh cửa đang định đóng lại, bước vào:

"Sao, ông ấy không cho gặp à?"

Chất đứng dưới đất, ngước mặt lên, nói chuyện với hắn, giọng thông cảm. Hắn vẫn ngồi trên sàn trên. Hắn lắc đầu:

"Vào lấy miếng ni-lông ra thì anh em đã đi hết rồi ông ấy không cho ra nữa."

"Vợ lên từ chiều hôm qua cơ mà. Lên với một người nữa."

Lại một thông tin mới. Ai? Ai lên thăm hắn nhỉ?

"Già hay trẻ?"

"Khoảng ba mươi. Đàn ông."

Giọng Chất vô tình, thản nhiên. Chất với hai má hóp, giọng nói khàn khàn, vung vung chùm chìa khoá khổng lồ:

"Thế không có đứa nào bảo cho biết à?"

"Không. Anh có trông thấy nhà tôi không?"

"Có. Hôm qua bà ấy đến từ sớm. Hôm qua lên đông. Người nhà Phố, toán 12, mãi tối mịt mới đến. Gần hai mươi người cơ mà."

Chất đi ra cửa:

"Anh ở nhà, khỏi phải khoá nhé?"

"Anh bảo nhà bếp bớt lại suất cơm tôi."

Chất bước ra. Một lúc sau thấy anh em tù nhà bếp gánh nước sôi lên đổ vào các phuy ùm ùm. Nước sôi hay nước nóng? Nước nóng thì chắc chắn hơn.

Hắn mang các thứ dụng cụ đựng nước của hắn và già Đô ra vợi vào ca, cặp lồng, bi-đông, ống bương, bát men... Hắn đặt tất cả lên sàn trên. Rồi hắn đu lên, xếp gọn vào đầu giường. Hắn rửa mặt bằng cả một cặp lồng nước. Một cặp lồng khác vò lại khăn mặt.

Nghỉ ở nhà chỉ thích nhất khoản nước. Không phải tranh nhau, chậm chân là hết, hoặc có nghiệng thùng đi mà vét cũng chỉ được vài ca.

Khoảng mười giờ, hắn mang bát xuống nhà bếp. Anh em *mang cơm* (2) các toán đã tề tựu.

Trong sân bếp gần trăm con vịt non, có con đã cắt tiết nhưng vẫn vẫy cánh lết ra một nơi, quét theo một vệt máu, những con đã nhúng nước sôi vứt riêng một góc. Một cái thùng to đầy vịt đã cắt tiết ở nách, ở gáy, ở chân, chớp chớp mắt long lanh. Nước trong thùng đỏ như máu. Một anh ấn hai tay vào quẫy lộn lũ vịt ấy. Đó là anh ta vò nước lã trước khi nhúng nước sôi.

Những con còn khoẻ vẫy cánh bắn tung toé nước máu lên mặt, lên tóc, lên người anh ta. Ở trong lồng những con vịt nhép kêu *hếp hếp, hếp hếp*. Vịt bé quá, còn đang mọc lông. Chắc người ta bị nhỡ lứa, bị cấm đồng.

Thì ra món thịt vịt ông chánh giám thị hứa hẹn là vậy.

Một anh nhà bếp rên lên:

"Thui thôi, không nhổ được đâu."

Người ta thui. Lông cháy, da ám khói. Đen xì. khét lẹt.

"Này ngồi xuống, hộ cánh này một tay."

Một anh nói với hắn. Chất thông cảm:

"Đang buồn, vợ lên không được gặp."

Hắn nhận suất cơm. Cơm nhận riêng thế này thường được nhiều. Đầy bát hai mươi (3). Mùi cơm trộn mì thơm ngào ngạt. Nhưng hắn không thấy đói. Hắn vẫn còn thương vợ hắn. Hắn vẫn còn đau, còn tê dại.

Ôi sao người ta lại có thể độc ác đến như vậy. Hắn không hiểu nổi. Hắn vẫn không quên ông Thanh Vân.

Chiều chiều, khi anh em tù đã bị khoá trong các buồng, ông thường đi bách bộ ngoài sân. Hai tay khoanh, ấp một quyển sách vào ngực, ông đi tư lự, nhiều khi mỉm cười một mình như một nhà thơ hay nhà triết học.

Nằm sấp trong buồng giam, nhìn qua cửa sổ ra sân, hắn thấy ông Thanh Vân thật buồn cười: ông ta cố làm cho mình thành một nhà tư tưởng. Một lần ông chậm rãi, đếm bước ngay sát cửa sổ, hắn ngã người: Qnyển sách áp vào ngực ông Thanh Vân là quyển *Hoá học* lớp 10. Ông ta lại đang làm ra mình là một nhà trí thức. Ông có thể là một người hiền lành, chất phác, cày ruộng giỏi, thương người, nhưng ông cố tỏ ra từng trải, có quyền lực. Chưa đủ, ông còn muốn mọi người biết là mình có tri thức, phải phục tùng mình tuyệt đối.

Hắn đã phục tùng ông Thanh Vân. Nhưng phục ông thì không. Không bao giờ. Hắn thương hại sự nghèo nàn của ông. Căm giận sự độc ác của ông. Sau này khi được tự do, hắn nghĩ về ông có độ lượng hơn: ông ta cũng chỉ là nạn nhân, là sản phẩm của một hoàn cảnh, một chính sách, đang hoàn thiện mình để sống trong những điều kiện mới.

Buổi chiều, giữa lúc hắn đang nghĩ đến vợ hắn, đến đoạn đường vợ hắn đã đi được để về nhà, thì Chất vào gọi:

"Ra, cán bộ gặp."

Lóe lên hy vọng. Hắn vội giắt vào bụng mảnh vải nhựa.

Không phải ông Thanh Vân ngồi trong phòng trực. Một ông quản giáo già, người miền Trung, da mặt thiết bì, cao lớn. Chưa một người tù nào một lần thấy ông cười. Tên ông là Quân.

HOÀNG XUÂN SƠN

BÀI RAO HẠNH PHÚC

Ba đồng một cân hạnh phúc không nhân
một chục đàn ông vô tuồng vô tích
bày vẽ chi mứt hồng rượu đỏ
tết nhứt thập thò trong nhà ngoài ngõ
pháo đốt tưởng tượng râm ran đì đùng
ừ thì năm vẫn tới cỗ xe ì ạch
biết hôm nay rồi sẽ làm thơ
dù đã hứa đừng rầu ngọn bút
xuân đã mớm vào lòng thiên kỷ
về tới quê chưa này gã cuồng say
đã có lúc tưởng đời gay cấn
mấy chục năm trường tửu mang mang
đoạn đời lướt qua trăm ngàn thương tật
bổng chốc hồi âm rền chuông mõ xa xôi
đứng lại bên triền dốc kinh sám hối
Chúa Phật ở đâu mà hồn nát tơi bời
chợt nhang khói giữa chiều ngơ ngác gọi
lâm râm khấn nhìn quá nửa đời hư
đi tìm những cái mới trong đời
chỉ nghe xao xác canh gà tiếng dế gáy mòn đêm cũ
đâu rồi những cánh hoa xinh đồng nội
khoảng trời im biêng biếc tuổi thơ
sớm thanh minh đau những nấm mồ
đêm khuya trăng chó tru thảm thiết
nhức nhối tiền thân lạc kiếp u trầm
ngước mắt lên ngàn ngàn chấm sao
sông ngân nào buông phận đời trôi nổi
những con đường thính vọng mai sau
trả lại huyền không kệ vàng da diết
giả dụ nỗi buồn âm như chấu cắn
thôi đã tấc lòng muối xát kim châm
ơi hỡi có xuân còn có xuân
mở khép mắt ngày vô lượng tới.

"Báo cáo ông, tôi là Tuấn, có mặt."

Ông Quân nói nhạt nhẽo:

"Anh ra gặp gia đình."

Hạnh phúc bất ngờ quá. Hắn nói với ông Quân giọng lễ phép: "Cám ơn ông. Báo cáo ông, tôi đi."

Ông Quân quay đi nhìn chỗ khác. Với ông, hắn không còn đứng đấy nữa.

Hắn đi ra, rảo bước về khu gặp mặt. Một căn nhà lưng chừng đồi, cách cổng trại hai trăm mét, lẩn trong các lùm cây, người đứng lố nhố. Hắn vừa đi vừa nhìn xem có thấy vợ hắn đang đứng đó không? Buổi chiều, nhưng còn đông, vì có những người đã được gặp mặt rồi, nhưng vẫn phải ngủ lại sáng hôm sau mới về.

Kia rồi! Vợ hắn! Đúng vợ hắn. Không phải trong suy nghĩ, trong tưởng tượng nữa mà vợ hắn bằng xương bằng thịt. Cái dáng của vợ hắn dù có lẫn trong hàng nghìn vạn con người hắn vẫn nhận ra được ngay. Hắn vấp một cái điếng người.

Tim hắn đập rộn lên. Một người đứng cạnh vợ hắn, nam giới, cao, giơ tay vẫy hắn. Bình. Người bạn thân nhất của hắn.

Hắn đi chậm lại. Hắn muốn kéo dài phút giây hạnh phúc của thời gian chờ đợi này, thời gian vượt qua quãng đường ngắn ngủi này. Anh em tù đang làm dưới ruộng khoai. Những bộ quần áo xám bạc phếch. Họ đang đứng nhìn về phía hắn, thèm khát được như hắn.

Lúc hắn bước tới chân đồi. Có tiếng gọi vợ hắn và Bình vào trong nhà.

Hắn bước lên bậc cấp. Người đầu tiên hắn nhìn thấy là ông Thanh Vân. Vợ hắn và Bình ngồi ở phía cuối chiếc bàn hình chữ nhật to dài. Ông Thanh Vân ngồi đầu này.

"Báo cáo ông, tôi có mặt."

Ông Thanh Vân chỉ tay vào một cái ghế ở giữa:

"Anh ngồi xuống. Trại giải quyết cho anh được gặp chị ấy, nhưng anh không được nhận đồ tiếp tế."

Lại thế nữa. Nhưng thôi. Không đề nghị, không van xin. Đồ tiếp tế là những thứ cứu sống mình nhưng cũng không là gì cả. Điều quan trọng là được gặp vợ, hai vợ chồng *đối thoại*. Được nhìn nhau. Được nhìn Bình, người bạn không bao giờ bỏ hắn.

Những câu đối thoại không biết bắt đầu từ đâu, luôn bị ám ảnh bởi sợ hết giờ. Những câu đối thoại có sự hiện diện của ông quản giáo, chỉ là những điều dối trá. Thì thôi, hãy nói cho nhau nghe những điều dối trá. Chúng ta đã học cách nghe những lời dối trá để qua đấy biết được sự thật. Ông Thanh Vân đã lại lúi húi vào quyển sách giáo khoa. Lần này là quyển *Vật lý* lớp 10. ông là một người vừa thâm canh, vừa quảng canh trí tuệ.

Vợ hắn lên tiếng trước:

"Anh có khoẻ không?"

Hắn nhìn vợ. Nhìn thẳng vào mắt vợ. Vợ hắn cũng nhìn vào mắt hắn. Hai người nhìn nhau. Họ đọc trong mắt nhau tình yêu thương, nỗi khổ cực, sự đau đớn, niềm tin, sự phẫn uất. nỗi tuyệt vọng, lòng xót thương không bờ bến, sự khao khát bên nhau và nỗi hận không làm được cả vũ trụ nổ tung lên.

Im lặng khá lâu. Ông Thanh Vân ngẩng lên. Không nhìn lại, hắn vẫn cảm thấy cái ngẩng lên ấy.

Có lẽ ông ngẩng lên vì không thấy hắn trả lời.

"Em có khoẻ không?"

"Em khoẻ, thầy mẹ khoẻ, các con khoẻ."

Ai cũng khoẻ cả, điều ấy hắn không tin.

"Sắp rét rồi, nhớ quàng khăn cho các con, kẻo chúng nó viêm họng."

"Bé Dương hay ốm lắm. Ba ngày khoẻ, bảy ngày ốm."

Dương là đứa con út. Vợ hắn đẻ khi hắn đã bị bắt, hắn chưa biết mặt.

"Em có vất vả lắm không?"

"Vất vả. Em phải làm thêm. Tối các con ngủ, rửa bát, giặt giũ xong, em lại lấy bàn là ra là quần áo cho mậu dịch. Anh Thân xin cho. Mỗi tháng cũng thêm được 15 đồng."

Hắn chẳng biết khuyên vợ thế nào, động viên vợ thế nào. Hắn cam chịu bất lực. Sự bất lực của một người từng làm chủ gia đình, đứng mũi chịu sào, cáng đáng mọi việc, kiếm đủ tiền nuôi vợ, nuôi con. Công việc trong nhà hắn cũng chẳng nề hà, kể cả nấu cơm rửa bát để vợ được nghỉ trong khi nuôi con mọn.

Hắn thở dài.

Hắn không muốn thở dài trước những ông quản giáo, vì hắn cho rằng tiếng thở dài của người tù sẽ đem lại niềm vui cho họ. Hắn không muốn tỏ ra mềm yếu trước mặt người khác. Nhưng lúc này tiếng thở dài là cái van xả xúp-páp an toàn. Nếu không người hắn sẽ nổ tung lên mất. Cả người hắn như một quả núi lửa, nghẹn ngào.

Họ nói chuyện về bố mẹ. Về sự học hành của các con. Ôi, bố mẹ hắn giờ dây gánh vác tất cả gánh nặng con cái của hắn. Hắn thật là một thằng bất hiếu, một thằng khốn nạn. Và

lũ trẻ, bao giờ gặp lại. Những đứa con gần như không bố...

"Anh đã viết đơn đi các nơi..."

Bình bây giờ mới lên tiếng:

"Ngọc vẫn viết, nhưng không ai trả lời."

Hắn lặng im một lúc:

"Anh vẫn đi làm bình thường. Lên trại này có dễ chịu hơn. Thôi, em không phải lên thăm anh nữa. Còn bao việc em phải lo."

Ngọc giàn giụa nước mắt, những dòng nước mắt lặng lẽ. Hắn nhìn vợ không bằng lòng. Cái nhìn ấy muốn nói: Đừng khóc em. Có ai thương chúng mình đâu. Những giọt nước mắt của em anh không trả được.

Ông Thanh Vân rời quyển sách *Vật lý* lớp 10, đứng lên:

"Thôi. Hết giờ gặp. Anh Tuấn chuẩn bị về trại."

Bình cúi xuống xách cái bọc to vẫn để dưới ghế, đặt lên bàn:

"Báo cáo đồng chí..."

Đã lâu lắm mới nghe thấy tiếng "đồng chí" hắn giật mình, sợ hãi về tiếng đồng chí lạc lõng, phạm thượng ấy. Nhưng hắn trấn tĩnh ngay. Bình không bị đi tù, Bình chỉ là người nhà của người tù. Bình vẫn là phóng viên báo Đảng và vẫn có quyền gọi ông Thanh Vân là đồng chí. Nhưng hắn vẫn sợ ông Thanh Vân xúc phạm Bình, hoặc sau này sẽ có hành động trù dập hắn...

"Báo cáo đồng chí, xin đồng chí cho anh Tuấn được nhận chút quà gia đình đem lên."

"Không được. Chúng tôi chiếu cố lắm mới cho anh Tuấn được gặp mặt hôm nay."

Vợ hắn nài nỉ. Bình nài nỉ. Hắn chưa bao giờ thấy vợ và người bạn thân thiết của hắn nài nỉ ai như vậy.

Cả hai vốn là những người tự trọng, rất tự trọng. Ông Thanh Vân cười tươi động viên:

"Thôi, chị với anh cứ mang về. Lần sau lên chúng tôi cho nhận."

Giả dối đến thế là cùng. Hắn cắn chặt răng, người run lên vì buộc phải im lặng. Hắn ghê tởm nhất thói đạo đức giả.

Bình đứng dậy. Hắn sợ Bình không giữ được bình tĩnh. Hắn nhìn Bình van vỉ. Bình hiểu cái nhìn ấy.

"Thưa đồng chí, đang lúc chiến tranh, chúng tôi vượt bao đường đất mới lên được đến đây. Cả nhà cố gắng chắt bóp dành cho anh Tuấn ít quà để anh ấy có thêm sức khoẻ cải tạo. Kẹo, bánh, vừng, ruốc, thì để làm sao được đến chuyến thăm sau. Với lại chưa biết đến bao giờ chúng tôi mới lại lên thăm anh ấy được."

Hắn nhăn mặt. Nhăn mặt vì chữ *cải tạo* Bình nói.

Hắn không làm gì để phải cải tạo. Hắn không có tội gì hết. Chưa một người công an nào nói hắn mắc tội gì. Lệnh bắt hắn: *tuyên truyền phản cách mạng.* Hắn đã bác bỏ trong hỏi cung và không ai buộc tội hắn.

Người ta ấn cho hắn cái lệnh tập trung cải tạo với tội: *Phần tử nguy hiểm cho cách mạng.* Thật là biến hóa ảo thuật khôn lường.

Bình ơi! Mày không hiểu gì hết. Nếu có tội thật thì vào đây cũng không cải tạo được gì đâu. Trước đây tao cũng nghĩ như mày, nhưng bây giờ tao tin chắc như vậy. Đây chỉ là một địa ngục rợn người, với mục đích rõ ràng: làm cho người ta khiếp sợ.

Hắn vẫn ngồi, nói với Bình, trước khi ông Thanh Vân có ý kiến:

"Thôi, Bình ạ! Đừng nói nữa, vô ích. Mình ở đây mình biết: ở đây các ông ấy đã quyết định thì cứ vậy mà làm. Đề nghị cũng không được đâu. Ở đây rất nghiêm khắc."

Hình như mấy tiếng cuối làm ông Thanh Vân bằng lòng. Ông cười, khuôn mặt bầu bĩnh, ngăm ngăm, chất phác và thỏa mãn.

Ngọc đặt tay lên bọc quà, im lặng. Hắn nhìn hai người. Chưa bao giờ hắn gặp mặt mà phải ngồi xa vợ như vậy. Phải đến hơn hai mét. Chỉ vì trại này đóng cái bàn to quá. Thật sự, lúc đó hắn không cần gói quà to tướng đặt trên bàn kia. Hắn không muốn vợ hắn và Bình phải cúi mình vì hắn. Cả bốn người vẫn ngồi.

Hắn lại cảm thấy ông Thanh Vân cúi xuống quyển Vật lý. Hắn nhìn gò má đã khô nước mắt của vợ:

"Đi có vất vả lắm không?"

"Có anh Bình đi cùng, cũng đỡ."

Hắn nhìn Bình:

"Mình chỉ còn có cậu."

Bình nói:

"Tuấn biết đấy, mình cũng chỉ có cậu..."

Hai người không dám mày tao với nhau trước người cán bộ thay mặt chính quyền. Một quãng đời đã chết thấp thoáng hiện ra.

Chợt ông Thanh Vân ngẩng lên nhìn Ngọc:

"Thôi. Chị có thể để lại cho anh Tuấn một ít quà. Một ít thôi. Khoảng một phần ba chỗ ấy."

Cả ba người đứng lên. Ngọc nhanh nhẹn giở túi vải, nhấc từng thứ để ra bàn như sợ người công an thay đổi ý định.

Hắn cầm tấm ni-lông bước lại gần vợ. Hắn nhìn bàn tay nổi gân của vợ đang xếp. Hắn lại nhìn trộm rất nhanh mái tóc của vợ hắn, rõ từng sợi tóc. Cả những chân tóc ở đường ngôi, da đầu trăng trắng.

Năm cái bánh mì. Một gói to cơm nếp (nấu sáng nay ở đây đấy. Em mượn nồi của trại), ruốc thịt (em giã ở phố), vừng (thầy mẹ giã ở quê cho anh đây). Đường (gói đường này của anh Chân), súp bò (súp bò này của anh chị Thân). Bánh quy kem (của thằng cháu Côn). Bàn chải. Thuốc đánh răng.

"Nhiều quá rồi đấy."

Ông Thanh Vân chỉ vào từng gói: "Cái này, cái này. Thế thôi." Vợ hắn vẫn rút trong túi ra những đồ tiếp tế. Và bây giờ mới là những thứ quan trọng nhất, giá trị nhất: một gói to thuốc lào, một tút thuốc lá Tam Đảo, và bốn gói chè (hai gói loại 1, hai gói loại 2).

Mắt hắn sáng lên. Chỉ những người trong tù mới biết giá trị của những thứ đó. Gói thuốc lào này (nhìn sợi thuốc hắn biết của bố hắn giồng) có thể hút thoải mái nửa năm, kể cả cho đi chút ít và hút chung với già Đô. Còn thuốc lá, chè. Đó là chìa khoá vạn năng để có tất cả. Đó là ngoại tệ mạnh, là đô-la. Mọi thứ đều tính ra đơn vị "biêu" (bao thuốc lá) và "lệnh" (lạng chè). Hắn nhặt những thứ quan trọng nhất để riêng ra.

Chè, thuốc lào, thuốc lá, vừng, ruốc, đường... Những thứ gọn nhẹ nhưng giá trị, *chiến đấu lâu dài được*, để dành được. Gói xôi tú hụ, hắn nhìn mà buốt ruột. Bớt được mấy bữa cơm. Tha hồ phơi. Mà lâu lắm rồi không được ăn của nếp. Từ Tết đến giờ. Mười tháng rồi. Nhưng thôi. Vợ hắn cúi gằm xuống (để tránh cái nhìn của ông quản giáo):

"Xin anh cho chồng tôi nhận mấy cái bánh mì ăn sáng."

Ông quản giáo lặng im. Vợ hắn đưa gói cơm nếp sang đống của hắn, trên mảnh ni-lông trải rộng.

"Gói xôi nữa, xin anh cho nhà tôi được nhận gói xôi."

Ông Thanh Vân lặng im. Gói xôi nằm trên mảnh ni-lông.

"Còn gói bánh kem anh cho nhà tôi được nhận nốt."

Thấy ông quản giáo im lặng, Bình tươi tắn:

"Còn mỗi hai gói kẹo cầm về nó chảy nước ra mất."

Đó là hai gói kẹo lạc xốp. Đã tưởng hết, Ngọc lại lôi từ dâu ra gói kẹo cứng nữa.

"Cái này chúng tôi định để ăn dường. Nhưng thôi, anh cho gửi nốt. Cám ơn anh."

Chưa hết. Bây giờ mới thật sự là món cuối cùng.

Ngọc giở ví, lấy ra năm đồng:

"Anh cho nhà tôi nhận để chi tiêu."

Ông Thanh Vân cười hồn nhiên. Đó là nụ cười của cậu bé nhà quê chất phác, hồn hậu, đáng yêu, độ lượng trước những trò ma lanh, vặt vãnh:

"Anh có phiếu lưu ký (4) không?"

"Dạ, có."

"Đưa đây."

Hắn móc trong túi ra tờ giấy biên nhận của trại.

Phiếu của hắn chỉ còn mỗi đồng, đã tiêu hết tháng trước: Trại phân phối mỗi người một gói chè Hà Giang và mười điếu Nhị Thanh. Hắn mua cả tiêu chuẩn của già Đô. Chả là già Đô không có *tiền âm phủ*. (5)

Ông Thanh Vân nhận tiền, ghi và ký phiếu.

Thế là hắn được nhận tất cả. Từ chỗ không có được gặp vợ, đến chỗ được gặp nhưng không được nhận quà, rồi nhận một tí quà và cuối cùng được nhận tất cả. Thật là kỳ diệu. Hắn không ngờ câu nói của hắn với Bình: "Ở đây các ông ấy quyết định là cứ thế mà làm. Đề nghị không được đâu. Ở đây rất nghiêm khắc" lại có tác dụng quan trọng thế.

"Anh Tuấn về trại!"

Mệnh lệnh nghe cũng không đến nỗi gắt gỏng.

Hắn túm bốn góc miếng ni-lông, đứng lên. Vợ hắn đứng lên. Bình đứng lên. Vợ hắn lặng người nhìn như muốn nuốt lấy hắn.

Hắn vác quả tắc bước nhanh ra cửa, xuống các bậc cấp. Hình như Ngọc nhớ ra là mình đã quên điều quan trọng nhất. Nàng vội chạy theo mấy bước. Hắn nghe thấy vợ hắn nói phía sau:

"Anh giữ gìn sức khoẻ nhé. Em ở đây, mai mới về. Bây giờ muộn rồi. Tết này em không lên nữa đâu."

Hắn quay lại nhìn vợ lần nữa và đi về trại.●

Chú thích

1. Túi đồ tiếp tế
2. Chuyên gánh cơm nước từ nhà bếp ra nơi làm việc.
3. Bát sắt tráng men đường kính hai mươi centimet.
4. Phiếu ghi tiền tù nhân gửi trại.
5. Tiền ghi trong phiếu lưu ký.

QUẬN CAM

Gần 300 người tham dự buổi ra mắt sách: Duyên Anh & Tôi, Những Câu Chuyện Bên Ly Rượu

Dưới bầu trời đầy mây đen đe dọa mưa lớn, gần 300 người đủ các giới trong cộng đồng miền Nam California đã đến tham dự buổi ra mắt sách của tác giả Vũ Trung Hiền trong dịp ông giới thiệu tác phẩm mới của ông viết về nhà văn Duyên Anh với nhan đề: *Duyên Anh Và Tôi, Những câu Chuyện bên Ly Rượu* tại Hội trường Civic Westminster vào chiều ngày Chủ Nhật 13 tháng Hai năm 2000. Đặc biệt trong số khách tham dự có cả những người Hoa kỳ và ký giả mục Văn Học Nghệ Thuật của nhật báo *The Orange County Register* và một số độc giả Hoa Kỳ khác đã có đọc tác phẩm của Duyên Anh.

Sau nghi thức khai mạc, diễn giả đầu tiên lên nói về nhà văn Duyên Anh lẽ ra là nhà báo Phạm Kim Vinh nhưng ông đã qua đời cách nay hai tuần, nhưng ông Phạm Kim Vinh đã soạn xong bài nói chuyện về Duyên Anh cho dịp ra mắt này, nên ông Phạm Kim Tuấn, trưởng nam của nhà báo Phạm Kim Vinh đã thay mặt cha đọc bài nói chuyện cuối cùng của ông về nhà văn. Theo ông Phạm Kim Vinh, nhà văn Duyên Anh đã hoạt động trong cả lãnh vực văn học lẫn chính trị. Ông là một nhà văn của thiếu nhi cho đến cả những nhân vật lịch sử cận đại và bằng ngòi bút ông cũng đã từng hỏi tội cả những người hại dân hại nước. Nhà báo Phạm Kim Vinh nói rằng Duyên Anh đã để lại một gia tài đồ sộ với những tác phẩm của trước 1975 và sau 1975.

Một số văn nghệ sĩ và độc giả đã lên diễn đàn kể lại những kỷ niệm và cảm nghĩ liên quan đến nhà văn Duyên Anh, kể cả một nữ độc giả Hoa Kỳ, bà Linda Adams, đã có đọc tác phẩm của Duyên Anh bằng Anh Văn. Bà nói nhờ các tác phẩm này mà bà đã hiểu được phần nào cuộc chiến đấu cam go của quân dân Việt Nam Cộng Hòa trước 1975 và những lý do tại sao họ lại hiện diện nhiều nơi trên thế giới.

NỮ ký giả Hoa Kỳ của nhật báo The Orange County Register kể lại những kỷ niệm khi bà theo tác giả Vũ Trung Hiền phỏng vấn Duyên Anh. Bà thú thật khi đọc cuốn *The prisoner* của Duyên Anh, bà không nghĩ cảnh tù đầy dưới chế độ Cộng Sản mà tác giả đã tả là điều có thật, nhưng đến khi bà phỏng vấn Thượng nghị Sĩ McCain bà mới nhớ lại và liên hệ với những kinh hoàng mà Duyên Anh đã mô tả.

Tác giả Vũ Trung Hiền cũng đã lên diễn đàn bầy tỏ lòng ngưỡng mộ về người anh kết nghĩa Duyên Anh, mà ông cho rằng còn lớn hơn cả tình anh em ruột thịt.

Giáo sư Nguyễn Đình Cường người điều khiển chương trình đã sơ lược về tác giả Vũ Trung Hiền, cho biết tác giả tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm năm 1970, dậy học tại Saigon, Long Xuyên và Đồng Nai. Ông đã biên bằng đường bộ đến biên giới Thái Miên năm 1982.

Sang Hoa Kỳ ông đã làm cho đài truyền hình Vietnam Television năm 1987. Trước năm 1975, tác giả Vũ Trung Hiền đã có bốn tác phẩm, và đến Hoa Kỳ ông đã tiếp tục viết một số tác phẩm khác, đồng thời dịch hai tác phẩm của Duyên Anh sang Anh ngữ: *The American Children in Vietnam,* 1995 (Những Đứa trẻ Con Hẩm Hiu; *The Prisoner,* 1996 (Một Tù Binh Mỹ ở Việt Nam).

Trong cuốn *Duyên Anh và Tôi...* tác giả viết lại tất cả những gì mà ông biết về nhà văn Duyên Anh, qua tiếp xúc, tâm sự, chuyện trò, phản ảnh con người thật của Duyên Anh, mặt tích cực lẫn tiêu cực. Tác phẩm như một tưởng niệm một con người mà ông yêu mến và khâm phục, đã qua đời tại Pháp cách đây ba năm.

Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng qua đời

Vào lúc 8:50 sáng ngày 25 tháng Giêng năm 2000 tại bệnh viện West Anaheim Medical Center, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng đã trút hơi thở cuối cùng sau hơn nửa năm trời chống chỏi cùng bạo bệnh.

Tên thật là Nguyễn Văn Lợi, Trầm Tử Thiêng sanh năm 1937 tại Đại Lộc, Quảng Nam và lớn lên tại miền Nam. Ông đi dạy học

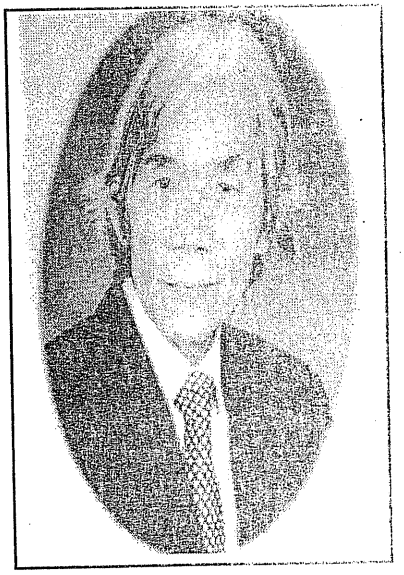

Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng

và nhiệp ngũ. Nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng bắt đầu sáng tác từ năm 1958 cho đến nay có trên 200 ca khúc bao gồm nhiều đề tài tình yêu, quê hương, chiến tranh và thân phận dân tộc Việt Nam. Ông cũng viết hàng trăm ca khúc dành cho thiếu nhi. Sau 1975, ông từng bị tù dưới chế độ Cộng Sản và đã vượt biên đến Hoa Kỳ năm 1985. Từ đó cho đến nay ông đã sáng tác rất nhiều nhạc phẩm nói lên niềm khát vọng của dân tộc. Ông còn tham gia với các phong trào của tuổi trẻ dấn thân cho Việt Nam và nhiều sinh hoạt văn hóa, giáo dục trong cộng đồng.

Lễ hỏa thiêu đã diễn ra tại Peek Family ngày 1 tháng Hai. Rất đông nghệ sĩ trong ngành ca nhạc, trong văn giới, báo giới... đã đến tham dự với một niềm thương tiếc sâu xa chân thành. Một đài hoa vĩ đại đã được những thân hữu và người mến mộ ông dựng lên trong khuôn viên nhà quàng để đưa tiễn ông.

Một buổi lễ Tưởng Niệm Trầm Tử Thiêng đã được tổ chức đêm hôm trước tại Trung Tâm Văn Hoá Nguyễn Bá Học, thị xã Westminster, với khoảng 300 người tham dự trong đó có nhiều bằng hữu của nhóm Du Ca như Nguyễn Đức Quang, Ngô Mạnh Thu, nhóm tù ca với Xuân Điềm, đại diện các trung tâm Việt Ngữ, giới trẻ... tất cả đã bày tỏ lòng thương tiếc đến một người nhạc sĩ có tài và có lòng với quê hương, với đất nước với đồng bào và cả với bạn bè. Nhiều người đã không cầm được nước mắt khi cùng hát bản Bên Em Đang Có Ta trong đêm tưởng niệm này.

Học giả Nguyễn Ngọc Bích ra mắt tác phẩm "Hồ Xuân Hương, Tác Phẩm"

Hơn 200 thân hữu và giới văn học nghệ thuật miền Nam California đã tham dự đêm ra mắt một công trình mới của học giả Nguyễn Ngọc Bích: tác phẩm "Hồ Xuân Hương, Tác Phẩm" tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào tối thứ Sáu ngày 25 tháng Hai năm 2000.

Ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm nguyệt san *Thế Kỷ 21* điều hợp chương trình, nói rằng tác phẩm này là một công trình có tầm vóc của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, người đã bỏ ra nhiều năm sưu tầm, khảo sát hầu như tất cả tài liệu về nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Giáo sư Phạm Cao Dương đảm trách trình bày về soạn giả, đã cho biết giáo sư Nguyễn Ngọc Bích là một nhà khoa bảng đã từng du học và tốt nghiệp tại các Đại Học nổi tiếng ở Pháp và Hoa Kỳ. Các công trình trước tác và nghiên cứu của ông đều theo một tinh thần khoa học mà tác phẩm đang ra mắt hôm nay là một ví dụ điển hình. Ông cũng đã có nhiều tác phẩm dịch thuật từ tiếng Việt sang tiếng Anh và các ngoại ngữ khác, có thể kể như *A Thousand Years of Vietnamese Poetry; War and Exile: A Vietnamese Anthology, The Flowers of Hell...* Ông cũng còn là tác giả một số sách dịch hay viết về kiến trúc, hội họa và mỹ thuật Việt Nam...

Giáo Sư Nguyễn Ngọc Bích tại buổi ra mắt sách

Ông Nguyễn Thái Sơn, một người bạn cùng du học với ông Nguyễn Ngọc Bích mấy mươi năm trước đây đã chia sẻ với cử tọa về một số kỷ niệm liên quan đến cá tính giáo sư Bích, theo đó Giáo sư Bích là một người ham đọc sách. Ông đọc tất cả mọi loại sách và đọc sách ở mọi nơi kể cả những lúc phải di chuyển bằng phương tiện công cộng. Ông Bích cũng còn là một người hiếu khách và quý bạn bè.

Quí vị Giáo sư Trần Đình Hòa, Trần Huy Bích trong khi phân tích tác phẩm với con mắt "chuyên môn," đã có những đánh giá giống nhau về phương pháp làm việc nghiêm túc, nhất là sự tham khảo kỹ lưỡng rất nhiều nguồn tài liệu khác nhau về Hồ Xuân Hương từ khắp mọi nơi. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác lại nhìn ra công việc có tính cách "lội ngược dòng" của Nguyễn Ngọc Bích, đã can đảm lặn lội vào lãnh vực cổ văn, khi biết chắc rằng công trình của mình không thể nào được quần chúng nồng nhiệt đón nhận như những thứ thời thượng.

Cuối cùng, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích lên diễn đàn cảm tạ các học giả, các vị giáo sư và thân hữu đã đến tham dự đông đảo buổi giới thiệu một công trình mới này của ông. Ông cho biết thơ Hồ Xuân Hương đã có mặt trong thế giới thi ca Việt Nam ít nhất là hai trăm năm có lẻ. Bao nhiêu bút mực đã đổ ra để người thì lên án, kẻ bênh vực, người đề cao, kẻ mạt sát. Song có một câu hỏi then chốt hơn cả là, trong tất cả những thơ xưa nay người ta nói là "thơ Hồ Xuân Hương" thì những bài nào thật sự là của bà? Ông cho biết trong *Hồ Xuân Hương, Tác Phẩm* ông cố gắng trả lời câu hỏi đó trong một tinh thần khoa học nghiêm túc, khởi đầu không phải từ những định kiến mà từ những bằng chứng có thật, được kiểm chứng, cho cả thơ chữ nôm cũng như chữ Hán của Hồ Xuân Hương.

Cuộc mạn đàm đã diễn ra một cách thân mật giữa cử tọa cùng tác giả, nhiều khi nhuốm vẻ dí dỏm thú vị, giống như thơ Hồ Xuân Hương vậy.

Cuốn *Hồ Xuân Hương, Tác Phẩm* dầy gần 280 trang do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ phát hành, giá 20 Mỹ Kim. Theo tác giả, đây chỉ là một phần của bộ sách lớn: *Hồ Xuân Hương, Tổng Luận và Tác Phẩm* sẽ hoàn tất trong tương lai.

Viện Việt Học khai khóa mùa Xuân năm 2000

Sau nhiều tháng năm vận động thành lập, ngày thứ Bảy 26 tháng Hai, 2000, Viện Việt Học, nằm trong hệ thống Viện Đại Học Việt Nam Hải Ngoại trong tương lai, đã chính thức ra mắt, và bắt đầu hoạt động. Lễ ra mắt được tổ chức ngay tại trụ sở của Viện nằm trên đường Westminster, thành phố Garden Grove, Quận Cam, Nam California, với sự tham dự của khoảng 300 người Việt thuộc đủ mọi giới thiết tha với tương lai của nền văn hóa Việt Nam trong các thế hệ trẻ tại hải ngoại.

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, Viện trưởng Viện Việt Học, trong lời chào mừng đã cho biết trong một cuộc họp mặt trong dịp khóa Tu Nghiệp của hơn 60 Trung tâm Việt Ngữ tại miền Nam California, ông được một nhóm bạn trẻ cho biết nhu cầu về văn hóa và giáo dục của Cộng Đồng Việt Nam tại hải ngoại ngày càng lớn và các Trung Tâm Việt ngữ với khả năng hạn chế về mọi mặt không thể thõa mãn hết được. Một số bạn trẻ có mong muốn táo bạo là lập một Viện Đại Học Việt Nam tại Hoa Kỳ để đáp ứng nguyện vọng trên.

Giáo Sư Nguyễn Đình Hòa nghĩ rằng việc thành lập ngay một Viện Đại Học Việt Nam Hải Ngoại sẽ gặp khó khăn về nhiều phía. Do đó để đáp ứng với nhu cầu hiện nay, ông đã cùng với các bạn trẻ họp bàn và tiến đến việc thành lập Viện Việt Học nằm trong hệ thống Viện Đại Học Việt Nam Hải Ngoại sẽ định hình trong tương lai.

Hiện nay Viện đã mời nhiều vị tham gia ban Cố vấn và ban Giảng Huấn, gồm các giáo sư của Đại Học Việt Nam từ trước 1975 như Lê Văn, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Khắc Kham, Nguyễn Thế Anh, Trần Ngọc Ninh, Hà Mai Phương, Phạm Văn Hải... Nhiều vị hiện đang giảng dạy tại các trường đại học tại Hoa Kỳ.

Luật sư Nguyễn Quang Trung, giới thiệu các thành viên trong Ban Điều hành của Viện, cùng cho biết chương trình giảng dạy hiện nay của Viện Việt Học là nhằm đáp ứng những nhu cầu về văn hóa và giáo dục Việt Nam cho tất cả những người Việt ở hải ngoại dù ở bất cứ quốc gia nào, và cả những người ở trong nước VN nếu muốn vẫn có thể theo học được.

Luật sư Trung cho biết phương thức giảng dạy đầu tiên là các lớp học tại chỗ, hiện nay Viện có thể đáp ứng cho số sinh viên đang cư ngụ ở các vùng Los Angeles, Orange County, San Bernardino, Riverside... Phương thức thứ hai là học hàm thụ qua thư tín và liên lạc với giảng viên qua Internet E-mail. Cách thứ ba là những lớp học có tính cách lưu động, qua trao đổi tiếp xúc giữa sinh viên với giảng viên của các vùng khác nhau. Một hình thức giảng dạy khác qua video tape hay audio tape đang được nghiên cứu.

Về sách vở và tài liệu giảng dạy hiện do các giáo sư có sẵn hiến tặng cho tủ sách của Viện Việt Học. Dịp này, luật sư Trung cũng kêu gọi

sự hỗ trợ của các Mạnh thường quân.

Tiếp theo bữa ăn trưa tại chỗ, giáo sư Nguyễn Đình Hòa đã điều hợp một cuộc hội luận, đề tài Văn Hóa Dân Tộc và Môi Trường hải ngoại với các thuyết trình viên là quý giáo sư Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Khắc Hoạch, Trần Ngọc Ninh.

Chiều ngày Chủ Nhật 27 tháng Hai năm 2000 các giáo sư nguyễn Sỹ Tế và Trần Huy Bích thuyết trình về đề tài Tác Dụng Của văn Hoá Trong Giáo Dục và Một số dẫn chứng cụ thể chứng tỏ sự cần thiết của Viện Việt Học.

Khóa đầu tiên vào mùa Xuân năm 2000 là lớp "Đại Cương Về Văn Học Việt Nam," với ban giảng viên gồm các giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Sỹ Tế, Lưu Trung Khảo, Trần Huy Bích.

Muốn biết thêm chi tiết và thể lệ ghi danh xin liên lạc:

Viện Việt Học
10872 Westminster Avenue. Suite # 202
Garden Grove, CA 92843
Điện thoại (714) 636-6967; (714) 456-4114

Họa sĩ biếm Etcetera triển lãm và ra mắt sách

Lúc một giờ trưa ngày Chủ nhật 19 tháng Ba 2000, họa sĩ biếm Etcetera đã khai mạc phòng triển lãm 35 bức biếm họa mới nhất của anh tại phòng Sinh hoạt nhật báo Người Việt, thành phố Westminster, Nam California. Ông Đỗ Ngọc Yến, cựu chủ nhiệm sáng lập viên nhật báo Người Việt đã cắt băng khai mạc - một giải kẽm gai chăng ngang cửa phòng, thay vì một giải lụa mềm như thường lệ!

Ông Đỗ Ngọc Yến đang cắt băng khánh thành với họa sĩ Etcetera (trái)

Etcetera tên thật là Nguyễn Quang Trường, còn rất trẻ, và mới thực sự bắt tay vẽ biếm họa trong hơn một năm nay. Chính vì thế hôm nay cũng là ngày họa sĩ ra mắt *Tuyển Tập 365 Bức Hý Họa*, đánh dấu mỗi ngày trong 365 tờ lịch bóc từ năm 1999.

Là một người trẻ tuổi, Etcetera có rất đông bạn bè cùng lứa với anh tham dự, phát biểu trong buổi này, nhưng những người lớn tuổi đến với anh cũng rất đáng kể. Ông Võ Đại Tôn nói dù ông với tác giả cách nhau rất nhiều về tuổi tác, nhưng ông cảm thấy rất gần chàng họa sĩ biếm họa về tâm hồn, về những ước mơ đấu tranh để những cái thiện, cái đẹp được thể hiện. Nhà báo Bùi Bảo Trúc, dí dỏm một cách uyên bác, đã đưa mọi người vào lịch sử của hí họa, đã kể nhiều giai thoại về ngành nghệ thuật này, mà hôm nay Nguyễn Quang Trường đã chọn làm con đường đấu tranh. Nhà văn Cao Xuân Huy đặt cho Etcetera một lô câu hỏi: "Tại sao hí họa không ai cười được mà vẫn vẽ? Nhiều khi đưa tranh cho báo, báo không dám đăng, mà vẫn vẽ? Bị chửi mà vẫn vẽ...?" Giáo sư Đỗ Quý Toàn góp ý rằng hí họa càng ít lời càng súc tích, và tin Etcetera trong tương lai sẽ càng sâu sắc bén nhạy hơn nữa. Bạn bè cùng lứa như Xuyến Đông, Vũ Mạnh Hùng, Đỗ Hoàng Điềm, Vũ Hoàng Lân... đã chia sẻ những xúc cảm của ETC và cho rằng đây là một nghệ sĩ rất độc lập, rất tự tin và dám sống chết cho những rung động nghệ thuật của mình.

Các nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, Trần Duy Đức, ca sĩ Đào Bích Ngọc, nhóm Bách Việt, kịch sĩ Mai Thế Hiệp... đã góp một chương trình văn nghệ vừa làm tươi mát buổi ra mắt, vừa làm thấm thía hơn chất tinh nghịch sâu cay của ngòi bút sắt Etcetera.

Bốn giờ chiều, Etcetera nói lời kết thúc, chấm dứt chương trình. Nhưng đối với riêng anh buổi này đích thực là một thời điểm khởi đầu. Vì bút sắt chẳng bao giờ tà, và *Etcetera* không bao giờ đồng nghĩa với chấm hết!

(Theo Phạm Định)

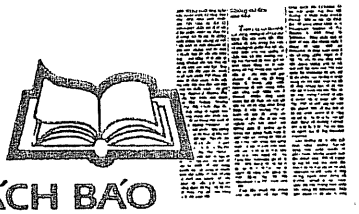

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Tăng Sĩ và Triết Gia

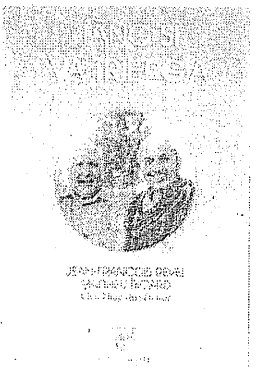

hội thoại về tôn giáo và triết học của **Jean-Francois Revel** và **Matthieu Ricard**, do **Linh Thụy** dịch từ nguyên bản tiếng Pháp *Le moine et le philosophe*. Sách do Văn Nghệ xuất bản, 502 trang, giá US$22.00, ngoài nước Mỹ $25.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 934-8574.

Jean-Francois Revel là một triết gia người Pháp, từng dạy triết học nhiều năm ở đại học trước khi nghỉ dạy vào năm 1963 để chuyên về văn chương và bình luận. Ông viết nhiều tác phẩm nổi tiếng thế giới, như *Tại sao các triết gia? (Pourquoi des Philosophes?)* hoặc cuốn *Không Mác không Giê-su (Ni Marx ni Jésus)* đã nói lên sự phủ nhận cặp đôi, chế độ độc tài chính trị và chế độ độc tài tôn giáo, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, kể cả tiếng Việt, trước năm 1975.

Matthieu Ricard là con trai của Jean-Francois Revel, sinh năm 1946, đỗ Tiến sĩ Quốc gia về sinh vật phân tử năm 1972, nhưng sau đó lại từ bỏ vai trò một khoa học gia để sang hẳn Ấn Độ, học ngôn ngữ và truyền thống Tây Tạng để đi tu Phật giáo với các vị sư Tây Tạng. Thành tăng sĩ Phật giáo, nhưng căn bản ông vẫn là nhà khoa học với tri thức rất cao.

Việc một nhà trí thức trẻ tuổi Pháp như Matthieu rời bỏ thế giới của mình để đi tu đạo Phật là một trường hợp điển hình cho một hiện tượng mới mẻ trong mấy thập niên vừa qua tại Tây phương, là sự phát triển của Phật giáo tại đây. Hiện tượng này tự nó phải làm nảy sinh nhiều câu hỏi trong giới trí thức: Phật giáo thật sự chứa đựng những gì? Tại sao Phật giáo ngày nay đáp ứng nhu cầu cũng như mời gọi sự hiếu kỳ của người Tây phương đến thế? Phải chăng đang có gì không ổn trong tôn giáo, triết lý và hệ thống chính trị Tây phương? Chính những thắc mắc trên đã đưa đến cuộc hội thoại này giữa hai cha con, triết gia Revel và tăng sĩ Matthieu, diễn ra tại Haliban, một vùng núi vắng vẻ của xứ Népal, vào tháng Năm, năm 1996.

Đây là một cuộc hội luận rất đặc biệt, vừa có tính cách thân mật cha con, vừa gắt gao triệt để trong tinh thần truy tìm chân lý của những người thật sự gọi là trí thức, mà sở học, vốn sống đều phong phú, sinh động. Điểm thuận lợi của cuộc nói chuyện này ở chỗ tuy đây là sự cọ xát giữa hai nền văn hóa khác biệt, nhưng những người trao đổi lại có cùng chung một nền tảng văn hóa giống nhau là Tây phương, nên không bị những bất ngờ, bở ngỡ về lối nhìn và hiểu vấn đề, lối đặt câu hỏi v.v... Và các trao đổi đã diễn ra một cách tuyệt thú. Phật giáo đã bị "hạch hỏi," lắm khi có thể gọi là "truy bức" với một đầu óc duy lý Tây phương, và đã được trả lời một cách sáng sủa khúc chiết theo lối Tây phương những gì có thể là "bất khả tư nghì" của Đông phương. Các vấn nạn rất nhiều, liên tiếp, phần nhiều rất cao cấp và cơ bản, và các giải đáp của tăng sĩ Matthieu đã giúp soi sáng cho chúng ta nhiều vấn đề lý thuyết của Phật giáo mà vì ở trong truyền thống, người Việt Nam ít có dịp nhìn thấy.

Nhà xuất bản NIL ở Paris, khi cho ra đời cuốn sách này, đã viết:

Tại sao Phật giáo có được sự thành công ngày càng phát triển tại Tây phương? Phải chăng điều đó nói lên một sự yếu kém trong nền văn hóa phương Tây, khoa học và kỹ thuật, một nhu cầu không được thỏa mãn? Không ai có thể đúng chỗ như Matthieu Ricard, vừa là một trí thức khoa học Tây phương lại là một tăng sĩ Phật giáo, để có thể giải đáp câu hỏi này và trên hết trình bày qua thật sự thế nào là Phật giáo. Những quán xét của triết gia Jean-Francois Revel, vừa mang tính cách bảo thủ hay chỉ trích nghiêm túc, vẫn nghiêng về phần của Phật giáo mà ông thấy cần chấp nhận và phổ biến, cùng với sự sáng suốt của ông trong tiến trình đời sống. Các nhận định này soi sáng những thất bại trong tư tưởng Tây phương, bao gồm cả sự thiếu sót các hệ thống triết lý lớn lao và các lý tưởng chính trị, khiến có thể giải thích được hấp lực

hiện hữu của Đông phương dưới dạng thức trí tuệ vừa thật cổ điển vừa thật tân tiến.

Mùi Hương Quế

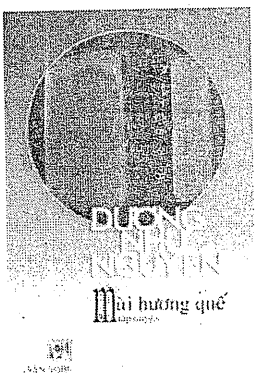

tập truyện của **Dương Như Nguyện**, Văn Nghệ xuất bản, 322 trang, giá US$14.00, ngoài nước Mỹ $16.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Mùi Hương Quế là quyển truyện đầu tay của Dương Như Nguyện, mặc dù độc giả hải ngoại đã đọc cô từ hơn mười năm qua trong những tạp chí văn học. Tác giả là một người đàn bà có học vấn cao và nghề nghiệp vững chắc trong ngành luật ở Hoa Kỳ, nhưng cũng là một cây bút tài hoa và tinh tế trong Việt ngữ cũng như Anh ngữ.

Dương Như Nguyện học xong trung học ở Việt Nam trước khi rời Việt Nam vào năm 1975 để tiếp tục việc học và xây dựng sự nghiệp ở Mỹ, do đó nơi cô ảnh hưởng của hai nền văn hóa Đông Tây xem ra có vẻ cân bằng nhau, và văn chương của cô — hay đúng hơn tâm hồn cô — chính là nơi thể hiện sự giao thoa ấy. Các nhân vật chính trong Mùi Hương Quế thường là một người đàn bà trẻ, đẹp, có tác phong và hình dáng đầy tự tín trong môi trường làm việc cao cấp của người Mỹ, thế nhưng cũng chính người đàn bà ấy luôn luôn mang những nỗi ám ảnh từ nền văn hóa cũ đã xây dựng nên tâm hồn mình từ bé, từ nàng My Nương, nàng Thúy Kiều cho đến bà ngoại thương mến trong khung cảnh một thành phố Huế cổ kính và hiền dịu. Nhân vật nữ ấy chú ý về nữ quyền do sách vở phương Tây mang lại, nhưng luôn luôn liên hệ một cách khắc khoải với thân phận đàn bà muôn thuở của đất nước Việt Nam với ý thức sâu xa rằng chính mình cũng là một đại diện. Những khám phá về đời sống của nàng, về tình yêu, tình dục, các quan hệ nghề nghiệp và xã hội, các thắc mắc siêu hình... bất cứ khía cạnh nào cũng được diễn tả trên cái nền hợp lưu của hai dòng văn hóa ấy. Mặc dù có lúc than phiền:

Nhiều khi Uyên đâm thù nghét bảy năm trung học Trưng Vương. Nó làm hại đầu óc của Uyên một cách kinh khủng. Uyên muốn mình Mỹ hẳn để đỡ muộn phiền trong cuộc sống. Cái lãng mạn Việt Nam và nỗi hoài cảm quá khứ về quê mẹ biến con người của nữ luật sư Gwen Kiew thành một con người... hay buồn mang tên Kiều Uyên

trong thâm tâm nhân vật của Dương Như Nguyện hãnh diện với cái quá khứ mà mình đã có, cái mà cô gọi là một thiên đường lỡ. Và chính cái ấy đã góp phần lớn làm nên văn tài của cô, làm nên những truyện duyên dáng mời gọi như một người đàn bà đa tình, nhưng cùng lúc tinh tế, sâu sắc như một kẻ chìm đắm trong trầm tư.

Chính sự đa mang, sức cảm nhận tinh tế, sự ý thức cao về chính mình như thế là nỗi khổ của tác giả, và đã được tác giả phổ vào một cung đàn có thể tạm gọi là "nỗi đoạn trường" của thời nay. Nàng tự ví mình với nàng Kiều trong nỗi lênh đênh của tâm thức. Sao không vui hưởng các thành công của học lực, của trí tuệ của mình trong xã hội này? Dĩ nhiên đã có rất nhiều Thúy Vân, cùng lứa với nàng, làm việc ấy, với một tâm hồn đơn sơ và thanh thản. Nhưng với nàng luật sư Kiều Uyên, cả một hoàn cảnh tị nạn, cả một tâm thức đàn bà Việt Nam từ nhiều đời đã vận vào người, nàng không thoát ra được. Nàng vẫn sắc sảo nói cười, tranh luận, thương thuyết trong thế giới luật pháp Hoa Kỳ, nhưng tự thâm sâu trong lòng nàng vẫn luôn luôn réo rắt điệu bạc mệnh của một cung đàn xưa. Và vì thế mới có văn chương, vì thế mới có tác phẩm, và hôm nay chúng ta mới có *Mùi Hương Quế*.

Đó Đây

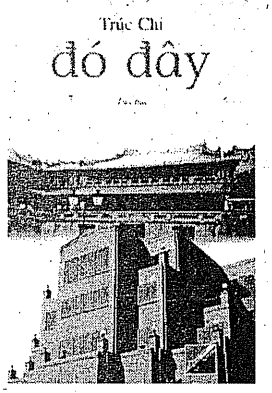

tùy bút của **Trúc Chi**, Văn Học xuất bản, 236 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Nhà phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Trúc Chi là một cây bút viết tùy bút thứ thiệt, trước hết về phương diện hình thức: đúng theo định nghĩa của lối văn này, ông "theo bút mà viết," không gò bó vào một khung khổ định trước nào. Nhưng hình thức ở đây lại cũng chính là nội dung, cái ý tưởng quán xuyến cho một bài viết hầu như là điều không mấy cần thiết, có khi nó hiện rõ, có khi nó chỉ là cái cớ để nói về những cái khác rất lan man và tình cờ, như một người đi la cà vui đâu tấp đó, không cần phải tới một nơi nào rõ

rệt. Theo chân Trúc Chi đi đó đây thì rất lý thú, vì con đường mà ông định dẫn chúng ta đi thường là một con đường đẹp mà tình cảm của ông phác giác ra, mà những trạm dừng chân rất nhiều và rất bất chợt của ông thì lại toàn do sự từng trải rất mực về kiến thức cũng như kinh nghiệm sống phong phú của tác giả mà có. Nhưng mà độc giả cũng phải có thái độ thong dong gần như không chủ định thì mới thưởng thức trọn vẹn được văn tùy bút của ông, còn nếu cứ nóng ruột muốn biết con đường sẽ đi tới đâu thì sẽ mất cả thú, vì chính cái hay nằm ở những chỗ nhẩn nha vô định ấy. Mỗi câu chuyện lan man là một nét sắc sảo trích ra từ đời sống hiện tại hoặc từ ký ức, đặc biệt với lối văn dí dỏm, vừa đủ cho ta vừa đọc vừa cười nhè nhẹ một mình. Phong cách Huế tạo nên cái duyên của văn ông: đó đây điểm xuyết những cách nói và sự đùa cợt nhẹ nhàng trong ý nghĩ, trong ngôn từ mà hình như chỉ người Huế mới có. Nhưng tác giả đã đưa sự đùa cợt cố hữu đó đến một mức độ ý nhị, thâm trầm hơn hẳn bình thường, phảng phất như lối u-mặc của người Anh. Độc giả sẽ nhận ra rằng điều vừa làm cho mình cười thấm thía rất nhiều ý nghĩa nhân sinh, và hình như cuốn sách đã chạm đến hầu như đủ mọi mặt của cuộc sống.

Có thể nói ngay mà không sợ lầm, đây là cuốn tùy bút hay nhất trong mấy năm gần đây ở hải ngoại.

Giữa Hai Miền Mưa Nắng

tạp ghi của **Hoàng Mai Đạt**, Văn Nghệ xuất bản, 287 trang, giá US$13.00, ngoài Hoa Kỳ $15.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Khi nói về những người di dân đến Hoa Kỳ, người ta thường chia ra thế hệ thứ nhất, thế hệ thứ hai... Thế hệ thứ nhất đến xứ này khi tuổi đã trưởng thành, thế hệ thứ hai là con thế hệ thứ nhất, và cứ thế tiếp nối. Đời sống, nhất là đời sống tinh thần, của hai thế hệ rất khác nhau. Những người lớn tuổi không dễ gì hòa nhập vào đời sống mới, và có lẽ chẳng bao giờ có thể hòa nhập trọn vẹn, trong khi lớp con cái thì việc đó đến với họ một cách rất tự nhiên.

Hoàng Mai Đạt đến Hoa Kỳ bằng đường vượt biển ở một tuổi rất "lỡ cỡ," tuổi mười lăm, và thuộc vào một thế hệ không phải thứ nhất cũng không phải thứ hai. Có người gọi đó là thế hệ một rưỡi, nhưng chính ông thì nói rằng:

Tôi không có nơi để trở về. Tôi không có nhiều gốc rễ ở bên kia, tôi cũng không có gì ở bên đây. Những người bị rời xa quê hương quá sớm đều không có nơi để trở về. Họ là những người không có gì cả. Một thế hệ số không, thế hệ zero, thế hệ 0.

Đó là những lời tác giả tự nói về mình trong mối tương quan với nước Việt Nam. Thế nhưng rồi tác giả đã về, có nơi để về. Về Biên Hòa thăm gia đình bên vợ. Hầu hết cuốn tạp ghi này là viết về chuyến về thăm ấy. Ngòi bút của tác giả sẽ rời xa những định nghĩa trừu tượng có tính cách xã hội học tự xếp loại mình, để kể cho chúng ta những điều rất cụ thể, từ lúc chuẩn bị đến lúc lên đường, rồi hai tuần ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào, đến lúc quay lại Hoa Kỳ ra sao, một công việc mà thoạt đầu tác giả tưởng chỉ viết độ vài mươi trang trong một thời gian chậm lắm là một tháng là xong, không ngờ đã kéo nhiều trăm trang với thời gian là ... một năm rưỡi!

Đọc cuốn sách mới hiểu tại sao có sự kéo dài ngoài dự tính quá xa như vậy. Đó chẳng qua là do tình cảm của một người đối với bà con họ hàng và đất nước đã phát triển ngoài dự liệu trong khi viết. Nó dồi dào, sâu xa hơn là mình tưởng rất nhiều, ngay cả khi đã khẳng định trước "không có nơi để về, không có nhiều gốc rễ ở bên kia." Tưởng vậy mà không phải vậy. Cái gọi là gốc rễ ấy nó bàng bạc trong tâm thức và tình cảm, không cứ phải có mối quan hệ bà con ruột thịt. Tác giả càng viết càng say sưa, càng hào hứng, và tuy gọi là tạp ghi, có thể coi đây là một thiên hồi ký với kỹ thuật của truyện rất cao. Óc nhận xét và quan sát rất tinh, sắp xếp sự việc theo diễn tiến thời gian, nhưng mỗi sự, mỗi việc đều mới, đều nói lên được một khía cạnh nào đó của cuộc sống, chân thật, gần gũi... Cả đại gia đình bên vợ được đề cập, từ "má," đến "má Sáu, má Bảy," cậu Sáu, chị Hai, anh Bảy, út Minh Hải... với một tình cảm chứa chan của một người bỗng khám phá ra cái ấm áp nồng đượm của một tình thân gia đình vượt qua sự mong đợi của một chàng rể hải ngoại lần đầu tiên về "làm rể" bên nhà vợ.

Hai miền mưa nắng có thể là hình ảnh hai xứ Nam Cali và Việt Nam, nhưng cũng có thể hiểu là hai thế giới tinh thần mà tác giả là người đứng giữa: cuộc sống thật ở đây, nước

Mỹ, và "thế giới bên kia" gồm một màn lưới vô hình những tình cảm sâu xa của quê hương cũ, bà con xưa. Hoàng Mai Đạt, sau một chuyến về thăm, cảm thấy mình đứng giữa hai miền đó, đã ghi chép và đã cống hiến cho người đọc những tình, những cảnh tưởng đã xa xôi và phôi pha, nhưng thật ra chỉ cần có duyên gặp lại một lần, thì mọi sự xem ra hãy còn nồng ấm lắm.

Tôi, Ấu Thơ và, Mẹ

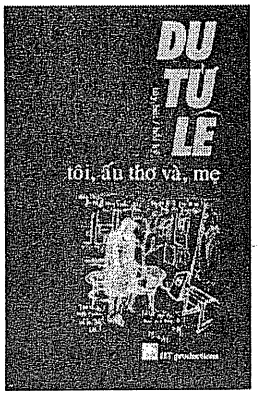

tùy bút/hồi ký của **Du Tử Lê**, HT Productions xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 200 trang, US$12.00 (ngoài Hoa Kỳ thêm cước phí $2.00.) Liên lạc: Phan Tuyền, 12751 Lucille Ave. Garden Grove 92841 - USA.

"Tôi, Ấu Thơ Và, Mẹ," tác phẩm thứ 38 của Du Tử Lê là một tuyển tập gồm 12 bài Hồi Ký / Tùy Bút mà họ Lê đã viết trong vòng ba năm qua. Những bài viết phản ánh mặt bên kia, mặt kín khuất nhất, thuộc về đời riêng của tác giả này.

Từ những tùy bút ghi lại những giây phút cuối cùng của Nhà văn Mai Thảo, của Thi sĩ Nguyên Sa, như "Mai Thảo, Ly Cà Phê Sữa Đá," "Nguyên Sa, Tôi Mới Gặp," tới những hồi ký những trang sách mang tính "giải mã" về những nhân vật nữ trong tương quan với một số bài thơ, ca khúc trở thành phổ biến, như "Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu," "Mưa Quấn Khăn Vào Sâu Ấu Thơ," "Tôi, Ấu Thơ Và, Mẹ"; cùng những trang sách nồng nàn tình bằng hữu, như "Giờ Ra Chơi Cuối Cùng, Của Những Cậu Học Trò 60 Tuổi," hoặc "Chông Chênh Ngày Nắng, Gió," "Xa Người Như Xa Một Quê Hương," đã là những tấm kính soi tới tiềm thức, vô thức của tác giả "Đi Với Về: Cũng Một Nghĩa Như Nhau."

Đây là một cuốn sách mà nhiều người chờ đợi, nhiều người muốn thấy, sau khi những hồi ký như "Tôi, Ấu Thơ Và Mẹ," và "Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu" đã làm nhiều người chảy nước mắt, trong những buổi tác giả tự thuật về đời mình tại The Stage Theater, ở San Jose hồi tháng 8-1999, và tại Westin Hostel / South Coast Plaza, hồi tháng 1 năm 2000 vừa qua, ở thành phố Costa Mesa.

Saigon 300 Năm Cũ

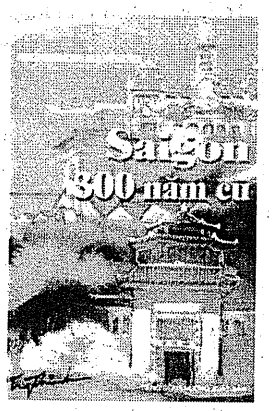

biên khảo của **Nguyên Hương Nguyễn Cúc**, Tiếng Sông Hương xuất bản, 417 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Tiếng Sông Hương 10602 Stone Canyon # 111, Dallas, TX 75230 - USA.

Tác giả bắt đầu cuộc dò tìm gốc gác thành phố Sài Gòn từ một thời điểm khá xa: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam. Không Nam tiến thì không có Sài Gòn, điều đó hẳn nhiên. Và từ đó, thành lập xứ Sài Côn, rồi Sài Gòn, ổn định, phát triển, biến động... cho mãi đến tận bây giờ.

Nói chung công trình biên khảo nghiêng hẳn về quá khứ của Sài Gòn, từ ngày đầu đến khoảng thập niên 50 là chủ yếu. Ưu điểm nổi bật là tài liệu phong phú, đặc biệt về hình ảnh xưa. Tác giả đã trưng ra tấm bản đồ xưa nhất của Sài Gòn do Olivier Victor (ông Tín) vẽ năm 1790 theo lệnh Nguyễn vương, trên đó địa danh Saigon viết theo mẫu tự La tinh đã được dùng, cùng rất nhiều hình ảnh tài liệu quý hiếm khác của quá khứ mà người ngày nay không dễ gì trông thấy.

Trong Lời tựa, giáo sư Nguyễn Khắc Kham đã viết:

Được sưu khảo công phu từ nhiều sách báo và tài liệu hiếm quý, tác phẩm của giáo sư Nguyên Hương là một cái nhìn tổng hợp thành phố Sài Gòn về mọi phương diện lịch sử, địa dư, chính trị, nhân văn xã hội. Nội dung phong phú, sinh động và quán triệt ấy được triển khai nhẹ nhàng hòa hợp với phần hình thức rất cá biệt đầy hứng thú. Toàn bộ cuốn sách cấu trúc theo phương pháp sử học, sử dụng tài liệu đúng mức, phân tích rõ ràng giản dị. Bản đồ và hình ảnh xưa hiếm quý càng làm nổi bật phần hình thức, đồng thời làm sáng tỏ thêm nội dung.

Có lẽ không có một thành phố quan trọng nào của Việt Nam có lịch sử ngắn và sử liệu đầy đủ như Sài Gòn. Với quyển sách này, chúng ta có một diện mạo tương đối hoàn chỉnh của Sài Gòn từ thuở còn bé đến lúc trưởng thành. Đây là một quyển sách quý, để hiểu biết rõ hơn về quê hương đất nước. Nhất là đối với người tị nạn, quyển sách sẽ mang lại hình ảnh một nơi chốn thân yêu cũ để mà nâng niu gìn giữ.●

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

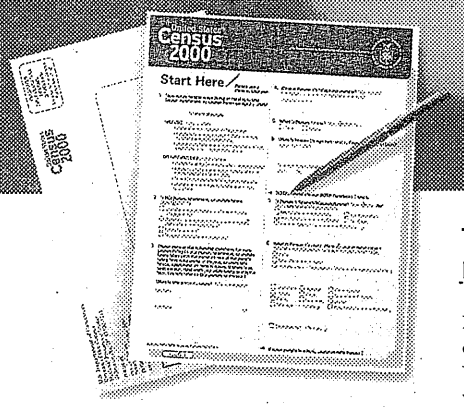

Đây là tương lai của chúng ta. Xin đừng bỏ trống.

United States Census 2000

Thống kê dân số Mỹ

Tương lai cộng đồng nằm trong tay quý vị. Hãy điền đơn Thống Kê Dân Số Năm 2000.

Khi điền đơn Thống Kê Dân Số Năm 2000, quý vị nói lên sự hiện diện của cộng đồng mình và có thể đem lại nhiều quyền lợi cho tương lai. Ý kiến của quý vị sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của cộng đồng về mọi phương diện.

Thống Kê Dân Số Năm 2000 rất quan trọng.

Vì những câu trả lời đó sẽ giúp quyết định cách sử dụng 185 tỷ đô-la trợ cấp mỗi năm cho các dịch vụ và cơ sở công cộng. Ngân khoản đó có thể được dùng vào việc giáo dục, đào tạo việc làm và dịch vụ y tế. Nói cách khác, những câu trả lời đầy đủ của chúng ta có thể giúp đem lại các dịch vụ cho cộng đồng.

Xin quý vị thạm gia đông đảo.

Quý vị sẽ nhận được mẫu đơn Thống Kê Dân Số tại tư gia của quý vị. Xin quý vị vui lòng điền đơn và gởi lại. Theo luật pháp, chỉ có kết quả tổng quát được công bố và những câu trả lời cá nhân sẽ được giữ kín. Vì lợi ích chung, hãy cùng tham gia vào cuộc Thống Kê Dân Số sắp tới, dù quý vị là công dân Mỹ hay không. Tương lai cộng đồng chúng ta nằm trong tay quý vị.

VĂN ÔN VÕ LUYỆN

TIẾN THÂN NHỚ NGUỒN

TRAU GIỒI ANH NGỮ VÀ VIỆT NGỮ BẰNG PHƯƠNG PHÁP
ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

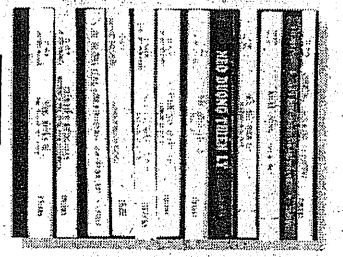

Trước đây, hồi còn tại nước nhà, khi cho xuất bản loạt sách Anh Việt đối chiếu, chúng tôi hoàn toàn nhằm mục đích giúp đồng bào, nhất là học sinh và sinh viên, trau giồi Anh văn.

Chúng tôi quan niệm rằng, muốn tiến bộ về một sinh ngữ, nếu chỉ chăm chăm chú chú học theo sách giáo khoa thì dễ chán nản và khó tiến bộ. Vậy cần phải có sách đọc bổ túc (*supplementary reading materials*), tức là các truyện ngắn và tiểu thuyết viết theo thể văn dơn giản bằng Anh văn, được dịch đối chiếu Việt văn.

Việc làm của chúng tôi đã được tán thưởng. Nhiều vị phụ huynh học sinh đã viết thư khích lệ chúng tôi tiếp tục công việc hữu ích và ý nghĩa đó.

Từ sau biến cố cuối Tháng Tư 1975, trải qua từng ấy năm tại hải ngoại, nay chúng ta chứng kiến một hiện tượng mới, hoàn toàn không ngờ tới:

Người lớn và Việt kiều mới qua đây cần trau giồi tiếng Anh đúng mức vì nó là nhu cầu chính yếu cho việc mưu sinh. Ngành hoạt động nào cũng đòi hỏi chúng ta phải nói được tiếng Anh, có ngành còn buộc chúng ta phải thông thạo sinh ngữ này. Vậy việc trau giồi Anh ngữ là điều đương nhiên. Bởi vậy, loại sách Anh Việt đối chiếu chắc chắn giúp ích chúng ta rất nhiều.

Mặt khác, chúng ta thấy có hiện tượng trái ngược là: con em chúng ta lớp tuổi thơ ấu khi mới qua đây, nay dần dần quên tiếng Việt, hoặc nói kém cỏi vì các em có ít dịp đọc và viết Việt ngữ. Đối với các em nhỏ Việt kiều, loại sách Anh Việt đối chiếu cần thiết vô cùng, nhưng có tác dụng khác. Nó sẽ giúp các em đọc, nói và viết được tiếng Việt đúng mức.

Xin góp vài ý kiến cùng độc giả loạt sách này:

. Đọc tới ngữ vựng hoặc thành ngữ nào mới mẻ, bạn hãy ghi vào một cuốn sổ tay để học sau này.

. Gặp câu văn nào hay hoặc đoạn văn nào lý thú, bạn hãy cố gắng học thuộc lòng và phát âm lớn giọng. Trên thực tế, người ta nhận thấy những người nói năng lưu loát và những nhà hùng biện đều là những người đã từng dụng công học thuộc lòng những đoạn văn hay.

. Bạn hãy áp dụng những ngữ vựng, thành ngữ và câu văn mới học thêm được vào những câu chuyện thường đàm, khi làm luận tại học đường, viết thư cho bạn bè. Nếu cố gắng học theo phương pháp này, chỉ sau một thời gian chừng một năm, bạn sẽ thấy tấn tới rõ rệt.

. Khi đọc loại sách song ngữ này, bạn nên đọc kỹ, không nên vội vã quá. Ngoài ra, loại sách song ngữ này cũng giúp bạn học tập về dịch thuật. Bạn sẽ nhận thấy dịch giả đã dịch rất sát bản Anh ngữ, đó là nhằm mục đích giúp các bạn đối chiếu.

Chúc các bạn thâu lượm được nhiều kết quả trong việc vừa giải trí vừa học hỏi. Trân trọng,

Giáo sư Lê Bá Kông

Anh Hùng Cách Mạng La Phương - La Fayette in America (Andre Maurois)
Truyện tích của một người từng chiến đấu để giải phóng hai quốc gia, Mỹ quốc và chính nước Pháp của chàng. Lời văn sáng sủa nhẹ nhàng, cốt truyện hay. Tác giả là một trong những cây bút và sử gia nổi tiếng nhất nước Pháp.

Nếp Sống Hải Hồ - Billy Budd (Herman Melville)
Tác giả chuyên viết truyện mạo hiểm, đã làm say mê hàng triệu độc giả thuộc mấy thế hệ.

Cây Đèn Thần - Aladdin and The Wonderful Lamp
Gồm 10 truyện ngắn lừng danh thế giới của Alphonse Daudet, Hans Christian Anderson, Ivan Vazoff, John Aikin, Leo Tolstoy, Patrick Henry, Victor Hugo.

Khát Sống - Love of Life (Jack London)
Gồm 5 đoản thiên tiểu thuyết của văn hào Jack London. Mỗi truyện là một món ăn tinh thần vô giá, cốt truyện lâm ly, éo le, tư tưởng sâu sắc.

Nước Đường Cùng - The Wolf At The Door
Gồm 10 truyện ngắn hay nhất của các văn hào Charles Dickens, Charles Lamb, Charlotte Mary Younge, George Bernard Shaw, Guy de Maupassant, James Stephens, O. Henry, William Shakespeare, William Wirt.

Nẻo Dường Thiên Lý - Golden Trails (Bret Harte)
Tập truyện phiêu lưu gồm 9 truyện ngắn tuyệt tác của văn hòa Bret Harte.

Nữ Bác Học Hiện Đại - Women Of Modern Science (Edna Yost)
Tiểu sử của 11 nữ bác học gia nổi tiếng thế giới thời nay.

Thám Hiểm Không Gian - Scientists Who Work With Astronauts (Lynn & Gray Poole)
Ở kỷ nguyên này độc gia cần làm quen với các danh từ chuyên môn, cũng như biết qua về kỹ thuật thám hiểm không gian.

Mối Thù Thiên Thu - An Odyssey Of the North (Jack London)
Gồm 5 truyện phiêu lưu giang hồ của cây bút độc nhất vô nhi Jack London, làm độc giả say sưa từ đầu tới cuối.

Vòng Huyền Bí - The Turn of The Screw (Henry James)
Tiểu thuyết bí ẩn đã tạo bao thắc mắc cho độc giả

Nhà Phát Minh Tiền Phong - Pioneer Inventor (Constance Mc L. Green)
Những nỗ lực của nhà phát minh đa tài, một điển hình của dân tộc Hoa Kỳ. Biết đâu trong những năm tới sẽ chẳng có hiều nhà phát minh gốc Việt trên sứ đa chủng tộc này ?

Người Bạn Quyền Thế - A Friend In Power (Carlos Baker)
Truyện ly kỳ, nội dung độc đáo.

Giá cho toàn bộ 12 cuốn **Anh Việt Đối Chiếu** là **US$90 và US$9 cước phí.**

Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Anh Việt Đối Chiếu** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$110 và US$11 cước phí.**

Canada xin thêm 15%, các nước khác 30% cho cước phí.

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money-order
Có nhận credit card

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

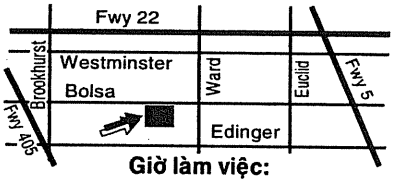

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

CHÂN THÀNH CẢM TẠ SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH

HỆ THỐNG CÔNG TY VANCO INC.

SUPERMARKETS

LITTLE SAIGON SUPERMARKET
9822 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Ph: 714-531-7272 * Fax: 714-531-0771

VANCO FOODS SUPERMARKET
10932 Westminster, Avenue,
Garden Grove, CA 92843
Ph: 714-530-2999 * Fax: 714-530-4009

VANCO FOODS WAREHOUSE
16042 Magnolia Avenue
Fountain Valley, CA 92708
Ph: 714-843-1818 * Fax: 714-843-1816

FOOD WHOLESALE

DELTA FOODS COMPANY
14942 Moran Street
Westminster, CA 92683
Ph: 714-898-7544
Fax: 714-891-3536

VANCO OIL COMPANY
14902 Moran Street
Westminster, CA 92683
Ph: 714-896-0880
Fax: 714-891-3536

RESTAURANTS

THUY'S FOOD TO GO & BAKERY 1
14901 Euclid Street
Garden Grove, CA 92843
Ph: 714-530-3299 * Fax: 714-530-4009

THUY'S FOOD TO GO & BAKERY 2
9092 Edinger Avenue
Fountain Valley, CA 92708
Ph: 714-843-1810 * Fax: 714-843-1816

PAGETEK EXPRESS
10932 Westminster Ave.
Garden Grove
(714) 530-5900
(trong Chợ VANCO)

PAGETEK EXPRESS
9822 Bolsa Avenue
Westminster
(714) 531-7200
(trong Chợ LITTLE SAIGON)

PAGETEK EXPRESS
16042 Magnolia Ave.
Fountain Valley
(714) 843-0440
(trong Chợ VANCO)

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim